



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • RẼM THÁNG 10 CANH DẦN • 20-11-2010

CAO ĐÀI GIÁO LÝ



KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 2010

Đạo là con đường
duy nhất của vạn linh sanh chúng

Huấn dụ gửi các em hiến dâng trọn đời

Viết cho con **NGÀY LỄ HIẾN DÂNG**

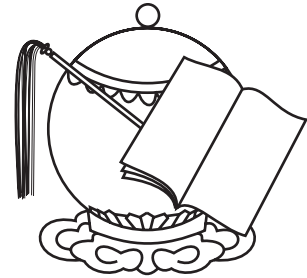
TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO ĐỒNG NGUYÊN VẠN GIÁO

Bài học Khai Minh Đại Đạo

Suy tư về Khai Minh Đại Đạo

Tình vô cực | **MẠN NGHI**

107

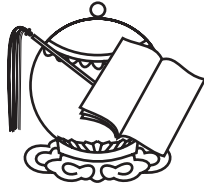


Nội san Cao Đài Giáo Lý số 107

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 107

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, Q1, TP.HCM.

mục lục

QUAN ĐIỂM: ĐẠO LÀ CON ĐƯỜNG DUY NHẤT CỦA VẠN LINH SANH CHÚNG	4
■ Ban biên tập.	
TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO: ĐỒNG NGUYÊN VẠN GIÁO	6
■ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư.	
LỄ HIẾN DÂNG TRỌN ĐỜI CỦA CÁC EM TU SINH VÀ CÁC EM TÂM NGUYỆN HIẾN DÂNG	8
■ Thiên Vương Tinh Phụ Tá Bảo Pháp Chơn Quân.	
TÌNH VÔ CỰC	10
■ Hồng Phúc.	
BÀI HỌC KHAI MINH ĐẠI ĐẠO	18
■ Đạt Tường.	
CON ĐƯỜNG TIẾN HÓA TỪ THẤY	22
■ Thiện Chí.	
ĐÔI ĐIỀU TÂM ĐẮC KHI HỌC LỜI ĐỨC KHỔNG THÁNH VÀ CÁC Đấng TIÊN NHO DẠY	28
■ Huệ Ý.	
CẦN GHI NHỚ LỜI MINH THỆ LÚC NHẬP MÔN	36
■ Huệ Nhẫn.	
SƯU TẦM THÁNH GIÁO	40
■ Đạt Tường	
KINH VÔ TỰ	41
■ Thiện Hạnh.	
TỪ THÁNH DANH ĐẾN THÁNH SẮC CỦA ĐỨC THIỆN MINH CHƠN THÁNH	46
■ Huệ Ý.	
MẠN NGHI	50
■ Thiện Hạnh.	
ĐỜI ĐẠO HAI VAI RÁNG LIỆU LƯỜNG	55
■ Lê Chí Thật.	

THOÁT BỨC TRẦN TÙ ■ Đoàn Thị Kim Sơn.	59
SUY TƯ VỀ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO ■ Lê Khanh.	61
NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ ĐẠO TRƯỞNG HUỆ LƯƠNG ■ Đạt Tường.	64
TÌM HIỂU TÍNH HỆ THỐNG TRONG QUYỂN YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO ■ Phan Thị Bảo Trân.	68
NGƯỜI TU SĨ VỚI VIỆC CỨNG, CẦU NGUYỆN VÀ TU TỊNH ■ Minh Trung.	74
VIẾT CHO CON NGÀY LỄ HIỂN DÂNG ■ Xuân Mai.	76
CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI CÓ NGUỒN GỐC TỪ BỐN CHI ĐẠI ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO ■ Đạt Truyền.	78
CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP ĐẠO TRƯỞNG MINH TRA THANH CHƠN MAI VĂN RỒNG (1916–2010) ■ Huệ Ý.	83
LỚP HỌC KINH DỊCH CỦA CHÚNG TÔI ■ Dịch Sinh Nhân.	85
ĂN CHAY MỘT LIỆU PHÁP TRỊ BỆNH ■ Chí Thật.	86
CẦN THƠ KỶ SỰ ■ Lãng Tử Tiên Du.	88
ĐIỂM SÁCH: ON THIÊN TRIỆU (QUỶ DỮ VỀ NHÀ THỜ) ■ Trúc An.	92
TÌM HIỂU DI TÍCH HOÀNG THÀNH THẮNG LONG ■ Bạch Mai (sưu tầm và biên soạn).	95
ĐỌC BÁO: EINSTEIN KHUYÊN CHÚNG TA ĐIỀU GÌ? ■ Ngọc Biên (theo Pravda) • Việt Thu sưu tầm.	100
SỨC KHỎE: PHÒNG BỆNH ALZHEIMER 6 BƯỚC ĐƠN GIẢN ĐỂ GIỮ ĐẦU ÓC MINH MẮN ■ Bài viết của hai bác sĩ Mehmet Oz và Michael Roizen.	102
GIA CHÁNH: LẤU QUÊ HƯƠNG ■ Bạch Tuyết.	104
THEO DÒNG ĐẠO SỰ ■ Bạch Cúc.	107

ĐẠO LÀ CON ĐƯỜNG DUY NHẤT CỦA VẠN LINH SANH CHÚNG

Khảo sát, nghiên cứu các tôn giáo từ xa xưa đến hiện đại, các nhà xã hội học, triết học, nhân văn học, tôn giáo học, thường xếp loại tôn giáo theo các quan niệm sùng bái đa thần, độc thần, phiếm thần. Ngoài ra, về phương diện tín ngưỡng, họ còn phân biệt thành phần có tín ngưỡng hay không có tín ngưỡng.

Nhưng, thật ra các cách xếp loại hay phân biệt chỉ có tính chất tương đối. Vì tôn giáo độc thần vẫn có thể tôn thờ nhiều vị thần; tôn giáo phiếm thần vẫn sùng bái đa thần và độc thần.

Và nếu định nghĩa hữu thần (théisme (fr) theism (en))¹ là tín ngưỡng vào một chủ thể siêu việt, sáng tạo thế giới theo tôn giáo độc thần (monothéisme)²; vô thần (athéisme (fr) atheism (en))³, là chủ thuyết phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế, nhưng cơ bản không loại trừ những sức mạnh siêu nhiên, kể cả tôn giáo, thì hai khái niệm này cũng không chứa đựng được hết mọi hình thức và giáo thuyết, nhất là cứu cánh của các tôn giáo. Cũng theo định nghĩa trên, có tín ngưỡng không hẳn là hữu thần; không có tín ngưỡng không hoàn toàn vô thần.

Thế nên, đem cái tâm phân biệt nhìn vào các đối tượng tín ngưỡng và tôn giáo, con người sẽ

rất hoang mang, sanh ra tâm lý tiêu cực thì lẫn tránh; cực đoan thì kỳ thị, công kích, làm cho tôn giáo trở nên một vấn nạn của loài người!

Trước vấn nạn ấy, Đức Thượng Đế khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nêu rõ chân lý cứu cánh của tôn giáo, vượt lên trên mọi giáo thuyết, mọi khái niệm tôn giáo học hay những đức tin thể tục. Ngài muốn đưa con người trở lại con đường tiến hóa đích thực mà chính con người phải đi, đi không ngừng, không nhất thiết phải dừng chân chiêm bái hay trú ẩn nơi những miếu mạo bên đường. Ngài dạy: “*Từ thuở khai Thiên tịch Địa sắp bày trần thế đến ngày nay, các con chỉ hiểu đạo khai trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay đạo khai trong cơ biến dịch đất trời. Đến ngày nay, Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua: Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy. [...]*”⁴

Sứ mạng chính yếu của mọi tôn giáo không phân biệt, là chỉ rõ cho nhân sanh biết và đi trên con đường đó.

Như thế, Đức Chí Tôn đã phê phán con người vô tình khu biệt tôn giáo trong vòng thế gian và lãng quên viễn đích tiến hóa về nguồn. Nhà thờ, chùa, thất, giáo hội, chức sắc, nghi lễ là cái xác của tôn giáo mà chỉ hướng thẳng tiến tâm linh của con người mới là hồn. Có đủ hồn xác, tôn giáo mới thật sự là “Đạo”. Dù với tín ngưỡng hay tôn giáo nào, mà đức tin đều đặt vào chỉ hướng đó, thì “Đạo” là con đường duy nhất của

1. théisme: (du grec theos) croyance religieuse en un être suprême, fondateur du monde selon les monothéisme (Lionel Obadia, La religion, Editions Le Cavalier Bleu, 2004).

2. monothéisme: religion dont la croyance fondamentale (et le culte qui lui répond) repose sur l’idée d’un dieu unique [ibid].

3. athéisme: doctrine qui réfute l’existence de Dieu, mais qui ne rejette pas fondamentalement ni l’existence de forces surnaturelles ni la religion [ibid].

4. Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

vạn linh sanh chúng vậy. Con đường duy nhất đó chính là quy luật sanh hóa–tiến hóa của vũ trụ tức là “từ *Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian trở lại cùng Thầy*.” Nên Chúa Ki-Tô nói: “*Ta là đường đi, là sự thật và là sự sống*.” và Đức Thích Ca nói: “*Thiên thượng, thiên hạ, duy Ngã độc tôn*” đều ám chỉ con đường duy nhất ấy.

Chúng ta đừng lầm tưởng các Đấng ấy muốn nhấn mạnh “độc thần” là chính mình. Ngược lại, phủ định cá thể mình (Đức Ki-Tô) và phủ nhận mọi ý thức, mọi vọng niệm ngoài chân ngã⁵ (Đức Thích Ca Như Lai). Ở đây, Đức Thượng Đế xưng “Thầy” để dạy dỗ chúng sanh, nhưng Ngài cũng xóa ngay định kiến của nhân thể tôn thờ Ngài như một vị thần nhân cách hóa. Ngài dạy: “*Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi*.”⁶

Đức Chí Tôn đồng hóa bản thể Thượng Đế với Khí Hư Vô hay Đạo, là Bản thể, Bản căn của vũ trụ vạn vật để khẳng định tính Nhất thể của muôn loài trong trời đất ở trạng thái tịnh, đồng thời chỉ ra công năng của Đạo thúc đẩy con đường tiến hóa theo quy luật “Nhất bản tán vạn thù, vạn thù quy nhất bản” ở trạng thái động.

5. Từ đó có thể hiểu “duy Ngã độc tôn” qua ý nghĩa thực hiện bất tử như là trạng thái siêu vượt, đứng trên hai cực đối đãi sanh tử. (Thái Kim Lan, Tuần Việt Nam/VietNamnet, 27-5-2010).

6. Sdd.

Đó là cuộc “thâu hồi những điểm Linh quang trở về khối Đại linh quang”.

Như thế, tận trong sâu thẳm của vạn vật chúng sanh, tất cả đều là Linh quang hay Đạo, và Đạo bao hàm cả Thượng Đế, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và chúng sanh, trong đó có Con người. Nên Đạo bao hàm cả những gì thuộc về các khái niệm độc thần, đa thần, phiếm thần; và khi Đạo vận hành hay hành đạo thì tất cả đều hội nhập vào một con đường duy nhất là Đại Đạo. Nên trong Tam Kỳ Phổ Độ, Thánh giáo dạy: “...*Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi Thượng thiên Vô cực*.”⁷

Vậy, khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là làm sáng tỏ quy luật tiến hóa tự nhiên của vũ trụ để con người tự khẳng định mình là một Linh quang, một chủ thể đạo, có khả năng tiến hóa vô hạn tại thế gian cho đến xuất thế gian.

Cơ Thiên nhân hiệp nhất của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ giải quyết các vấn nạn của tôn giáo do sự khác biệt về đối tượng sùng bái, giải tỏa nỗi hoang mang của nhân sanh “từ đâu đến và đi về đâu”. Chiếc chìa khóa để con người tự độ và thi hành sứ mạng cứu độ là Chánh pháp hay Thiên đạo sẽ mở ra cánh cửa của CON ĐƯỜNG DUY NHẤT CỦA VẠN LINH SANH CHÚNG.■

7. Đức Chí Tôn, Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968).



Các em Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý và các em Thanh Thiếu Niên Tu Sĩ! Anh khen các em ngoan đó. May mắn được sanh trưởng trong gia đình có đạo đức, các em hãy tựa vào đó làm đà để tiến vượt mau lên, sao cho sử đạo hậu thế ghi lại những tâm hồn mới của đoàn người trai trẻ. Các em đừng mặc cảm, đừng rụt rè cũng đừng cầu an. Đó là những chướng ngại vật to lớn cho đời mình. Ai lại không sống, không ăn, không mặc, không ở. Ai lại không có gia đình kế tự. Nhưng sự ăn, mặc, ở và xây dựng gia đình theo nếp sống hiền lương đạo đức thanh cao trong sạch. Lúc bấy giờ người đời là đạo, đời đạo đi đôi, chớ nào ai phân tách hai lối hai phương cách biệt.

■ ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, ĐIỀU TRÌ BỬU ĐIỆN THÁNH THẤT BÌNH HÒA, 28-8 ĐINH MÙI (01-10-1967).



VĂN PHÒNG CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ —TUẤT THỜI 30—8 TÂN HỢI

VẠN HẠNH THIÊN SƯ, Bản Tăng chào mừng
chư hiền đệ hiền muội lương ban đàn nội.

THI

Chuỗi dài ý hệ cõi Nam Giao,
Thích, Đạo, Nho tông những sắc màu,
Đã có trường thi Tam Giáo trước,
Nhịp đầu để nối nhịp theo sau.
[...]

Nơi đây, Bản Tăng cũng bày tỏ thêm về nhiệm
vụ phổ thông giáo lý trên căn bản đồng nguyên
vạn giáo.

Này chư hiền đệ hiền muội!

THI

Tinh thần vạn giáo cõi trời Đông,
Từ thuở xưa xưa muốn hiệp đồng,
Trên những tinh anh về lẽ Đạo,
Nhưng chưa kết hợp sự duy tâm.

Trước hết, Bản Tăng nói qua vài nét về phổ
thông giáo lý trên hai phương diện:

THỨ NHẤT – TRÊN ĐƯỜNG LỐI SINH HOẠT THỰC TẾ

Chư hiền đệ hiền muội! Một nền tôn giáo, một
chủ thuyết nào có mang đầy những tính chất
sống động hợp thời đại nhân tâm đều là những
tôn giáo, những chủ thuyết nằm trọn vẹn trong
lòng sự sống của nhân sinh.

Thật vậy! Đã mang tiếng là con dân trong một
nước có một nền văn hóa huy hoàng từ ngàn

xưa được cấu tạo trên một nền tảng văn minh
nhân bản sớm nhất nhân loại, dĩ nhiên chư hiền
đệ hiền muội và tất cả đều ý thức được đường
hướng, được truyền thống cao cả của hiền nhân
tiên tổ lưu lại. Phần lớn đều có một bản chất
miên viễn lâu dài. Lại nữa, cho tới những thời
đại sau này, đời sống con người được mở mang
và tiếp nhận thêm những ánh sáng tư tưởng
hoàn mỹ để tô điểm cho kiếp vi nhân. Gần hơn
nhất và điển hình nhất là phương châm hành
đạo trong giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay
Cao Đài giáo.

Đã có một tôn chỉ, một hướng tiến đến tột
đỉnh của lẽ sống miên trường theo Đại Đạo
rồi, chư hiền tất nhiên đã, đang và sẽ sống,
sẽ dẫn thân trong một thế giới hỗn tạp này
để tiến hóa bằng sự tu hành độ tha. Thế
thì, nhìn ngay vào cuộc sống, chư hiền phải
là những người sống với tất cả ý nghĩa mà
Thượng Đế phó giao và an bài thị hiện cho
mỗi người một quyền năng, một sở hữu. Tuy
khác nhau nhưng cũng đồng tánh đồng chất
như nhau, làm gương mẫu cho đời trông vào,
từ những tiểu tiết của sự ăn uống, xê dịch,
sống còn trong đời vật chất tầm thường, mặc
dầu những phong thái ăn mặc ngôn ngữ giao
tế ấy hoàn toàn là phần hữu vi vật chất, song
phải được thành hình bởi một động lực tinh
thần mà giáo lý đạo đức đã lên khung.

Người tín hữu sở dĩ khác đời là ở chỗ đó, ở chỗ đối với bản thân mình thì trong sạch từ tư tưởng lời nói đến việc làm, ở tha nhân, gia đình hay xã hội thì mưu được sự hòa thuận an bình lợi ích cho chung.

Mình muốn siêu thoát khỏi cái đời sống ô trược này thì cũng mong ước cho kẻ khác được như vậy bằng tấm gương chói lọi. Chẳng hạn, muốn bảo thiên hạ cùng ăn chay, cùng không sát sanh hại vật, cùng đem tình thương vô tư chan rưới khắp nơi, trước ý muốn ấy là tự thân mình đã sống trọn vẹn hy sinh hoàn toàn cho ý hướng ấy bằng bất cứ khó khăn nào.

Và lại, Đức Thượng Đế Ngài ban cho loài người lẽ sống thì lẽ sống phải được thể hiện vuông tròn linh động theo định luật đạo lý. Như thế là Ngài mới vui vì được các con cái chứng minh rõ ràng về nguồn sáng tạo, đức háo sanh vô lượng vô biên của Ngài.

Cho nên vấn đề đem giáo lý hay thế gian gọi là văn hóa vào đời sống tầm thường chan hòa trong mọi lãnh vực thẩm nhuần được cốt tủy của sự thật, của lẽ thuần lương và tốt đẹp rất là quan trọng, đứng vào bậc nhất trong quá trình tiến bộ đạo đức con người.

Những sự kiện ấy, ngày xưa các phái đạo gia thường cho đó là bất ngôn chi giáo, không dạy bảo thiên hạ bằng ngôn ngữ hình thức mà thiên hạ vẫn nghe theo, làm theo đúng đường. Các Đấng Tiên Vương ở thời cổ đại cũng hằng thể hiện được lẽ sống linh hoạt ấy mà đem hạnh phúc thịnh trị cho muôn dân. Tinh thần ấy đến nay vẫn còn giá trị to tát. Chư hiền đệ hiền muội lưu ý để làm đà phát triển cơ phổ độ Nhơn quần.

THỨ HAI- LÀ PHỔ THÔNG GIÁO LÝ TRÊN HÌNH THỨC GIÁO ĐIỀU THUYẾT LÝ

Giai đoạn này là kết quả, là hậu thân của giai đoạn sống đạo trọn vẹn ở trên.

Thật vậy, trong xã hội đảo điên về mọi mặt này, con người ít khi bình tâm tam trí để kiểm tầm những lẽ mầu vi huyền bí, những an ủi

tinh thần nào xa xăm. Thái độ của người đời như vậy không phải tại họ lười biếng hay không ưa thích tự đáy lòng, nhưng tại hoàn cảnh phủ ngăn từ mọi chiều hướng đưa tới. Nhiệm vụ của những người sống đạo như ban nầy, chư hiền đệ hiền muội là người hữu duyên đi trước, có bốn phận phải phát huy đường hướng ấy lên trên mắt thiên hạ để họ thấy mà tùy tiện cùng theo. Sự theo những giáo lý của Đại Đạo mà chư hiền có sứ mạng cầm nắm và phát huy không có nghĩa là theo chư hiền, vì chư hiền chỉ là một tiểu thiên địa, một con người như hàng vạn con người khác, chỉ khác là giác ngộ trước lẽ đạo và hướng dẫn người theo sau mà thôi.

Cũng cần phải nói thêm là trên phương diện truyền bá giáo lý phải được thuần nhứt đúng theo chơn truyền tân pháp, không được bẻ cong bởi tư tâm nào nếu không có Hội Đồng Tam Giáo chỉnh tu.

Người cầm đuốc dẫn đường luôn luôn phải là thông hiểu rõ đường nào phải đi, đường nào phải tránh, không được lẫn lộn với nhau, cùng lúc phải giữ gìn ngọn đuốc cho sáng tỏ mãi mãi để mình và mọi kẻ đi mút được khoảng đường. Sự vinh quang thành công theo lý tưởng là ở đó.

THI

Hai đường phổ độ đến nhân sanh,
Phải được hy sinh để đạt thành,
Sống với đạo Trời miên viễn sống,
Mọi thời mọi kẻ rạng thanh danh.

Sau vài nét về phổ thông giáo lý, bây giờ chư hiền đệ hiền muội chịu khó nghe thêm, nhớ lại vài nét đại cương về căn bản đồng nguyên Tam Giáo.

Sở dĩ Bản Tăng nêu lại nơi đây vì thấy chư hiền đệ muội vừa rồi cũng đề cập tới.

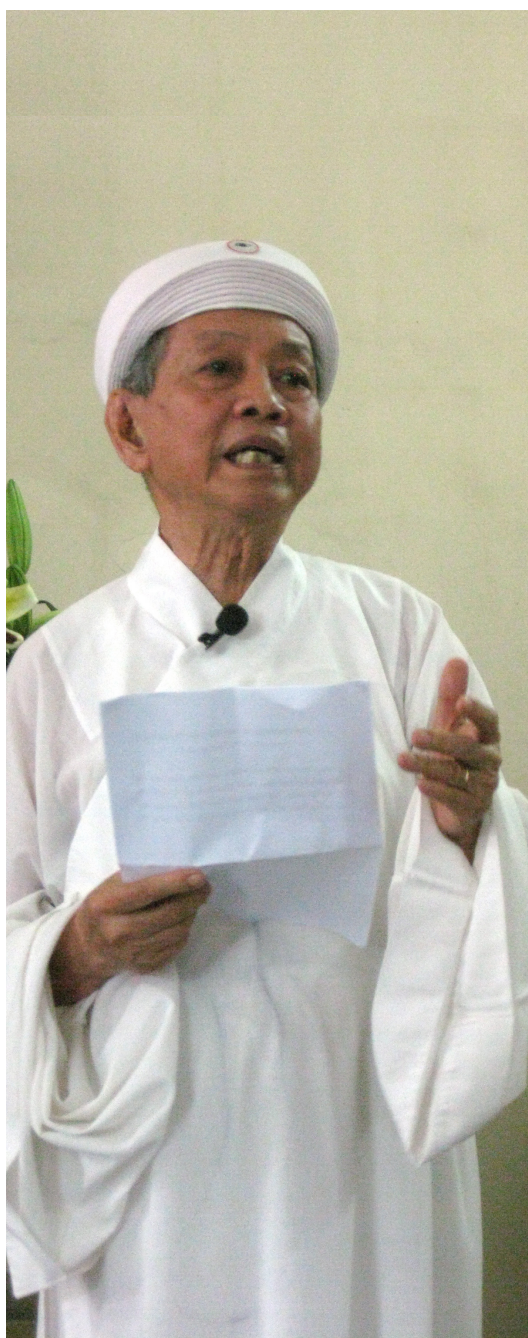
THỨ NHỨT – SỰ MANH NHA LÝ ĐỒNG NGUYÊN TAM GIÁO

Này chư hiền đệ hiền muội! Như chư hiền đã biết: Tư tưởng Tam Giáo đồng nguyên đã khai (XEM TIẾP TRANG 38)

LỄ HIẾN DÂNG TRỌN ĐỜI CỦA CÁC EM TU SINH VÀ CÁC EM TÂM NGUYỆN HIẾN DÂNG

■ THIÊN VƯƠNG TINH PHỤ TÁ BẢO PHÁP CHƠN QUÂN

Chấp hành Thánh lệnh Ôn Trên, ngày Rằm tháng 10 Canh Dần vừa qua (20-11-2010), vào giờ Ngọ tại Bửu Điện Cơ Quan, Tập Đoàn Giáo Sĩ CQPTGLĐĐ đã tổ chức Lễ Hiến Dâng thật long trọng cho các em tu sinh (24 em) khóa 2 & 3 và các em tâm nguyện hiến dâng (4 em). Dưới đây là lời huấn dụ do Đạo Trưởng Phụ Tá Bảo Pháp Chơn Quân Thiên Vương Tinh thay mặt Ban Chấp Hành Cơ Quan gửi đến các em hiến dâng trong buổi lễ.



Các Em Tu sinh quý báu,

Được gọi là “các Em quý báu”, vì mấy Em là vốn quý hiếm có hiến dâng trọn đời cho Đại Đạo.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được Ôn Trên dạy: “Hãy thiết lễ hiến dâng trọn đời cho các Em long trọng trong ngày kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo Rằm tháng 10 Canh Dần, vào giờ Ngọ.”

Mấy Em có suy nghĩ nhiều và cảm thấy hân diện về tình yêu thương chiều cố đặc biệt của Ôn Trên đối với mấy em chăng?

Trong buổi lễ long trọng và quan trọng hôm nay, Ban Thường Vụ Cơ Quan, Văn Phòng Hiệp Thiên Đài, Nữ Chung Hòa rất hân hạnh chứng minh buổi lễ và thay mặt toàn thể Cơ Quan bày tỏ lòng thương yêu quý trọng mấy Em, hết lòng mừng cho chư vị phụ huynh của mấy Em, và phần khởi góp phần bày tỏ niềm vui lớn lao chung của Cơ Đạo.

Trong ngày quan trọng kỷ niệm Lễ Khai Minh Đại Đạo hôm nay, mấy Em vừa quì trước Thiên Bàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo long trọng NGUYỆN HỨA CÙNG TRỜI ĐẤT HIẾN DÂNG TRỌN ĐỜI MÌNH ĐỂ PHỤNG SỰ ĐẠI ĐẠO, QUYẾT TÂM RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NHỮNG NHÀ TRUYỀN GIÁO NÔNG CỐT CHO ĐẠI ĐẠO TRONG TƯƠNG LAI.

Trước ý chí cao trọng này của mấy Em, chúng huynh tỷ hiện diện thành thật có hai điều dặn dò, nhắc nhở và cầu chúc mấy Em:

Điều gì mình quyết tâm, quyết chí thực hiện và đã nguyện hứa cùng Trời Đất, thì không bao giờ để bị lay chuyển, mà ngược lại TÂM CHÍ NGÀY CÀNG VỮNG BỀN, NGUYỆN LỰC NGÀY CÀNG THÊM SÂU DÀY.



Đọc nhiều kinh sách, hiểu rành lý đạo, có tài hùng biện khi giảng đạo nữa, nhưng nếu chỉ cậy ở tài sức mình thì không đủ, mà còn phải “Được Ôn”, phải biết trông cậy nơi “Ân Điển Thiên Liêng”, nơi “Huyền Năng Ôn Trên ban cho”.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, những chúc sắc, chúc việc hay tín đồ nào sống hợp Đạo, hành đúng Đạo, quyết lòng hiến dâng tâm trí mình, đời sống mình cho Thầy cho Đạo, thể Thiên hoàng Đạo, đều chứng nghiệm được huyền năng Ôn Trên ban cho!

Thân chúc mấy Em thành công, toại nguyện!■



THÁNH GIÁO

Hỡi các em thanh niên nam nữ! Hiến dâng những gì? Hiến dâng để làm chi?

(...) Hiến dâng. Hai tiếng hiến dâng đã nói lên từ phạm vi nhỏ hẹp cho đến phạm vi rộng, từ tính cách cá nhân cho đến tính cách tập thể. Cái danh từ nào cũng là danh từ vô tri vô giác, bất động bất hành. Chỉ dùng nó để làm sống nó trong ưu tư và tâm hồn nhân thế. Nếu có hoài bão được chẳng là sự kết tinh của ý chí trong mọi giai tầng truyền thống dân tộc.

(...) Tiên Huynh không bảo các em lập dị khác thường hơn thiên hạ mà chi. Thiên hạ chỉ mong các em hiến dâng.

Một lần nữa – Hiến dâng. Điều uy hùng nhứt là hiến dâng một đời người. Biết hiến dâng đời mình cho lý tưởng, cho thiên hạ, đó là hiến dâng Thiên mạng. Cũng có những người đang hiến dâng, nhưng sự hiến dâng này có khác là hiến dâng vào một phạm vi hẹp hòi mờ mịt, trong bóng tối vị ngã vong tha.

(...) Hai tiêu đề đã nêu lên, các em hãy chọn một. Hãy hiến dâng cho đạo lý. Đạo là một nguồn cứu cánh vô tận vô biên. Đạo bao trùm cả tác nhân sinh động. Các em hãy thoát ra ngoài những cái giáo dục từ nghìn xưa đang đóng khung con người trong một thành trì hạn hẹp. Những gì gọi là khuôn vàng thước ngọc, giáo điều đã quy định con người vào vị ngã vong tha. Những tác nhân đã xây đắp các con đường chướng ngại phân cách này, nếu không được những cánh tay uy hùng phá vỡ, các dòng sông nhân bản sẽ không đồng nhứt trùng hợp ở đại dương.

■ ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, MINH LÝ THÁNH HỘI,
23-4 KỶ DẬU (07-6-1969).



Tình vô cực

■ HỒNG PHÚC

Kể từ khi Đức Thượng Đế giáng trần trên Ngọn linh cơ khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cách đây gần một thế kỷ, lễ hội Trung Thu đêm rằm tháng tám không chỉ là một nét văn hoá mang tính truyền thống dân tộc, mà đặc biệt với những người áo trắng Cao Đài, còn có một ý nghĩa thiêng liêng, ghi dấu ngày Mẹ Linh Hồn của vạn hữu lâm phạm khai mở Hội Yến Bàn Đào nơi cõi thể gian giữa thời mạt pháp, thấp lên ngọn đuốc soi sáng đêm trường tăm tối của buổi Hạ nguơn, hầu cứu nhân loại thoát trường sát kiếp của cơ cộng nghiệp.

Hơn 80 năm qua, mùa Trung Thu đến với người tín đồ Cao Đài bằng tất cả sự hân hoan ngưỡng vọng và tấm lòng thiết tha hướng về Mẹ Linh hồn vạn hữu dưới danh xưng Vô Cực Từ Tôn Điều Trì Kim Mẫu trong niềm tin đón nhận được dòng ân điển thiêng liêng của Tình Vô Cực qua lễ Hội Yến Bàn Đào để tâm linh thêm sáng suốt, nghị lực thêm vững vàng hầu

vượt thoát khỏi muôn trùng thử thách, chương ngại của chốn trần ai trên dặm đường thiên lý trở lại bến khởi nguyên.

Ngày xưa tương truyền Hội Yến Bàn Đào 3000 năm mới mở một lần nơi Thiên cung để đón mừng các vị Tiên mới trở về từ chốn thể gian. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, Hội Yến Bàn Đào đã được Đức Từ Tôn Kim Mẫu mang đến cõi tạm ban cho con người giữa mùa thu liêm như một hình thức dụng sự để cầu lý, đánh thức con người rời khỏi giấc mộng trần ai, tỉnh tu tìm đường đạo đức để giải thoát khỏi chốn luân hồi nghiệp quả, mà con người đã phải đắm chìm từ vô lượng kiếp

*“Trải mấy mươi thu dụng lý huyền,
Đạo mầu rộng mở cõi Nam Thiên;
Phá mê khi trẻ đang mơ mộng,
Đánh thức người đời lúc đảo điên.
Vượng khí thái hòa yên sóng gió,
Ban tình Vô Cực đoạn trần duyên;*

*Thu Đông rồi cũng sang Xuân Hạ,
Thoát kiếp phàm phu lại cảnh Tiên.”¹*

Đối với hầu hết người tín hữu Cao Đài, ai cũng hiểu nôm na khái quát “tình Vô Cực” là tình thương bao la không bờ bến của Đức Vô Cực Từ Tôn, là Đấng hóa sanh trường dưỡng muôn loài vạn vật nơi chốn hữu hình. Nhưng qua lời dạy của Đức Mẹ, Ngài đến trần gian để:

*“Phá mê khi trẻ đang mơ mộng,
Đánh thức người đời lúc đảo điên.
Vượng khí thái hòa yên sóng gió,
Ban tình Vô Cực đoạn trần duyên;”*

Điều đó không có nghĩa đến Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Mẹ mới giáng trần ban cho con người “Tình Vô Cực”, mà Tình Vô Cực đã hiện hữu từ khi khai thiên lập địa, và chính nhờ Tình Vô Cực mà: “Bát hồn vạn chuyển hóa thành chúng sanh”, cho muôn loài vạn vật dịch biến trên dòng tiến hóa tự vô thủy đến vô chung.

Mặt khác, Đức Chí Tôn đã từng nhắc nhở: “*Thầy có thương các con cũng không thể ảm bồng choặng*” bởi vì “*Dầu cho Thầy cũng phải chịu dưới quyền luật của Đạo.*”²

Như vậy, dù Đức Từ Tôn với Tình Vô Cực đã được Ngài xác nhận:

*“Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận,
Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường;
Không lãnh vực, không biên cương,
Bao trùm vũ trụ tình thương vạn loài.”³*

Con người cũng không thể nào đơn giản chỉ biết thụ động đón nhận tình Vô Cực của Đức Từ Mẫu là sẽ “đoạn trần duyên”, tức là sẽ giải thoát khỏi nghiệp quả luân hồi, siêu xuất thế gian. Vì Đức Mẹ đã dặn dò: “*Tình Vô Cực vô cùng vô tận, hàm chứa bao la đối với vạn linh vạn vật. Các con là con cái của Mẹ, các con cần phải nghiền ngẫm những lời Mẹ dạy để tu tập*

cho nên một sứ mạng tín đồ môn đệ Đức Cao Đài trong kỳ tận độ.”⁴

Học lời dạy của Đức Mẹ, chúng ta phải hiểu thế nào là “Tình Vô Cực” và làm thế nào để đón nhận được “Tình Vô Cực” để đoạn được duyên trần, để làm tròn sứ mạng của người môn đệ Đức Cao Đài trong kỳ tận độ hầu quay về nơi cõi siêu sinh, mãi mãi rời xa chốn trần gian nhiều oan nghiệt.

TÌNH VÔ CỰC LÀ ĐỨC HẢO SANH

“Vô” nghĩa là không, “Cực” nghĩa là tận cùng. “Vô Cực” nghĩa là không có sự giới hạn, tận cùng.

Trong Đạo Đức Kinh, chương 25, Đức Lão Tử dạy: “Có một vật hỗn độn mà thành trước cả Trời Đất. Nó yên lặng (vô thanh) trống không (vô hình), đứng một mình mà không thay đổi (vĩnh viễn bất biến), vận hành khắp vũ trụ mà không ngừng, có thể coi nó là mẹ của vạn vật trong thiên hạ. Ta không biết nó là gì, tạm đặt tên nó là Đạo, miễn cưỡng gọi nó là lớn (vô cùng). Lớn (vô cùng) thì lưu hành (không ngừng), lưu hành (không ngừng) thì đi xa, đi xa thì trở về (qui căn)...” (Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hể liêu hể, độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên địa mẫu. Ngô bất tri kì danh, tự chi viết Đạo, cưỡng vị chi danh viết Đại. Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản.)

Theo giáo lý Cao Đài, Vô Cực có trước khi phân chia trời đất, còn trong trạng thái gọi là Khí Hồng Mông: nghĩa là khí còn lộn lạo chưa phân biệt Âm Dương rõ rệt.

Thánh giáo dạy:

“Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đường mịt mịt mờ mờ với Khí Hồng Mông, vì đó là còn trong thời kỳ hỗn nguyên vậy. Không gian ấy tức là Vô Cực.”⁵

Khí Hồng Mông còn gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí, hay gọi tắt là Khí Hư Vô. “... *khí hồng*

1. Thánh thất Bình Hòa, Ngọ thời rằm tháng 8 Đinh Mùi (18-9-1967).

2. Đại Thừa Chơn Giáo – Tu phải luyện Đạo.

3. Thánh Thất Bình Hòa, Ngọ thời rằm tháng 8 Đinh Mùi (18-9-1967).

4. Vạn Quốc Tự, Tuất thời mừng 8 tháng 3 Nhâm Tý (21-4-1972).

5. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, 23-9 Bính Tý (1936), Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “vũ trụ”, tr.410.

*mông đương hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, lặng lẽ vô vi, thanh trược hỗn hiệp kêu là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí.*⁶

Đức Chí Tôn dạy: “*Nếu không có Hư Vô Chi Khí thì không có Thầy.*”⁷

Hư Vô Chi Khí cũng chính là Đạo, theo lời của Đức Thượng Đế: “*Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.*”⁸

Thế nên Vô Cực = Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí = Khí Hư Vô = Đạo.

Tóm lại, Vô Cực là trạng thái nguyên sơ, bất dịch và tiềm ẩn của Đạo được gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí hay gọi tắt là Khí Hư Vô. Đó là cội nguồn của Thiên Địa; tuy Hư Vô, nhưng hàm tàng mọi đức tính của vạn vật, nên còn được gọi là Chân Không Diệu Hữu. Các đức tính ấy chưa được phân biệt, còn lẫn lộn vào nhau, tạo thành một thể hỗn độn. Vì vậy, giai đoạn Vô Cực còn được gọi là Hỗn Nguyên, tức là thời kỳ hỗn độn sơ khai.

Trong Vô Cực có hai yếu tố là Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí Tự Nhiên, chính là Âm Dương Tiên Thiên ở thời kỳ Hỗn Nguyên, vừa bảo tồn bản thể bất dịch, vừa vận chuyển cơ biến dịch.

Nguyên Lý Thiên Nhiên, còn được gọi là luật Thiên Điều, là một Lễ Thật đương nhiên, bất biến, làm nền tảng cho mọi định luật của Thiên Địa; đó cũng là nguyên lý kiến tạo vạn hữu, vận hành vũ trụ, bảo tồn và dưỡng dục muôn loài: “*Vô Cực, hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo, là Thiên tắc, Thiên Điều; Nó là cái luật mà vũ trụ vạn pháp phải theo đó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Càn Khôn vạn hữu. Luật ấy rất sinh động, ẩn ký vào tâm tư của người, vật, Đất Trời.*”⁹

Nguyên Khí Tự Nhiên là nguồn năng lượng

trường cửu để tạo nên sự sống, là nguồn chất liệu vô hình, vô chất để xây dựng nên tâm linh và hình thể của vạn vật. [Theo “Phật Mẫu Chơn Kinh” (trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo), tâm linh và hình thể của vạn vật được tạo nên từ Vô Cực].

Lý và Khí ấy phối hợp với nhau, tạo nên những vận động tế vi trong Vô Cực, tinh lọc dần dần những tinh ba của Khí Hư Vô để khai sinh Ngôi Thái Cực.

Đức Chí Tôn đã xác nhận: “*Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn khôn Thế giới. Thầy lại phân Tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, gọi là Chúng sanh. Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn Linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự sống. Vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.*”¹⁰

Chính bởi đức háo sanh vô lượng mà Thầy đã sanh hóa ra vũ trụ càn khôn; cũng bởi đức háo sanh vô biên mà Thầy đã sanh hóa ra vạn vật chúng sanh từ khoáng sản, thảo mộc, thú cầm đến loài người. Chính từ con người mới tu tiến lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

“*Thầy đã tạo hóa vạn vật vũ trụ với đức háo sanh. Thầy không ban riêng cho vật nào, giống nào hay nước nào. Tất cả vạn vật trên thế gian này đều sanh trong đức háo sanh và diệt trong định luật của Thầy.*”¹¹

Như vậy, tình Vô Cực chính là tình Tạo Hóa, là đức Háo Sanh đã sinh hóa, trường dưỡng, bảo tồn muôn loài vạn vật, không từ chối nguồn sống cho bất cứ một sinh vật nào dù nhỏ nhoi

6. Đại Thừa Chơn Giáo, Septembre 1936 – ngày 3 tháng 8 Bính Tý, I – CƠ NGẪU LUẬN).

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, 13–6 Bính Dần (Jeudi 22 Juillet 1926), Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, trang 32

8. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 29–12 Bính Ngọ.

9. Đạo Học Chỉ Nam, chương 1, tiết 2, mục 4.

10. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh ngôn Mậu Thìn (1928).

11. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Minh Lý Thánh Hội, 09–01 Mậu Thân (07–02–1968).

nhất xuyên suốt bốn mùa tám tiết, ngày đêm không ngưng nghỉ

*“Tình Tạo Hóa ban đều vũ trụ,
Đức hạo sanh bao phủ càn khôn.
Chuyển luân nhật nguyệt vong tồn,
Cỏ cây nhơn vật vô cùng hóa sanh.”¹²*

Những lời Thánh giáo Đức Cao Đài đã khẳng định ngay từ những ngày đầu khai Đạo trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển đã là một minh chứng cho sự thương yêu, chính là tình Vô Cực xuyên suốt trong quá trình của cơ sanh hóa:

“Thầy là Cha của sự thương yêu. Bởi sự thương yêu mới tạo thành thế giới và sanh sản các con, vậy các con sản xuất nơi sự thương yêu, là cơ thể của sự thương yêu đó.”

Sự thương yêu là giếng bảo sanh của càn khôn thế giới, bởi thương yêu mà vạn loại hòa bình, càn khôn yên tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới không tàn hại nhau mà giữ bền cơ sanh hóa...”

Tình Tạo Hóa không bờ không bến, không nơi nào không vươn tới chính là tấm lòng của người mẹ bao la đối với con cái của mình, sẵn sàng mở rộng vòng tay khoan dung tha thứ như lời Thánh giáo đã dạy:

“Tình thương Tạo Hóa đối với vạn loài như tình người mẹ đối với đàn con. Dầu trong đàn con nếu có đứa nào ngộ nghịch hư hỏng bướng bỉnh cách mấy đi chăng nữa, sự nuôi dưỡng dạy bảo người mẹ vẫn đồng đều chăm sóc tưng tiu.”¹³

Tuy Luật Công bình của vũ trụ luôn theo sát điều chỉnh thế gian để con người phải nhận chịu sự thưởng phạt của Luật Nhân quả trong vòng luân hồi chuyển kiếp, nhưng cho dù con người lỗi lầm gây ra muôn điều oan trái đa đoan, Đấng Hóa Công vẫn chờ che tha thứ:

“Hỡi các con! trong tình Tạo Hóa đức hiếu sinh, Thầy nhìn vạn vật với một sự thương yêu chan

ruối. Mặc dầu cảnh trần gian có biến đổi muôn hình vạn trạng, có sanh nhiều tội nghiệp đa đoan, có tạo nhiều phong ba bão tố, nhưng lòng Trời vẫn che, Đất vẫn chở. (...)”

TÌNH VÔ CỰC LÀ ĐỨC CÔNG BÌNH

Vạn loại trong trời đất đều được Đấng Hóa Công đối xử bình đẳng để duy trì quyền sống trong thiên nhiên. Bởi vì Công bình là một định luật căn bản để ổn định càn khôn vũ trụ. Nhờ định luật này mà vũ trụ được tạo ra, vạn loại được sinh hóa, con người được cao thăng tiến hóa.

Đức Văn Tuyên Khổng Thánh đã dạy: “Công bình là một yếu tố định lập của vũ trụ, hoá sanh muôn loài, là phương điều của nhân sanh trong cơ xử thế để thọ hưởng hồng ân của Tạo Hoá mà lập thành chơn vị thiêng liêng nơi cõi gian trần. Đức Công Bình luôn tồn tại trong vũ trụ và vạn sanh. Vì nếu thiếu lẽ công bình là tất cả- hình thức này đến hình thức nọ, trong cõi hữu thể cũng như trạng thái siêu sinh đều dấy động.”¹⁴

Như vậy, Công bình là lẽ tự nhiên trong trời đất, là động lực giúp vạn vật được hóa sinh và trưởng dưỡng. Tất cả chúng sanh từ hữu tri giác đến vô tri giác đều được thọ nhận đồng đều tình Vô Cực trong sự sinh hóa, trưởng dưỡng của ngôi Thái Cực trọn tốt trọn lành:

“Hỡi các con ôi! Từ xưa đến nay các con vẫn biết Thầy là Chủ tể của càn khôn vũ trụ. Thầy là Cha cả của nhơn sanh vạn vật, tất cả đều thọ hưởng hồng ân vô lộ của Thầy mà sanh sanh hóa hóa, từ hữu tri giác cho đến vô tri giác, trong tam giới ngũ hành đều do theo luật tạo đoan của Thầy mà biến chuyển.”¹⁵

Tình Vô Cực chính là Đức Công Bình của Tạo Hóa xây dựng nền tảng cho Luật Nhân quả chi phối thế giới nhân sinh.

*“Cuộc biến chuyển tuần hoàn đã định,
Luật công bình điều chỉnh thế gian;*

12. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

13. Ni Sư Diệu Lộc, Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn) Ngộ thời, 14 tháng 10 Kỷ Dậu (23-11-69).

14. Tam Thừa Chơn Giáo, quyển 2- Giữ lẽ công bình.

15. Thánh giáo sưu tập, 1961.

*Xuống lên địa ngục, thiên đàng,
Thánh siêu, phạm đạo, lễ hằng xưa nay.*”¹⁶

Và Đức Công Bình trở thành quy luật để bảo tồn cho quyền pháp điều hành ổn định thế giới càn khôn:

*“Hỡi các con! Lòng Mẹ bao la thế giới, nhìn con vô tận. Thấy các con lặn hụp nơi bể đời mạt pháp, lắm lúc Mẹ muốn dùng huyền phép để vớt cả nhơn sanh về với Mẹ, nhưng luật tiến hóa công bình, mấy tuần huân luân chuyển, các con mãi cố tình troán tránh Mẹ già, mãi lặn theo bánh xe tuần hoàn để dần thân vào đường quả báo, than ơi! Mẹ biết làm sao hỡi con!”*¹⁷

Chính vì vậy dù với tình thương bao la vô tận, Đức Từ Mẫu vẫn không thể cứu vớt đàn con đang dần thân vào vòng nghiệp quả dù Mẹ rất đau lòng:

“Các con ôi! Thiên Địa chí công, sự tiến hóa không riêng cho loài người, mà chung cả vạn loại. Bởi thế, nên Tam Giáo mới ra đời lập Đạo, hầu dẫn dắt sự tiến hóa của vạn loài đi về đúng lẽ Trời, để giữ mãi cái thế gian an lạc thanh bình. Nhưng than ôi! Vì lòng thị dục của các con, không muốn hưởng ân huệ đồng đều mà các con chỉ muốn chiếm phần ân huệ của Hóa Công về cho trọn quyền sử dụng cá nhơn của mình. Nhưng các con nào có biết đâu, trong cặn bã có những loài vi trùng độc. Lòng thị dục của các con lại nảy nở ra lục dục thất tình, khiến các con trở thành một giống người tội ác, nên mới có cảnh hỗn độn ngày nay.

*Các con ôi! Mẹ rất đau lòng giữa trách nhiệm và tình thương của Mẹ đối với các con. Ngày xưa cũng các con, mà ngày nay cũng các con. Xưa thì ngày Nghiêu thán Thuấn, nay lại xương máu núi sông. Các con ôi! Mẹ rất đau lòng khi Nguyên nhơn lạc vào đường trầm luân bể khổ.”*¹⁸

16. Thiên Lý Đàn, Tuất thời, Rằm tháng Chạp Giáp Thìn (17.1.1965)

17. Huân Cung Đàn, Hợi thời, 14 tháng 3 Tân Sửu (28-4-1961)

18. Đức Vô Cực Từ Tôn- Thiên Lý Đàn, 01-01 Quý Mão, 11-9-1963.

Được làm người là đã được đứng vào hàng Tam Tài cao trọng, nếu con người không ý thức được bốn phạm vi nhơn, cam đành dập tắt ánh sáng thiêng liêng Trời đã phú ban, để làm nô lệ cho thị dục thấp hèn thì sẽ như lời Đức Quan Thánh Đế Quân cảnh báo: “Dầu lòng từ ái vô biên của Đấng Đại Từ Đại Bi vô lượng vô biên, cũng không làm sao ẩm bồng, cất nhắc lên cho những tâm hồn mê muội, hoặc giả mê giả dối.”¹⁹

TÌNH VÔ CỰC CHÍNH LÀ TẤM LÒNG TỪ MẪU

Tình Vô Cực cũng chính là tấm lòng Từ Mẫu dành cho đàn con lạc lối thể hiện qua những lời thiết tha đầy ắp tình thương bằng ngôn ngữ của cõi thế gian mà không thể nào tưởng tượng đó là lời của một Đấng Tối Cao quyền năng bao trùm vũ trụ:

“Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương, mặc dầu nó đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.

*Mẹ không nắm quyền sanh phạt các con. Ngược lại, Mẹ nắm phần cứu rỗi. Cho nên, thương là Mẹ, yêu là Mẹ, tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn, tất cả đều là Mẹ. Các con có nghĩ đến lòng Từ Mẫu chăng?”*²⁰

Nơi cõi thế gian, không có gì cao quý thiêng liêng hơn tấm lòng người mẹ. Biết bao nhiêu là giấy mực để viết về tấm lòng trời biển của mẹ hiền: “Mẹ là giòng suối ngọt ngào, Mẹ là lời hát thần tiên, mẹ là bóng mát che trọn đời con...” “Đối với thế nhơn, tấm lòng người Mẹ được ví như như một kỳ quan của thế giới, không gì sánh kịp. Từ bậc vua chúa cho đến cùng dân không ai có mặt trên đời mà không nhờ đến công lao mang nặng

19. Đức Quan Thánh Đế Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-12 Giáp Dần 1975.

20. Thánh thất Bình Hòa, Ngọ thời rằm tháng 8 Đinh Mùi (18-9-1967).

đề đau, cứu mang hoạn dưỡng của mẹ. Người mẹ nơi hữu giới là người đã tạo cho ta một mảnh hình hài, rồi nuôi nấng xác thân này khôn lớn, lo cho ta nên người. Mẹ lo cho con từng miếng ăn giấc ngủ, từ tấm áo manh quần, sẵn sàng hi sinh tất cả kể cả mạng sống của chính mình cho con. Khi con tượng hình trong bụng mẹ là đã bắt đầu chuỗi ngày cực khổ của mẹ, cho đến con cất tiếng khóc chào đời... Biết bao là công lao của mẹ cho con.

Ngay đối với loài cầm thú, lòng mẹ cũng là điều kỳ diệu nhất. Con hùm thật dữ tợn cũng không hề ăn thịt con mình. Con gà hiền lành cũng sẵn sàng giương đôi cánh nhỏ chống chọi với bầy điều hâu để che chở con mình.

Nói lên điều này, để thấy rằng dù ở cõi hữu giới nhị nguyên với nhục thể phàm phu chất chứa đầy thất tình lục dục mà mỗi người làm mẹ đều có một tấm lòng không gì sánh được. Huống hồ là người Mẹ linh hồn toàn thiện, toàn chân, toàn mỹ với tình thương không bờ không bến.

Tình thương của Đức Từ Tôn bao trùm lên cả vũ trụ. Một thứ tình thương cho đi mà không cần đáp trả. Ai đã từng đọc qua quyển kinh Địa Mẫu để thấy rằng tất cả những gì hiện hữu trên thế gian này, phục vụ cho sự sống loài người đều do quyền năng của Ngài tạo ra. Từ nhịp thở của mỗi con người đều không ra ngoài sự bảo tồn của Đức Mẹ. Chỉ một sát na Đức Mẹ quay lưng, cả vũ trụ này chìm vào cõi chết.

Tất cả chúng ta có mặt nơi này, có thể là Nguyên nhân xuống trần do tự nguyện lãnh sứ mạng lập đời hoặc do phạm lỗi bị đày xuống trần gian, hay là hóa nhân tham dự công cuộc tiến hóa chung của vũ trụ, đều đã gặp nhau ở một điểm “men trần chưa nhấp mà mình đã say”, không còn nhớ đến cội nguồn, để không biết bao nhiêu kiếp luân hồi xuống lên trong vòng quả nghiệp. Đức Mẹ phải thúc giục:

“Hỡi tàn linh ơi hỡi tàn linh!

Có nhớ quê xưa chốn ngọc đình

Quầy gót mau về nơi cứu vớt

Thôi đừng dan díu kiếp phù sinh.”²¹

Đến Tam Kỳ Phổ Độ, cơ tận diệt gần kề để châu nhi phục thổ. Từ chín tầng thượng giới, Đức Mẹ nóng lòng vì đàn con còn ngụp lặn nơi cõi trầm luân khổ hải, phải khẩn cầu với Chí Tôn để xuống trần tìm đàn con lạc bước:

“Trong khi ấy nguyên thủy hóa sanh là Mẹ, Mẹ phải đem quyền năng thâm diệu, hầu cầu khẩn với Chí Tôn để đến thế gian vạch rõ đường đi nước bước, nhắc nhở tiền kiếp hậu lai, và cũng để cho các con thức tỉnh mà nhìn đến nguyên nhân của mình hầu quay gót trở về nơi khối Đại Linh Quang và sẽ chuyển luân trong đức hạo sanh chí trọng.”²²

Nhưng con người vẫn vô tình tối tăm chạy theo ảo ảnh trong đêm trường nhân thế, gánh chịu khổ đau khiến cho Đức Mẹ phải ngẹn ngào:

“Sao con lánh Mẹ đi đường khác?

Đến nỗi tang thương chịu nào nùng!”

TÌNH THƯƠNG NƠI CON NGƯỜI

Con người là sinh vật tối linh đứng vào hàng Tam tài đồng đẳng, ngang hàng với Trời Đất, đồng bản thể với Trời. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Thượng Đế khẳng định: *“Thấy cho các con đến thế giới này với một Thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy.”*

Hình ảnh của Thầy là hình ảnh của Tình Vô Cực, của sự thương yêu. Vậy thì con người phải là hiện thân của tình thương. Con người cũng như vạn loại được sản sinh từ đức hạo sanh, từ tình thương vô biên của ngôi Vô Cực, thì phải có mầm tình thương: *“Chính vì bởi tình thương mà tạo nên càn khôn vũ trụ vạn vật muôn loài. Chính vì bởi tình thương mà cha mẹ thương con, nuôi dưỡng chất chiu kể từ tấm bé đến lúc trưởng thành. Chính vì tình thương mà rất đổi ác thú*

21. Đức Vô Cực Từ Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọc thời, mừng 6 tháng giêng Ất Tỵ, 07-02-1965.

22. Ngọc Minh Đài, Tuất thời, Rằm tháng 10 Bính Ngọ, 26-11-1966.

*nơi chốn rừng sâu, loài ăn thịt người vẫn có tình mẫu tử chất chiu.*²³

Tuy nhiên, con người vì bị thất tình lục dục chi phối, lại thêm lòng tham lam ích kỷ, cho nên sự biểu hiện của tình thương, vốn dĩ xuất phát từ gia tài Thượng Đế phát ban, lại bị giới hạn tùy theo trình độ tiến hóa tâm linh của mỗi người.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư nói về tình thương hiện hữu nơi con người:

*“Tình thương vợ chồng con cái trong gia đình cũng là tình thương. Tình thương quốc gia dân tộc cũng là tình thương. Tình thương nhân loại cũng là tình thương. Còn tình thương muôn loài vạn vật lại là một tình thương khác nữa. Mỗi một phạm vi, tình thương đều có giá trị theo giai tầng của nó. Tình thương nhỏ hẹp như vũng nước đọng nơi dấu chân trâu, tình thương rộng hơn chút nữa ví như nước ao hồ, tình thương khác lớn rộng hơn nữa ví như dòng suối trên nguồn để về sông rạch, còn tình thương lớn rộng bao la hơn nữa ví như nước chốn đại dương.”*²⁴

Thật vậy, con người chứa chan tình thương, nhưng với thể nhân thường là thứ tình vị kỷ, con người thường thương mình hơn tất cả, vì tình thương cho đi thì phải có tình thương trả lại. Sự hy sinh của người mẹ dù có lớn lao bao nhiêu, tình thương đáp lại của con mình vẫn là niềm an ủi, vui mừng của người làm mẹ. Đó là chưa nói đến thứ tình yêu nam nữ, hiếm có thứ tình cao thượng, cho đi mà không cần đòi hỏi một sự công bằng. Cho nên tình thương đã bị giới hạn theo từng mức độ ví như dòng nước tù đọng từ trong dấu chân trâu, vô cùng nhỏ bé, cho đến lớn dần khi ra biển cả.

Con người còn nhân danh tình thương để làm những điều tội lỗi, như kẻ cướp của, giết người, vì tư lợi cũng nhân danh tình thương, như để có tiền nuôi vợ con đang trong cảnh nghèo túng. Người ta hô hào bảo vệ tình yêu

nhưng thực chất vô tình hay cố ý chỉ nhằm thỏa mãn lòng tự ái ghen hờn.

Chính vì vậy mà tình thương giữa con người với con người không thể gặp nhau, do bởi bản chất khác nhau. Đức Điều Trì Kim Mẫu nhận xét: *“Tình thương đồng đạo, đồng bào, đồng chủng các con đã có, nhưng tình thương ấy các con đã giới hạn nó trong những dấu chân trâu, thế nên chưa hòa đồng lẫn nhau giữa dấu chân này và dấu chân khác. Những hạt muối tình thương các con quá nhỏ trong lúc ao hồ sông rạch nước loãng mênh mông, thế nên vị muối không còn nguyên chất của nó.”*²⁵

Tình thương của con người là thứ tình bị trói buộc trong vòng cảm nhận của lục dục thất tình, không phải là thứ tình vượt lên trên mọi thành kiến chấp ngã như dòng nước luân lưu đổ ra biển cả. Đó là thứ tình thương gây tạo hận thù, tranh giành, tàn hại lẫn nhau.

Ngay cả rất nhiều những người nhân danh công tác từ thiện để nhằm phục vụ cho ý đồ riêng tư của mình, chứ không vì tình thương đối với người bất hạnh. Bởi vì Công quả phải là sự thể hiện lòng bác ái, từ bi đối với mọi người, mọi vật qua tư tưởng, lời nói và hành động dưới nhiều hình thức nhằm mục đích xoa dịu, giúp đỡ, ban vui cứu khổ những người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn; hướng dẫn người khác cải ác tùng lương, mà không hề để lại tuổi tên của mình hay nhận lại một lợi ích nào cho bản thân. Thì đó mới bản chất của Tình Vô Cực.

LÀM SAO THỰC HIỆN TÌNH VÔ CỰC

Để trả tình thương nơi con người về với đại dương của Tình Vô Cực, Kinh Thánh Tân Ước đã ghi lại điều răn cuối cùng mà Chúa Jésus để lại cho các môn đồ của Ngài:

“Ta ban cho các người một điều răn mới, nghĩa là các người phải yêu thương nhau. Như ta đã yêu thương các người thế nào, thì các người cũng

23. Đạo Học Chỉ Nam.

24. Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 02-11 Kỷ Dậu (1969).

25. Nam Thành Thánh thất, Tuất thời, 15-6 Tân Hợi (1971).

hãy yêu thương nhau thế ấy. Nếu các người yêu thương nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các người là môn đồ ta.”

Như vậy, Chúa Jésus cho rằng chính sự thực hành tình thương yêu đối với đồng loại của KiTô hữu sẽ là dấu hiệu để nhận ra là môn đồ của Ngài.

Với người tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để thực hành tình thương thiêng liêng cao quý này, Đức Từ Tôn Kim Mẫu chỉ dạy:

*“Con hãy thương yêu kẻ ghét mình,
Thương đời mạt kiếp khó tồn sinh
Thương thân cá chậu, vòng oan nghiệt,
Thương phận chim lồng, chốn nhục vinh;
Thương kẻ tội tình chưa thức tỉnh
Thương người mê muội mãi u minh
Có thương mới dày công quả,
Công quả là đường đến Ngọc Kinh.”*²⁶

Thực hiện lời dạy này, không phải là chuyện dễ dàng, nhưng đó lại là điều kiện cần thiết để con người có thể về tới Bạch Ngọc Kinh. Không còn con đường nào khác hơn là phải phục hồi tình thương nơi mỗi cá nhân, nhân rộng tình thương ra khắp cộng đồng. Bởi vì Tình thương trong thế giới nhân sinh hết sức cần thiết để giải quyết mọi vấn đề của con người hiện nay như lời dạy của Thiêng Liêng:

“Tình thương sẽ cứu chuộc mọi nguồn tội lỗi, sẽ là liều thuốc thần đơn trị lành mọi bệnh tình nhân loại. Tình thương là chìa khóa giải thoát con người ra khỏi bể trần tục lụy, là con đường đưa con người lên nấc thang tiến hóa.

*Ngôi vị chơn linh Tiên Phật được định giá bởi tình thương. Một tình thương cao thượng thiêng liêng sẽ giải quyết được vạn sự kiện của nhân sinh. Dòng nước bản thể luân lưu trong các hình tướng biểu hiện, sẵn có đủ vô lượng tánh để soi rọi chân như của vạn thể chúng sanh.”*²⁷

Để tập rèn Tình Vô Cực nơi con người, Thánh

giáo Cao Đài đã chỉ ra phương pháp “Công bình – Bác ái – Từ bi” là 3 con đường của Tam giáo có thể được xem là 3 mức độ của Tình thương.

▪ Công bình là tình thương ở mức độ cơ bản. Ở mức độ này, ta thương yêu nhân sinh như thương yêu bản thân mình, đối xử với mọi người như đối xử với chính mình. Những gì mình không muốn thì đừng mang đến cho người khác.

*“Đem triết luận Tây, Đông sưu tập,
Luật Công bình cao lập bên trong
Thế gian quý được cõi lòng;
Việc mình không muốn, đừng mong trao người.”*²⁸

▪ Bác ái là tình thương ở mức độ cao hơn. Ở mức độ này, ta thương yêu nhân sinh nhiều hơn yêu thương bản thân mình, đối xử với tha nhân tốt hơn đối với chính mình.

Đức Từ Tôn Kim Mẫu dạy:

*“Khi các con đã thật lòng bác ái, các con không còn thấy người sang kẻ hèn, người đại kẻ khôn, người uy quyền kẻ yếu đuối, người thân kẻ sơ. Đã không chia cách như vậy, lòng các con là một cõi bồ đề, một cõi niết bàn, một cung Diêu Trì và chính con sẽ ở trong Thượng Đế.”*²⁹

▪ Từ bi là tình thương ở mức độ cao nhất. Ở mức độ này, ta thương yêu nhân sinh nhiều đến mức quên cả bản thân mình, sẵn sàng hy sinh tất cả cho tha nhân để cứu độ tha nhân.

*“Đức từ bi thu hồi quang chiếu
Luyện được rồi, sáng diệu tâm linh;
Tỏa khai muôn dặm ánh huỳnh
An nhàn bốn cõi, thanh tịnh thiên lương.”*³⁰

Để thực hành được cả ba mức độ Tình thương này thì người tín đồ Đại Đạo đã có phương pháp Tam Công: Công trình, Công quả, Công phu. Đức Từ Tôn Kim Mẫu chỉ dạy: *“Trời Đất không riêng, đạo lý có một. Đã là có một thì không riêng, mà tư*

26. Đức Vô Cực Từ Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 26-12 Nhâm Tý.

27. Đạo Học Chỉ Nam.

28. Đạo Học Chỉ Nam.

29. Vạn Quốc Tự, Tuất thời, mừng 8 tháng 3 Nhâm Tý, 21-4-1972.

30. Đạo Học Chỉ Nam.

(XEM TIẾP TRANG 49)

BÀI HỌC KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

■ ĐẠT TUỜNG

Khai Minh Đại Đạo là một trong vài lễ trọng hàng năm của Cao Đài giáo. Như lời hướng dẫn của Thiêng Liêng, khi tổ chức một lễ kỷ niệm nào là dịp ôn lại truyền thống cùng nâng cao lòng quyết tâm tiếp nối sự nghiệp của người đi trước. Năm nay, để thành tâm hiến lễ Kỷ Niệm Khai Minh Đại Đạo, chúng ta hãy cùng nhau ôn lại bài học ẩn chứa trong những chi tiết sự kiện đã diễn ra trong đại lễ.

CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ “LỄ THÁNH THẤT”

Sau khi văn kiện Khai Tịch Đạo được thảo luận thống nhất ý kiến vào đêm 23 tháng 8 Bính Dần 1926, sẽ đăng ký thông báo với nhà cầm quyền việc công khai sinh hoạt tôn giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chư vị Tiền Khai Đại Đạo tích cực thực hiện các bước kế hoạch được Đức Chí Tôn vạch ra hầu chuẩn bị đại lễ sẽ diễn ra vào dịp Hạ Ngươn Bính Dần.

Cuộc đại lễ lịch sử này là kết quả ghi dấu nhiều khía cạnh căn bản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trước đó 3 tháng, từ khi bước vào quý 3, Thiên cơ đã bắt đầu vận chuyển những bước căn bản:

Trước hết, về danh xưng cơ sở thờ tự của Cao Đài giáo

Danh từ Thánh thất bắt đầu xuất hiện trong thư tịch Cao Đài vào ngày 16 tháng 7 Bính Dần.

“Nhu Nhân hiền đồ, nghe dạy: (...) Nơi đây là Thánh địa, Ta lập Thánh thất. Hiền đồ có lòng giúp Ta chăng?”¹

1. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu, tr 148, đàn ngày 16–7 Bính Dần (23–8–1926).

Kế đến, địa điểm được chọn làm Thánh thất là ngôi Thiêng Lâm Tự ở Gò Kén –Tây Ninh

“Trung nghe con. Con biết rằng Thánh thất đã lập tại Tây Ninh, Thầy đã cho con hiểu là Thánh địa nữa. Nguyên Đạo Thầy do nơi đó mà xuất thấu thế gian.”²

Về thời gian tổ chức

“Các con, Thầy đã lập thành Thánh thất. Nơi ấy là nhà chung của các con. Biết à!

Thầy lại quy Tam Giáo lập Tân Luật, trong rằm tháng mười có Đại Hội cả Tam giáo nơi Thánh thất. Các con hay à!”³

Nội dung cuộc đại lễ

Đại lễ đánh dấu ý nghĩa gồm 3 sự kiện quan trọng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là: thứ nhất – khánh thành Thánh thất đầu tiên, thứ hai – ra mắt Hội Thánh đầu tiên và thứ ba – Đại hội Tam giáo tiếp nhận Pháp Chánh Truyền và soạn thảo Tân Luật.

Hai ngày trước Đại Lễ, kế hoạch tổ chức từ chương trình Đại Lễ và Hội cho đến nhân sự phụ trách và thực hiện đều được Đức Chí Tôn trực tiếp hướng dẫn

“Trung, Trang, con mời thiện nam cùng tín nữ đến cầu Đạo ra ngoài. Thầy khuyên chúng nó lên Thánh thất, nơi ấy mở cửa cho cầu Đạo trọn ba tháng thì có ngày giờ nhiều cho tâm thành chúng nó thỏa nguyện.

2. Hương Hiếu, Đạo Sử II, số 101, mừng 01–8 Bính Dần.

3. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 18–9–1926 (13–8 Bính Dần).

Thầy mắc lo lập Lễ Thánh thất nghe à! ...”⁴

Trong đoạn Thánh Ngôn trên có 2 chi tiết quan trọng về mặt lịch sử:

Trước đây đã có ý kiến rằng: thấy lễ hội đã kéo dài nên Thầy ra lệnh hạn cuối phải chấm dứt ngay sau Rằm tháng giêng Đinh Mão. Thật ra thời gian cuộc hội lễ này, ngay từ đầu, đã được Thầy cho phép kéo dài suốt 3 tháng.

Tên gọi Đại Lễ này được Thầy gọi chánh thức là Lễ Thánh Thất. Cần lưu ý đến thời điểm tình hình lịch sử khi đó, danh từ Thánh thất chưa được thông dụng trong đạo hữu Cao Đài. Vì thế tên gọi này rất lạ tai và cũng rất ấn tượng.

DIỄN TIẾN ĐẠI “LỄ THÁNH THẤT”

Như thế “Lễ Thánh thất” đã được Đức Chí Tôn đích thân chỉ dẫn từng chi tiết và đã trở thành một Lễ hội trọng thể.

Phần lễ chánh thức ra mắt tân tôn giáo Cao Đài trước nhơn sanh, đã được long trọng tổ chức trong ba ngày theo như lời sắp đặt của Thầy trong đàn đêm 13 tháng 10.

Còn phần Hội, đã diễn ra trong suốt ba tháng như lời dạy trước đó của Thầy trong đàn đêm 12 tháng 10.

Về phần Lễ bắt đầu từ đêm 14 tháng 10. Diễn tiến của đêm Lễ chánh đã diễn ra như sau:

1. Tối ngày 14, sau khi thực hiện tụng kinh hành lễ xong, chư vị lập đàn theo lệnh dạy. Khi vừa giáng đàn Thầy đã rầy:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.

(...) Hành lễ bất nghiêm. Xuất ngoại nhơn, con Trang.

(...)

Nữ phái nghe Thầy lập Tịch (...). Lâm Thị phong nữ Giáo Sư lấy Thiên ân là Hương Thanh, Ca Thị phong vi Phó Giáo Sư lấy Thiên ân là Hương Ca, Đường Thị đã thọ Thiên sắc ấy cứ giữ địa vị mình...

4. Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Thánh ngôn chép tay, tờ 187A, đàn ngày 12–10 Bính Dần (16–11–1926).

Thầy ban ơn cho các con, cứ hành lễ theo lời dạy.”⁵

Ngay khi khởi đầu hành lễ đã có quá đông người đến dự. Nhiều người không có phận sự cũng vào được chánh điện để xem lễ! Nhiều đến mức Thầy phải dạy Ngài Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh (chịu trách nhiệm chánh về phần lễ theo sự sắp đặt của Thầy trong đêm 12) phải “xuất ngoại nhơn”!

Và Thầy cũng chưa Thiên phong cho quý vị ở lục tỉnh như đã hứa đêm trước mà chỉ mới ban ân Chúc sắc cho ba vị nữ để đại diện Nữ phái trong Lễ Lập Vị ra mắt Hội Thánh.

2. Trong khi Lễ Lập Vị đang được tiến hành thì xảy ra sự cố, có hai vị tuổi thanh niên, phái nam là ông Lê Thế Vĩnh⁶ còn nữ là cô Vương Thanh Chi⁷ bị tà nhập rồi nhảy múa như lên đồng trong chánh điện xưng là Tể Thiên Đại Thánh và Quan Âm Bồ Tát.

Sau đó, chư vị lập đàn thứ hai lúc Tý thời rạng ngày Rằm tháng 10, Đức Chí Tôn giáng đàn nói ngay:

Tái cầu:

“... Cả chư môn đệ đều ngu, ngu, ngu!

Thầy lập phép để làm chi? Thầy dạy sắp đặt lễ, chẳng một điều làm trúng phép. (...)

Thái Đầu Sư đâu? Tương đầu? (...) Chẳng lẽ một địa vị Thiên tước mà rẻ rúng vậy! Nhưng mà các con lại đặng hiểu rõ tà quái có quyền hành là bực nào mà giữ mình hằng buổi.

Thầy lấy làm tức cười mà lại đau thảm cho những kẻ vô phúc bị ngã vì tại bọn thử thất này.

Tái cầu khi Trang, Tương, Minh đến nghe à!

Cứ, con có lỗi trong sự ấy hiểu à? (...)”⁸

Như thế Lễ Lập Vị chưa thành vì có phần chi tiết về nghi lễ chưa thực hiện hoàn toàn đúng theo “phép” Thầy đã dạy nên đã có ảnh hưởng

5. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn chép tay, tờ 194A.

6. Về sau ông Lê Thế Vĩnh được Thiên phong Tiếp Thế Hiệp Thiên Đài.

7. Con gái lớn của Ngài Vương Quang Kỳ.

8. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn chép tay, tờ 194B và tờ 195A.

đến sự chưa thành công của việc Hội Thánh ra mắt Nhơn sanh!

Trong đàn thứ 2 này Thầy hỏi “Thái Đầu Sư đâu? Tương đâu?” và dạy tiếp “Tái cầu khi Trang, Tương, Minh đến nghe à!”. Hai chi tiết này cho thấy sau lễ Lập Vị thất bại vì sự cố tà thần quấy phá, lúc đó khi lập đàn tái cầu đã không có đủ mặt chư vị Đại Thiên Phong.

Vậy khi đó các vị này ở đâu? Chư vị đang cố gắng ổn định tư tưởng thân nhân và sắp xếp lại nội bộ gia đình quyền thuộc đang bị chao đảo.

3. Khi đã có mặt đủ ba ông Trang, Tương, Minh, bộ phận thông công lại tái cầu lập đàn lần thứ ba để nghe Thầy dạy lại:

Tái cầu 2: 15–10 Bính Dần

“(…) Thầy dặn Lịch nghe dạy, phải trấn đàn từ phía góc Thánh thất chỗ chẳng phải nội ở giữa mà thôi, rồi làm đại lễ như buổi tại chùa Vĩnh Nguyên. Nhớ đừng phát cờ lộn nữa nghe! Bồi tại con nên ra đến đồi! Hiểu à? Thầy dặn con một điều này nữa: Từ đây khá làm theo lời Thầy dạy, đừng biến cải nghe. Nghe à! (…)

Thầy buộc tái cầu đặng Thiên phong nghe à. Thầy ngự.”⁹

4. Sau đó, Lễ Lập Vị được thực hiện lại và hoàn tất vào lúc quá nửa đêm, chư vị tái cầu lần cuối (lần thứ 4) để đón nhận việc ban ân Thiên Phong như Thầy đã dặn.

Tái cầu:

“Thầy các con,

Trang ra mời chư Thiên phong lục tỉnh còn sót lại vào hầu. (…)

Tính Thầy phong chúc Giáo Sư, Nhơn đã là Giáo Hữu thấy thăng lên chúc Giáo Sư. (…)

Thầy dạy các con nhớ ngày nay là ngày kỷ niệm. Trung con phải lấy tên họ của các môn đệ có mặt tại đây ngày nay mà giữ gìn để lưu lại cho hậu thế biết nghe à.

Thầy cần dùng ba chục đứa tình nguyện đi phổ cáo xứ xa. Ai đâu? Lấy tên, con Tương. Trung kỳ, Bắc kỳ.

(Hồ Văn Đình, Nguyễn Minh Đức, Trần Văn Nhạc, Phạm Văn Thông, Huỳnh Trung Tuất, Dương Văn Hoài, Nguyễn Văn Thiện.) (7 vị)

(…) Cười, thôi con Tương. Cả thầy Thầy phong chúc Giáo Hữu. Đem đến sau. Thầy buộc học hết Thánh Ngôn rồi mới đi phổ cáo nghe à. (…)

Đêm nay các con phải thành tâm cầu nguyện đặng ngày mai Thầy lập Pháp Chánh Truyền nghe à!

Thầy không phong sắc cho ai hết đặng phạt tội ngã lòng.”¹⁰

5. Qua đêm sau, vào giờ Tý rạng 16 tháng 10, Đức Chí Tôn ban cho Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam phái.

BÀI HỌC KHAI MINH

Về tên gọi cuộc Đại Lễ

Khởi đầu vào giữa tháng 8, Đức Chí Tôn dùng từ “Đại hội... Tam giáo” khi nói đến mục đích của cuộc lễ.

Những ngày cận cuộc lễ sẽ diễn ra, khi dạy sắp đặt nhân sự và chương trình hành lễ, Thầy chính thức dùng tên là “Lễ Thánh Thất”.

Theo thời gian trôi qua những tên gọi này đã bị lãng quên và biến đổi thành nhiều tên gọi khác. Nơi Tòa Thánh Tây Ninh dùng tên Lễ kỷ niệm “Hoàng Khai Đại Đạo”, còn một số Hội Thánh khác gọi là Lễ kỷ niệm “Khai Đạo”.

Đến năm 1970, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc vâng lệnh Đức Chí Tôn và thay mặt các Đấng Tiên Khai ban danh từ chánh thức là “Khai Minh Đại Đạo” cho sự kiện Rằm tháng 10 và danh từ “Khai Tịch Đạo” cho sự kiện 23 tháng 8.

Về ý nghĩa và nhiệm vụ Sứ mạng

Lễ hội Khai Minh Đại Đạo đã diễn ra trong ba tháng từ ngày Lễ Hạ Ngươn Bính Dần cho đến ngày Lễ Thượng Ngươn Đinh Mão,

9. Thái Thơ Thanh, Thánh Ngôn chép tay, tờ 195B.

10. Tờ 196 và 197 có đàn tái cầu rạng Tý thời Rằm tháng 10 Bính Dần 1926.

khoảng thời gian này là hình tượng mang đến thông điệp có ý nghĩa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mở ra con đường sáng chỉ dẫn nhơn sanh vượt qua thời kỳ Hạ Nguơn với những đêm đen lạnh lùng u tối để tiến đến giai đoạn Thượng Nguơn Thánh Đức là những ngày Xuân tươi sáng ấm áp.

Nhưng để có thể vượt qua đêm dài tăm tối ấy, mọi người Cao Đài cần phải học thuộc và hiểu rõ bài học để thi hành nhiệm vụ:

VỚI CÁC TÍN HỮU

▪ Phải luôn ý thức hành lễ nghiêm trang trong các cuộc lễ.

▪ Bài học sự cố tà quái nhập trong buổi lễ nhắc chúng ta:

Phải luôn đặt trọn lòng tin nơi Đức Chí Tôn và Đại Đạo.

Phải luôn ghi nhớ lời Thầy: *“Các con lại đừng hiểu rõ tà quái có quyền hành là bực nào mà giữ mình hằng buổi.”* Để ý thức rằng *“Đạo khai tà khởi”*, trong thời Hạ Nguơn Mạt Kiếp này lực lượng tà quái luôn hiện diện quấy phá thử thách người tu.

▪ Lễ Khai Minh Đại Đạo đã khởi đầu từ Thủy Quan Giải Ách cho đến Thiên Quan Tứ Phước.

Lễ kéo dài 3 tháng đầu từ Lễ Hạ Nguơn Bính Dần và chấm dứt vào Lễ Thượng Nguơn Đinh Mão.

Nếu viết theo cách viết quẻ Dịch thì chữ Thủy được viết trước ở dưới, sau đó chữ Thiên viết lên trên. Đọc từ trên xuống dưới theo cách đọc quẻ kép chúng ta có quẻ đôi là Thiên Thủy Tụng.

Khai Minh Đại Đạo, Cao Đài Giáo chính thức ra mắt nhơn sanh. Cao Đài nói theo ngôn ngữ Dịch học là thời kỳ Thiên Thủy tụng vì như lời Đức Lý Thái Bạch đã dạy:

“Kỳ này lập Đạo tá danh là Cao Đài, là cái triệu chứng để lại muôn đời roi truyền trong Việt Nam, mà cũng là ngày năm châu loạn lạc, đao binh nổi dậy khắp nơi!”

Chúng sanh khá nhớ:

CAO vi CÀN; CÀN vi THIÊN.

ĐÀI vi KHÂM, KHÂM vi THỦY.

Tức là quẻ “Thiên Thủy tụng” thì chạy đâu cho khỏi số Trời định đoạt binh lửa bốn phương? Những kẻ thiếu tu, đành cam số phận. Cười, cười! (...)”¹¹

Vậy làm thế nào để vượt qua thời kỳ luôn có “tranh tụng” giữa thiên nhiên và nguồn sống của chúng sinh đồng thời lại có thêm thử thách của lực lượng tà quái?

Chỉ còn cách duy nhất là phải luôn cố gắng nghiêm chỉnh làm theo những lời dạy của Thầy và các Đấng Thiêng Liêng. Nhưng có học mới biết và hiểu để làm cho đúng. Vậy ai sẽ hướng dẫn?

VỚI CÁC CHỨC SẮC

Lời dặn “Thầy buộc học hết Thánh Ngôn rồi mới đi phổ cáo nghe à” và chi tiết trong đêm đại lễ ấy, các chức sắc nam nữ được Thiên phong đều thuộc phẩm Giáo Hữu và Giáo Sư. Điều này có ẩn ý gì không?

Theo Pháp Chánh Truyền được Thầy ban vào đêm sau rạng 16 tháng 10, nội dung với sứ mạng “phổ thông Chơn Đạo” của Giáo Hữu và “dạy dỗ chư tín đồ trong đường Đạo và đường đời” của Giáo Sư, để thực hiện trách nhiệm pháp lệnh này, người chức sắc cần phải nỗ lực tự khai sáng bản thân, sau đó sẽ góp phần khai sáng cho nhơn sanh.



Mùa Khai Minh Đại Đạo chúng ta đọc lại các Thánh Ngôn chép tay của Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, một nhân chứng có trọng trách trong sự kiện lịch sử trọng đại này. Qua đó, chúng ta có thể rút ra được một vài điểm căn bản để làm bài học cho đường tu của người tín hữu Cao Đài.

1. Về mặt lịch sử, thuở xưa tên gọi chánh thức từ lời Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn gọi cho buổi lễ là “Lễ Thánh Thất”.

Cuộc lễ này là lễ ra mắt chánh thức trước nhơn sanh với 3 nội dung chánh: Khánh thành Thánh thất đầu tiên, ra mắt Hội Thánh đầu tiên

11. Đức Lý Thái Bạch, Đào Phú Quốc 15–8 Ất Sửu 1925.

và tiếp nhận Pháp Chánh Truyền bộ luật căn bản thời Tam Kỳ.

2. Ý nghĩa Lễ Khai Minh là mở ra con đường sáng dẫn nhưn sanh đi từ thời Hạ Ngươn tiến đến Thượng Ngươn. Giai đoạn này là thời kỳ Thiên Thủy tưng loạn lạc đao binh đồng thời phải dự thi vượt những khảo thí của tà ma thử thách. Muốn được vậy, người tín hữu phải luôn giữ vững đức tin nơi Thầy và Đại Đạo.

3. Sự kiện Thiên phong các Giáo Sư và Giáo Hữu với lời dạy của Thầy “buộc học Thánh Ngôn rồi mới đi phổ cáo” nhắc nhở chư chức sắc phải nhớ đến trách nhiệm học hỏi và giáo hóa nhân sanh.

*“Dắt nhưn sanh lên đời Thánh Đức,
Đưa nước nhà đến bậc văn minh,
Ngàn năm một thuở thanh bình,
Trời Nghiêu, đất Thuấn vạn sinh cộng đồng.”* ■



THÁNH GIÁO

Thiên Đạo trường lưu khắp vạn loài,
Chuyển cơ tiến hóa nhiệm mầu thay,
Đại Thừa sứ mạng hành Thiên Đạo,
Nào quản hề đông nẻo dặm dài.

Điều mà Bản Đạo vui mừng nhứt là thế hệ tiếp nối tiến hóa hiện tại trong Đại Đạo. Sự hiến dâng của những tâm hồn ngây thơ trong trắng đã làm đẹp lòng Chí Tôn Từ Phụ trong lúc này. Bản Đạo ước mong những tay thợ vườn của khu vườn Đại Đạo khéo tay vun quén để còn các bước chân sau tiếp nối trong công cuộc cứu độ. Bản Đạo cũng thay lời chư Tiên Khai Đại Đạo để lời khuyến nhủ các trò phải cố gắng trên công trình, trên chánh đạo, vì sứ mạng trong tương lai sẽ ban trao cho những ai biết nhận lãnh sứ mạng.

■ ĐỨC ĐÔNG LÂM TIÊN TRƯỞNG, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 ĐINH TÝ (25-11-1977).

■ THIỆN CHÍ

CON ĐƯỜNG TIẾN HÓA TỪ THẦY

Song song với lịch sử nhân loại, các tôn giáo lần lượt ra đời trên khắp thế giới do tín ngưỡng tự nhiên và đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người. Đối diện cuộc sống thực tế của thế gian trong những thời kỳ đen tối do chiến họa, thiên tai, thù hận, gây ra thống khổ cho nhân sanh, các bậc Giáo chủ động lòng từ bi, lập nên các giáo thuyết, truyền bá đạo lý hầu phục hồi lương tâm con người và chấn chỉnh kỷ cương xã hội.

Trước bao nhiêu nguy cơ đe dọa đời sống, con người đón nhận các tôn giáo như cứu tinh và suy tôn các Giáo chủ là Đấng cứu thế. Đó là lẽ đương nhiên, cũng là cơ hội để các tôn giáo cứu đời.

Tuy nhiên, với mặc cảm tội lỗi và tự ti trước thần quyền, người đời trở nên thụ động, tiêu cực, mãi lo cầu xin cứu độ mà vô tình đánh mất bản vị cao quý của mình trong trời đất. Thế nên, người tín hữu bình thường sẽ lẫn lộn trong cái đạo nhất thời, không ý thức cái Đạo vĩnh cửu là con đường tiến hóa miên viễn của chúng sanh. Nên, đến Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn khai Đạo để chỉ cho chúng sanh con đường chánh đạo đó. Ngài dạy:

“Từ thuở khai Thiên tịch Địa sắp bày trần thế đến ngày nay, các con chỉ hiểu đạo khai trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay đạo khai trong cơ biến dịch đất trời. Đến ngày nay, Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ

mấy mươi năm qua, đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy. Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.”¹

ĐẠO KHAI TRONG NHỮNG THỜI KỲ HỖN LOẠN ĐỂ CỨU THẾ, HAY ĐẠO KHAI TRONG CƠ BIẾN DỊCH ĐẤT TRỜI

Suy ngẫm kỹ câu Thánh ngôn trên của Đức Chí Tôn, chúng ta hiểu Thầy ám chỉ nhận thức thông thường của người đời về “đạo” tức là tôn giáo. Trong lịch sử nhân loại, tôn giáo đã xuất hiện vào nhiều thời kỳ và mục đích chung của các tôn giáo là “cứu thế”.

Trước hết cần ôn lại định nghĩa tôn giáo là gì? Tôn giáo có rất nhiều định nghĩa, ở đây chúng ta định nghĩa theo hướng “tôn giáo cứu thế”. Cứu thế là cứu đời, cứu người đời ra khỏi cuộc sống đau khổ do nhiều nguyên nhân, nói chung là do đạo đức suy đồi. Vậy cứu đời là xây dựng lại một xã hội đạo đức bằng cách dạy con người sống có đạo đức.

Thánh nhân lập giáo vì đời hỗn loạn, trị loạn bằng cách dạy con người gìn giữ tam cương ngũ thường, trị cái loạn của bản thân mình. Đó là cách cứu thế của đạo Nho.

Đức Phật lập đạo cứu khổ cho con người bằng cách dạy con người giác ngộ, diệt vô minh của bản tâm mình.

Đức Chúa mở đạo vì thế gian thiếu tình thương, đạo Chúa cứu thế bằng cách dạy con người đức hy sinh và đức tin nơi Thiên Chúa.

Do hoàn cảnh lịch sử xã hội, do đời sống thực tế có nhiều bất trắc khôn lường, con người xưa nay đón nhận các đạo giáo như cứu tinh đến an ủi tâm hồn và giải quyết nhu cầu tâm linh tại thế gian. Đó là lẽ đương nhiên tương đối mà con người hiểu đạo với trình độ tiến hóa hiện tiền của mình.

Bước qua Tam Kỳ Phổ Độ, sự xuất hiện một

tôn giáo mới như đạo Cao Đài, nhân sanh đều nghĩ rằng đây là sự mở đạo cứu đời như nhiều đạo khác trước đây trong bối cảnh xã hội loạn lạc nhiều như ở đầu thế kỷ 20 tại Việt Nam. Nhưng điều ít ai biết được là:

*“Người những tưởng Cao Đài tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương!”²*

ĐẠO LÀ CON ĐƯỜNG DUY NHẤT CỦA VẠN LINH SANH CHÚNG

Xưa nay hiểu đạo như trên không phải là sai, nhưng Thầy muốn nhân sanh hiểu đạo với ý nghĩa phổ quát hơn là đạo khai để đối trị những thời kỳ hỗn loạn hay đất trời biến dịch. Tuy các tôn giáo thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau nơi mỗi dân tộc, đất nước khác nhau, phong tục tập quán đa dạng, nhưng tựu trung đều nhằm giác ngộ tâm linh. Tâm linh là chỗ vượt ngoài đối đãi, sắc phách hay không gian thời gian. Tâm linh đồng nhất nơi mỗi chúng sanh. Nhưng giác ngộ không chỉ để nhận chân lẽ biến dịch vô thường tại thế gian; giác ngộ để thấy và đi trên con đường tiến hóa. Con đường tiến hóa này là con đường duy nhất nên nó là Đạo.

Thế nào là con đường duy nhất? Chúng sanh căn trí vô lượng, tôn giáo gồm vạn giáo, làm sao để đi trên con đường duy nhất? Con đường duy nhất ấy bắt đầu từ đâu và đích điểm là nơi nào?

“CON ĐƯỜNG DUY NHẤT TỪ THẦY BAN PHÁT ĐẾN THẾ GIAN...”

1. Rõ ràng con đường này là con đường tiến hóa tâm linh. Vì Thầy là Bản thể tâm linh của vũ trụ, là Bản thể Đại linh quang. Thầy “ban phát” ở đây là ban phát điểm linh quang cho chúng sanh. Cho nên từ ngay mức “khởi hành”, chúng sanh đã có sự đồng nhất nơi tự thể. Bất cứ pháp môn tu tập nào muốn đạt được cuộc tiến hóa tâm linh, phải vận dụng tự thể đồng nhất này có hiệu quả, vì không thể có tự thể nào

1. Ngọc Minh Đài, 29–12 Bính Ngọ (08–02–1967).

2. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, 07–3 Giáp Dần (30–3–1974).

khác hơn là tự thể do Thầy ban phát. Do đó, con đường tiến hóa đích thực đương nhiên là con đường duy nhất. Kinh điển, pháp môn các tôn giáo gọi là chánh đạo hay chánh pháp. Vì chánh chỉ có một, còn tà thì vô số.

Tuy nhiên, chánh đạo chỉ được xác minh khi nào nó dẫn đến cứu cánh “trở lại cùng Thầy”. Vì nếu nó xuất phát từ Bản thể đồng nhất, nó phải là con đường duy nhất, cuối cùng mới kết chung nơi bản thể từ khởi thủy.

2. Chỉ còn một nghi vấn nêu lên: liệu có tôn giáo nào không chấp nhận sự hiện hữu của “Thầy” – Đức Chí Tôn Thương Đế – thì dựa vào đâu làm cứ điểm cho “con đường duy nhất”? – Xin hãy an tâm, Thầy đã trả lời giúp chúng ta: *“Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi!”*. Như thế Thầy đã tự đồng nhất với bản thể hư vô, và bản thể hư vô lại đồng nhất với Đạo.

3. Lại hỏi: Có phải Đạo vừa là “con đường”, vừa là “bản thể”? – Thầy đã dạy tiếp: *“Nên chi, trong thời kỳ Hạ nguơn, chính mình Thầy dùng khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thân hồi những điểm linh quang Thầy đã cho đến trần gian trở về khối Đại linh quang.”*

4. Nghiên cứu Thánh ngôn trên, chúng ta thấy Thầy đã dạy rất rõ ràng sự đồng nhất giữa “đường Đạo” (Thầy dùng khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thân hồi những điểm linh quang Thầy đã cho đến trần gian) và “bản thể” (trở về khối Đại linh quang)

Tóm lại, giáo lý Đại Đạo đã xác minh Bản thể của vũ trụ vạn vật là đại linh quang, hàm tàng Thượng Đế hữu ngã, Thượng Đế vô ngã, chúng sanh, con đường tiến hóa tâm linh của chúng sanh. Nói chung là Đại Đạo.

“TỰ THỂ GIAN CÁC CON TRỞ LẠI CÙNG THẦY” LÀ ĐẮC NHẤT

Theo Thánh ngôn của Thầy, kết thúc con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng là “trở lại cùng Thầy”. Câu nói tuy đơn giản, nhưng nó đã hoàn thành một qui luật, từ đó chỉ ra nguyên lý

nhất quán toàn bộ Cơ tiến hóa trường lưu của vũ trụ vạn vật mà các Đấng gọi là Thiên cơ. Đó là Nguyên lý đặc nhất hay “được một”

Khi Thầy gọi nhân sanh là “các con” tức đã nhìn nhận nhân sanh đồng một thể với Thầy. – Khi nói “trở lại” tức quay về nơi đã ra đi, vậy khởi thủy, kết chung là một – “cùng Thầy” tức hiệp Một với Thầy.

Nguồn gốc là Thầy, cứu cánh cũng là Thầy, vậy Thầy là duy nhất tối thượng vĩnh cửu.

Bản thể Đại linh quang là Thầy, Thái Cực hóa sanh là Thầy, “Thường thi thần giáo dĩ lợi sanh” là Thầy. Thầy là bản thể, là chủ thể sanh hóa dưỡng dục quần sanh. Thầy vừa động, vừa tĩnh, vừa sanh hóa, vừa làm cho tiến hóa. Tất cả đều thuộc về một ngôi, hữu ngã là Thái Cực Thánh Hoàng, vô ngã là đạo. Đạo hay Đại Đạo chỉ có một.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Nầy chư đạo hữu! Tất cả các pháp biến hiện trên đời đều do vạn duyên mà khởi, từ cái to rộng bao la cho đến nhỏ như hạt vi trần cũng vẫn có nhân duyên để khởi sanh vạn pháp. Vì thế mà Đức Đạo Tổ Lão Quân chỉ dùng có hai chữ “Đắc nhất” để thành đạo. Đức Thích Ca Như Lai chỉ dùng một câu “Phản Bản Huồn Nguyên” để chứng kim thân chánh đẳng chánh giác. Hai bậc Đạo Tổ đã từng quán triệt chỗ hư linh để xả vạn duyên mà đắc pháp, đó cũng là thực sự chứng minh cho hậu thế tìm đường giải thoát “liễu tử siêu sinh.”³

Vậy “đắc nhất” hay “được một” cũng là nguyên lý để thực hành con đường Phản bản hoàn nguyên, đồng thời là Nguyên lý của Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Về con đường phản bản hoàn nguyên, Thầy từng dạy:

“Các con, hay nói chung là nhân loại, những hột giống linh căn được chọn gieo vào vũ trụ, được ban phát quyền tạo hóa, để lập thành cuộc

3. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 07-5 Quý Sửu (07-6-1973).

ngự trị cõi thế gian mà các con gọi là đời. Mọi sự vật trên đời, nguyên nhân là Lý, là Đại Đạo, là Thầy, là Cha chung của vạn loại.

Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi Thượng Thiên Vô Cực.”⁴

Về sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chú Tiên Bối lương dạy:

“Một ánh linh quang tỏa khắp cùng,
Khai Minh Đại Đạo gọi nhuần chung,
Soi đường chánh giáo kỳ nguơn hạ,
Mở lối tiên thiên buổi cuối cùng.
Đem mảnh can trường làm đuốc tuệ,
Một dòng chơn lý định thời trung,
Dầu cho sứ mạng sau hay trước,
Hãy nhớ Thiên ân thuở chín trùng.”⁵

SỨ MẠNG CỦA VẠN LINH ĐANG ĐI TRÊN CON ĐƯỜNG DUY NHẤT

Sáng suốt tìm hiểu lẽ sống còn

“Hỡi các con! Hãy cố tìm sự sáng suốt Thầy đã ban cho mỗi trẻ từ Bạch Ngọc Kinh đến đây để suy đoán kiếp sanh tồn của con, và con nắm vững sự sáng suốt ấy để chầu Thầy hằng bữa đang ngự trị nơi lòng con, thì dầu cho bao nhiêu biến trạng cũng không làm con lạc đạo xa Thầy.”⁶

[...]

Sửa mình tu tâm luyện tánh

“Các con tìm đến với Thầy để học đạo như hiện trước đây các con về chầu Thầy thì đạo ấy là Thầy và các con; các con cần nên sửa mình tu tâm luyện tánh, diệt hết lục dục thất tình, để yên lặng mà trông thấy đạo, mà hành đạo và trở lại Thầy, như Hạ, Thu, Đông đã mãn là mùa Xuân đến với các con.”⁷

[...]

4. Đức Chí Tôn, Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Kỷ Mùi (04-12-1979).

6. Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

7. Ibid

Thương người và độ người

“Thầy muốn thực hiện cho rõ lý đạo, Thầy phải nhờ nơi các con thay Thầy làm người đi trước để rước kẻ đến sau, và các con nên nhớ rằng: Nếu các con không thương được kẻ ghét mình thì khó mong gần gũi với Thầy, hay con hiểu đạo bằng một lối hiểu thường tình, ắt cũng phải trầm luân đọa lạc.”⁸

Quay bánh xe đại thừa vào khắp chốn

“Con ôi! Con hãy dành tất cả tình thương cho đồng loại. Hãy quên mình vì cứu độ, quay bánh xe đại thừa vào khắp chốn, đừng buồn khi gặp những chướng ngại. Có vào lửa đỏ mới cứu được kẻ bị hỏa tai, có chịu sóng gió bão bùng mới vớt được người chết đuối, có hòa mình cùng nhân thế mới độ được thế nhân. Tùy khả năng, tùy duyên cứu độ, đó là đại lễ các con hiến dâng lên Mẹ mỗi độ Trung Thu.”⁹

Dẫn thân cắm giềng mối Đạo

“Tu hành để giải xong tiền nghiệp,
Hầu nhẹ nhàng mà tiếp Thiên ân,
Thiên ân khi đã gọi nhuần,
Thênh thang thế lộ, Thánh Thần trợ duyên.
Khi dẫn thân cắm giềng mối Đạo,
Tức là đang gỡ tháo tiền khiên,
Tức là tạo bát nhā thuyền,
Rước đưa khách tục vượt miền vô minh.
Thì trước phải dọn mình chân chính,
Quyết một lòng tâm hạnh nêu gương,
Ngôn từ hòa ái dễ thương,
Đại nhân, đại lượng, dẫn đường tha nhân.”¹⁰

Noi theo Trung Đạo

Con đường duy nhất trở về Thượng Đế hay Chánh Đạo phải là con đường không thiên lệch và bất biến. Không thiên lệch-bất biến chính là Đạo Trung Dung hay Trung Đạo.

8. Ibid

9. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Mậu Ngọ (14-9-1978).

10. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Kỷ Mùi (04-12-1979).

Đức Mẹ dạy:

“Các Đấng Giáo Tổ hằng mong cho các con được đạt lý đạo để hóa hoằng chánh pháp cứu khổ nhơn sanh. Con ôi! Từ ngàn xưa các bậc Giáo Tổ thành đạo trên phương pháp thời trung, tùy thời để quy phục nhơn tâm giáo dân vi thiện, không thái quá, không bất cập, chỉ nhắm vào trung đạo tạo thế quân bình cho xã hội nhơn loài.”¹¹

“Gìn lòng giữ dạ chớ phai mờ,
Trung đạo chặt gìn mối đạo cơ;
Đem hết tình thương cho mọi kẻ,
Điều Cung Từ Mẫu mãi mong chờ.”¹²

Ý NGHĨA CÔNG CUỘC KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

Đoạn Thánh ngôn trên đây đã nhấn mạnh tính chất đặc biệt của công cuộc khai Đạo thời Hạ nguơn này do chính Đức Chí Tôn chủ sử. Đã đành Đạo khai để cứu thế, nhưng lần này Đạo khai để chúng sanh chủ động tự cứu, chủ động hội nhập vào quy trình tiến hóa trong trời đất. Vì Thầy đã dạy rõ:

“Các con nghĩ kỳ mà xem, chẳng một điều chi gọi là huyền bí cả. Nhưng lẽ huyền bí thiên nhiên vẫn đến với các con và ở nơi các con, mà các con đang nương theo lẽ huyền bí ấy để sanh trưởng cõi trần. Thầy dạy như thế để các con hiểu thêm chữ Đạo nhiều hơn. Con ôi! Luật Thiên Điều sáng tỏ, máy Trời đất vận hành, nên Thầy đã từng nói với các con: Sự thương yêu là cơ thể của Thầy. [...]”

Hỡi các con! Hãy cố tìm sự sáng suốt Thầy đã ban cho mỗi trẻ từ Bạch Ngọc Kinh đến đây để suy đoán kiếp sanh tồn của con, và con nắm vững sự sáng suốt ấy để châu Thầy hằng bữa đang ngự trị nơi lòng con, thì dầu cho bao nhiêu biến trạng cũng không làm con lạc Đạo xa Thầy.”¹³

Chúng ta hãy lắng lòng suy đoán kiếp sanh tồn của nhân sanh là gì? Nguyên nhân của sự

sống và sự chết của con người là biết đi trên con đường tiến hóa duy nhất hay lạc bước ra ngoài do ngã nghiêng theo dục vọng. Thầy đã giải đáp cho chúng ta rằng:

“Sở dĩ nhân loại ngày nay đã chịu trong luật đào thải của Nguơn Hội xây vắn và luôn luôn biến thiên khổ lụy, nào cơ cần điều linh, nào thiên tai chiến họa. Con ôi! Từ Phụ vẫn là đức hạo sanh, mà chính con lại tạo nên đường tận diệt. Bởi thế, Thầy phải đem hình thức Thánh Thể sắp bày nơi trần gian cũng như Thầy đã vạch rõ máy hành tàng vận chuyển sự sinh tồn của con ra trước mắt, để con tìm thấy sanh môn tử hộ, tìm thấy Thầy là các con, các con là Thầy. Tất nhiên không phải cầu cạnh huyền thuật cao siêu hay tìm ở lý trí xa xôi, tạo nên những gì để cơ cấu chịu đảo lộn, mà trần gian lại phải một phen luân chuyển điều tàn.”¹⁴

KẾT LUẬN

Đoạn Thánh ngôn nêu trên như một thông điệp hi hữu trong lịch sử tôn giáo nhân loại, cho thấy Đức Chí Tôn Khai Minh Đại Đạo nhằm vừa soi sáng sự hiểu biết rất giới hạn của nhân sanh về vai trò của tôn giáo hay đạo cứu đời, vừa mở rộng tầm mắt của thế nhân trước ánh sáng Đại Đạo để chủ động tham gia vào cuộc vận hành của Thiên cơ (tức Đạo) trên quy trình tiến hóa.

Do đó, để giúp cho những người con tin của Thượng Đế nói riêng, cho nhân sanh nói chung, thấu hiểu Thánh ý của Thầy, Đức Vạn Hạnh Thiên Sư đã đặt vấn đề đức tin của người tín hữu Đại Đạo như sau:

“Bần Tăng muốn chư đạo hữu tự hỏi lại lòng có khi nào lưu tâm đến cái lý xác thực trong việc thờ kính chiêm bái hằng ngày hay chăng? [...]”

Bần Tăng phân như vậy là muốn cho chư đạo hữu hãy tĩnh sát nội tâm để tu hành cho đắc quả. Thời kỳ này Đức Huyền Khung Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đến với nhân loại bằng chiếc đàn không dây,

11. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11–11 Bính Thìn (31–12–1976).

12. Đức Mẹ, Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 20–11 Ất Tỵ (12–12–1965).

13. Ngọc Minh Đài, 29–12 Bính Ngọ (08–02–1967).

14. Ibid

bằng chiếc địch không lỗ để tái tạo dinh hoàn lập Thượng nguồn thánh đức. Chỉ có một Thiên Nhân trong sự sùng bái của dân tộc này dưới bằng hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Như vậy thì tất cả những người Thiên ân chúc sắc tín đồ đạo hữu nhằm vào hình thức nào, ảnh hưởng nào, để biết được Đấng mà chư Thiên ân chúc sắc tín đồ đạo hữu đặt niềm tin trọn vẹn với bao sự hy sinh cao cả từ buổi sơ khai? Trước tấm mặt được họa lên bằng giấy bút, không có đem đến cho nhân loại chúng sinh một gương mẫu giá trị nào cụ thể như Thích Ca Phật Tổ, như Khổng Thánh Tiên Sư, như Gia Tô Giáo Chủ, chư Thiên ân chúc sắc tín đồ đạo hữu vịn vào lý do nào để đặt trọn niềm tin hiện tại mà quên mình hành đạo, có phải chăng do huyền nhiệm trên ngọn linh cơ hay trong vị đồng tử? Nếu niềm tin đặt như thế thì chưa hẳn là niềm tin chân lý của người giác ngộ tu hành.

[...]

Tóm lại, Bản Tăng muốn bảo với chư liệt vị đạo hữu như thế này: Các hình thức phô bày trong vạn hữu, các pháp biến hiện ở trần gian đều do nhân duyên của mỗi con người cấu tạo. Cảnh và tâm là hai mà một, một mà muôn ngàn duyên nghiệp chúng tử hằng sa. Thì giờ đã điểm đúng với Thiên cơ, tất cả mọi cái giả sẽ trở về với vạn vật để chi phối mà tạo nhân duyên, còn lại, nếu người giác ngộ ắt nhận thấy cái thực để nắm giữ và dưỡng nuôi cho trở thành một hạt giống trên cõi tối thượng Niết Bàn hay vào nơi vô sinh bất diệt. Đó mới chính thực là Đạo, là quyền năng sở hữu của Tạo Hóa ban cho con người, và con người là một trong tam tài có thể huyền đồng thiên địa như Lão Tử, Thích ca, v.v.”¹⁵

Giải đáp được vấn đề, chúng ta sẽ ý thức rằng: Đức Chí Tôn khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là mở ra cho nhân sanh con đường Đại Đạo để bước thêm một bước tiếp theo Nhất kỳ và Nhị kỳ, cũng là bước vĩ đại sau cùng đưa vạn linh sanh chúng lần lượt phân bốn hoàn nguyên!■

15. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-5 Quý Sửu (07-6-1973).



CA (THI CA LIÊN HÀNH)

Không tận lực lễ Trời sao thấu,
Có thủy chung mai hậu huy hoàng,
Dầu cho trái mấy thương tang,
Vẫn còn một mảnh tâm đan chói lòa.

■
Chói lòa ánh đạo bủa trần gian,
Mát mẻ lòng người thế mới an,
Thế mới an rồi thành Đại Đạo,
Thiên ân dành sẵn cõi Thiên Đàng.
Đàn anh tiến, đàn em cũng tiến,
Đủ pháp quyền vượt biển đặng sơn,
Chỉ cần một mảnh tâm đơn,
Vào đời tạo thế nghĩa nhơn hiệp hòa.

■
Hòa hiệp hướng về chỗ tối cao,
Đất, Trời, Ta, vốn có xa nào,
Cùng sanh cùng trưởng, cùng thâm liễm,
Hòa hiệp hướng về chỗ tối cao.

■
Chỗ tối cao Cao Đài ngự trị,
Chưởng pháp quyền trong lý vận hành,
Biết nhìn nhận chốn khởi sanh,
Mới nên được đạo tài thành Hóa Công.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG
GIÁO LÝ, 14-10 BÍNH THÌN (04-12-1976).



Đạo lý vốn thường hành nhứt tụng,
Do con người sống đúng thiên chơn;
Một đời trọn nghĩa trọn nhơn,
Nhơn năng hoằng đạo chi hơn đầu là.
Người bỏ Đạo hóa ra ly loạn;
Nước nhờ dân khêu sáng quốc hồn,
Đạo, dân, người được trọng tôn,
Nhà yên nước trị vĩnh tồn muôn thu.

■ ĐỨC QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG
GIÁO LÝ, 12-10 NHÂM TUẤT (26-12-1981).

ĐÔI ĐIỀU TÂM ĐẮC khi học lời Đức Khổng Thánh và các đấng Tiên Nho dạy

Cuộc đời và sự nghiệp của Đức Khổng Tử rất đa dạng, phong phú về nhiều mặt. Ngài đã gặp bao nhiêu vương, công, hầu, khanh, tướng, hiền giả triết nhân. Riêng cuộc hội ngộ bất ngờ giữa Ngài và thần đồng Hạng Thác là một sự kiện nhiều ý nghĩa. Chuyện xảy ra như sau:

Đức Khổng Tử cùng một số học trò, trên đường qua nước Tần, gặp một số thiếu nhi chơi đùa giữa đường. Ngài ngồi trên xe nhìn đám trẻ, thấy một cậu bé cặm cùi lấy cát đắp một cái thành nhỏ mà không đùa giỡn. Ngài hỏi cậu bé:

- Đây cậu bé, có sao cậu không chơi đùa cùng với mấy đứa trẻ kia?
- Đùa giỡn thì vô ích, vì có thể bị rách áo quần, nhọc công mẹ vá, lại buồn lòng cha, nên tôi không giỡn. – Cậu bé đáp.

Nói xong, cậu tiếp tục lo đắp thành. Đức Khổng Tử lại hỏi:

- Cậu không tránh cho xe của tôi đi sao?



Cậu bé thản nhiên đáp:

– Từ xưa đến giờ, xe phải tránh thành, chứ có bao giờ thành phải tránh xe đâu!

Đức Khổng Tử nghe cậu bé trả lời một câu bất ngờ, liền xuống xe lại gần hỏi nhiều điều, được cậu trả lời thông suốt, sau đó cậu hỏi lại Đức Khổng Tử mấy câu mà Ngài bối rối.

– Năm nay cháu bao nhiêu tuổi?

– Thừa cháu 6 tuổi.

– Cháu mới 6 tuổi mà sao đã hiểu biết sớm thế?

– Cháu nghe nói con cá nở ra 3 ngày đã bơi tung tăng từ hồ nọ đến hồ kia. Con thỏ 6 ngày đã chạy khắp đồng cỏ. Cháu sinh ra 6 năm thì mới được thế.

Lần này thì Đức Khổng Tử thật sự ngạc nhiên:

– Này cháu! Ta xem cháu cũng khá lanh lợi đấy. Nay ta hỏi nhé: Trên núi nào không có đá? Trong thú nước nào không có cá? Có loại cửa nào không có cổng? Loại xe nào không có bánh? Trâu nào không sinh con, ngựa nào không đẻ? Con dao nào không có cán? Thử lửa nào mà không khói? Chàng trai nào mà không có vợ? Cô gái nào mà không có chồng? Thử chi không có trống không có mái? Ngày nào thì ngắn, ngày nào thì dài? Loại cây gì không có cành? Thành nào không có quan viên? Con người nào không có tên riêng?

Hạng Thác nghĩ một thoáng rồi đáp:

– Trên núi đất thì không có đá. Trong nước giếng thì không có cá. Loại cửa không có cánh thì không có cổng. Kiệu dùng người khiêng thì không có bánh. Trâu đất không sinh con, ngựa gỗ không đẻ. Dao cùn không có cán. Lửa đom đóm không có khói. Thần tiên không có vợ. Tiên nữ không có chồng. Chim mái cô đơn không có trống, chim đực cô đơn không có mái. Ngày mùa đông ngắn, ngày mùa hạ dài. Cây chết không có cành. Thành bỏ không có quan viên. Trẻ em mới sinh không có tên riêng.¹

1. Khi đi học mới có tự – tên chữ.

Lúc này Hạng Thác liền hỏi:

– Vừa rồi Phu Tử hỏi cháu nhiều, đến lượt cháu hỏi Phu Tử: Tại sao mà con ngỗng con vịt lại nổi bông bênh trên mặt nước được ạ? Chim Hồng Hạc sao lại kêu to thế. Cây tùng cây bách xanh cả mùa hè lại cả mùa đông là vì sao?

Khổng Tử đáp:

– Con ngỗng con vịt có thể nổi bông bênh trên mặt nước là nhờ 2 bàn chân vuông là phương tiện. Chim Hồng hạc kêu to là vì cổ chúng dài, tùng bách xanh tươi 4 mùa là vì thân chúng đặc rắn.

– Thừa không. Con rùa nổi trên mặt nước đâu có phải nhờ đôi bàn chân vuông làm bàn đạp. Con ếch ương kêu to mà cổ nó có dài đâu. Cây trúc 4 mùa cũng xanh mà ruột chúng rỗng đấy thôi

Chú bé lại nói:

– Phu Tử cho phép cháu hỏi thêm. Tại sao mặt trời buổi sáng lại to mà buổi trưa lại nhỏ?

– Là bởi mặt trời buổi sáng gần hơn!

– Thế tại sao buổi sáng trời lại mát, buổi trưa mặt trời xa hơn mà lại nóng như thế?

Khổng Tử đang ngập ngừng thì Hạng Thác hỏi tiếp:

– Cháu không làm sao hiểu buổi sáng mặt trời mọc ở phương Đông, buổi chiều lặn ở phương Tây, rồi sáng hôm sau lại mọc ở phương Đông (mà không từ phương Tây mọc lại) và sao người ta lại đặt tên 1 trái núi là Bất Chu (không tròn). Trên trời có bao nhiêu ngôi sao?

Khổng Tử thở dài trách:

– Mình đang ở dưới đất mà lại hỏi chuyện trên trời!

– Vậy thưa ngài dưới đất có mấy cái nhà?

– Cháu còn ít tuổi mà lại thích hỏi những chuyện xa xôi viển vông ở tận nơi đâu. Chuyện trước mắt thì không hỏi.

– Vâng, cháu xin hỏi chuyện ngay trước mắt đây thôi. Lông mày của Phu Tử có bao nhiêu sợi ạ? – Hạng Thác cười.

Đức Khổng Tử quay sang nói với môn đệ: “Thật hậu sanh khả úy!”

Giai thoại này được Đức Chí Tôn giảng lại trong bài “Luyện kỹ tu thân” trong Đại Thừa Chơn Giáo:

“Các con nên hiểu rằng lúc Đức Khổng Tử dạy về Nhơn Đạo thời chưa thông Thiên Đạo, còn dùng tâu nhục.

Đến khi ngộ Đạo cùng Hạng Thác, người tri trai thủ giới, nên mới có câu:

*Thiên sanh Khổng Tử chơn kỳ trí,
Tánh mạng công phu thi bất minh,
Vãng trần lộ ngộ Hạng Thác vi sư,
Lão tắc đồ ty thiếu vi tôn.*

Cùng câu “Trai minh thanh phục, yếu dục dưỡng tinh.”

Sau người Châu Tử chẳng thông thời vụ, học Trung Dung chưa rồi mà luận đến Thiên Đạo lại chê Lão Tử, Khổng Tử rằng luận thuyết “hư vô tịch diệt” là dị đoan. Có phải là ếch nằm đáy giếng xem trời nhỏ chẳng?”²

Đại Thừa Chơn Giáo (tr.214) giải rõ thêm:

“Người mới tu đạo hạnh phải giữ cho hoàn toàn, trước nhân đạo cho xong, rồi sau bèn học đến Thiên đạo là tâm cơ Siêu thoát ra khỏi thế giới vật chất mà đến cõi thế giới tinh thần.

Bực Đại Thừa dạy về vô hình, nên cần tu tánh luyện mạng muôn việc có như không có. Xưa kia Khổng Thánh cũng đã rõ thông chí lý về Đại Thừa trong lúc Hạng Thác truyền trao, nên sau mới thành đến bực “Đại thành chí thánh”. Nhưng phần nhiều truyền dạy cho đời là chỉ về đường nhơn đạo, cứ lo rộng mở cho con người biết luân thường đạo lý.

Còn về tâm pháp thì dạy cho có một phần rất ít trong đệ tử thôi. Cho nên đời sau tưởng lầm rằng Khổng Thánh không hề tu luyện đến Thiên Đạo, chớ kỳ trung sao sao cũng phải rõ thông cơ Tạo Hóa, hòa hiệp máy âm dương mà luyện thành kim đơn thì mới thành Đạo đặng. Vậy Đại Thừa tức là “Đại học chỉ đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện.”

2. Bản song ngữ Việt Pháp, 1950, tr.254.

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ ĐỨC KHỔNG THÁNH

Đức Khổng Tử sanh ngày Canh Tý tháng 11 (tháng Tý) năm 21 đời vua Linh Vương Nhà Chu năm Canh Tuất 3(năm 551 trước tây lịch), tại huyện Khúc Phụ, Làng Xương Bình, nước Lỗ, nay thuộc tỉnh Sơn Đông. Cha đặt tên Khổng Khâu, tên chữ là Trọng Ni.

Cha là Ông Thúc Lương Hột. Mẹ là bà Nhan Thị Trưng Tị.

Năm 3 tuổi đã thích cúng tế. Thành nhân làm Uy lại coi việc tính toán đo lường. Kế làm Tư chúc lại coi việc chăn nuôi trồng tía.

Năm 34 tuổi diện kiến với Đức Lão Tử. Sau đó đi chu du liệt quốc.

Năm 56 tuổi về nước Lỗ giữ chức Trung Đô Tể (giữ quốc thành của nước Lỗ), kế làm quan Tư Không rồi Đại Tư Khẩu kiêm Tướng quan (Tể tướng). Ngài thi hành pháp công chém đại phu Thiếu Chính Mão.

Khi hội với nước Tề ở Giáp Cốc, tài ngoại giao của Ngài buộc Tề phải trả các đất đã chiếm của nước Lỗ. Tài cao đức trọng thì bị nhiều dèm pha, Ngài phải từ chức ra đi.

Từ năm 68 tuổi, Ngài chuyên vào công tác văn hóa để lại sự nghiệp cho muôn đời là san định Kinh: Thi, Thư, Lễ; tự viết kinh Xuân Thu và viết Thập Dục cho Kinh Dịch.

ĐẠO NGHIỆP

Sự nghiệp của Ngài là đạo đức dạy về Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, nhưng học trò và người đời sau phần lớn chỉ học Nhơn Đạo và Thần Đạo còn Thánh Đạo thì chỉ một số ít học trò theo được mà thôi. Cụ thể là Ngài Nhan Hối, người mà Đức Khổng Tử chọn là Trưởng Tràn⁴ để kế nghiệp lại sống như một đạo sĩ.

“Một kiếp con người ngắn tựa gang,

3. Phan Bội Châu, “Khổng Học Đăng”, nhà xuất bản Văn Hóa Thông tin, 1998, tr.15.

4. Năm 30 tuổi Ngài Nhan Hối qua đời, Đức Khổng Tử than: “Ôi! Trời làm mất người truyền đạo của ta. Ôi! Trời làm mất người truyền đạo của ta.” (Y! Thiên táng dư! Thiên táng dư).

*Phù dung sớm nở lại chiều tàn,
Công danh phú quý đường mây nổi,
Vinh nhục tồn vong thể bọt tan.
Thẻ ngọc đai vàng thêm một trí,
Túi cơm bầu nước khô thanh nhàn,
Vui mùi đạo lý ham tu học,
Hạnh đức trau tria được vẹn toàn.”⁵*

Phản trị thế

Đức Khổng Tử chủ trương “chính danh về mặt Nhân đạo và tôn Chu về mặt chính trị Thần đạo.” Con Người đối với Ngài không phải là một sinh vật hai tay, hai chân về mặt sinh học, nhưng mang giá trị đạo đức khi làm tròn danh phận của mình. Câu mà chúng ta thường đọc là “quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.” (Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con.)

Ngài Mạnh Tử triển khai thuyết chính danh này rõ ràng. Khi có một người hỏi “Ngài dạy tam cương: Quân thần cương đứng đầu mà sao có kẻ giết vua Trụ?”. Ngài đáp lại liền: “Ta chưa từng nghe ai giết vua, chỉ là kết liễu cuộc đời một ác nhân tên Trụ mà thôi, kẻ đã nhẫn tâm mổ bụng phụ nữ xem thai bào, ném người vào ao rắm.” Chính vì thế Đức Khổng Tử than “vi nhân nan, vi nhân nan!” (Làm người khó, làm người khó).⁶

Muốn làm đạo thì phải học, Đức Khổng Tử kể lại kinh nghiệm đời Ngài và giúp cho đời sau noi theo: “Ngô thập hữu ngũ nhi chí vụ học. Tam thập nhi lập. Tứ thập nhi bất hoặc. Ngũ thập tri thiên mệnh. Lục thập nhi nhĩ thuận. Thất thập nhi tàng tâm sở dục, bất du cử”.

CÔNG THỨC = ĐỨC CÔNG BÌNH

Đức Khổng Thánh dạy “Kỷ sở bất dục, vật thi

ư nhân.” (Việc gì mình không muốn thì đừng cho người khác.)⁷

LẬP CHÍ

Lập chí là sự định hướng tư tưởng, lời nói, hành động và mục đích cao thượng và kiên trì thực hành. Thời của Đức Khổng Tử đi học là để học đạo lý, hành đạo là ứng dụng đạo vào gia đình, quốc gia, xã hội. Về sau đi học chỉ để tìm công danh phú quý, mất ý nghĩa cao đẹp ban đầu. Đức Khổng Tử dạy:

“Người tu trong Đại Đạo phải có một đại chí, phải có một lòng đại độ bao dung thì mới thành công đắc quả trên đường Đạo.

Ví người tu học đã bước lên nấc thang tiến hóa có thể đi đến tột bậc gọi là “siêu nhân loại”, thì người có chí ấy đâu phải thấp hèn nhỏ nhen, phải có một tấm lòng quảng đại mới dám hy sinh cả thân tâm, gia đình, sự nghiệp vật chất dưới thế trần này để tu tạo sự nghiệp tinh thần thiêng liêng nơi thượng giới, để ảnh hưởng trường tồn bất diệt, chớ những điều danh lợi dưới thế trần này đều mộng ảo như phù vân, như sương đeo ngọn cỏ. Vì có câu: “phú quý như môn tiên tuyết, ân tình như thảo thượng sương”, chỉ có đạo đức là lẽ thật mà thôi.

Bởi vậy, từ cổ chí kim, biết bao những bậc hiền triết, thánh nhân, kẻ thì ẩn sĩ nơi lâm sơn cùng cốc, còn người thì vui thú nơi chốn điền viên, lấy trời đất làm nhà, lấy non sông làm thê tử, lấy nhân loại làm sự nghiệp, vui thú cờ Tiên rượu Thánh, tâm hồn bao la man mác trên cõi hư không, coi quả địa cầu này còn chật hẹp.

Người có đại chí như thế mới đạt thành sở nguyện trên đường đạo đức.”⁸

HỌC, TẬP

Đức Khổng Tử dạy: “Học nhi thời tập chi, bất duyệt diệc hồ.” (Học rồi thực hành, đó

5. Đức Nhan Uyên, Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên, 1961, tr.21.

6. Bên Tây phương có một hiền giả đồng quan điểm này, giữa trưa đốt đuốc vào chợ, quần chúng ngạc nhiên hỏi “đi đâu?” Ông đáp: “Đi tìm không ra một con người.”

Chúng ta, toàn cả thế giới ngày nay cũng đang lâm vào tình trạng đạo đức suy đồi, những việc làm trái luân thường đạo lý ngày nào các báo cũng đăng tải làm các bậc trách nhiệm trong đạo, ngoài đời phải lo lắng.

7. Đức Ki-Tô dạy cũng đồng một ý: “Việc gì mình muốn người khác làm cho mình thì hãy làm cho người khác.”

8. Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên, 1961, tr.51.

không phải là một việc vui thích sao?)⁹ Ngài dạy phương pháp học tích cực động não chứ không tiêu cực ngồi nghe thụ động: “Học nhi bất tư tắc vãng, tư nhi bất học tắc đãi.” (Học mà không suy nghĩ thì mờ ám, suy nghĩ mà không chịu học thì nghi ngờ mà không yên.) Học rồi phải đem ra thi hành giúp mình, giúp đời. Đức Khổng Tử dạy “Học mà không hành là bệnh.”

**SO SÁNH CÁC GIAI ĐOẠN HỌC TU THEO LỜI DẠY
CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ VÀ ĐỨC QUAN THẾ ÂM**

STT	ĐỨC QUAN ÂM DẠY	ĐỨC KHỔNG TỬ DẠY
1	NHẬP MÔN	CÁCH VẬT
2	GIỮ ĐẠO (*)	TRÍ TRI
3	HỌC ĐẠO	THÀNH Ý
4	HIỂU ĐẠO	CHÁNH TÂM
5	TU THÂN LẬP HẠNH	TU THÂN
6	HÀNH ĐẠO	TẾ GIA
7	ĐẮC ĐẠO	TRỊ QUỐC
8		BÌNH THIÊN HẠ

(*) Sách Trung Dung dạy: “Đạo dã giả, bất khả tu du lệ dã, khả lệ phi đạo dã. Thị cố quân tử giới thận kỳ hồ kỳ sở bất văn.” Nghĩa là “Đạo chẳng khá bỏ lìa ra giây lát, nếu lìa ra thì chẳng phải Đạo. Cho nên người quân tử rắn dè chỗ mình không thấy, e sợ chỗ mình không nghe (tuy không thấy, không nghe, chớ cũng chẳng dám khinh dễ).

HÀNH ĐẠO
Đức Khổng Tử không đem đạo của mình ra thực hành¹⁰ vào các nền chính trị được vì vua không chịu tu thân¹¹, nên Ngài chú tâm truyền

9. Người xưa dạy “một cân thực hành bằng ngàn cân lý thuyết.”
10. Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Khổng tử dạy: “Nhiều môn đệ chỉ tu dục vọng, Nên sự hành chẳng trọn chơn tâm, Mãi lo lộn lạo phạm tâm, Nên tình đoàn thể khó tầm viễn phương.” Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, 1961, tr.47.
11. Người có trách nhiệm phải làm gương thi hành. Đức Khổng Tử dạy: “Nếu chênh mảng khó rồi việc Đạo, Luật không hành khó bảo người hành, Đạo không trực lợi cầu danh, Đạo lo tu kỷ tạo thành vị ngôi.” Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, 1961, tr.46.

lại cho thế hệ sau bằng giáo dục. Nhân loại đã tôn Ngài là “Vạn thế sư biểu”.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài dạy chúng ta: “Bốn phận làm người ở thế gian có ba điều lo nghĩ:

- 1) Lúc nhỏ, nghĩ đến lúc lớn thì chăm học.
- 2) Lúc già, nghĩ đến lúc chết thì chăm dạy.
- 3) Lúc có, nghĩ đến lúc không thì chăm cứu giúp.

Ấy là chí của người quân tử phải thực hành như thế.

Chư môn đệ sống trong thời buổi cuối Hạ nguơn này hữu duyên lành ngộ Tam Kỳ Phổ Độ thì thấy rõ ngày tương lai như thế nào. Nếu trước không lo đào bến với đắp bờ, thì cơn sóng gió, thuyền dật dờ, không nơi nương tựa. Chư môn đệ đã tìm hiểu lý đạo là thế ấy, thì hiện giờ đây với bốn phận của tuổi trẻ, nên ráng cố cần tu học cho thông tường giáo lý.

Với tuổi già, thì ráng đem hết khả năng ra để dạy lại cho đàn em. Nếu trẻ già đều đồng tâm, hiệp ý, tận tụy với sứ mạng, thì lo chi cho cơ Đạo không phát triển vẻ vang.

Nhưng trái lại, tuổi trẻ với tuổi già thường chênh lệch đụng chạm nhau luôn, lắm lúc phải ngưng trệ cơ tiến hóa. Chư môn đệ phải ráng dung hòa, lấy chí quân tử khoan hồng đại độ đối với kẻ dưới, dù cho có tính ngoan cố, bĩ bạc, thì lỗi ấy sao qua được luật thiên điều trước án ngũ lôi.

(...) Tu học cố cần việc sám kinh,
Học thông giáo lý để trau mình,
Học rồi hành sự không sai lạc,
Học để cứu đời buổi khổ chinh.”¹²

Phần trị thân và trị tâm
NGUYÊN TẮC CHUYỂN HẬU THIÊN LẠI TIÊN THIÊN
Đức Khổng Tử dạy: “Tiên thiên nhi Thiên phát vi, thiên thả phát vi, hướng ưu nhơn hồ, hướng ư quỹ thần hồ.” (Trước Trời thì Trời không trái,

12. Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên, 1961, tr.52.

Trời đã không trái, thì hưởng chi người hay quý thần.) Đại Thừa Chơn Giáo (tr.248) ghi lời Đức Chí Tôn dạy:

*“Tiên thiên cướp đặng mối nên cho,
Tâm tức nường nhau thần khí mò,
Tới lửa lui bùa diên hống kết,
Biết phương bắc chảo với xây lò.”*

PHẦN TRỊ THÂN = CHÁNH KỶ

Đức Khổng Tử dạy “Chánh kỷ hóa nhân.” Một vị môn đệ xin hỏi: “Bạch Thầy, xin Thầy giảng thấp hơn một chút để chúng con dễ thi hành.”

“Kỷ là cái miệng của con đó, điều chi không đúng đừng nói; kỷ là con mắt con đó, điều chi không đúng đừng xem; kỷ là cái tai con đó, điều chi không đúng đừng nghe.”

Đó là “tứ bất tà” (tứ tưởng chánh trực) trong Nho giáo bằng “tứ vật” đó là: “Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động.”

Đức Khổng Tử dạy: “Muốn cho thân tâm gọi nhuần đạo đức thì chữ hiền đồ lập tâm: tai ngơ, mắt quáng trước hiện tình vật chất thể gian, khóa lấp mạch sâu.”¹³

Học theo Đức Khổng Tử phải dùng tâm ý rất nhiều:

“Quân tử hữu cửu tư:

- thị tư minh (minh bạch),
- thính tư thông (thông suốt),
- sắc tư ôn (ôn hòa),
- mao tư cung (cung kính),
- ngôn tư trung (trung tín),
- sự tư kính (kính thành),
- nghi tư vấn (học hỏi),
- phận tư nạn (giận nghĩ đến nạn khổ),
- kiến đắc tư nghĩa (lợi nghĩ đến điều nghĩa).”

Muốn trị thân phải tuân giới quy. Đức Khổng Tử dạy:

*“Đây Thánh Sư giờ lành hạ điển,
Đem đôi lời khuyên thiện nhơn sanh,
Bước tu luật lệ lo hành,*

13. Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên, 1961, tr.18.

Kể tâm đừng có ham danh lợi trần.

Tu là lo giữ phần đạo đức,

Tu giống chuông tỉnh thức kịp kỳ,

Giữ theo ngũ giới điều quy,

Tân luật hành đặng thống quy mấy hồi.”¹⁴

PHẦN TRỊ TÂM = TỌA VONG

▪ PHÉP TỒN TÂM DƯỠNG TÁNH

Tồn tâm dưỡng tánh là con đường Thiên đạo của Nho giáo.¹⁵ Kinh Dịch dạy về Nhơn đạo và Thiên đạo đủ hết. Quẻ Phục về Thiên đạo có câu “Phục kỳ kiến Thiên Địa chi tâm hồ”. Quẻ Hàm dạy “Quan kỳ sở cảm, nhi Thiên Địa vạn vật chi tình khả kiến hỷ.”

Trong quẻ Hàm, Đức Khổng Tử đã kết nối từ Thiên đạo đến nhơn đạo “Tự quái, hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật; hữu vạn vật nhiên hậu hữu nam nữ; hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu phụ; hữu phu phụ nhiên hậu hữu phụ tử; hữu phụ tử nhiên hậu hữu quân thần; hữu quân thần nhiên hậu hữu thượng hạ; hữu thượng hạ nhiên hậu hữu lễ nghĩa hữu sở thổ.”

Việc tu bắt đầu ở chỗ biết tâm.

“Biết tâm là chỗ khởi tu,

Tâm thường giống ruồi lo thu trở về.”

Đó là vượt lên khỏi thân phận làm người:

*“Biết được phép tồn tâm dưỡng tánh,
Thì bước lên làm Thánh làm Hiền.”*

▪ TAM CANG THEO THIÊN ĐẠO

Sang phần Thiên Đạo, tam cang mang ý nghĩa mới. Đức Chí Tôn dạy:

“Trời có ba báu là nhật, nguyệt, tinh, hay là tam ngươn thượng, trung, hạ. Đất có ba báu là thủy, hỏa, phong. Người có ba báu là tinh, khí, thần. (...) Người nhờ ba báu đó mà tạo Tiên tác Phật.”

14. Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên, 1961, tr.46.

15. Đức Mạnh Tử dạy “Nhơn chi sở dĩ dị vu cầm thú giả kỷ hi, thú dân khứ chi, quân tử tồn chi.” (Mạnh Tử, Ly Lâu hạ, chương 19). Nghĩa “Cái chỗ con người khác với cầm thú thật không xa mấy. Kẻ thú dân thì bỏ mất sự sai biệt ấy, còn người quân tử thì biết bảo tồn nó.”

Theo Tam Giáo (Nho Thích Đạo) thì ba báu ấy như vậy:

Nho thì có tam cương:

- Quân thần cương là ngươn thần,
- Phụ tử cương là ngươn khí,
- Phu thê cương là ngươn tình,

Tại sao Quân thần cương là ngươn thần?

Thần ở trong mình con người như vị Đế Vương cai quản một quốc gia, Khí cũng như lục hầu tể tướng, Tình như con dân. Hễ vị Đế Vương hôn muội thì quốc dân bất minh, chứ hầu tể phục làm sao mà bình trị quốc gia? (...)”¹⁶

▪ TIỀN TRÌNH THỰC HÀNH, LỰC ĐỘ¹⁷ THEO KHỔNG GIÁO

Đức Hà Tiên Cô dạy:

“Muốn đạt huyền công, giữ sao lòng hằng thanh tịnh.

– Chỉ niệm¹⁸ thì không dục, nên sách Đại Học bảo ta tri chỉ,¹⁹

– định đến tịnh,

– tịnh rồi mới an,

– an rồi mới lự.²⁰

– Lự đây là suy nghĩ chân chính, mà có suy nghĩ chân chính là do tâm đã an định. Nếu tâm chưa an định thì cái niệm đầu phải là trí huệ, là bát nhã.”²¹

Đức Phật dạy giới, định, huệ.

Phần Giới trong Khổng giáo là CHỈ. Phần Định: TRI TÂM = TỌA VONG (tức TỌA THIÊN của Phật giáo).

Ngài Nhan Hối dạy: “Đạo chi thể (buông thân thể), Truất thông minh (bỏ thông minh), Ly hình khử trí (lìa hình bỏ trí), Đồng bực Đại Thông (cùng hiệp với Đấng Đại Thông,

Đức Thượng Đế), thử vi tọa vong (đó chính là ngôi quên).”

Đạt được kết quả tọa vong là đạt được vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã của Đức Khổng Tử. Ngài Bạch Tẩn Lão Nhơn viết trong Dưỡng Chơn Tập “Quên thì không có ta, ta còn không có, ai dấy niệm đây!” Tọa vong để chấp trung quán nhất. Đức Chí Tôn dạy:

“Thiên Đạo này

Nho giáo gọi là: Chấp trung quán nhất

Thích giáo gọi là: bảo trung quy nhất

Đạo giáo gọi là: thủ trung đắc nhất

Người tu đến bực Đại Thừa đã thọ chơn truyền bí pháp rồi thì cần phải phân chia ngày giờ mà tu luyện cho cái tâm trở nên trong sạch, chẳng bận hồng trần, phản hồng vi bạch mà yên tịnh lặng lẽ để đoạt cơ Tọa Hóa, vào bộ Tiên gia hầu thấu tiếp cái huyền khí của Trời đem hiệp với cái ngươn khí của người mà tạo thành tiên đơn.

Vậy nên đây Thầy dạy kỹ các con tu bực Đại Thừa phải cần tâm nơi thanh khí mà hỗn hiệp âm dương, điều hòa đủ 8 lượng chơn dương, 8 lượng chơn âm làm thành một cân đại được tại cung Ly, rồi điều dưỡng đủ thập ngoạt hoài thai, tam niên nhũ bộ, thì cái chơn thần mới giao tiếp tiên thiên mà nhập xuất Thiên môn được, song cũng do nơi Thầy tùy công đức mà bố hóa cho các con.”²²

Tọa vong được rồi thì chuyển hậu thiên lại tiên thiên.

KẾT LUẬN

Thời gian có sau trước nhưng “đạo pháp trường lưu”, vấn đề trước tiên của đạo giáo muôn thuở là:

Trước tiên giáo dục cho mỗi người và mọi người trở nên một con người chính danh. Thành người rồi mới tu tiến lên được hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Đạo trị thế của Đức Khổng

16. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Thập tự Tam thanh”, đàn ngày 28-8 Bính Tý (13-10-1936).

17. Lực độ của Phật giáo là bố thí, tri giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

18. Chỉ niệm: Ngừng tạp niệm, dứt nhớ nghĩ lộn xộn.

19. Tri chỉ: Biết ngừng lại.

20. Lự: lo toan, suy tính (to think over, to consider). Có câu Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu (Người không lo xa, ắt có chuyện âu lo ngay.)

21. Bác Nhã Tịnh Đường, 20-02 Nhâm Tý (03-4-1972).

22. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Trung tâm đạo Đại thừa”, đàn ngày 09-8 Bính Tý (24-9-1936).

Tử cốt tủy ở “chính danh” ấy. Thời này Đức Khổng Tử dạy:

*“Này chư môn đệ nữ nam,
Muốn làm Tiên Phật, trước làm hiền nhân.
Hiền nhân trọng sự tu thân,
Tu thân là sửa thân tâm trọn lành.”*²³

Chú tâm vào việc tu thân, chúng ta phải lập chí, rồi thực hành bát điều mục: cách vật, trí tri (giai đoạn học vấn), thành ý, chánh tâm (giai đoạn lập tâm), tu thân (sửa mình cho đúng đạo), tề gia, trị quốc, thiên hạ bình.

Thời đại Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế chọn dân tộc Việt Nam để cho nhà yên, nước thanh làm hạt nhân để lập Thánh đức tại thế gian. Đức Khổng Tử dạy:

*“Cơ Đạo sắp đến ngày vinh quang, nhiệm vụ chư môn đồ rất hữu dụng tối cần, vì nước Việt Nam được chọn làm trung ương thánh địa trên quả địa cầu này, thì ngày tương lai ngũ châu đều đến tâm đạo để thọ chơn truyền. Nếu chư môn đệ tuổi trẻ không cố tâm tu học, rồi ngày ấy hữu dụng được chăng?”*²⁴

Về mặt Thiên đạo, Đức Khổng Tử dạy “vi nhân nan đắc, thiên hạ tối linh”, muốn kiến được Thiên địa chi tâm, cảm được thiên địa chi tình, hành giả phải “tồn tâm dưỡng tánh” bằng cách thực hành tứ vật để đi trọn lục độ thì mới hiệp nhất được cùng Đấng Đại Thông. Thời Tam Kỳ hiện nay Đức Khổng Phu Tử dạy:

*“Đạo đức VÂN ngôn cảm hóa người,
Gìn tròn TUYÊN thệ, chớ tâm lời,
Rừng Nho KHỔNG Tử công khai giáo,
Biển Đạo THÁNH Sư đã cạn lời.
Thế sự HUNG vong tồn mạc trắc,
Tam Tông NHO, Thích, Đạo Thầy Trời,
Khai minh GIÁO lý hoàn cầu hiểu,
Việt quốc CHỦ trương Đạo cứu đời.”*

Chúng ta được Đức Mẹ ban hồng ân trong

Lễ Hội Yến thọ trước Đào Tiên để được dồi dào điển quang mà lo học, tu, hành đạo cho kết quả.

Tương tự như thế, Đức Chí Tôn cũng ban trước cho chúng ta Thánh danh để tu hành cho viên thành đạo quả. Đức Khổng Tử dạy:

“Bồi Đức Thượng Đế là Cha lành của nhân loại, đầy đủ toàn tri, toàn năng, thông suốt cả quá khứ, hiện tại cùng vị lai, mới mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, dùng huyền diệu cơ bút giáo hóa nhơn sanh cho trở nên bậc Hiền Thánh tại thế này.

Chư môn đệ ngày hôm nay đã rõ lắm, Đức Thượng Đế đã ban phong chư môn đệ vào bảng Thánh, ấy là chư môn đệ lãnh mạng Thánh nhân tại thế trần này đó.

Thật chư môn đệ hữu phước quá, đối với Thánh Sư hành đạo suốt cả đời, đến chết thiên hạ mới tôn là Chí Thánh, rồi mới được Thượng Đế ban ân cho.

Còn đối với chư môn đệ hiện nay, việc làm chưa hoàn toàn nên bậc Thánh mà được Đức Thượng Đế ban trước cho danh Thánh, lại được hân hạnh phần đời cũng tôn sùng luôn, ấy là hữu phước lắm.

Vậy chư môn đệ ráng cố gắng tu học để thực hành cho đúng với sứ mạng của Thánh Nhân tại trần. Vậy từ đây, mỗi môn đệ đã thọ phong vào bảng Thánh, đã có cơ hội đủ phương tiện để tạo vị lập ngôi Thánh Nhân tại trần này.

Sự đời chẳng khác dòng thủy triều, khi lớn lúc ròng, khi trong lúc đục, khi nổi ba đào lúc yên lặng như tờ. Chư môn đệ chẳng khác nào những tay thủy thủ đang chèo thuyền bát nhã trên dòng thủy triều để vớt những khách trần hồi đầu nhô lên khỏi nước kêu cứu, thì chư môn đệ có phận sự cứu vớt lên thuyền, rồi phải đủ tài đức đảm đương tay lái, dây lèo để tiến vào bờ giác ngộ đến bến vinh quang. Ấy là chư môn đệ đã hành tròn Thánh vị vậy!”²⁵

Xin cầu và nguyện được như thế.■

23. Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên, 1961, tr.122.

24. Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên, 1961, tr.52.

25. Thánh huấn hiệp tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên, 1961, tr.83.

CẦN GHI NHỚ LỜI MINH THỆ LÚC NHẬP MÔN

■ HUỆ NHÂN

Trong phần trước¹ của loạt bài “Những điều người tân tín đồ cần biết”, chúng ta đã nhắc đến và tiếc cho những người không biết đạo và buồn cho những người hành đạo hời hợt, nhưng chưa đề cập đến trường hợp người vào đạo rồi lại bỏ đạo. Trường hợp này là nguy hại nhất nên xin được cảnh giác bằng một phần riêng: CẦN GHI NHỚ LỜI THỆ LÚC NHẬP MÔN.

Cảnh giác này cho người nhập môn vào đạo và cho cả vị chức sắc bảo trợ việc nhập môn tại các Thánh sở. Đức Phạm Hộ Pháp trong một lần thuyết đạo có đề cập đến việc minh thệ như sau:

“Bản Đạo nói thật, buổi Đức Chí Tôn đến tạo Quốc Đạo cho nòi giống rồng tiên này, chính Ngài đã cầm cơ đi đến các tỉnh, kêu từ nhà, gọi từ đứa con, cho không biết bao nhiêu bài khuyến dạy tạo thành một nền tôn giáo Cao Đài (...) Đức Chí Tôn đến độ rồi, lập giáo, rồi lại bắt minh thệ.

Hỏi tại sao Ngài lại bắt

minh thệ? Là buộc con cái Ngài phải hiệp đồng cùng nhau. Mỗi người có một chút đức tin. Thấy bảo quy đức tin ấy lại, phải có tâm đức tin tưởng, yêu ái lẫn nhau, phải nhìn nhận có Thấy, có đức tin nơi Thấy.

Hại thay, có nhiều đứa con của Ngài cũng nghe, cũng tìm Đạo, cũng thọ giáo, cũng minh thệ đủ phép tắc biết bao nhiêu khi mới đến cùng Thấy, quỳ dưới chơn Thấy, vậy mà hễ ra khỏi chơn Ngài rồi thì lại phản phúc Ngài và con cái của Ngài.”

“Đạo là quý, của quý chẳng bán nài”

Đạo rất quý, vì nhờ học Đạo con người mới có thể tiến hóa, giải thoát khỏi cảnh trần thế này, thế nên Đạo không thể như “đồ hàng bông ngoài chợ” (nói như Đức Thánh Trần) mà người cầm lên kẻ bỏ xuống lúc nào cũng được. Đạo có cái giá của nó. Càng quý giá càng cao. Nếu người nào không ý thức, tùy tiện cầm “Đạo” lên rồi lại bỏ xuống, là phải trả giá đắt. Cái giá phải trả này được ghi rõ trong lời minh thệ lúc nhập môn.

2. Thánh ngôn hiệp tuyển.

Có lẽ cần phải nói trước điều này: Lời thệ, còn được gọi trân trọng là “lời minh thệ”, của người tân tín đồ trong lễ Nhập môn, là có khác nhau giữa các Hội Thánh. Ngay trong nội bộ một Hội Thánh, mỗi Thánh thất, Thánh tịnh ở địa phương cũng chưa thật giống nhau. Trong bài này, chúng tôi lấy cơ sở là lời minh thệ nhập môn buổi đầu Khai Đạo của chư Tiên Khai Đại Đạo, và lời minh thệ này có ghi rõ trong Thánh ngôn hiệp tuyển, quyển 1.

Lời thệ lúc nhập môn gồm tất cả 36 chữ như sau: “Thề rằng từ đây biết một đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng; hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài. Như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục”.

Nội dung lời minh thệ tạm chia làm 2 phần:

Phần cá nhân: “Từ đây biết một đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng”. Người tân tín đồ phải trọn tâm trọn lòng tin tưởng Đức Cao Đài, một lòng giữ Đạo đến suốt đời.

Phần đối với tập thể: “Hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài”. Người tân tín đồ đồng thời cũng có trách nhiệm tương thân hòa ái với các đạo

1. Bài viết số 1: Ý thức về việc Ôn Trên khai Tam Kỳ Phổ Độ và duyên phước của người đạo Cao Đài (trong loạt bài Những điều người tân tín đồ cần nhớ).

hữu khác để “gìn luật lệ Cao Đài” (sẽ được đề cập thêm).

Phần cuối lời Minh thệ: “Như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục”. Lòng đây là lòng dạ, tâm chí. “Lòng hai” hay hai lòng là lòng dạ thay đổi không còn như lúc lập thệ. Nói rõ ra, lòng hai tức là trước chấp nhận nhập môn vào Đạo nhưng sau lại bỏ không giữ Đạo nữa.

Thiên tru địa lục. Tru là hình phạt rất nặng; lục nghĩa đen là giết chết. Thiên tru địa lục là trời không dung đất không tha mà bắt tội rất nặng. Luật đời, tru lục là kể rõ tội ra rồi xử chết chém. Trời đất tru lục có thể ở cả hai phần xác và phần hồn, chịu hình phạt rất nặng mà không thể nào trốn tránh được!

Tại sao lời thệ nhập môn lại nặng như vậy?

Tại vì qua lời thệ ấy ta đã chọn rõ cho mình bên phía chánh đạo, Ta đã bước vào một lần ranh biên giới, tuy vô hình, nhưng rất rõ ràng rằng Đạo tịch của mình ghi rõ hai chữ Cao Đài. Việc đọc lời thệ là một tuyên ngôn dứt khoát (cho mình và cho cả thế giới vô hình). Ta đã chọn con đường theo Cao Đài Ngọc Đế. Và từ đó:

Bản thân người tân tín đồ nhứt tâm đưa chơn linh mình tu tiến; đồng thời “hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài”, nhứt tâm thương yêu đồng đạo và cùng tuân giữ Luật Đạo.

Ở thế giới vô hình, chư Thần

Thánh sẽ có trách nhiệm bảo trợ người tân tín đồ ấy. Đây là điều rất cần thiết, và vì có nhiều sự việc chuyển động trong thế giới vô hình nên ta không thấy. Sử đạo Cao Đài chép rằng:

Tháng 8 năm 1926, ngày mồng 1 tháng 7 Bính Dần, trong một buổi đàn tại Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc), Đức Chí Tôn giảng dạy đoạn Thánh ý quan trọng:

“Chư Thần Thánh Tiên Phật cả thấy đều náo động cũng vì các con.

Quý vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thấy chẳng chịu cho hành xác. Chúng nó hiệp Tam Thập Lục động toan hại các con nên Thấy sai Quan Thánh và Quan Âm đến giữ gìn các con. Nhưng phần đông chưa lập minh thệ nên chư Thần Thánh Tiên Phật không muốn nhìn nhận (...).

Vậy nội ngày mai, con (tức ngài Ngọc Lịch Nguyệt – HN) phải lên thiết đàn tại Chợ Lớn, nhà Trung, cho cả môn đệ Thấy lập Minh thệ đủ mặt hết nghe.”

On Trên hai lần nhắc đến từ “minh thệ” nên chúng ta cần hiểu rõ thêm về hai chữ này:

Minh nghĩa là lời thệ (liên minh, đồng minh: cùng liên kết thề ước giúp đỡ nhau). Sách xưa có câu: minh sơn thệ hải. Lời thệ dù núi có mòn, sông có cạn cũng không bao giờ thay đổi. Minh sơn thệ hải nói gọn lại là minh thệ, chẳng đổi dạ đổi lòng.

Đoạn Thánh giáo xưa, ghi trong Thánh ngôn hiệp tuyến, Đức Chí Tôn đã cho biết rõ: Nếu chúng ta chưa lập minh thệ thì chư Thần Thánh Tiên Phật không có “cơ sở”, không có lý do để cực nhọc bảo vệ mình, trong lúc quý vương cùng tam thập lục động đang tích cực hại mình đủ mọi cách.

Trong lời minh thệ có câu “Hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài”

Luật lệ Cao Đài chánh yếu là bộ Tân Luật, do chư Thiên phong chức sắc cao cấp theo lệnh On Trên lập nên. Sau ba lần trình dâng chỉnh sửa, bộ Tân Luật đã được Đức Chí Tôn phê duyệt và ban hành giữa năm 1927 (01-6-1927). Về sau, nhiều Hội Thánh ban hành thêm luật riêng cho chi đạo của mình.

Nội dung bộ Tân Luật gồm 3 phần: đạo pháp, thể luật, và tịnh thất. Người tín hữu Cao Đài học và hành theo Tân Luật sẽ định hướng chính xác đường tu hành để thăng tiến một cách vững vàng. Vì vậy truyền đạt nội dung Tân Luật cho tín đồ là nhiệm vụ của chư chức sắc các cấp, trong đó, việc cần thiết đầu tiên là giữ ngũ giới cấm (các nội dung này sẽ được chúng tôi đề cập đến trong những bài sau).

Hai vị tín đồ tiến dẫn vị tân tín đồ, cùng các chức sắc chức việc Thánh thất sở tại, nên lưu ý đến chi tiết quan trọng này, không nên vì nhu cầu muốn

tăng số tín hữu nhập môn mà hời hợt hay bỏ qua những lời dặn dò cần thiết trước khi làm lễ nhập môn, minh thệ. Nói như ngoài đời, khi ký hợp đồng, người ký phải nắm rõ nội dung hợp đồng ấy. Lời minh thệ “gìn luật lệ Cao Đài” không chỉ đơn giản giữ Đạo, đi cúng lạy là đủ.

Là người vào Đạo đã lâu năm, chúng ta cũng nên thật cẩn thận, cần xét nét khi tiến dẫn vị nào đó nhập môn. Chúng ta chưa thấy luật nào nói đến trách nhiệm người tiến dẫn, trách nhiệm người đứng ra chủ trì lễ nhập môn, nhưng so theo lẽ đời, trách nhiệm đó phần nào là có vậy. ■

ĐỒNG NGUYÊN VẠN GIÁO

(TIẾP THEO TRANG 7)

sinh từ những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Trước thời kỳ này, các tôn giáo như Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo đều biệt lập với nhau về thể đứng trong xã hội lúc bấy giờ, nhưng bản chất con người Giao Chỉ vốn là hảo hòa nên sự thể hiện tinh thần đồng nguyên ba nhà đạo giáo ấy qua các Đấng Tiên Vương cho mở những trường thi Tam Giáo và cho những giáo lãnh, những bậc tu hành mỗi phái này được tham dự vào công cuộc đại sự quốc gia. Song le, những cuộc trao đổi thi thố tài năng giữa ba nhà đạo giáo ấy khi xưa chỉ có tánh cách hình thức nông cạn mà thôi.

Vì sao? Vì ba nhà này chỉ được quyền phát huy tôn giáo của mình mà chưa có ý thức qui mô về sự trao đổi giáo lý hòa hiệp tinh thần, cho nên trải qua từng thời gian, phái này thanh bởi nắm được quyền bính nơi tay, thì phái kia phải chịu thối thân vào nơi lạng lẽ để tu dưỡng hành đạo.

Tuy nhiên, nói như vậy không phải là dân mình thời ấy và dần dần những năm kế tiếp

không có tư tưởng đồng nguyên Tam Giáo. Chính tư tưởng đồng nguyên Tam Giáo ấy được thể hiện đầy đủ nơi chốn dân gian qua đời sống nhân tâm tiêu dao xa lánh lợi danh để tu tâm dưỡng tánh, hay có chăng làm những việc lành để khỏi bị luân hồi kiếp nạn về sau, hay dốc chí đem tài đức của mình ra để tế gia trị quốc.

Sự đồng nguyên của ngày xưa là ở chỗ đó, không tác thành một hệ thống rõ rệt, một là có tính cách thi thố tài năng với nhau, hai là bàng bạc trong mọi tầng lớp xã hội nhân gian.

SANG ĐIỂM THỨ HAI LÀ SỰ ĐỒNG NGUYÊN TAM GIÁO TRONG THỜI ĐẠI NÀY

Tục ngữ có câu: Có bột mới gột nên hồ. Những tư tưởng dung hòa Tam Giáo từ xưa đã là những nền tảng của bột để sang đến thời kỳ này, Đức Chí Tôn mới thị hiện để làm nên hồ, có đầy đủ một hệ thống giáo lý căn bản không sót từ xưa, chẳng những từ cổ tới kim mà còn từ Đông sang Tây nữa.

Điểm phong phú dồi dào sinh lực tinh thần ở thời kỳ Hạ Nguơn này là như thế. Tam giáo, Tứ giáo và cả vạn giáo nữa để góp thành một tôn giáo mệnh danh là Cao Đài giáo hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhưng lẽ sống dồi dào trên phương diện tinh thần này không phải đơn thuần có sự sống ban cho nhơn loại rồi thôi, nhơn loại tha hồ mà hưởng. Nếu thế thì nói làm chi nữa. Từ mấy chục năm nay, vì bên cạnh nguồn sống đạo vô biên nhưng tín nhiệm này, trong xã hội loài người đã có một sự phá giá rất to về sự sống, về lẽ sống tinh thần đi rồi. Lặp lại thêm những trạng huống ấy chỉ cho thêm đau lòng ở kẻ chơn tu nhiệt thành ưa tế độ! Thôi thì hãy trở lại con đường phải làm sao để không hổ danh với nhiệm vụ dung hòa Tam giáo hay vạn giáo, tức là chu hiện đệ hiền muội không phải theo lối xưa của các vị vua muốn thử tài các ông đạo sĩ tăng lữ nữa, mà phải dung hòa trên tinh thần chơn thật.

Vạn Hạnh Đạo Tràng hay Văn phòng đại diện để phổ thông giáo lý nơi đây nói riêng, là thể hiện điều đó.

Bần Tăng muốn bảo rằng: Mỗi khi chư hiền đứng lên nói lời đạo lý về tôn giáo mình giữa những người bạn khác cũng nói lên giáo lý của họ, thì chư hiền và những bạn khác không phải cách biệt nhau bởi màn tư tưởng tranh đua với nhau, mong cho lời nói của mình ra được nhiều người hưởng ứng hơn các bạn khác. Như vậy, sẽ không có ý nghĩa đồng nguyên nào cả, mà chỉ là cuộc tranh tài nơi thí trường cho thiên hạ xem, không hơn không kém.

Chư hiền sứ mạng nên lưu tâm điều đó luôn để nâng đỡ các bạn ở những tôn giáo khác, để họ không có một mặc cảm không tốt đẹp nào mỗi khi đặt chân lên bục, vì giáo lý của những giáo chủ ấy chư hiền mạnh dạn học hỏi thi hành lấy, các bậc giáo chủ khác chư hiền dám thờ phụng lấy, thì sá chi việc nâng đỡ tận tình đối với những kẻ anh em.

Hỡi chư hiền đệ hiền muội!

THI

Đó là Tam Giáo được đồng nguyên,
Về với ông cha một chiếc thuyền,
Thuyền đạo đóng bằng tư tưởng đạo,
Cho tròn danh nghĩa Đấng Cao Thiên.

■

Thiên địa giao như lẽ sống còn,
Lập đời Thánh Đức chẳng chi hơn,
Là tâm là tánh là công quả,
Đều thể hiện trong sự Thánh nhưn.

THI

Ban ơn toàn thể đàn trung,
Nữ nam lớn nhỏ trùng phùng nơi đây.
Cơ Quan thừa lệnh hiệp vậy,
Phổ Thông Giáo Lý phận này tròn xong.
Minh Tiên hồi phản chung đồng,
Tiếp lo sứ mạng phổ thông đạo Trời.
Nữ nam tín hữu nhớ lời,
Quy nguyên vạn giáo Thầy Trời chủ trương.
Giã từ đàn nội tam ban,
Điển Thiên lần trở, Niết Bàn dời chơn. ■



Nhắc Bính Dẫn khai minh Đại Đạo,
Nhớ bao người sáng tạo cơ đồ,
Thoát vòng lợi trước danh ô,
Hiên ngang dũng cảm, tung hô Cao Đài.
Dứt quyền quý, theo Thầy hành đạo,
Mặc tù đầy thánh giáo ngâm nga,
Tâm thành chỉ một Trời Cha,
Chỉ trong năm một Đạo nhà dựng xây.
Cơ nghiệp ấy tìm ai phó thác?
Gánh đạo Trời nhờ bậc thiện căn,
Trách ai chẳng sạch lòng trần,
Để cho cơ Đạo tan đàn rẽ phân.
Người đức thiếu nên cần ngôi vị,
Kẻ sơ tài lại ỷ cơ mưu,
Trí phạm mắt tục âm u,
Làm sao thấy được cả bầu càn khôn.
Đạo bí nhiệm ngọn nguồn ẩn áo,
Máy huyền vi hoạt bát khôn lường,
Ai ơi chí khí can trường,
Dốc lòng Đạo cả một đường quang vinh.
Xưa Tam Tạng thỉnh kinh Tây Vực,
Cô-Luân đà tìm được Mỹ Châu,
Bền gan sống chết chẳng nao,
Gian nan chẳng quản, mới hầu thành công.
Chư đệ muội gánh gồng cơ nghiệp,
Hãy dốc lòng tạo dịp duy trì,
Nếp xưa giáo lý phát huy,
Tài năng sáng kiến tinh vi dồi dào.
Lòng tín đạo cốt sao hiểu đạo,
Có hiểu rành mới bạo hy sinh,
So sánh, phân tích, biện minh,
Thấu cơ đạt lý, thấu tình phụng Thiên.
Đạo hằng tại không riêng một chỗ,
Đạo hằng thường không bỏ mặt nào,
Cao Đài bao quát rộng sâu,
Đạo xưa ý mới, cốt sao vững vàng.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG
GIÁO LÝ, 15-10 BÍNH DẪN (16-11-1986).

SƯU TẦM THÁNH GIÁO

■ ĐẠT TUỜNG

Đàn ngày 24 Juillet 1927

“Salut Messieurs, je suis à vous.

Avez vous quelque chose à me demander?

ière question – C’est une bonne chose, mais il faut avoir de la patience.

zè question – A vaincre sans péril on triomphe sans gloire. D’ailleurs je vous conseille de marcher doucement, mais d’un pas ferme et sans arrière pensée, pas à pas vous irez loin. Ayez toujours confiance en Dieu, prenez le pour guide et vous ne faillirez jamais.

zè question – Pour vous expliquer cela il faut du temps, mais pour fixez vos idées, je vous engage à croire en Dieu qui vous a sorti du néant. Certainement prenez un morceau de pierre pour représenter le Créateur, il est ainsi adoré.

La malice et la force importent peu. C’est surtout la confiance et le respect qui sont nécessaire et qui font la force des fidèles. Au revoir.”

Chào anh em. Ta ở cùng anh em.

Anh em có điều gì cần hỏi Ta chẳng?

Câu hỏi thứ nhứt – Ấy là một điều tốt nhưng cần phải kiên nhẫn trì chí.

Câu hỏi thứ nhì – Nếu không có hiểm nguy thì chiến thắng không vinh quang. Vả lại, Ta khuyên anh em nên bước từng bước thông thả nhưng vững chắc và không hậu ý, từng bước một anh em sẽ đi được xa. Hãy luôn vững tin nơi Đức Chúa Trời, tuân theo lời dạy của Ngài thì anh em sẽ không bao giờ lầm lỗi.

Câu hỏi thứ ba – Để giải thích cho anh em điều này cần phải có thời gian, nhưng để nhứt tâm, Ta khuyên anh em phải biết tin tưởng nơi Đức Chúa Trời là Đấng đã tạo hóa anh em từ hư vô. Nếu lấy một viên đá để tượng trưng cho Đức Chúa Trời thì chắc chắn viên đá cũng sẽ được quý trọng.

Ác tâm và sức mạnh không quan hệ mấy. Chỉ có lòng tin kính là điều cần thiết nhất và là điều tạo nên sức mạnh của chư môn đệ.”¹

Theo quý huynh tỷ, tác giả bài Thánh giáo này là Đấng Thiêng Liêng nào? Căn cứ vào đâu để có câu trả lời là thế?■

1. Niên số Thời Thiết Lục từ 337A và B, Thánh ngôn chép tay của Ngài Quyền Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh.



Đạo pháp trường lưu, hành giả quyết tâm giác ngộ xuôi thuyền về bến giác thì ý chí phải kiên cường, biết lúc nên đi thì đi, lúc nên đậu thì đậu. Đêm trăng sáng dầu nước ngược cũng có thể dong thuyền. Ngày mà âm u, dầu xuôi dòng cũng nên cắm sào ngồi nghỉ. Đó là minh triết để bảo thân. Cũng vẫn chiếc thuyền mà người thuyền trưởng khéo bẻ lái trở lèo cho thuyền vượt qua những cơn sóng to gió lớn. Đó là việc đáng lưu ý. Nhưng điều quan trọng hơn hết là những tay thủy thủ có thật tâm gìn giữ con thuyền trước bao vạn sanh linh đang lặn hụp hay không? Nếu đã thật tâm thì vui cùng vui, khổ cùng khổ, một tâm chẳng đổi, một chí chẳng dời, thì tiến hành dầu khó khăn cũng đạt nhiều kết quả. Đó là trung thành sự Đạo.

■ ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TUẤT THỜI, RẼM THÁNG 2 ĐINH TÝ (03-4-1977).

KINH VÔ TỰ

■ THIÊN HẠNH

CÂU CHUYỆN THỈNH KINH CỦA THẦY TRÒ ĐƯỜNG TĂNG¹

Truyện kể rằng, khi biết tin thầy trò Đường Tăng đến chùa Lôi Âm, đang chờ trước Đại Hùng bửu điện, “Phật Tổ mừng rỡ liền dời tám vị Bồ Tát, bốn vị Kim Cang, năm trăm vị La Hán, ba ngàn vị Yết Đế, mười vị Đại Diện, mười tám vị Đà Lam đồng qui hai hàng hết thầy. Phật Tổ truyền sắc chỉ đòi Tam Tạng vào chùa.”

Đường Tăng đánh lễ Phật Tổ và chư vị Bồ Tát, cầu xin thỉnh chơn kinh để mang về nước cứu độ chúng sanh. Phật Tổ dạy:

“Đông Độ là đất Nam thiệm Bộ châu, bởi trời cao đất dày nên người đông vật thịnh, hay giết hay tham, hay dâm hay dối, chẳng nơi đạo Phật, không chịu làm lành, (...) chẳng ngay chẳng thảo, không nghĩa không nhơn, ý thể hiếp người, lường thẳng tráo đấu, sát sanh hại mạng (...) Nay đã có đặt ba tạng kinh, đã độ sanh lại độ tử. Thứ nhất Pháp tạng nói phép trời; thứ nhì Luận tạng luận chuyện đất; thứ ba Kinh tạng độ cô hồn, mỗi tạng 5.048 cuốn, ba tạng hiệp cộng 15.144 cuốn. Ấy là dạy việc hiền lành, mở đường siêu độ (...). Nay các người ở phương xa đến đây, Ta cũng muốn cho thỉnh hết, chỉ e người phương đó ngu si lỗ mãng hủy báng chân ngôn, không biết ý chỉ sâu xa trong đạo của Ta.”

1. Ngô Thừa Ân, Tây Du Ký, hồi 98.

Trước khi giao kinh, A Nan và Ca Diếp² hỏi thầy trò Đường Tăng: “Thánh Tăng ở Đông Độ đến đây thỉnh kinh, có lẽ vật chi chẳng thì đưa ra dâng ta phát kinh cho sớm!” Tam Tạng nói rằng do đường sá quá xa nên không chuẩn bị lễ vật. Hai ông Tôn giả cười rằng: “Hay thiệt, nếu đi tay không mà thỉnh kinh về lưu truyền làm sao siêu rồiặng!”

Truyện Tây Du kể rằng Nhiên Đăng Cổ Phật biết A Nan và Ca Diếp phát kinh vô tự nên cười thầm: “Người Đông Độ coi sao ra kinh vô tự, uống công Thánh tăng thỉnh về.” Ngài liền sai Tôn giả đi thuê hồi kinh vô tự và nói Đường Tăng trở lại thỉnh kinh hữu tự. Thầy trò vào điện Đại Hùng lạy Phật, Tôn Hành Giả bạch rằng:

“Thầy trò tôi trăm cay ngàn đắng, chảy tháng lâu năm, đi mới đến đây. Nhờ ơn Như Lai truyền phát kinh, mà A Nan, Ca Diếp đòi lễ vật không có, nên cố ý phát kinh giấy trắng không có một chữ, chúng tôi đem giấy trắng về làm chi? Xin Phật Tổ (...) đổi kinh có chữ cho chúng tôi.”

2. Trong mười đại đệ tử của Phật, ông Ca Diếp xếp thứ ba, A Nan xếp thứ mười, đều đắc quả A la hán, dứt bỏ hết các lỗi lầm và hệ lụy cõi thế gian.

“Chuyện ấy Ta đã biết rồi, hai người phát kinh không có lỗi. Bởi kinh rất quý, lẽ nào thỉnh không mà dâng phước hay sao? (...) Nay các người đến tay không mà thỉnh bấy nhiêu kinh còn than thở gì nữa! Kinh giấy trắng chẳng phải là vô dụng đâu, ấy là kinh vô tự, quý hơn kinh hữu tự, ngặt chúng sanh đọc không ra, nên phải đổi.”

Phật Tổ truyền A Nan và Ca Diếp đổi kinh hữu tự. Khi đến tú kinh, hai vị Tôn giả hỏi lễ vật giống như kỳ trước. Đường Tăng hai tay dâng bình bát và bạch:

“Đệ tử đường xa và nghèo khổ, không có vật chi, cái bình bát nầy của vua Đường ban cho đệ tử để hóa trai dọc đường, nay xin dâng lấy thảo, nhờ ơn Tôn giả phát kinh có chữ, về dâng cho Hoàng đế để cứu độ chúng sanh.”

Ca Diếp mở tú rút ra trong 35 bộ tương ứng một tạng kinh gồm 5.048 quyển phát cho thầy trò Đường Tăng. Phật Tổ ngồi trên tòa sen thỉnh tất cả các vị Phật đứng hầu hai bên để làm Hội truyền kinh. Phật Tổ truyền dạy:

“Kinh ấy công đức lớn lắm, dặn chúng sanh chẳng khá dễ người! Nếu không ăn chay và tắm gội, chẳng nên giữ kinh ấy ra, phải kính trọng như vậy mới đáng. Bởi vì noi theo đó thì khỏi tội dâng phước, tu theo đó thì đáng thành Phật thành Tiên.”

Đức Quan Âm Bồ Tát bạch cùng Phật Tổ và đã được chuẩn y.

“Đệ tử năm trước vâng lệnh xuống Đông Độ tìm người thỉnh kinh, nay đã thành công rồi, là mười bốn năm, cộng 5.040 ngày, còn thiếu 8 ngày thì đủ số tạng! Xin Phật Tổ cho đưa bốn thầy trò về kịp nội 8 ngày cho đủ số một tạng.”

Tuy câu chuyện thỉnh kinh của thầy trò Đường Tăng mang tính chất hư cấu, nhưng nội dung rất súc tích và sâu sắc, có thể phần nào cho chúng ta biết khái quát về kinh vô tự và kinh hữu tự. Thật vậy, Phật Tổ (trong truyện Tây Du) nói: “Kinh giấy trắng chẳng phải là vô dụng đâu, ấy là kinh vô tự, quý hơn kinh hữu tự, ngặt chúng sanh đọc không ra.”

ĐẠO CAO ĐÀI CÓ KINH VÔ TỰ KHÔNG?

Đạo là nguyên lý tuyệt đối, cho nên không thể nào dùng ngôn ngữ của thế giới nhị nguyên đối đãi mà diễn tả chỗ siêu mẫu ẩn áo của lý Đạo được. Do đó, Đạo không thể dùng kinh hữu tự để nói lên chỗ tốt cùng sâu thẳm của Đạo được. Cho nên, người học đạo cần phải dùng tâm thanh tịnh, tâm vô sai biệt, tâm vô dục vô niệm, để đọc kinh vô tự nhằm hiểu được lý huyền nhiệm của Đạo.

“Mọi hình thái sắc tướng âm thanh đều là những phương tiện tạm mượn để phô bày diễn tả lý Đạo đó thôi. Kỳ thật Đạo là Đạo, chỉ tâm vô sai biệt mới nhìn thấy lý huyền nhiệm của Đạo. Người học Đạo, kẻ tu hành, không nên chấp cứng danh từ hay hình thức sai biệt, mới đạt được lý nhứt nguyên của Đạo. (...) Có tâm đạo ấy nên mới nghe được tiếng nói vô hình, tiếng đàn không dây để tự giác ngộ thấp đuốc cho mình, thì còn lo gì bóng vô minh che lấp.”³

Bài Kinh nhập hội có câu: “Câu kinh vô tự độ người thiện duyên” (câu 20), có nghĩa là câu kinh không có chữ dùng để độ dẫn người có duyên lành.

ƠN TRÊN CÓ BAO GIỜ GIẢNG KINH VÔ TỰ?

Đức Ngô Minh Chiêu Đại Tiên trong một lần giảng diễn dạy:

“Thiên cung Tử phủ quày chơn,

Côi trần Bản Đạo ngưng đờn không dây.”⁴

Hẳn chắc là quý vị nghe đến đây sẽ thắc mắc vì sao mà Đức Ngô Đại Tiên sau khi ban cho một bài Thánh giáo (hữu tự), mà Ngài nói rằng đó là đờn không dây, hay cũng có thể nói là kinh vô tự. Như vậy, ƠN TRÊN có hàm ý nói là tuy Ngài giảng kinh hữu tự mà chúng sanh cần tìm cầu chỗ sâu thẳm của Thánh giáo. Đó lại chính là kinh vô tự. Tương tự, Đức Vạn Hạnh

3. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Đức Tu Viện, 13-01 Ất Mão (23-02-1975).

4. Đức Ngô Đại Tiên, Bát Nhã Thiển Đường, 12-5 Giáp Dần (01-7-1974).

Thiền Sư cũng đã xác tín rằng Đức Thượng Đế đến trần gian rao giảng kinh vô tự qua những Thánh ngôn, Thánh giáo bằng kinh hữu tự.

*“Thời kỳ này Đức Huyền Khung Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha tát đến với nhân loại bằng chiếc đàn không dây, bằng chiếc địch không lỗ để tái tạo dinh hoàn lập Thượng nguyên Thánh đức, chỉ có một Thiên nhân trong sự sùng bái của dân tộc nầy dưới bảng hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”*⁵

Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng dùng huyền cơ diệu bút ban truyền Thánh ngôn Thánh giáo (kinh hữu tự) làm nền tảng căn bản ban đầu để con người tự lực dùng tâm thanh tịnh để thực chứng được chỗ giác ngộ tối cao, mà đạo Phật gọi đó là vô thượng chánh đẳng chánh giác (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề), vốn dĩ chỉ có kinh vô tự mới có thể thẩm nhập chỗ cùng lý tận tánh được.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy rằng chỉ có những bậc “tri âm” mới cảm nhận được tiếng đàn không dây, câu kinh vô tự mà thôi.

*“Đàn không dây gảy khó ai nghe,
Chỉ có tri âm mới bạn bè,
Biết gảy đúng thời nên bản nhạc,
Độ hồn sanh chúng thoát trần mê.”*⁶

Chúng sanh lạc bước nơi cõi dục giới nhờ tiếng đàn không dây hay kinh vô tự để làm phương tiện vượt sông mê sang bờ giác ngộ.

*“Thuyền không đáy lần sang bể khổ,
Đàn không dây to nhỏ cung thương,
Hỡi người lạc bến lầy đường,
Quay đầu trở gót tìm phương tu hành.”*⁷

KINH VÔ TỰ GỒM NHỮNG NỘI DUNG GÌ?

Theo Tây Du ký, kinh vô tự gồm có ba tạng kinh

gồm Pháp tạng, Luận tạng và Kinh tạng, tổng cộng là 15.144 cuốn. “Nay đã có đặt ba tạng kinh, đã độ sanh lại độ tử. Thứ nhứt Pháp tạng nói phép trời; thứ nhì Luận tạng luận chuyện đất; thứ ba Kinh tạng độ cô hồn, mỗi tạng 5.048 cuốn, ba tạng hiệp cộng 15.144 cuốn. Ấy là dạy việc hiền lành, mở đường siêu độ.”

Theo quyển Giải mã Truyện Tây Du, kinh vô tự thuộc về nội giáo tâm truyền, nói về pháp môn thiền.

“Khai sáng Phật giáo là Thích Ca. Khi Thích Ca đi tu, không có tụng kinh, không có lễ bái, động chuông, thắp nhang, đốt sớ. Thích Ca đắc đạo, chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề) thì Ngài vốn không có thấy. Không thấy, không kinh, biết lấy chi bám víu mà đạt Đạo? Ngài chỉ nhờ giác ngộ được bốn tâm của mình. Bằng con đường tham thiền mà Ngài giác ngộ. Kinh vô tự ám chỉ pháp môn thiền. Thiền hay nội giáo tâm truyền (esoterism) dành cho những bậc đại căn đại trí.

Khi Phật truyền tâm ấn cho Nhị tổ Ca Diếp, cũng không có văn tự. Sử chép rằng: Ngày kia, Phật tại núi Linh Thứu, trước đông đảo đệ tử, Phật bắt đầu thuyết pháp bằng cách im lặng (vô ngôn) và cầm một cành hoa đưa lên trước đại chúng (niêm hoa). Mọi người bàng hoàng chẳng hiểu ý chi. Riêng đại đệ tử thứ ba là Ca Diếp nhoẻn miệng cười (vi tiếu). Phật thấy Ca Diếp đã lãnh hội được, bèn truyền tâm ấn cho Ca Diếp làm Nhị tổ Thiền tông với lời lẽ như sau: “Ngã hữu chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm, vi diệu pháp môn, thực tướng vô tướng, kim phó chúc Ma ha Ca Diếp.” (Ta có kho tàng con mắt của chánh pháp, tâm huyền diệu của niết bàn, cửa pháp vi diệu, thực tướng vô tướng, nay đem trao lại cho Ma ha Ca Diếp.)⁸

Theo giáo lý Cao Đài, Kinh vô tự gồm những gì thuộc về chơn truyền của Đại Đạo.

*“Vượng khí Thái hòa có đức Nguyên,
Câu kinh Bạch tự ấy chơn truyền,*

5. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 07-5 Quý Sửu (07-6-1973).

6. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

7. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Quý Mão (17-01-1964).

8. Lê Anh Dũng, Giải Mã Truyện Tây Du.

*Ai hay Kim ngọc năng mài dũa,
Rực rỡ Tinh hoa ánh diệu huyền.”⁹*

Chơn truyền của Đại Đạo hay kinh vô tự có nội dung rất rộng, gồm: đạo lý, đạo pháp, bí pháp (bí pháp cũng là kinh vô tự vì không thể dùng lời mà diễn tả)¹⁰, tâm kinh, v.v. Suy cho cùng, kinh vô tự nhằm giúp hành giả đạt đến chỗ giải thoát rốt ráo ngay tại thế gian. Đó chính là chỗ đạo Phật gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề).

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐỌC VÀ HIỂU KINH VÔ TỰ?

Con người là Tiểu linh quang do Đức Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh quang. Do đó, con người và các Đấng Thiêng Liêng có cùng chung một bản thể, nên có thể giao cảm thông công với nhau theo Luật cảm ứng. Nguyên tắc là như thế. Tuy nhiên, do bức màn vô minh được cấu tạo bởi thất tình lục dục, tham sân si che phủ chơn tâm nên con người không thể nào thông công cùng các Đấng. Chỉ khi nào con người vệt tan được bức màn vô minh bằng công phu thiền định, sự mẫu nhiệm sẽ hiện bày. Đức Chí Tôn Từ Phụ xác nhận:

“Trước kia Thầy có dạy: ‘Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài còn.’ Quả thật vậy! Sáu mươi năm khai đạo có biết bao nhiêu Thánh giáo, Thánh ngôn, lời Tiên, tiếng Phật. Đến ngày nay các con vẫn còn học hỏi với Thầy qua sự trung gian của đồng tử. Nếu chỉ có bao nhiêu sự việc thì chưa hết ý của Thầy muốn nói gì với các con. Đến một ngày nào Thầy không dùng đồng tử thì Đạo bế sao con! Mà phải hiểu mỗi con đều có một đài

Hiệp Thiên. Nếu con mở được cửa thì thông công được với Thầy khỏi phải qua trung gian của đồng tử, vì trước kia Thầy đã dạy, đã trao chìa khóa cho các con từ buổi sơ khai Đại Đạo. Nhưng mấy ai giữ được thanh tịnh vô trần trực nhận chơn tâm đại ngã. Bởi vì các con làm chưa được nên Thầy phải cần dùng đồng tử dạy dỗ các con.”¹¹

Như vậy, con người cần điều chỉnh tần số cho đúng với tần số của Đức Chí Tôn, đó chính là tâm thanh tịnh vô niệm, tất nhiên sẽ nghe được lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

“Hình ảnh các Đấng Thiêng Liêng vẫn có, âm thanh các Đấng Thiêng Liêng vẫn có. Khi người tu muốn nhận được những âm thanh hình ảnh đó, không phải dùng những dụng cụ thông thường như máy thu thanh, máy thu hình mà tiếp nhận được. Muốn tiếp nhận được cần các điều kiện khác (...). Khi tâm linh được mẫn tuệ huệ khai thì người và Trời hòa đồng như một, vẫn nghe được tiếng nói không lời, vẫn thấy được hình ảnh không sắc tướng.”¹²

Tuy nhiên, nếu tâm chưa định tất nhiên trí huệ chưa phát sinh, hành giả chưa thể nào đọc được kinh vô tự. Cho nên, không phải ai cũng có thể đọc và hiểu được kinh vô tự.

*“Lý đào đưa nở tiếp Xuân sang,
Thái quá xem ra cuộc hý tràng,
Bạch tị gấm chưa người đọc được,
Giáng trần vui với khách trần gian.”¹³*

VÌ SAO NGƯỜI TU CẦN TRƯỚC TIÊN HỌC KINH HỮU TỰ?

Khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa giáo hóa, Ngài nêu rõ tinh thần Thiền tông, cốt lõi của Đạo giải thoát.

Bất lập văn tự/ Giáo ngoại biệt truyền/ Trực chỉ nhân tâm/ Kiến tánh thành Phật (Không có

9. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-01 Canh Thân (29-02-1980).

10. Đức Diêu Trì Kim Mẫu (Vĩnh Nguyên Tự, 15-8 Quý Sửu, 11-9-1973): “Nơi đây Mẹ tạm một số bạch thủy để thay rượu bô đào ban cho các con sau giờ Hội Yến. Đó là bí pháp trong đêm Trung Thu, các con hãy đem chia nhau mà thọ hưởng. Mẹ cũng nói rõ: bí pháp không ngoài tâm con. Nếu tâm con còn nhiều phiền trước, hãy dùng chút bô đào tiên từ Mẹ ban để lắng dịu thanh khiết mà tu hành cho nên đạo quả, đó là bí pháp. Còn những lý huyền nhiệm hơn, Mẹ đợi chờ lòng con tịnh khiết sẽ trao cho.”

11. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-02 nhuận Ất Sửu (07-4-1985).

12. Đức Đông Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973)

13. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thánh thất Bàu Sen, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

văn từ chữ nghĩa/ Truyền riêng ở ngoài đạo lý/
Chỉ thẳng tâm người/ Thấy tánh thành Phật).

Chỉ những bậc đại giác ngộ mới có thể trực nhận được chân tâm đại ngã mà kiến tánh thành Phật. Những bậc này có thể không cần thông qua ngôn ngữ văn tự để đọc được kinh vô tự. Đức Lục Tổ Huệ Năng chưa từng đi học, suốt ngày gĩa gạo, nhưng đã thực chứng được chỗ giải thoát tối tri bằng con đường顿 ngộ thượng thừa dành cho rất ít những bậc đại căn trí, chỉ dựa vào kinh vô tự để trực nhận chân tâm kiến tánh thành Phật.

Bồ đề bốn vô thọ/ Minh cảnh diệt phi đài/
Bổn lai vô nhứt vật/ Hà xứ nhá trần ai? (Bồ đề không phải cây (vô tướng)/ Chơn tâm không phải đài (vô tướng)/ Xưa nay không một vật (vô tướng) / Chỗ nào dính bụi trần? (vô tướng).

Ngược lại, Ngài Thần Tú chủ trương tu hành bằng con đường tiệm tiến. Đây là phương pháp tu hành dành cho đại chúng có căn trí xiển bạc, phải dựa vào kinh hữu tự để học đạo tu hành.

Thân thị Bồ đề thọ/ Tâm như minh cảnh đài/
Thời thời cần phát thức/ Vật sử nhá trần ai (Thân là cây Bồ đề (có tướng)/ Tâm như đài gương sáng (có tướng)/ Mỗi giờ thường lau quét (có tu)/ Chớ cho dính bụi trần (có chứng).

Chúng sanh trong thời mạt kiếp căn trí xiển bạc nên bước đầu học đạo không thể học kinh vô tự, mà cần tu học bằng kinh hữu tự. Đến khi nào trình độ tu học khả dĩ, hành giả mới có thể dùng tâm thanh tịnh mà tiếp nhận mạc khải của các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình.

*“Cõi nê hoàn Mẹ châm cúc tửu,
Vào Cao Đài Mẹ trụ sanh quang.”*¹⁴

Hay *“Lão vẫn chờ đợi chư đệ muội trong giờ phút đại định để thông công.”*¹⁵

Cho nên, người tín hữu Cao Đài cần dựa vào kinh hữu tự để tu học hành đạo. Điều này cũng giống như là người học đạo được dạy phải phá

chấp (Cao Đài không phải là Cao Đài mới thật là Cao Đài); nhưng trước tiên và có thể trong suốt cuộc đời tu hành, vẫn cần phải chấp vào hình tướng, kinh điển, Thánh giáo, giới luật, qui điều của Đại Đạo.

Mặt khác, người tu cũng giống như người đời, phải học từ thấp lên cao.

*“Tu hành từ thấp vượt lên cao,
Trải mấy công phu mấy khổ lao,
Tuyệt phủ đầu non, non đổi sắc,
Gió lay mặt nước, nước phai màu.”*¹⁶

Điều này cũng giống như học sinh mới bắt đầu đi học cần “tập viết trong hàng đôi”, đến khi nào viết thuần thục rồi sẽ không cần tập hoặc giấy kẻ hàng nữa mà vẫn viết ngay hàng thẳng lối. Đối với một thi sĩ tập làm thơ cũng vậy. Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

*“Chư hiền đệ muội cũng đã thấy một văn sĩ hay thi sĩ mỗi khi đã đến một trình độ điều luyện rồi thì không cần phải dùng những phương pháp hành văn, niêm luật làm thơ nữa, mà khi đặt bút lên là thành chữ thành văn và có hồn ngay. Nếu đem lối đó mà dùng cho người còn đang tập tễnh làm văn làm thơ thì rất tai hại, vì nó sẽ không đưa người ta đến chỗ muốn đạt được, lại còn bị hư hỏng khối óc, tư tưởng nữa là khác.”*¹⁷

TẠM KẾT

Kinh hữu tự vẫn luôn là phương tiện vô cùng cần thiết và hữu ích cho người tu để đi đến chỗ thành công đắc quả. Đây chính là con đường tiệm tiến của người môn đệ Cao Đài. Tuy nhiên, đối với những tịnh sĩ đã học đạo pháp biết được phương pháp điều phục tâm linh cho thông linh mẫn tuệ, cho thanh tịnh vô niệm, thì có thể đọc và hiểu được kinh vô tự để tự giải thoát cho bản thân mình và cứu độ tha nhân, ngõ hầu hoàn thành sứ mạng vi nhân và sứ mạng đại thừa tại chốn này.■

14. Đức Vô Cực Từ Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

15. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn.

16. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Kỷ Mùi (11-02-1979).

17. Đức Giáo Tông Đại Đạo, NMD, 15-10 Canh Tuất (13-11-1970).

TỪ THÁNH DANH ĐẾN THÁNH SẮC CỦA ĐỨC THIÊN MINH CHƠN THÁNH

■ HUỆ Ý

Từ Thánh danh đến Thánh sắc, đoạn đường dài bao nhiêu và đi bao lâu? Đây là một ẩn số của mỗi hành giả. Có vị lúc sinh thời chưa có Thánh danh, sau khi liễu đạo vẫn được ban Thánh sắc như Đức An Trinh Thần Nữ... Ngược lại có huynh đệ được Thánh danh khi sống, mà vẫn còn chờ đợi Thánh sắc ở cõi vô hình... Thánh danh và Thánh sắc là hai cột mốc quan trọng trên đường tu. Hôm nay, chúng ta tìm hiểu Thánh danh và Thánh sắc của cố hiền huynh Nguyễn Văn Minh.

ĐÔI NÉT VỀ HUYNH TRƯỞNG NGUYỄN VĂN MINH

Năm 1965, Đức Chí Tôn dạy:

*“Thầy sắc ban Văn Phòng Giáo Lý,
Cho con nào có chí hy sinh...”*

Đạo thì “theo đuôi chẳng thấy, đón đầu cũng không”. 10 năm sau 1975, một vị có tâm hy sinh đến với Cơ Quan không phải là trẻ, đó là hiền huynh Nguyễn Văn Minh. Hiền huynh gia đình gốc Cao Đài, bấy giờ là trưởng chi bộ Kiên Ái, một trong những chi bộ hoạt động tích cực của Hội Thông Thiên Học Việt Nam, với tạp chí Ánh Đạo (hiền huynh là chủ biên đồng thời phụ trách mục “Câu chuyện dì cháu”), phát hành kinh sách, thuyết giảng giáo lý và cả buffet chay... Hiền huynh có phong cách hao hao ông Gandhi: tác phong điềm đạm, ngôn ngữ từ hòa, bài thuyết minh giáo lý với những chuyện kể dí dỏm, lời cuốn, dễ nhớ...

Tâm hạnh và đức tài của hiền huynh đã được Ông Trên trọng dụng, bổ nhiệm lãnh trách vụ Văn Hóa vụ trưởng (đời thứ hai) sau khi hiền huynh Ngọc Huệ Chơn rời Cơ Quan.

Khi tham dự khóa Sơ thiên cứu cửu, hiền huynh được Đức Ngọc Lịch Nguyệt chiếu cố:

NGUYỄN VĂN MINH, hiền đệ sẵn có căn cơ đạo đức mà vẫn hạ mình học hỏi tham cầu tánh mạng song tu. Bản Đạo ngợi khen lắm đó. Đường có đi có đến, việc có làm có thành công, hiền đệ cố gắng rồi sẽ được thấy sau.¹

Trong giai đoạn này, Cơ Quan thành lập Hội Đồng Nghiên Cứu Giáo Lý, hoạt động vào mỗi chiều thứ bảy, hiền huynh có những đóng góp quan trọng.

THÁNH DANH CHƠN THIÊN MINH

Mùa tu Đông Chí năm Đinh Tỵ (1977), Đức Mẹ ban đạo danh cho hiền huynh:

“NGUYỄN VĂN MINH, Mẹ ban đạo danh cho con là CHƠN THIÊN MINH, con hãy vững bước tiến, đạo danh của con sẽ được ghi vào Tiên tịch.”

Những con nào đã tiến đạo đến nhị cơ đều được ghi vào Tiên tịch.”²

Thánh danh hay đạo danh là phương châm học, tu, sống đạo đặc thù của mỗi hành giả mà Ông Trên chỉ dạy. Đức Mẹ dạy “Các con ráng học tu theo thánh danh được ban thì sẽ thấy kết quả.”

Thông thường, Thánh danh được ban qua một vé thơ, riêng hiền huynh, Đức Mẹ chỉ ban một câu ngắn gọn.

Đạo thì vô hình, nhưng nhìn người hoằng đạo chính là thấy Đạo: bước đi tự chủ, khuôn mặt hiền hòa, lời nói êm ấm làm phát triển

1. Vĩnh Nguyên Tỵ, 09-5 Đinh Tỵ (25-6-1977).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Đinh Tỵ (26-9-1977).

tâm đạo ở mỗi người, đó là sự hiển lộ Đạo qua Huỳnh Trưởng Nguyễn Văn Minh.

Trên đời chỉ có 3 điều chơn, thiện, mỹ. Huỳnh Trưởng được hai (chơn, thiện) lẽ tất nhiên đã chơn và thiện thì bao giờ cũng phải mỹ.

Khi ban Thánh danh CHƠN THIỆN MINH, Đức Mẹ trao cho Huỳnh Trưởng sứ mạng soi sáng con đường CHƠN THIỆN cho mọi người cùng bước. Huỳnh Trưởng đã hoàn thành.

Năm Canh Thân (1980), sau Lễ Hội Yến Bàn Đào, hiền huynh trở về phục lệnh Đức Chí Tôn vào ngày 20-8. Vừa an táng xong thì năm ngày sau, 25-8, Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn lai đàn, vừa chia buồn đồng thời chung vui với gia đình nhân viên Cơ Quan với bài thơ đầy thiên vị của Bát Nhã Tâm Kinh:

*“Cho hay không sắc, sắc rồi không,
Ở ở, đi đi, khéo bận lòng,
Vạn cổ nào ai lưu nhục thể,
Chỉ e linh giác lụy trần hồng.”*

Ngài dành cho hiền huynh Chơn Thiện Minh nhiều tình cảm trân trọng: “Chư huynh tỷ đệ muội vừa xúc động trước sự chia tay với Chơn Thiện Minh, người Vụ Trưởng chơn tu đức hạnh, thì Bốn Huỳnh cũng buồn trong cái vui. Buồn vì chỗ khuyết chưa có người đủ đức hạnh đảm trách, vui vì được tiếp người bạn mới để hầu sót việc chia công.

Nhân đó, Ngài nhủ huynh đệ hiện tiền trau dồi tâm hạnh, học tu như hiền huynh Chơn Thiện Minh:

x, y, z... hiền đệ phải gắn liền với mọi hoạt động của Cơ Quan. Nếu không được bằng sức thì cũng bằng tâm trí, xem xét khuyến khích. Bốn phận của người Thiên ân hướng đạo luôn luôn đốc hành cho đến phút cuối cùng. Phút sau cùng của Chơn Thiện Minh là gương mẫu. Nếu hiền đệ không lưu ý, không xem xét mọi việc thì sao thấy được những điều khiếm khuyết mà điều hành gương máy Cơ Quan. Hiểu sâu ít nói là phương hay của người lãnh đạo.

Bốn Huỳnh vì nóng lòng cho cơ đạo ngày

mai nên có những lời khuyên. Hiền đệ thông cảm, miễn chấp cho.

THÁNH SẮC ÂN PHONG THIỆN MINH CHƠN THÁNH

Hai năm sau, nhân đại hội thường niên Rằm tháng 2 Nhâm Tuất (1982), Đức Chí Tôn ân ban Thánh Sắc và Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo công bố:

“Nguyên nhân xuống thế lạc đường về,

*Đắm tặc thành chùa trở lại quê,
Hành đạo vốn là phương tiện tốt,
Chung tay mới khỏi lỗi câu thơ.*

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, Bản Đạo mừng chư hiền đệ hiền muội.

Trước khi kiểm điểm phúc trình đạo sự, Bản Đạo cũng báo tin mừng cho Cơ Quan và Văn Hóa Vụ: Nguyễn Văn Minh đạo danh Chơn Thiện Minh được ban phong Thánh Sắc. Vậy Bản Đạo xin tuyên đọc:

Chiếu tinh thần tu học hành đạo với tâm bất thối chuyển của Chơn Thiện Minh,

Chiếu thỉnh cầu của Hội đồng Tiền Khai Đại Đạo,

Chiếu đề nghị của Tam Giáo Tòa,
Hội Thiên Đình xét công hạnh và ban phong:
NGỌC KINH THÁNH SẮC:

Điều 1: Ân phong THIỆN MINH CHƠN THÁNH cho Chơn Thiện Minh, nguyên Văn Hóa Vụ Trưởng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Điều 2: Với Thánh lệnh này, THIỆN MINH CHƠN THÁNH có trách nhiệm đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý trong suốt chu kỳ 20 năm đầu để tiếp tục lập công bồi đức.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI TIÊN
ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT

(ấn ký)
(...)”

“Trong đàn này Đức Giáo Tông Vô Vi cũng nhấn mạnh đến ý chí tu học hành đạo:

Lời dạy của Đức Chí Tôn trong khi ân phong Tiên vị Quảng Đức Chơn Tiên cho lão hữu Trần

Văn Quế như sau: “MẶC DẦU CHƯA THÀNH CÔNG NHƯNG Ý CHÍ ĐÃ THÀNH.”

Bản Đạo muốn nói đến ý chí phụng Thiên sự dân đó chứ hiển đệ muội.

Ý chí là gì? Là quyết tâm của hành giả, là sự kiên trì bất thối chuyển của hàng hướng đạo Thiên ân.

(...)

Những gì đã được ban trao và dạy bảo, chứ hiển đệ muội hãy lấy tâm chí thành thực hành cho đến nơi đến chốn sẽ thấy được kết quả, được Trời, được Đạo, được Tâm.”

Trong Thánh sắc ân phong chúng ta chú ý hai điểm:

Tinh thần tu học

Đức Thiện Minh Chơn Thánh được ân phê: “TINH THẦN TU HỌC HÀNH ĐẠO VỚI TÂM BẤT THỐI CHUYỂN.” Cổ đức dạy người học đạo như lông trâu, người thành đạo như lông rùa vì cuộc đời, như Đức Bát Nhã Thiền Sư đã dạy “ám ảnh và hấp dẫn cuốn lôi”. Lực kéo lôi trở xuống đối với người đi tu rất là lớn, vì thế “bất thối chuyển” là một công trình được mọi người trân trọng và Ôn Trên chấm điểm cao.

Đức Lê Đại Tiên dạy người giáo sĩ phải kiên nhẫn trì thủ chính là để lập tâm “bất thối chuyển”. Huynh trưởng Chơn Thiện Minh giữ tâm “bất thối chuyển” tu học hành đạo suốt cuộc đời và chứng quả Thánh Vị.

Tiêu chuẩn “công hạnh”

“Tam Giáo Tòa hội Thiên Đình xét công hạnh và ban phong.”

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Công quả: Từ xưa đến nay, chưa có phẩm vị thiêng liêng nào dành cho những người thiếu công quả chỉ lo công phu, công trình bao giờ.

– Công quả là nền tảng của công phu.

– Công quả và đức hạnh quyết định ngôi vị Thiêng Liêng trước Đức Chí Tôn và nhơn sanh.”³

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 16–7 Tân Mùi.

Hai tháng sau, Hội Đồng Đệ Nhất tam cá nguyệt rằm tháng 4 nhuận Nhâm Tuất (06–6–1982) Đức Thiện Minh Chơn Thánh lai cơ:

“THIỆN MINH CHƠN THÁNH, Tệ Đệ chào mừng chư Thiên ân, chư huynh tỷ đệ muội. Xin đừng thủ lễ. Hãy xem là huynh đệ như xưa.

Rất may mắn Tệ Đệ được hội ngộ cùng chư huynh tỷ đệ muội nơi đây.

THI

THIỆN chí thiện tâm đạt đạo mẫu,

MINH khai ngộ nhập lý thâm sâu,

CHƠN thường hiệp chúng thường an lạc,

THÁNH đức hòa nhơn đức hảo cầu.

NGUYỄN tộc đáp đền ơn tổ phụ,

VĂN phong tô điểm nghĩa thiên thu,

MINH xin chào khắp chư huynh tỷ,

Mừng được cùng nhau vẹn trước sau.

Tệ Đệ xin cầu chúc chư Thiên ân, chư huynh tỷ đệ muội đạo hạnh viên dung để độ dẫn mọi người trên đàng giải thoát.

Tệ Đệ xin vạ tạ chư Thiên ân huynh tỷ đệ muội đã tận tình giúp đỡ Tệ Đệ những ngày lâm chung. Thì giờ có ít, việc đạo đàm xin dành lại dịp sau.

Hiển đệ Văn Trạch! Đã có Tệ Huynh chung lo với hiển đệ. Hãy cố gắng tiến thẳng để thay cho Tệ Huynh khi mãn nhiệm.

Hiển đệ Đức Thịnh hãy chuyển lời Tệ Huynh đến thăm toàn Hội Thông Thiên Học, sẽ có dịp hội ngộ đàm luận nhiều hơn.

Hiển muội Thị Cang có đến nơi đây, Tệ Huynh cũng mừng và khuyên hiển muội hãy theo bước Tệ Huynh mà cầu tu giải thoát. Nghiệp nào trả trước thì may trước. Hiển muội đừng buồn. Việc gì cũng có số định, từ từ sẽ trút hết để trở về với Đức Mẹ nơi Diêu Cung. Hiển muội ghi nhớ.

Hôm nay Tệ Đệ có bấy nhiêu lời. Một lần nữa Tệ Đệ xin mừng và chúc chư Thiên Ân, chư huynh tỷ đệ muội đạt nhiều kết quả trên nhiệm vụ trong sự hộ trì của Thiêng Liêng.

Xin hẹn dịp khác sẽ tái ngộ.

Tệ Đệ xin chào chung, phân hồi phục lệnh. Thăng.”

Trong lần giảng đàn đầu tiên này, chúng ta có thể gạch dưới hai điểm mà Đức Thiện Minh Chơn Thánh trần tình:

Muốn độ người phải hoàn chỉnh đạo hạnh qua lời chúc “xin cầu chúc chư Thiên ân, chư huynh tỷ đệ muội đạo hạnh viên dung để độ dẫn mọi người trên đường giải thoát.”

Chúng ta có phần đấu sẽ được Ôn Trên hộ trì và đạo sự đạt kết quả “Một lần nữa Tệ Đệ xin mừng và chúc chư Thiên Ân, chư huynh tỷ đệ muội đạt nhiều kết quả trên nhiệm vụ trong sự hộ trì của Thiêng Liêng.

“Đường có đi có đến, việc có hành có thành công.” Cầu chúc tất cả chúng ta phần đấu học tu, sống đạo để đều được Thánh danh và Thánh sắc.■

TÌNH VÔ CỰC

(TIẾP THEO TRANG 17)

riêng thì không còn là một của Đạo lý nữa. Con hãy học đức Từ bi của Phật, Bác ái của Tiên, Công bình của Thánh, cùng hợp ý chung tâm để tìm lẽ Đạo, thì tất nhiên điều sai lạc sẽ được phơi bày tỏ rõ. Con sẽ được niềm bảo vệ của các đồng đạo, và khi nhơn đức tịnh tận, thiên lý sẽ lưu hành. Đó là chơn lý của công trình, công quả và công phu vậy.”³¹

KẾT LUẬN

Tình Vô Cực đã, đang và sẽ chan rưới mãi mãi trên khắp thế gian này cho tất cả sinh linh hạnh hưởng. Con người hãy thọ nhận và đem trao cho tha nhân, cho đồng loại và cho muôn vật để xứng đáng với vị thế tam tài đồng đẳng Thiên Địa Nhân, để làm tròn sứ mạng làm người, và quan trọng hơn nữa là để tự cứu mình, cứu người thoát khỏi trường sát kiếp buổi Hạ ngươn, hoàn thành sứ mạng của người tín đồ Đại Đạo như lời Đức Mẹ dặn dò trong đêm Trung Thu Hội Yến Bần Đào:

31. Vạn Quốc Tự, Ngọ thời, 15-8 Ất Tỵ (1965).

*“Ôn lành Mẹ rưới khắp con thơ,
Mỗi đứa thanh tâm để hưởng nhờ;
Mang trọn tình thương ra cứu thế;
Điều Cung Từ Mẫu sẽ trông chờ.”³²*

Nếu con người phạm tình Vô Cực, chỉ mong đón nhận để sở hữu riêng tư, thỏa lòng vị kỷ thì con đường trở lại bến khởi nguyên sẽ mãi mãi chỉ là bóng mờ miên viễn, bởi vì Đức Từ Tôn đã nhắc nhở: “*Luật công bình và lòng Từ Mẫu thương con vô biên, không bỏ sót một con nào, dầu một việc làm có tánh cách đạo đức rất nhỏ đến đâu cũng không mất đó các con à! Mẹ đỡ nâng dịu dặt tùy sức và tâm đức của các con. Các con có thiết tha cố gắng hướng thượng, Mẹ mới có thể cất nhắc con lên; ngược lại nếu các con dãi dãi biếng lười, dầu thương đến mấy, Mẹ cũng không làm sao qua luật Thiên Điều mà làm điều bất công đó các con.*”³³■

32. Vạn Quốc Tự, Tuất thời, mừng 8 tháng 3 Nhâm Tý, 21-4-1972.

33. Minh Lý Thánh Hội, Hợi thời, mừng 1 tháng 7 Nhâm Tý, 09-8-1972.



Tu là sửa tâm lành tánh thiện,
Tu là trau, là luyện, là rèn,
Tâm con phải sáng hơn đèn,
Vị tha vong ngã mới quen Đạo Trời.
Trời thương cả con người, cả vật,
Không riêng vì nhược chất, nam nhi,
Lòng Trời bao quát bảo trì,
Con tu học phải vào thi khoa trường.
Trường thi hội rộng đường cứu cánh,
Con quên mình trước cảnh khổ đau,
Đó là tiết mục để cao,
Từ bi, bác ái để vào trường thi.

■ ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU, VĨNH NGUYÊN TỰ, 15-8 QUÝ SỬU (11-9-1973).

MAN NGHI

■ THIÊN HẠNH

Trong đạo Phật, phiền não chia làm 6 loại: Tham, sân, si, mạn (ngã mạn), nghi (nghi ngờ), và ác kiến (hiểu biết không chơn chánh). Đây là căn bản của tất cả các loại phiền não khác.

Năm chướng ngại của người tu thiện: Tham dục (lòng ham muốn), Sân hận (giận dữ), Hôn trầm (uể oải, buồn ngủ), Trạo cử (lăng xăng, lo lắng, lo ra), và Mạn nghi (lòng nghi hoặc)

Sự trắc trở của nền đạo buổi ban đầu

Sự kiện: Ngay trong đêm đại lễ Khai minh Đại Đạo ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (19–11–1926), Đức Chí Tôn giảng cơ để ít lời quở trách. Sau khi Đức Chí Tôn thăng, Quỷ Vương nhập đàn xưng là Quan Thánh Đế Quân và Quan Âm Bồ Tát. Nhiều người chán nản bỏ ra về.

Thắc mắc: Vì sao cơ đạo vô cùng trọng hệ do Đức Chí Tôn khai mở cũng phải chịu thử thách quá lớn lao ngay ngày đầu tiên Khai minh Đại Đạo?

Đức Chí Tôn đã minh giải:

“Các con chớ phiền hà chuyện Thánh thất xảy ra, ấy cũng một bước trắc trở trong đường Đạo của Thầy. Thầy còn phải đau lòng thay, nhưng cũng là nơi Thiên cơ vậy (... Sự xảy ra nơi Thánh thất, tuy là nơi mối Đạo chậm trễ, nhưng cũng do nơi lòng tà vạy của nhiều đứa mà ra, vì tâm trung chánh đáng thì làm cốt cho Tiên Thánh, còn tâm chí vạy tà là chỗ của tà quái xung nhập.)”¹

Ngày hôm sau, Đức Chí Tôn dạy tiếp:

“Thầy nghĩ lại việc hôm nọ tại Thánh thất biến ra một trường tà quái mà Thầy bắt đau lòng đó các con. Các con thiết nghĩ lẽ nào? ... Đó là

bước Đạo, đó là Thiên cơ. Các con hiểu sao được, nhưng Thầy buồn vì nổi có nhiều đứa sàm biện về việc ấy. Thầy cũng muốn phạt chúng nó một cách nặng nề, nhưng Thầy nghĩ lại mà thương đó chút. Môn đệ của Thầy nhiều đứa muốn bỏ đạo y, ném dép cỏ, lột khăn tu mà mong hồi tục thế. Bởi bước Đạo gặp ghình khó tới nên mới ra có đổi. Bởi còn vướng bụi trần, ham mê phú quý, mê chữ vinh sang mà ngán đạo. Các con hiểu, Thầy buồn, nhưng ấy là máy Trời đã định, chạy sao cho khỏi. Thầy biết bao lần vì các con mà chịu nhọc nhằn.”²

Nơi phân tái cầu, Thầy dạy thêm: “Sự biến xảy ra đến nay đã thành một trường ngôn luận, có khi cũng náo nhiệt đến nền Đạo. Kẻ gọi tà, người nói chánh.”

Xin ghi lại mẫu đối thoại giữa Đức Chí Tôn và Ngài Cao Quỳnh Diêu:

Ngài Cao Quỳnh Diêu: “Bạch Thầy, trong môn đệ có nhiều người ngã lòng.”

Đức Chí Tôn: “Bất bình lắm hả?”

Ngài Cao Quỳnh Diêu: “Nhưng trong Thiên phong có vài ông mà thôi.”

Đức Chí Tôn: “Cũng có nhiều chớ sao con nói ít vậy con.”

Đạo cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng; đạo cao nhứt trượng, ma cao đầu thượng.

Bậc đại tu hành (đạo cao đức trọng) có chịu sự tác động của nhân quả hay không? Bậc tu chứng có vượt ngoài nhân quả hay không?

Câu chuyện “Tổ Bách Trượng độ hồ ly.” Lục Tổ Huệ Năng có vị đệ tử là Hoài Nhượng; Mã Tổ là học trò của Hoài Nhượng; Bách Trượng Hoài

1. Thánh ngôn hiệp tuyển, quyển 1, Từ Lâm Tự, Gò Kén, Tây Ninh, 19–10 Bính Dần (23–11–1926).

2. Thánh ngôn hiệp tuyển, quyển 1, 20–10 Bính Dần (24–11–1926).

Hải là một trong những đệ tử lỗi lạc của Mã Tổ. Như vậy, Bách Trượng là đệ tử đời thứ ba của Lục Tổ Huệ Năng. Thời đại của Tổ Bách Trượng là thời cực thịnh của Thiền tông.

Mỗi ngày Sư Bách Trượng thăng tòa thường có một cụ già theo chúng nghe pháp. Một hôm mọi người giải tán mà cụ già còn nán lại. Sư mới hỏi cụ già: “Ông còn muốn hỏi gì?”

Cụ già đáp: “Tôi chẳng phải thân người. Đời trước tôi vốn làm trụ trì. Có người tham học hỏi tôi: “Bậc đại tu hành có còn rơi vào nhân quả không?” Tôi đáp: “Không rơi nhân quả.” (Bất lạc nhân quả.) Do tôi nói không đúng nên bị đọa làm Dã hồ tinh (chồn) đã năm trăm năm. Nay cầu xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy để tôi thoát được thân chồn.”

Sư nói: “Ông hỏi lại ta”. Cụ già bèn hỏi: “Bậc đại tu hành có còn rơi vào nhân quả không?”

Sư đáp: “Không lắm (hiểu rõ) hơn quả.” (Bất muội nhân quả.)

Cụ già bèn đánh lễ và thưa rằng: “Nay nương đại ngôn của Hòa thượng mà tôi đã siêu thoát thân Dã hồ, tôi ở hang sau núi, xin Hòa thượng lấy lễ tống tang theo nhà sư cho.”

Bậc tu chứng có vượt ngoài nhân quả không?

Luật nhân quả diễn ra nơi cõi hữu hình như tại thế gian này và nơi miền âm cảnh. Vì thế mới có câu: “Dương gian âm cảnh đồng như lý”. Nhứt lý đó chính là nhân quả. Luật nhân quả có thể hiện hữu nhưng không tác động nơi cõi vô sanh bất diệt; bởi lẽ, bức màn vô minh không hề che phủ khắp ba mươi sáu tầng trời. Do có bức màn vô minh chi phối nên con người mới tạo nghiệp và phải chịu sự chi phối bởi luật nhân quả. Tuy nhiên con người cũng có thể “vượt ngoài nhân quả” ngay tại trần gian này. Khái niệm “vượt ngoài nhân quả” có nghĩa là con người không còn bị chi phối bởi luật nhân quả nữa. Nói cách khác, khi con người không còn bị chi phối bởi luân hồi sanh tử tại chốn này, con người không còn bị luật nhân quả chi phối nữa, đã thực sự vượt ngoài nhân quả rồi vậy.

Song, muốn gieo nhân mà không kết thành quả thì duy chỉ có nhân vô sanh với kết quả vô sanh.

Đó là khi con người thực hiện sứ mạng đại thừa vong kỷ vị tha, thực hành Bồ tát đạo cứu độ chúng sanh, hoặc khi người hành giả thực hiện sứ mạng thiên ân thể thiên hành đạo. Những việc làm phụng sự nhân sanh với tâm thanh tịnh, vô dục vô niệm đó không hề có bóng dáng của đối tượng phụng sự, của bản thân hành giả, cũng như hành động. Lúc bấy giờ hành giả đã hành đạo tự nhiên như thiên lý vận hành bốn mùa tám tiết. Như thế thì rõ ràng hành giả đã chế tác được nhân vô sanh, tất yếu sẽ thành tựu quả vô sanh bất diệt.

Tuy nhiên, bậc tu chứng cũng còn chịu tác động của nhân quả từ bao nhiêu kiếp trước còn tồn đọng lại mà chưa đến ngày giờ thị hiện. Thí dụ như Ngài Mục Kiền Liên đã đắc quả vị A La Hán, có thần thông đệ nhất; 40 năm sau khi đắc đạo, Ngài vẫn phải trả một món nợ từ trước qua việc bị bọn côn đồ hành thích.

Vì sao có vị đạo cao đức trọng lại bị bệnh nặng trong một thời gian dài trước khi thoát xác?

Tu giải thoát là phải chịu “nhồi quả”, hoàn trả cho dứt khoát nghiệp quả trong tiền kiếp và nghiệp quả kiếp này. Do đó, những gì chưa trả xong sẽ phải hoàn trả cho hết bằng hình thức bệnh (nghiệp thân) trước khi thoát xác. Thời gian bị bệnh dài hoặc ngắn tùy thuộc mức độ nghiệp chướng còn sót lại. Vì thế, nếu chúng ta muốn thanh thoi giờ phút chót thì ngay bây giờ cần tích cực làm công quả âm chất để bù trừ phần nghiệp chướng của bản thân.

Vì sao có trường hợp đạo hữu suốt đời ăn chay nghiêm mật đến giờ chót lại muốn ăn thực phẩm mặn?

Do chưa dứt khoát được chủng tử (tư tưởng nảy nở) dậy sau một thời gian dài bị khống chế bởi sự khép mình trong giới luật, bởi vì trong lúc này người tu mệt mỏi, không có đủ thần lực để

kiểm soát được bản thân) và cũng do thử thách trước giờ phút lâm chung (cận tử nghiệp).

**Vì sao ngay sau khi nhập môn,
có người được hạnh thông
và có người lại gặp những chuyện trắc trở?**

Do luật nhân quả tác động trùng hợp thời gian nhập môn, chứ hoàn toàn không phải do nhập môn mà phát sinh. Thí dụ như khi nhập môn thì mọi sự được cát tường như ý, rồi sau đó vài tháng thì những việc trái ý xảy ra. Đây cũng là do sự tác động của nhân quả trùng hợp mà thôi.

**Vì sao có những người sống thiếu đạo đức
mà lại hưởng giàu sang phú quý,
trong khi những người lương
thiện lại gặp tai nạn dồn dập?**

Kinh Sám Hối (câu 21–24):

*“Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lãng loạn đặng mạng giàu sang.
Ấy là nợ trước còn mang,
Duyên kia chưa dứt còn đang thường đến.”*

Vì sao người tu mà lại than buồn, than khổ?

Do có nhiều thời gian nhàn rỗi mà không biết làm gì cho nên mới cảm thấy buồn (trong khi người đời phải bận bịu lo sinh kế, gia đình, v.v. luôn cảm thấy bận rộn, không có một giờ phút rảnh rang). Có những đạo hữu lúc nào cũng lo tu học hành đạo, thiển định công phu, không có thời gian để buồn.

Do khi nhìn người khác thấy họ có tiền bạc, có đầy đủ phương tiện vật chất, trong khi mình đi tu không có tiền bạc, chỉ có vài ba bộ quần áo, luôn khép mình trong giới luật, cho nên tự thấy mình khổ. Thật ra, bản thân người tu rất hạnh phúc. Trong khi người đời phải lo sinh kế, lo đủ mọi chuyện, có lúc quá căng thẳng; trong khi người tu có nhiều thời gian chuyên tâm lo tu, cứu độ chúng sanh, thực hành sứ mạng đại thừa, xem vũ trụ là nhà, đại chúng là anh em. Như vậy, người tu có thiếu thốn gì đâu, có điều gì là khổ đâu!

“Hạnh phúc ở đâu hỡi các con? Không phải từ cõi vô hình rớt xuống. Không phải tự nhiên Thầy Mẹ ban cho. Không phải ở chốn điện ngọc đài son, nhà cao cửa rộng, gối bạc giường ngà. Mà chính hạnh phúc ở tự lòng con cùng công đức của con đem lại đời con những gì lạc thú siêu nhiên, tâm hồn thanh thoát. Các con lo cho đời, cho chúng sanh, nhân quần xã hội, đem lại nguồn an ủi tinh thần cho họ, đem lại sự cơm no áo ấm, nhà ở, trường học, bệnh viện, v.v. Đó là nguồn hạnh phúc cho họ, mà chính là hạnh phúc của các con đó.”³

“Chân hạnh phúc của đời người đâu phải căn cứ vào vật chất hữu thể sung mãn. Một khi đã làm một việc thiện, một công đức, một điều đạo lý, tâm hồn được khoan khoái yên vui mát mẻ. Đó nếu không là chân hạnh phúc thì còn gọi là gì? Thánh xưa thường an bản lạc đạo, vui trong cái vui của tha nhân, buồn khổ trong cái buồn khổ của tha nhân.”⁴

Được làm người sống trong thời kỳ đại ân xá Đức Chí Tôn mở đạo, được nghe lời giáo huấn của Ông Trên, là một hữu duyên rất lớn rồi. Phụng sự cho bá tánh chúng sanh là một niềm vui bất tận rồi. Vào thiển định cộng thông cùng Trời Đất cũng là một niềm vui không sao có thể diễn tả được bằng lời.

Tuy nhiên, người tu cũng có buồn, có khổ; nhưng buồn và khổ trong phạm vi đạo lý. Điều này có nghĩa là buồn là vì mình không tu học hành đạo nhiều hơn nữa, không phụng sự cho bá tánh tích cực hơn; và khổ là do mình không làm vơi bớt đi nỗi khổ của người khác. Khi tha nhân buồn và khổ thì người tu cũng chia sẻ như là mình đang trong tâm trạng đó vậy.

**Vì sao người tu hành lâu năm mà
thiếu kiểm chế được bản thân, nên có**

3. Đức Điều Trị Kim Mẫu, HQS, 04-01 Ất Tỵ (05-02-1965).

4. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

đôi lúc xảy ra tư tưởng tạp niệm, lời nói ác ngữ, hành động thô thiển?

Người tu lúc nào cũng thận độc, không được chủ quan lơ là. Tà thần luôn chực chờ để xen vào khuấy phá. Điều này có nghĩa là người tu còn tiếp tục rèn luyện vì quá trình này chưa được viên mãn.

Vì sao có trường hợp người gây cản trở cho sự phát triển cơ đạo mà không bị Ôn Trên trừng phạt?

Đây là một việc bình thường nơi cõi nhị nguyên đối đãi, để có điều thiện thì tất nhiên sẽ có việc bất thiện. Nghiệp lực của con người do thân-khẩu-ý sẽ chịu sự chi phối bởi luật nhân quả, không một mảy may sai chạy. Do đó, những người gây cản trở cho sự phát triển của cơ đạo, có nghĩa là đi ngược lại với thiên cơ tất sẽ chịu sự đào thải của Thiên luật. Tuy nhiên, khi nào luật nhân quả tác động trong những trường hợp như vậy lại vượt quá sự hiểu biết của con người nơi thế gian.

“Căn bản để đạt Đạo là tánh tự nhiên như Tào Hóa, như nhứt nguyệt lưu hành ngày đêm sáng tối, không vì những đám nghịch Thiên bội Đạo mà đêm mãi không ngày, hay ngày mãi không đêm.”⁵

Thậm chí quỷ vương cũng là con cái của Đức Chí Tôn.

“Thật sự núi thái sơn có thể bóp tan ra tro bụi mà trước lòng từ bi của Thượng Đế Chí Tôn đều phải bất lực.”⁶

Vì sao có trường hợp cơ bút mỗi nơi lại khác nhau gây nên sự thắc mắc cho nhân sanh?

“Các em cũng đừng băn khoăn về việc nhiều cơ bút khác nhau. Điều đó các Đấng Thiêng Liêng đã dạy trước rồi, tùy theo căn cơ của mỗi người. Nếu các em thấy tự tin tự túc thì chớ tìm đến, bằng nếu thấy thiếu chi ngoài đạo lý thì tùy duyên

5. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Đinh Tỵ (01-6-1977).

6. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977).

phận của mỗi người, dầu Nam Tào Bắc Đẩu cũng không ngăn được.”⁷

Vì sao lúc bình thường thì tâm ít xao động, đến khi vào tịnh thì lại khó điều phục tâm linh?

“Bản Đạo cũng thừa hiểu trên bước tu luyện để đi đến huyền môn chơn đạo của chư hiền còn lắm thiên ma bách chiết, đôi khi khiến chư đệ nản chí phân vân. Gần hơn hết, chư đệ hoàn toàn trong những khóa tịnh vừa qua hay hiện nay, kết quả thu được rất ít về sự điều chế tâm linh. Sự kiện ấy tại đâu thế chư đệ? Huệ Lương bạch cho Bản Đạo nghe.

[Huệ Lương bạch: Chúng đệ tử đã tịnh nhiều lần, duy có mấy em thì mới tịnh nên còn nói chuyện nhiều quá. Đệ tử xin Tôn Sư thứ tội.]

Không. Bản Đạo muốn hỏi lý do tại sao điều ngự tâm linh lại khó, chớ Bản Đạo không bắt lỗi chư đệ đâu.

[Huệ Lương bạch: Đức Tôn Sư dạy trụ thần ngó xuống tổ khiếu, đệ tử không biết tại sao nhiều lúc bị xao lãng không cột tâm được, xin Tôn Sư chỉ giáo.]

Bản Đạo chỉ muốn biết tại sao chư hiền không trọn vẹn gìn giữ những lời dạy trong Đạo kinh hay khẩu khuyết mà thôi. Bản Đạo thông cảm chư đệ về sơ cơ lắm, chư đệ hiểu ý Bản Đạo chưa? Cười! Cười!

THI

*Tiên phạm chỉ cách một đường tơ,
Phàm muốn nên tiên phải phục sở,
Sơ động nhứt dương gìn chín chắn,
Thoát thai phạm tục đặc huyền cơ.*

Này chư đệ! Sở dĩ chư hiền phần đông chưa thâm nhập được bản thân, giữ gìn được bản thể viên dung là bởi sanh nơi hồng trần trải qua vô lượng kiếp, ô nhiễm biết bao chủng tử, nhiều phiền não, cho nên muốn trở lại lúc ban sơ không phải một sớm một chiều mà thành công được.

Biết như vậy thì chư đệ không nên lấy làm

7. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

thối chí trước những vấp ngã ấy. Thế thì chỉ cần có việc lập chí kiên bền, cõi lòng vững mạnh mới hy vọng đi cuối đoạn đường tu luyện.”⁸

Đạo hữu tu thâm niên thắc mắc mình đi được bao xa trên con đường hồi qui cố quận? Còn bao lâu mới đến bờ giải thoát?

“Làm sao biết được đâu là đầu đâu là cuối của con đường tu giải thoát? Thật ra, nói con người trải qua vô lượng kiếp thì việc tu luyện cũng không xác định đầu với đuôi, xa hay gần. Gần xa chỉ tại chí tinh tấn vững mạnh của mỗi người mà thôi.

Những gì ngày xưa các bậc đại giác đã làm được, thì ngày nay chư đệ cũng sẽ làm được với những điều kiện trên. Đừng tạo cho mình một mặc cảm là căn cơ thấp kém, trí hóa tiện ti, rồi phó mặc sự công phu cho Thiêng Liêng định đoạt mà hững hờ với tự lực, kiên trì từng giờ từng khắc. Chớ bỏ lỡ cơ hội công phu, không nhứt thiết hạn chế ở bốn thời, còn những thời gian khác hoang phí cho chuyện không đâu. Có tôn trọng thời gian thì mới mong có ngày hoát nhiên ngộ đạo, để hội nhập với không gian vũ trụ.

Nếu không theo lẽ ấy, sao xứ nào đó bên cõi trời

nào đó, những Huệ Năng, những Bách Trượng suốt tháng chầy năm chỉ lo giặt gạo quét nhà mà cũng chứng được đạo quả vô thường chánh đẳng ấy. So sánh như thế để thấy phần nào sự tu luyện ngày xưa của các người mà chư đệ muội tôn thờ lên hành Thánh Tổ. Hoàn cảnh hiện nay của chư hiền có phần khác, nghĩa là chư hiền phải học nhiều, thấm nhuần đạo lý pháp môn trước khi hạ thủ, đồng thời cũng được để tâm quan sát các pháp ở thế gian hầu biết được các pháp ấy giai không để rồi tạo lấy niềm tin.

Học đã kỹ, quán đã thông, thì đến đoạn hành. Trong lúc hành có được kết quả mau chóng hay không là nhờ căn bản đạo lý có vững chắc hay không, nghĩa là làm sao khi hành câu vô niệm hay bất cứ tâm pháp nào khác mà không thấy trở ngại, bởi cột tâm vào sở học mà hành trúng đường, ấy mới gọi là “tuyệt học vô ưu”, chứng đắc đạo quả vậy.”⁹

Hành giả đang leo dốc núi thẳng đứng, đôi khi cảm thấy quá mệt nhọc, muốn bỏ cuộc, nếu cố gắng thêm một chút nữa có thể sẽ đến đích. Thật là rất tiếc nếu xảy ra tình huống là hành giả bỏ cuộc trong khi gần đến đích.■

8. Đức Đông Phương Lão Tổ, Bát Nhã Tịnh Đường, 12-3 Nhâm Tý (25-4-1972).

9. Đức Đông Phương Lão Tổ, Bát Nhã Tịnh Đường, 12-3 Nhâm Tý (25-4-1972).



Ta không bảo các em chinh phục thiên hạ, mà bảo các em tự thắng các em và phục vụ cho thiên hạ. Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hãnh diện khi xả thân cho tha nhân. Không ai có thể bắt kẻ khác làm cho mình, hơn hết là mình làm cho kẻ khác. Người thanh thiếu niên hãy tràn ngập hoan lạc trong sự cao thượng. Phương châm duy nhất cho các em là liên kết tự kiểm và nhận phê trong tinh thần hành động duy tiến. (...) Các bậc đàn anh của các em đã đi qua rồi trên con đường phục vụ cho sự miên viễn của lịch sử, thì hiện trong cơ Đạo ngày nay, những cái ước vọng và hùng khí của thời thanh xuân nhường lại cho tất cả các em. Bất cứ trên cương lĩnh nào, các em cũng bắt buộc ý thức cái bốn phận cao cả của người được tiếp nối, của người được giao phó, của người được đặt niềm tin trên viễn đồ thái bình cực lạc.

■ ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NGỌC MINH ĐÀI, 29-12 BÍNH NGỌ (08-02-1967).

ĐỜI ĐẠO HAI VAI RÁNG LIỆU LƯƠNG

■ LÊ CHÍ THẬT

Nguộc dòng thời gian trở về những năm đầu thế kỷ 20, một sự kiện hy hữu đã tạo thành một dấu ấn lịch sử trong thế giới nhân loại. Đức Thượng Đế, vị Chúa Tể Càn Khôn sáng tạo muôn loài vạn vật, đã chọn đất nước Việt Nam làm phạm khai mở một nền tôn giáo với tên gọi Cao Đài và chính thức khai minh vào ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần 1926 với đại lễ long trọng kéo dài suốt 3 tháng.

Từ đó đến nay, trải qua 85 năm cơ Đạo thăng trầm, nhưng người tín hữu Cao Đài vẫn sáng chói một niềm tin vào những lời dạy của Đấng Cha Trời:

*“Thầy muốn con thơ bước thẳng đường.
Hầu đem chánh pháp đạo hoàng dương,
Trong khi ma quỷ bày trăm kế,
Giữa lúc tình yêu đón vạn phương.
Hủy kiếp thiêu thân vì ánh sáng,
Hoại danh hào kiệt bởi quan trường.
Tắt quanh mau chậm con ơi khéo,
Đời Đạo hai vai ráng liệu lương.”¹*

Vì đức háo sanh vô biên, Đức Đại Từ Phụ mong muốn tất cả con cái nơi thế gian trên đường qui nguyên phản bổn, hãy thẳng một đường mà tiến, đừng chùn bước, đừng thiên tả lạc chốn bàng môn, đừng lệch hữu lầm nơi tà đạo, đừng thối chí ngã lòng trước biến thiên của cuộc đời, trước phong ba bão táp của thế giới nhị nguyên đầy đầy trước chất đã kết tập nhiều đời nhiều kiếp tạo nên một trường thâm sát, thiên tai, chiến họa, dịch bệnh lan tràn khắp cả mọi nơi khiến cho nhân loại ngày càng tiến gần đến bên bờ vực thẳm của sự hủy diệt.

Con người cứ mãi tranh giành, mạnh được yếu thua, đời sống mọi mặt đắm chìm trong khủng hoảng âu lo.

Khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã ban trao cho đàn con áo trắng một sứ mạng vô cùng trọng đại nhiều gian khổ, đòi hỏi sự hy sinh, lòng quả cảm, ý chí kiên định trong đức tin đồng mãnh là góp phần xiển dương chánh pháp Đại Đạo, để nhân loại an lạc trong cảnh năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà.

Trên thế lộ gặp ghềnh quanh co khúc khuỷu, những ánh sáng lấp lánh của vật chất kim tiền, những danh vị quyền tước chốn quan trường dễ dàng cám dỗ đàn con còn đang vô minh lạc lăm vào chỗ hoại tiết hư danh, trở nên bán đồ nhi phế.

Do vậy, Đức Từ Phụ ân cần nhắc nhở:

*“Tắt quanh mau chậm con ơi khéo,
Đời đạo hai vai ráng liệu lương.”*

Đức Cao Triều Tiên Bối dạy:

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là cơ cứu cánh buổi Hạ nguơn. Chư hiền hữu nên lưu ý đến hiện trạng của thế đạo tình đời, để tự mình định hướng cho mình thoát vòng trần lụy. Tiên Huynh nói để chư hiền hữu rõ: Tuồng đời muôn mặt, diễn đạt đủ trò, vương bá, công khanh, tướng hễ lẫn lộn, điều ngoa xảo trá nay Sở mai Tần. Kẻ thúc thời, người ưu thế phải vững vàng an định trước mọi hoàn cảnh biến chuyển để sáng suốt nhận định.”²

Lời dặn dò của Đức Cao Triều để hàng tín hữu Cao Đài có cái nhìn thực tiễn vào đời sống thực tại, để hoạch định cho mình một hướng

1. Thiên Lý Đàn, 30-4 Mậu Thân (19-12-1968).

2. Minh Lý Thánh Hội, 23-4 Kỷ Dậu (07-6-1969).

đi đúng đạo lý trước những diễn biến đa dạng phức tạp của thế đạo tình đời, ngõ hầu góp một phần khiêm tốn vào công cuộc cứu độ Kỳ Ba, để tự cứu mình thoát vòng trần lụy.

KHÁI NIỆM ĐẠO ĐỜI

Đức Lý Giáo Tông dạy: “Đời và Đạo nếu phân tách rõ rệt thì nó tỏ rõ đôi bên. Đời thì càng vay mãi mãi; Đạo tất phải trả thuở vay khi trước. Như vậy, đời thì vay, Đạo thì trả. Vay trả cứ bên nhau mà chuyển vận theo luật tiến hóa cơ ngẫu của thiên nhiên.”³

“Đời thì vay, Đạo thì trả”, đó là luật nhân quả công bình, hễ có gieo nhân ắt phải gặt quả. Xấu tốt, dữ lành đều do nghiệp lực của mỗi cá thể và nhiều người có cùng một thứ nghiệp tạo nên cộng nghiệp. Sự vay trả được chuyển vận theo đúng luật nhân quả của trời đất; chính nhờ sự vay trả mới giúp con người giải quyết thỏa đáng những oan khiên nghiệp chướng chống chọi nhiều đời nhiều kiếp theo đúng luật Trời, làm thông thoáng con đường tiến hóa của vạn linh.

Đức Cao Triều Tiên Bối dạy: “Kể lại ngày xưa, khi Tệ Huynh vừa đến cõi trần gian, đã oằn oại một sứ mạng trong thời thất điên bát đảo, mà trước khi đến trần gian, lại bước qua một nhịp cầu ô trước, ngang trái cho đến ngày trở thành một đại phú như ông, cũng còn phải chịu luyện rèn rất nhiều giữa cõi đời mà sự kết quả nào thấy chi được hài lòng vui dạ. Đến lúc sang về đường đạo, lại càng muôn phần cay đắng.”⁴

Đức Mẹ dạy:

“Sống trong chốn trần hồng cát bụi,
Sống giữa thời may rủi khôn lường,
Tảo tần, thiếu đủ, sớm trưa,
Tài không chỗ chọn, đức chưa chỗ dùng.
Vừa sinh kể lao lung dày dạn,
Vừa dọn mình tánh mạng song tu,
Công trình, công quả, công phu,
Những mong thoát khỏi ngục tù bến mê.

Đời con có những gì đầu tá,
Mãi quần quanh trong bả lợi danh,
Thị phi, đắc thất, bại thành,
Hơn thua, vinh nhục, dữ lành, buồn vui.
Khi đắc thế huênh hoang hống hách,
Lúc thất thời nhân cách thảm thương,
Chợt nhìn mái tóc điểm sương,
Rồi mở cổ lạnh nắm xương rũ ràn.”⁵

Đức Từ Mẫu nhắc lại cho con người thấy rõ kiếp làm người phải nhận lấy tất cả mọi thứ vui buồn tủi nhục, thiếu đủ rủi may, được mất hơn thua, lúc thành công khi thất bại, và chính cái vòng lẩn quẩn đó tri kéo quay cuồng con người trong cõi đời giả tạm. Để rồi khi nhìn lại thì mái tóc đã điểm sương, báo hiệu quỹ thời gian đời người sắp hết và sau cùng thân tứ đại phải hư hoại theo quy luật hữu sinh hữu diệt, kết thúc một chặng đường tiến hóa của một kiếp nhân sinh tại thế.

Lời dạy của các Đấng giúp chúng ta có cái nhìn trực diện giữa đạo và đời, hầu tìm ra những điểm tương quan giữa hai lãnh vực này. Từ đó, giúp chúng ta lạc quan định hướng cho đời mình một lối đi vững chải trong cuộc sống đời sống đạo.

ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC

Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

“Đã là người sanh trong cõi thế,
Đạo với đời liên hệ một thân,
Đạo là thể xác tinh thần,
Đời là ngoại vật muôn phần tương quan.”⁶

Đức Tôn Sư xác tín giữa đạo và đời có mối liên hệ mật thiết với nhau, như một thân người không thể tách rời. Con người được cấu thể hoàn hảo của lưỡng nghi là âm và dương, thể xác được tồn tại và phát triển theo chiều tiến hóa của đạo học. Những chất dinh dưỡng từ ngũ cốc, thảo mộc, khoáng sản, khoáng vật...

3. Thánh huấn hiệp tuyển, quyển1, 1961, tr.113.

4. Ngọc Minh Đài, 05-01 Bính Ngũ (25-01-1966).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 13-8 Mậu Ngọ (14-9-1978).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

đã giúp cho con người duy trì sự sống, khởi phát trí năng, hòa mình với thiên nhiên trong chu trình tiến hóa chung của vạn loại.

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Giữa thế cuộc còn nhiều gian khổ,
Ráng tu hành tự độ độ tha,
Việc đời, việc đạo, việc nhà,
Phải cho tương đắc mới là nên công.”*⁷

Đức Giáo Tông nói với chúng ta rằng, khi một sanh linh cất tiếng chào đời, là chấp nhận đón lấy những thăng trầm truân chuyên của thế giới nhân loại. Và Ngài khuyên chúng hãy nỗ lực hết khả năng trên đường tu học, song hành hai phía, vừa lo tự cứu đồng thời cứu độ tha nhân. Muốn đạt kết quả khả quan trong việc làm này, đòi hỏi chúng ta phải vén khéo tạo thế chân vạc cho: “Vieăc nôi, vieăc năi, vieăc nha”, không so le, không lồi nhিপ, tạo cầu nối hài hòa để trong ấm ngoài êm, ở giữa ổn định. Như thế là chúng ta đã thực hành trọn vẹn tam công theo chuẩn mực của tân pháp Cao Đài.

Đức Cao Triều Tiên Bối dạy:

*“Đem giáo lý phong thuần mỹ tục,
Cho muôn dân hưởng phúc thanh nhàn,
Cho người đừng tưởng trái ngang,
Đời đời đạo đạo mà toan nghĩ lăm.
Đời với đạo cơ cãm có một,
Đạo với đời nguyên cốt không hai,
Nếu đời không đạo, đời sai,
Đời sai thì đạo càng ngày càng chinh.”*⁸

“Giáo là dạy nẻo chỉ đường, lý là lẽ thật chủ trương thói bình.”

Giáo lý Cao Đài là nguồn năng lượng vô tận vô biên, một kho tàng Đạo học vô giá của nhân loại, được chuyển tải qua huyền cơ diệu bút của Tiên gia. Giáo lý được cảm nhận, thẩm nhập tùy theo căn trí của mỗi cá thể giác ngộ và việc thực hiện sẽ đem lại sự quân bình trong mọi hoàn cảnh, mọi lãnh vực của thế giới nhân loại, để

con người được sống an lành trong bầu không khí thương yêu đạo đức.

Đạo và đời đều có chung một nền tảng, một nguồn cội từ Thượng Đế, hãy nắm lấy nền tảng và nguồn cội đó là đạo lý mà ứng dụng vào đời sống hiện hữu. Nó được lồng trong ngũ luân: Quân minh thần trung, phụ tử tử hiếu, phu thê tương ái, huynh đệ tương thân, bằng hữu tương tín. Tất cả sẽ đem lại hạnh phúc chung cho mọi người.

Đức Cao Triều Tiên Bối dạy: “Ai lại không sống, không ăn, không mặc, không ở. Ai lại không có gia đình kế tự. Nhưng sự ăn, mặc, ở và xây dựng gia đình theo nếp sống hiền lương đạo đức thanh cao trong sạch. Lúc bấy giờ người đời là đạo, đời đạo đi đôi, chớ nào ai phân tách hai lối hai phương cách biệt.”⁹

Sống ăn mặc ở, xây dựng gia đình là nhu cầu bình thường của một nhân sinh tại thế. Tất cả những nhu cầu đó được đáp ứng theo đúng chuẩn mực, lúc đó con người đã nhận biết giá trị thật của đạo lý.

Chúng ta vừa chứng kiến tổ chức đại lễ Thăng Long 1000 năm tại Hà Nội, và chỉ còn khoảng 2 tháng nữa toàn thể nhân loại trên quả địa cầu này sẽ đón mừng lễ Giáng sinh lần thứ 2010, Phật lịch năm nay đã bước sang 2554 năm và theo lời tiên tri của các Đấng, đạo Cao Đài sẽ được tồn tại và phát triển tới 700 ngàn năm. Thế thì, nếu không có đội ngũ kế thừa, hậu duệ tiếp nối thì làm sao chúng ta thực hiện những sự kiện trọng đại lịch sử vừa nêu trên.

Đạo pháp trường lưu, đời người hữu hạn, thế giới nhân loại đang tiến hóa không ngừng. Cho nên, cần phải có thế hệ chuyển tiếp để tiếp tục sự nghiệp dang dở của các bậc tiền nhân ở hai lãnh vực thế sự lẫn đạo sự.

ĐEM ĐẠO CỨU ĐỜI

Đức Đông Lâm Tiên Trưởng dạy: “Đời loạn Đạo mới khai. Người bị điên đảo vì ngoại vật mới cần tu cần học. Tu để sửa, học để hành, sửa cái u tệ xấu

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 19-02 Bính Dần (28-3-1986).

8. Ngọc Minh Đài, 05-01 Bính Ngũ (25-01-1966).

9. Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

*xa sai lạc trở về đường ngay nẻo thẳng, hành cho đúng đạo, cho trở nên con người chí thiện chí mỹ, mới có được một xã hội thánh đức thuần lương.*¹⁰

Mục đích khai Đạo của Đức Thượng Đế là giúp cho nhân loại giải tỏa những mối xung đột, hiềm khích lẫn nhau, con người mất cân bằng vì vật dục ám che Thiên tánh, làm cho thể thái nhân tình đảo lộn, xã hội nhiều tệ nạn tai hại liên tục tiếp diễn. Do vậy, con người phải nương vào cửa đạo để hoàn thiện hóa bản thân, để kiến tạo một xã hội thuần lương, một thế giới đạo đức.

Đức Cao Triều Tiên Bồi dạy: “Đạo chẳng xa người, người trong cái đạo. Đừng quên rằng những ai đem đạo cứu đời mà không lịch sử, cũng đừng quên rằng những ai đem đạo mị đời mà không chịu trừng phạt trước luật đào thải Hóa công.”¹¹

Công thường tội trừng, đó là luật công bình của xã hội, lịch sử sẽ lưu danh muôn đời những bậc tiền nhân, tiền hiền đã tạo dựng giang san cấm tú cho con cháu ngàn đời như việc dời đô của vua Lý Thái Tổ; các nhà khoa học, đã phát minh những phương tiện, trang thiết bị hữu ích giúp cho con người tiết kiệm được thời gian và công sức; những nhà nghiên cứu về lãnh vực y học tìm ra những vắc xin ngăn ngừa và chữa trị những bệnh ngặt nghèo... tất cả những thành tựu đó đều được tán thán và tri ân.

Ngược lại, những ai phỉnh nịnh đời, dùng những lời đường mật để củng cố quyền lợi tư hữu hay nói khéo để người khác tưởng thiết mà tin theo... những việc làm phi đạo đức đó đều phải bị loại bỏ thải trừ, đúng theo luật công bình của Tạo đoan.

Đức Mẹ dạy: “Đời càng ly loạn, nhân tâm càng đảo điên thì các con càng phải ráng tu. Có tu mới đủ thần lực, đủ sáng suốt diu dắt thế

*nhân trên đường ngay nẻo thẳng sống đời đạo đức an lành.*¹²

Trước sự hỗn loạn của thế sự nhân tình, các bậc Thiên ân, những hàng sứ mạng muốn thực thi trọng trách thể Thiên hành hóa, phải hạ thủ công phu để minh triết bảo thân, hoàn thành đạo nghiệp, dìu dẫn nhân sanh cải ác tùng lương, cải tà qui chánh, để tất cả nhân loại được hưởng cảnh thái hòa, sống đời an vui tự tại,

Đức Khương Thái Công dạy: “... Nghĩ rằng các sứ mạng còn hơn Lão rất nhiều, không phải để binh trận mạc, không vào tử ra sanh, chỉ dụng đức cảm hóa muôn dân, đem tài phổ độ quần chúng, để hết tâm thành phục vụ chánh nghĩa, là được vẹn tròn sứ mạng. Nếu không làm được thì chẳng những đời đạo phải chịu biến chuyển chinh nghiêng, mà các sứ mạng cũng phải chuyển luân lên xuống.”¹³

Lời dạy trên, không mang tính cách so sánh giữa người thọ nhận sứ mạng đời là phải dụng binh cỡi ngựa vào tử ra sanh chốn lằn tên mũi đạn nơi sa trường khói lửa, với người Thiên sứ lãnh sứ mạng độ đời giáo dân vi thiện. Bởi vì cả hai sứ mạng đều có chung mục đích là đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Nhưng sở dĩ Đức Khương Thái Công dạy: “Nghó raêng cauc sòu maing coøn hôn Laõ raát nhiều”, phải chăng có ý nói rằng, việc giải quyết những mâu thuẫn xung đột giữa con người bằng vũ lực, chiến tranh sẽ gây cảnh sanh linh đồ thán, oan oan tương báo, bao giờ mới dứt; ngược lại nếu cảm hóa nhân loại bằng đạo đức, bằng trí huệ mới đem lại hạnh phúc thật sự và không để lại hậu quả đáng tiếc nào.

Tuy vậy, nếu những thành phần có trách nhiệm, có sứ mạng mà không thực thi được những vấn đề nêu trên, thì toàn cả nhân loại phải chịu ảnh hưởng chung trong đó có chúng ta.

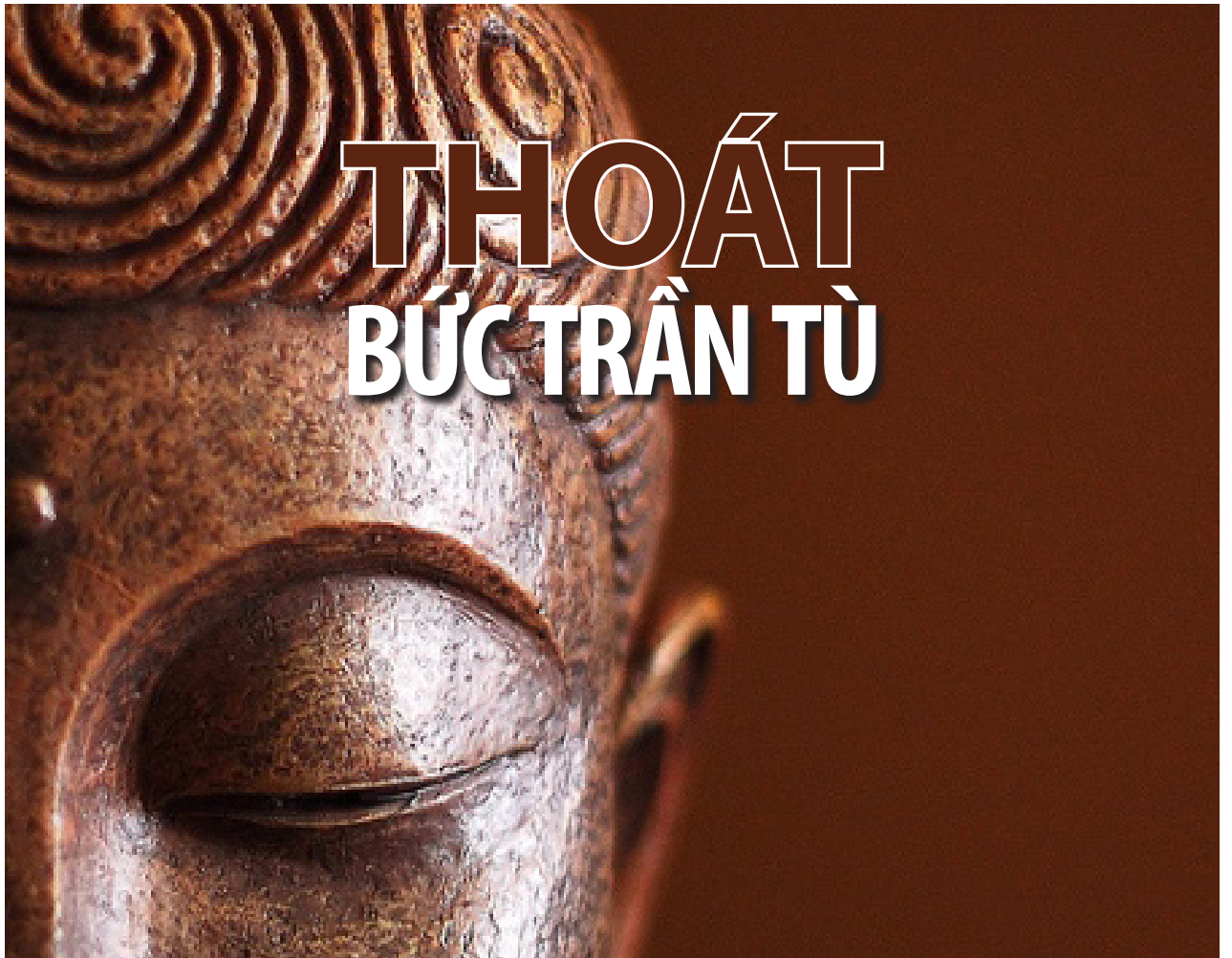
10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977).

11. Minh Lý Thánh Hội, 23-4 Kỷ Dậu (07-6-1969).

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Tân Dậu (11-9-1981).

13. Ngọc Minh Đài, 05-01 Bính Ngũ (25-01-1966).

(XEM TIẾP TRANG 105)



■ **ĐOÀN THỊ KIM SƠN**

Nhân ngày lễ Phật đản mừng 8 tháng 4 năm Ất Tỵ (1965), Đức Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai đã giảng đàn dạy đạo tại Huòn Cung Đàn như sau:

*“Người lỡ tạo trần tù bốn vách,
Lỡ bước vào không cách trở day,
Tuy không bóng dáng hình hài,
Cao không đo được, sâu dày khó thăm.
Chỉ có kẻ minh tâm kiến tánh,
Dụng phép mẫu trên cảnh hư vô,
Thoát ra bốn vách mê đồ,
Đổi phàm, lập thánh, quy mô vững vàng.”*

Thật vậy, sống ở thế gian đầy đầy những xa hoa vật chất, nếu không làm chủ được bản thân, con người dễ bị lôi cuốn vào con đường trụy lạc. Ham mê tửu, sắc, tài, khí, là bốn cái khổ mà ông bà chúng ta thường gọi là tứ đồ tường. Một khi đã vướng vào tứ khổ này rồi, thì con người mất hẳn lý

trí, chìm trong say đắm, mê mết. Tú khổ giam hãm con người, khiến cho con người mất tự do giống như bị nhốt trong bốn vách nhà tù, khó mà trở ra được.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy rằng bốn vách trần tù này không có hình dáng, không đo được chiều cao, còn chiều sâu và bề dày thì không thể nào thăm dò được.

Bốn vách trần tù có nhiều ẩn số như vậy thì làm thế nào để có thể thoát ra được?

Đức Quan Âm Bồ Tát lại dạy tiếp: “Chỉ có kẻ minh tâm kiến tánh/ Dụng phép mầu trên cảnh hư vô” thì mới có thể thoát ra được bốn vách mê đồ.

Vậy phép mầu đó gì? làm thế nào để có được phép mầu đó?

Như chúng ta đã biết, một khi đã sa vào tứ khổ rồi thì màn vô minh làm cho ngọn tâm đăng của con người bị lu mờ, trí huệ không còn sáng suốt để nhận định đâu là tốt, đâu là xấu nữa.

Đức Đông Phương Chuông Quán dạy rằng: *“Công phu thiền định giúp cho tâm linh được mẫn tuệ, minh linh sáng suốt, tự chọn đường đi lối về, nẻo tắt đường quanh của đời cũng như đạo và am hiểu được sự rủi may tốt xấu xảy đến cho mình.”*¹

Trong giờ công phu thiền định, giữ tâm thanh tịnh, chúng ta sẽ tiếp được điển lành của Ông Trên, khai phá được màn vô minh, tinh thần trở nên sáng suốt. Bức màn vô minh được vén lên giúp chúng ta thấy rõ đường ngay lẽ phải, làm cho chúng ta không sa vào sự cám dỗ của vật chất, giúp chúng ta thoát khỏi bốn vách trần tù.

Với tâm thanh tịnh, vọng tâm biến thành chơn tâm, là tâm của Trời Đất, là Tiên Thiên, là Phật tánh làm cho chúng ta trở nên thánh thiện, hiền lương, phàm tâm trở nên Thánh tâm, không thể làm chuyện sai lầm được.

Như vậy, công phu thiền định chính là phép mầu giúp chúng ta thoát được bốn vách trần tù.

Đức Quan Âm Bồ Tát cũng có nhắc chúng ta rằng phép mầu ấy không ở đâu xa, không ở Bắc hải cũng chẳng ở Tây phương mà ở trong “tiểu thiên địa” tức là ở trong thân xác con người. Và con người, với trí sáng suốt và đức tin, đã biết vận dụng phép mầu nhiệm mà Thượng Đế đã ban cho.

*“Phép mầu ấy chớ sang Bắc hải,
Phép mầu không tìm lại Tây phương,
Cũng không xa ngõ cách đường,
Mà do máy tạo chuyển luân vận hành.
Máy tạo đã sẵn dành nhơn loại,
Một hình hài gồm thấy cơ quan,
Trời, đại thiên địa tuần hoàn
Người, tiểu thiên địa chuyển luân cơ mầu.”*

Lời dạy trên của Đức Quan Âm giúp chúng ta hiểu rõ phép mầu đó chính là công phu thiền định của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Giữ tâm thanh tịnh giúp chúng ta thấy được Chơn Như là Phật tánh hay Thượng Đế tánh là tánh từ bi, sáng suốt giúp chúng ta không nhiễm tội lỗi và không sa vào sự cám dỗ của trần gian.

Là con cái của Đức Chí Tôn, chúng ta cố gắng học tập lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát bằng cách thực hành nghiêm túc công phu thiền định, giúp cho tâm linh được mẫn tuệ, minh linh sáng suốt, không bị vật chất lôi cuốn, không rơi vào bốn vách trần tù, góp phần làm cho cuộc sống ở trần gian trở nên hiền hòa, thánh thiện.

Đức Mẹ nhắn nhủ:

*“Đạo mầu huyền nhiệm lắm con ôi,
Chúng quả rồi con sẽ độ đời,
Luyện kỹ công phu đừng gián đoạn,
Mới mong vững bước cuộc đầy vơi.”*²

Thực hành công phu theo lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát cùng các Đấng Thiêng Liêng, chắc chắn rằng chúng ta sẽ phá tan được bức màn vô minh hầu thoát ra bốn vách trần tù – cái ngục tù vô hình đã giam hãm chúng ta từ lịch kiếp – để trở về cùng Đức Đại Từ Phụ nơi cõi thiêng liêng hằng sống.■

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10–5 Bính Thìn (07–6–1976).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–4 Kỷ Mùi (10–5–1979).

SUY TƯ VỀ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

■ LÊ KHANH

Kể từ năm Bính Dần (1926) đến nay, đàn con áo trắng của Đức Chí Tôn đã 85 lần cử hành Lễ Khai minh Đại Đạo. Con số 85 nhắc nhở chúng ta rằng thời gian qua mau, ngoảnh đi ngoảnh lại đã gần hết một kiếp người, rồi tự vấn với lòng rằng mình đã tiến bộ theo mong muốn của Đức Chí Tôn và các Đấng trên các mặt tâm hạnh, lý tưởng, phụng sự chưa? Làm thế nào để Đạo Thầy hoằng hóa hơn nữa để cứu khổ chúng sanh đang hồi điêu linh thống khổ và tự bản thân mỗi người xét xem mình đã góp phần tạo lập thế nhơn hòa, ít nhứt là trong nội bộ sinh hoạt mình hay chưa?

Có một số người đã phác thảo kế hoạch cho đại lễ kỷ niệm Khai minh Đại Đạo lần thứ 100 rồi. Đó là một ý tưởng thật hay trong thời điểm nhiều ý nghĩa lịch sử, nhưng quan trọng nhứt, ý nghĩa Khai minh Đại Đạo vẫn là làm sáng tỏ cái Đạo tự thân và góp tay truyền bá Đạo Thầy khắp nơi. Dụng hình thức để gây ý thức, cử hành lễ Khai minh Đại Đạo là để nhắc nhở cái Đạo trước hết phải được khai minh nơi mỗi người, sau đó đem ánh sáng

chân lý soi rọi khắp nơi để chúng sanh biết Thầy hiểu Đạo. Thế nên, mỗi năm khi đến lễ Khai minh Đại Đạo, tự thân mỗi người tín đồ nên kiểm điểm lại xem mình đã hết lòng phụng sự Đạo chưa? Tác phong đạo hạnh có trở nên đạo đức chưa? Đức tin Cao Đài có tăng tiến thêm hơn?

Giờ đây, chúng ta, những người đã gõ cửa Cao Đài, cảm thấy may duyên gặp đạo Trời. Thử nghĩ lại, nếu chưa giác ngộ chắc giờ đây mình cũng đã chìm trong vòng xoáy tội lỗi cuộc đời, chạy theo dục vọng, tranh giành quyền lực với những hành vi và tư tưởng trái đạo lý. Sự may duyên đó, ngoài việc gọi nhuần ân phước từ Chí Tôn Thượng Phụ còn là việc được bước đi trên đường chánh đạo và tiến hóa rất nhanh, được học tập và sinh hoạt trong môi trường đạo đức, được sự dắt dìu nâng đỡ hết lòng của các bậc đàn anh. Thử nghĩ bao nhiêu người được như thế? Sống trong thế giới vật chất nhị nguyên nhiều bon chen xáo trộn mà được may duyên làm đệ tử Đức Cao Đài, nhìn thấy con đường chân lý, quân bình được đời sống trên

cả hai mặt tâm vật chúng ta mới thấy thanh thản và cảm nhận cuộc đời đáng quý vì đó là môi trường cực tốt để chúng ta lập công bồi đức, hoàn thiện bản thân nên người đạo đức gương mẫu.

Tình trạng thế giới con người đang sống hôm nay xem chừng như không thể tệ hơn: đạo đức xã hội xuống thấp, con người sống ngày càng thực dụng, chạy theo những gì hào nhoáng bên ngoài mà điểm Đạo bên trong càng bị che mờ. Vì thế, những ai đã khoác áo Thiên ân có trọng trách xiển dương vai trò quan trọng của tôn giáo trong đời sống nhân loại. Tôn giáo, qua giáo lý, đủ khả năng giải quyết những thực trạng xã hội hôm nay; nhưng cái đầu tiên là nhân bản, tình người trong mỗi con người phải được khơi dậy, làm sống dậy tính thuần phác thiên lương. Cái quan trọng là gây ý thức ban đầu, sự kiện chính mình Thầy mở Đạo là một sự kiện hy hữu, vô tiền khoáng hậu. Ánh sáng chân lý đạo Thầy sẽ quy hiệp các tôn giáo đã có thành một thực thể đạo cứu thế, tạo động năng cứu độ sâu rộng và toàn diện,

chuyển hận thù chia rẽ thành tình thương hòa hiệp. Ngược dòng thời gian trở về với thập niên 20 thế kỷ trước, đạo Cao Đài từ giai đoạn tiềm ẩn đến khai minh, chúng ta cảm nhận được “ánh thái dương dội trước phương Đông”¹, ánh sáng đó chói lòa sáng tỏ, đủ sức vệt tan những bức màn vô minh tăm tối, đưa nhân loại trở về chân thiện mỹ.

Khi đã vào Đạo rồi, tâm là quan trọng, rèn tâm chuyên nhất, hết lòng phụng sự đạo Thầy, tu sửa tác phong đạo hạnh cho nên người đạo đức. Nói thì dễ, thật sự trong sinh hoạt hàng ngày, giữ tác phong đạo hạnh đôi khi cũng còn nhiều khiếm khuyết, một lời nói thiếu suy nghĩ, một hành động thiếu kiểm chế có thể làm rạn nứt tình thương, gây chia rẽ hận thù. Đối diện với nhân sanh, cố thể hiện đạo hạnh, lời nói dễ mền, cảm phục mọi người, thể hiện sự gương mẫu trong từng sinh hoạt, xứng đáng là người có Đạo. Cho dù đã bước được bao xa trên đường Thiên đạo, phải dặn lòng luôn luôn rèn luyện tâm hạnh!

“Vi nhơn nan đắc”, được làm người rất quý, người biết Đạo lại càng quý hơn. Con người, đứng trong hàng Tam tài, có tác động trực tiếp đến thế giới nhân sinh; khả năng tạo lập thế giới hòa bình, tâm

linh thăng hoa cũng là do con người đang sống tại thế gian có vai trò quyết định. Đức Chí Tôn và các Đấng ban ơn và chỉ lối, còn thực hiện phải do nơi tay con người. Như thế mới là Thiên nhân hiệp nhứt vậy. Trong một lần kỷ niệm Khai minh Đại Đạo, Đức Giáo Tông Vô Vi đã dạy:

“... Nhưng quý báu hơn nữa là những người còn đương sống tại thế gian, có khả năng tác động ảnh hưởng trực tiếp thế gian, sống hành đạo tại thế. Đó là điều diễm phúc vô cùng lớn lao cho hết thầy chư đệ muội.

*Chính chư hiền đệ muội là tụ điểm của muôn vàn đức huệ ưu ái của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, là trung tâm sinh động của nền Đại Đạo, là cơ của cơ phổ hóa tận độ kỳ ba.”*²

Chúng ta nên ý thức và vui mừng vì có được diễm phúc rất lớn. Đó là việc tu học hành đạo mỗi người có tác động đến thế giới nhân sinh hiện hữu, đó là cơ hội quý báu lập công quả, hòa chung vào dòng chảy sứ mạng Kỳ Ba.

Thử suy nghĩ vấn đề: Làm thế nào phổ truyền giáo lý Đạo Thầy ra năm châu bốn biển? Thuyết minh giáo lý, vận dụng những phương tiện hiện đại thời Tam Kỳ, ấn tống những lời giáo huấn của Thiêng Liêng, nghiên cứu và phổ thông giáo

lý theo những cách bài bản và khoa học... Đó đều là những hành động thiết thực đem giáo lý vào đời sống, mong góp tay xoay chuyển cuộc diện thế giới loài người, làm cho thế giới ngày càng đầy tình thương yêu. Nhưng nhìn nhận khách quan, số người biết đạo Thầy, biết con đường chân lý chưa nhiều, bằng chứng là thế giới con người đang sống đang tồn tại rất nhiều vấn đề mà trước đây chưa hề có. Bản thân người đạo Cao Đài cũng chưa thỏa mãn với những thành quả đã đạt được. Con người vẫn còn sống trong tình trạng rất mất cân bằng, vật chất, tham vọng thì quá nhiều mà tâm linh giác ngộ chẳng bao nhiêu, mà nếu có thì cũng còn nhiều lệch lạc. Trên tinh thần tự thất đốic mà đi, chúng ta sẽ làm gì để cải thiện tình hình đó? Thế Thiên nhơn hiệp nhứt trong thời Tam Kỳ này rất quan trọng, người đã thấm nhập giáo lý đạo Trời có trách nhiệm truyền bá chơn lý ấy cải tạo xã hội, đem lại hạnh phúc cho nhân sanh, Trời ban ơn phò hộ người có tâm đạo, có tinh thần phụng sự nhân sanh vì Thầy vì Đạo. Thầy luôn ngự trong tâm những ai có tinh thần hy sinh, tâm chuyên nhất. Mỗi năm, đến ngày Khai minh Đại Đạo, nếu được một điều ước, chúng ta sẽ ước gì? Mong sao có một động năng vô hình mạnh mẽ nào đó thúc đẩy chúng ta thực thi sứ mạng phổ thông giáo lý đạo Thầy được

1. Kinh cúng tứ thời, bài “Khai kinh”.

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Bính Dần.

truyền bá sâu rộng, thế nhân hòa được tạo lập, góp phần cải tạo xã hội trở nên thánh đức đại đồng.

Đạo Cao Đài được khai minh tại Việt Nam, nhưng tầm vóc không hề đóng khung trong mảnh đất hình chữ S nhỏ hẹp này. Với tôn chỉ Tam giáo quy nguyên, ngũ chi hiệp nhất, sứ mạng độ dẫn toàn cả nhân loại, người có trách nhiệm phổ thông giáo lý đạo Trời quả thật phải hội tụ tài đức tâm hạnh vẹn toàn, thậm chí phải trội hơn người quân tử nữa. Cái tầm vóc vĩ đại đó nhắc nhở chúng ta phải phá chấp triệt để, không đóng khung, có tinh

thần phụng sự hy sinh, tu học chuyên cần...

Trên con đường sứ mạng chúng ta đang trải bước, luôn tâm niệm rằng không bao giờ bằng phẳng cả, có những lúc gập ghềnh, những hồi khảo thí, lắm khi nội tâm hoang mang, niềm tin bị lung lạc. Cái đích nhắm là đại cuộc, là lý tưởng Đại Đạo; niềm tin Đạo Thầy, ý thức sứ mạng sẽ là những hành trang tối quan trọng cho chúng ta vượt qua tất cả. Năm xưa, trong cơn pháp nạn ở miền Trung (Việt Nam), chỉ vì đức tin đồng mãnh với Thầy với Đạo, nhiều tín đồ đã dám hy sinh thân mình; các bậc

tiên khai Đại Đạo bị cảnh giam cầm mà vẫn “mặc tù đầy Thánh giáo ngâm nga.”³ Nhìn những tấm gương đó, chúng ta xúc động biết bao, và so với những khảo đảo mà ta đang gặp phải, thử hỏi có sá gì! Cội bồ đề phải được gieo nơi mảnh đất phiền não, hoàn cảnh thử thách mới rõ bậc kiên trung hướng đạo.

Chúng ta ai ai cũng có tâm đạo, có một bầu nhiệt huyết. Ngày Khai minh Đại Đạo năm nay, xem đây là xuất phát điểm mới, hãy “cháy” hết mình cho cơ Đạo, cho nhân sanh.■

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Bính Dần.



Trời có xuân, hạ, thu, đông; cuộc thế có sanh, trưởng, thâu, tàng, mà mùa xuân là mùa vạn vật hồi sinh ấm áp trải qua mấy lúc đông thiên. Còn trong một đời người, tuổi thanh niên là mùa xuân, là phát huy, là sáng tạo. Do đó, thanh niên cần phải được vun quén, tổ chức, giáo dục, chăm sóc và thúc phát mọi mặt. Người đi trước hãy dọn đường sửa lối cho kẻ theo sau, làm thế nào khai thác những mầm sinh, những khả năng từ thuở thanh thiếu niên, vì thanh thiếu niên là những gì đang chờ đợi kết quả ở tương lai.

Thanh thiếu niên không sống cái sống của riêng mình, không làm cái làm của riêng mình, mà phải làm và phải sống cho đại chúng. Bất cứ một gia đình, quốc gia, xã hội và nhân loại nào, dầu ở quá khứ, hiện tại hoặc vị lai, phải ý thức và kỳ vọng ở thanh thiếu niên; chẳng khác nào cây, đem hột đi ương lên thân cây con, tùy sự chăm

sóc, kết quả của cây xấu hoặc tốt, phần lớn do chủ vườn chăm sóc.

■ ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NGỌC MINH ĐÀI, 29-12 BÍNH NGỌ (08-02-1967).

Đã chấp nhận con đò cứu khổ,
Lướt dòng sông quốc độ kỳ ba,
Tâm con sẵn một Bửu Tòà,
Ngoài tâm, chẳng có chi là đầu con.
(...) Thanh Thiếu Niên mầm non quốc đạo,
Truyền thống nhiều hoài bão tương lai,
Đời còn có một ngày mai,
Nhờ nơi các trẻ nghiêng vai gánh gồng.
Thầy dành sẵn ân hồng chan rưới,
Cho tước mầm vạn đợi sum sê,
Non sông gấm vóc tư bề,
Hóa hoằng chánh đạo giác mê cho đời.

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 QUÝ SỬU (09-11-1973).

NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ ĐẠO TRƯỞNG HUỆ LƯƠNG

**BÀI NÓI CHUYỆN NGÀY 14/10 CANH DẦN, NHÂN LỄ KỶ NIỆM NGÀY ĐĂNG TIÊN
CỦA ĐẠO TRƯỞNG HUỆ LƯƠNG TỔ CHỨC TẠI THÁNH THẤT TRUNG MINH**

■ ĐẠO TRƯỞNG



Để biết được con đường tu sửa rèn luyện của cố Đạo trưởng Huệ Lương như thế nào chúng ta hãy tìm đọc tập truyện “Ăn chay” của Đạo trưởng viết kể lại quá trình tu tiến của bản thân mình từ lúc ăn “traị kỳ” chuyển sang “traị trường” cùng những khảo thí, quả phạt và ban thưởng của Thiêng Liêng.

Hôm nay, chúng ta quy tụ về Thánh thất Trung Minh tham dự Lễ kỷ niệm tròn 30 năm thời điểm đăng Tiên của cố Đạo trưởng. Kỷ niệm để nhắc lại tấm gương xưa của người đi trước để ôn lại bài học “tâm hạnh đức tài” của một trong những bậc Thiên ân sứ mạng xuất sắc trong Tam Kỳ Phổ Độ. Một trường hợp hiếm hoi được Đức Chí Tôn và Đức Lý Đại Tiên tuyên

dương công trạng khi đang mang trên vai sứ mạng trọng đại thực thi con đường “thống nhất tinh thần” của toàn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ qua hình thức truyền giáo phổ thông giáo lý.

Bên cạnh những thông tin quý báu về hoạt động của Cố Đạo trưởng mà chúng ta đã nghe hay đã đọc, đạo đệ xin được góp một cảnh hoa nhỏ vào lăng hoa của tập thể dâng lên Đức Quảng Đức Chơn Tiên.

Nhớ lại khi xưa, thời gian lần đầu tiên đạo đệ biết đến Đạo trưởng Huệ Lương là lúc đang ở vào lứa tuổi đồng nhi của Thánh thất Tân Định – Sài Gòn, được dẫn đi dự lễ tại Thánh thất Bình Hòa – Gia Định. Câu chuyện kể của Đạo trưởng về một giấc mộng thấy có một bà mẹ xin cứu giúp đàn con thoát cảnh sinh ly tử biệt, sau khi thực hiện được lời hứa trong giấc chiêm bao, thì mới rõ ra đó là con heo nái cùng đàn con nhỏ. Đại ý, chủ nhà dự tính làm chú heo sữa đãi khách nhưng khi biết khách ngày hôm đó phải giữ trai kỳ nên ngưng lại ý định. Qua chuyện vãn, biết được sự việc nên khách có lời khuyên người bạn thân hãy đổi nghề chăn nuôi và tìm kế khác mưu sinh.

Những lần khác, nghe Đạo trưởng thuyết Đạo, những chuyện kể sống động đã đậm ghi nét vào não bộ của chú đồng nhi ghi nhớ mãi cho đến hôm nay. Có thể những mẫu chuyện ấy qua những bài thuyết trình đã thúc đẩy anh em đạo đệ đi theo đạo huynh Cậu Út của mình đến Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý sinh hoạt. Hôm nay, đệ xin được thuật lại hầu chuyện cùng quý huynh tỷ đệ muội một vài câu chuyện liên quan đến Đạo trưởng mà mình đã nghe kể hay đã đọc.

HOẠT ĐỘNG ĐỜI – BỊ PHÁP BẮT BỎ TỪ CÔN ĐẢO

Trước năm 1945 thầy giáo Trần Văn Quế bị Pháp đem ra tòa đại hình xử về tội ủng hộ những người chống lại nhà nước với bản án tịch thu gia sản, 20 năm tù biệt xứ nơi Côn Đảo.

Ở tù chung cùng các đạo hữu Cao Đài khác như Đẩu Sư Nguyễn Bửu Tài thuộc phái Tiên Thiên, Lê Minh Tông đạo hữu Thánh thất Cầu Kho (người vẽ bức tranh Tam Thánh ký hòa ước nơi Đền Thánh Tòa Thánh Tây Ninh). Thầy giáo Quế cũng ở chung cùng xà lim với một số cán bộ cộng sản Việt Nam như các ông Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Duẩn, v.v. vì vậy thường được nhắc đến trong những tác phẩm của các ông Lê Duẩn, Phạm Hùng với tên “Giáo Quế”.

Trong thời gian bị giam đó, ông cùng Ngài Nguyễn Bửu Tài và một số vị khác lập đàn cơ dưới dạng chấp bút và có độ dẫn được kỹ sư canh nông Phan Khắc Sửu nhập môn.

“Đối với Thiêng Liêng, đâu nơi nào cũng có thể giảng dạy được, rất đối từ nơi lao xá hoặc Côn Đảo. Không vì chỗ ở trước đó mà xao lãng tình thương đương nhiên của Tạo Hóa đối với vấn đề đem đạo cứu đời.”¹

Sau khi trở về đất liền, sau này ông Sửu được ban Thánh danh là Huỳnh Đức và được Thiên phong đến phẩm Chương Pháp của phái Tiên Thiên.

HOẠT ĐỘNG ĐẠO

Luôn quan tâm đến việc thống nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Từ khi nhà Đạo phân ra nhiều chi phái, Đạo trưởng tham gia Liên Hòa Tổng Hội và được tín nhiệm với vai trò Tổng Thư Ký.

Trong một số tạp chí Đại Đồng có bài tường thuật Phái Bộ Liên Hòa Tổng Hội gồm quý ông Vương Quang Kỳ, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Tường và Trần Văn Quế đi viếng Tòa

Thánh Tây Ninh vào chiều Chủ Nhật 27 Juin 1937. Xin trích đoạn:

“Trước nền đại điện một cái hào to lớn dưới có dấu sạn đá... Ngay nền đại điện thì thấy nhờn công toàn là đạo hữu nam nữ, kẻ tới người lui lao xao đang lo vận chuyển sạn cát đặt đúc móng nền đại điện...”

Ông Phạm Công Tắc chợt thấy chúng tôi đến thì ông chạy lại tiếp rước một cách rất niềm nở và mời lên gác riêng của ông. Khi phân ngôi chủ khách rồi, ông bắt đầu nói chuyện thân mật với đạo huynh Nguyễn Văn Tường vì hai ông là bạn cố giao với nhau. Câu chuyện hàn huyên vừa xong, ông Quế mở lời rằng:

Lâu ngày chúng tôi về viếng Tòa Thánh và nhờn dịp muốn biết ý kiến của đạo huynh về cơ quy nhứt hiện thời là Cao Đài Đại Đạo Liên Hòa Tổng Hội, vậy đạo huynh nghĩ việc đó thế nào?

Ông Tắc nói: Ý ấy đáng kính phục lắm. Nhưng khó kết quả dạng...

Ông Tường: Vậy cũng ước mong đạo huynh giúp tinh thần với vì việc ấy cần phải nhiều người mới nên...

Ông Quế: Việc chia rẽ là do Thiên ý, không ai muốn làm chi. Nếu chúng ta xem Thánh giáo ngày xưa thì chúng ta thấy sự ấy là tiền định vậy... Ngày nay người đã chịu cơ khảo đảo nặng nề như thế mà còn đứng vững là bậc đặc dụng của Đạo mai sau này. Hiện giờ những việc ấy đều không có nữa...

Ông Tắc: Nếu dạng như vậy thì là một điều may mắn cho Đạo Trời...

Tuy nhiên, các cuộc vận động sau đó tuy có mang lại một vài kết quả tiến bộ về tinh thần nhưng chưa mang lại kết quả cụ thể cho cuộc thống nhất. Ở góc độ riêng của mình, một số đồng tín hữu Tây Ninh vẫn cố thủ quan niệm riêng “các chi phái cứ quy về Tây Ninh và nhập môn lại là xong”. Một vài chúc sắc cao cấp nơi Tòa Thánh sau khi đã trở về phục lệnh Thầy Mẹ mới hiểu được con đường được nhiều người như Đạo trưởng Huệ Lương lựa chọn là Thiên ý. Chúng ta có thể lấy thí dụ trường hợp của Cố Tiếp Pháp Trương Văn Tràng.

1. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-4 Canh Tuất (16-5-1970).

“Nhân tiện hôm nay, Mẹ có tiếp khải thỉnh cầu của Lương Đài Tiên Bối, Trương Văn Tràng xin làm đàn để cùng Huệ Lương đôi lời tâm sự. Mẹ sẽ cho Kim Đồng hộ trợ chơn linh nhập đàn. Vậy xả đàn 5 phút, sửa lại bàn cơ cho đồng tử ngồi một bên và triệu Ngọc Liên độc giả. (...)

Tiếp điểm:

Thành Hoàng Bốn Cảnh – Bốn Thần xin phép chư Thiên mạng đến trấn giữ trong ngoài để chơn linh hạ bút. Xin chào chư Thiên mạng, Bốn Thần báo trước, chớ nên quý lễ bái nghe. Bốn Thần xin xuất ngoại. Thăng.

■ Tệ Huynh chào chư Thiên mạng và quý hữu, xin mời quý hữu an tọa.

(...) Huệ Lương Lão hữu – Tệ Huynh còn nhớ một lời hứa tại Nam Thành Thánh thất buổi hội trong chi phái Tam Kỳ Đại Đạo, cũng là lần sau cùng vĩnh biệt. Tệ Huynh xin vài lời Lão Hữu thông cảm. Đến giờ này, Tệ Huynh mới biết lòng chơn thành của đạo hữu đối với đạo.

Lão Hữu hãy an tâm lo tròn sứ mạng. Lão Hữu sẽ được ân huệ của Thiêng Liêng ban bố, để gọi vào lúc tuổi già đã được lòng tin của Đạo. Tệ Huynh xin phò trợ cho Chi Phái Hiệp Thiên Đài. Thời giờ có ít, Tệ Huynh xin già từ lui gót. Thăng.”²

Đức Tiên Khai Đại Đạo Đoàn Văn Bản một lần giảng đàn có ít dòng tâm sự cùng người bạn đạo năm xưa đã từng “bôn ba khắp nước, thiết tha với sự hòa hiệp”.

THI

“Huệ Lương tri kỷ nhớ hay chăng?
Nhớ buổi Đạo khai gặp khó khăn,
Tiền tục tuy nay đôi nẻo cách,
Lòng riêng riêng trợ bạn tri âm.”³

Về đức hạnh

Xin nhắc một hạnh đạo của Ngài khi sinh tiền, ít thấy có người làm được. Làm lễ nhập môn

chạy tang cho bác sĩ Trần Văn Quốc, sau đó cứ mỗi kỳ tuần Cửu Đạo trưởng thường đứng trước bàn vong giảng giáo lý cho vong linh nghe khoảng 15 phút. Điều này đã giúp cho chơn linh bác sĩ Quốc được tiến hóa rất nhanh. Khi được về đàn, chơn linh bác sĩ tâm sự:

“Đạo trưởng Huệ Lương (...)

Tệ Sĩ vẫn hằng ghi ân Đạo trưởng đã thuyết cho những lời đạo lý trước ngày Tệ Sĩ lìa bỏ cuộc đời. Tuy những lời ấy ngăn ngui đã đánh thức được lương tri của Tệ Sĩ bừng tỉnh dậy. Nhờ một giờ hối lỗi, phát nguyện tâm tư, tuy phần hành chưa thực hiện được gì, đại nguyện ấy đã được Bể Trên cứu rỗi.

Đã vậy, sau ngày Tệ Sĩ bỏ xác, một lễ tuần Cửu Đạo trưởng đã đến thuyết cho một thời pháp song song với hồi chuông cảnh tỉnh đã giúp linh hồn siêu rỗi nhẹ nhàng, được về hiệp cùng chư vị Tiên Bối Đại Đạo.”⁴

Quả thật, đây là hành vi đức hạnh của một bậc Thiên ân sứ mạng đã trọn lòng độ giúp một bạn đạo nhân viên. Thật sự hiếm thấy có người sốt sắng đến thế! Vì thế Đạo trưởng đã từng được Đức Đồng Phương khen ngợi:

“Bồi đệ có đức hiền hơn chúng,
Chớ kỳ tài thực dụng bao lắm,
Quý do một mảnh đơn tâm,
Vì Thấy vì Đạo nhiều năm nhọc nhằn.”⁵

Câu thứ nhì “Chớ kỳ tài thực dụng bao lắm” làm cho chúng ta lại càng thấy đức hạnh của cố Đạo trưởng cao dày biết bao so với chúng ta khi chữ tài của mình còn khoảng cách khá xa nếu so với Ngài.

Cuối thập niên 60, khi Đức Vạn Hạnh Thiển Sư và Đức Hưng Đạo Đại Vương viết Đạo Học Chỉ Nam ở Minh Lý Thánh Hội, Ôn Trên có nói: “Trong việc tả kinh này vị trí chúng đàn thì Đạo trưởng Minh Thiện phải đảm nhiệm, trường hợp phải thay thế thì chỉ có Vĩnh Tịnh Sư

2. Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965).

3. Đức Đoàn Văn Bản, Huân Cung Đàn, Tý thời, mừng 10 rạng 11 tháng 8 Quý Mão (27-9-1963).

4. Chơn Thường Đạo Sĩ-vong linh cố bác sĩ Trần Văn Quốc, Minh Lý Thánh Hội, 24-02 Tân Hợi (20-3-1971).

5. Thiên Lý Đàn, 16-02 Giáp Thìn (20-02-1964).

Huệ Lương mới đủ sức mà thôi.” Qua đó chúng ta cũng thấy được phần đức hạnh cao trọng của Đạo trưởng.

Sau khóa tu Hạ Chí vào tháng 6 năm Tân Hợi 1971, 19 tháng trước khi được Đức Lý Giáo Tông tuyên dương công trạng gợi ý Hội Thánh Luồng Đài công cử lên phẩm Chánh Phối Sư (mùng 9 tháng giêng Quý Sửu 1973), Đức Đông Phương đã ban ân cho chơn linh thân phụ của Đạo trưởng Huệ Lương Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan được về đàn thăm con cháu để ghi nhận kết quả công phu Thiên Đạo. (Hôm đó cũng có Bảo Đức Đạo Nhơn- cha của đạo trưởng Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn và Phổ Đức Đạo Nhơn- cha đạo trưởng Chơn Tâm Hiệp Lý Minh Đạo được về đàn.)

THI

*“VĨNH viễn xa lìa chốn thế gian,
THỌ truyền bí pháp tại tiên bang,
ĐẠO mầu luyện đắc thần thông quyết,
NHƠN sự có chi chẳng vẹn toàn.”*

VĨNH Thọ Đạo Nhơn, chào chư hiền hữu, chào chư hiền muội, mừng nhục tử Huệ Lương.

Một sự bất ngờ hôm nay nhục tử lại gặp Lão đây mà từ lâu không bao giờ ngờ được, có phải vậy chăng?

Trải qua mấy trăm năm đã nhiều công tích đức tu chơn, một kiếp chót mới hạ sanh Quế tử để làm nấc thang cho Lão ngày nay được chúng vị nơi cõi Thiên Liêng. Tuy là ở hàng Đạo Nhơn chớ không còn phải luân hồi chuyển kiếp nữa.

Hôm nay nhân khóa tịnh vừa mãn, Đức Đông Phương Chuông Quân cho vời tất cả những hàng Tiên Tử đến để chúc mừng cho quý hiền hữu hiền muội và cho chư hiền hữu hiền muội biết rằng Thiên thượng nhưn gian đồng nhứt lý. Hễ tu thì đắc, công thì thưởng, tội thì trừng. Đó là Thiên luật không bao giờ sai một mảy.

(...) Nguyễn Đạo Hữu đã đến. Tệ Huynh xin chào chung tất cả chư hiền hữu hiền muội. Cùng nhục tử Huệ Lương! Cha gọi lời thăm hiền tức và các cháu. Cha cũng dặn nhục tử lời sau cùng là

*hãy nhớ trách nhiệm trọng đại trong thời kỳ này nghe. Xin nhường bút, lui. (...)*⁶

KẾT LUẬN

Sau khi đắc vị Quảng Đức Chơn Tiên, Ngài được làm đàn:

“QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN HUỆ LƯƠNG TRẦN VĂN QUẾ...

Đức Thượng Đế Chí Tôn chọn ngày Khai Minh Đại Đạo năm Canh Thân triệu hồi và ngày kỷ niệm thành lập Hội Thánh Trung Hưng mừng 1 tháng 6 cũng là ngày Tệ Huynh thọ nhiệm chức vụ Phối Sư Chủ Trưởng Hội Thánh, Thiên đình xét công hạnh ân phong cho phẩm vị Quảng Đức Chơn Tiên mà chư hiền hữu đã được dự nghe Ngọc Sắc vừa rồi.

Thật là đại hạnh cho Tệ Huynh mà cũng là điều đáng mừng chung của chúng ta, vì sứ mạng thiêng liêng với Hội Thánh Truyền Giáo 30 năm, với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý 20 năm, nên Tệ Huynh còn cộng sự hộ trì chư hiền trên mọi bước đường hành đạo.”⁷

Và năm xưa, trước Lễ Đại Tường của mình, Ngài đã cảm kích để lời cùng bốn đạo. Buổi lễ kỷ niệm hôm nay đánh dấu 30 năm tròn ngày phục lệnh Thấy Mẹ của Đạo trưởng, chúng ta ôn lại dấu chân hào hùng của người đi trước và một lần nữa chúng ta đọc lại lời nhắn gởi của Ngài để cố gắng tiếp bước thực hành hầu xứng đáng là đàn em thảo trọn nghĩa tình với người anh lớn thân thương.

“Chư Thiên ân, chư hiền đệ hiền muội đạo tâm nam nữ sắp bày tổ chức lễ Đại Tường cho Tệ Huynh. Tệ Huynh rất cảm kích với tinh thần đồng đạo thương yêu của chư hiền. Nên tổ chức đơn giản và để lời Tệ Huynh chúc cho toàn thể chư đạo tâm nam nữ có mặt trong buổi lễ.

Chư vị hãy cố gắng tu học, hành đạo, để được hồng ân Đức Chí Tôn mà thoát vòng khổ hải.”⁸■

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-6 Tân Hợi (31-7-1971).

7. Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu (1981).

8. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 nhuận Nhâm Tuất (06-6-1982).

TÌM HIỂU TÍNH HỆ THỐNG TRONG QUYỂN YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

■ PHAN THỊ BẢO TRẦN

Trong một lần giảng đàn tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Đức Lý Giáo Tông đã dạy: “*Này chư hiền, trước hết Bản Đạo nói về giáo lý. Đó là điểm quan trọng bậc nhất cho tiền đồ Đại Đạo. Mặc dầu mấy mươi năm qua, Cơ Quan cũng như các chi phái khác đã cố gắng phát huy biểu dương sâu rộng, nhưng khách quan mà xét, thật là như muối bỏ bể, chưa thấm vào đâu...*”¹ Quả là mấy mươi năm qua, chúng ta đã cố gắng học hỏi, nghiên cứu, phát huy, biểu dương giáo lý cho sâu rộng, nhưng dường như càng làm cho nó sâu rộng, chúng ta càng thấy sự sâu rộng thêm hơn của cái “bể” giáo lý và càng không khỏi có cảm giác lo lắng bởi thấy những gì mình làm thật như “muối bỏ bể”, không biết bao nhiêu là đủ.

Phải chăng, để phát huy giáo lý – tiền đồ Đại Đạo, đầu tiên phải có cái nhìn tổng quát toàn bộ hệ thống giáo lý trước. Nếu xem hệ thống giáo lý như một cây đạo lý cành lá sum suê thì chúng ta có thể nắm bắt toàn bộ

hệ thống bằng cách nắm bắt gốc rễ của nó. Gốc rễ của hệ thống giáo lý Đại Đạo chính là những điểm giáo lý trọng yếu đã được xác lập trong quyển “Yếu điểm giáo lý Đại Đạo” do Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phát hành vào năm 2006.

Bài viết này vì vậy có hai mục tiêu chính: một là, đưa đến một khả năng nắm bắt hệ thống giáo lý Đại Đạo qua việc phân tích tính hệ thống của các yếu điểm giáo lý vốn được trình bày trong quyển Yếu điểm giáo lý Đại Đạo. Hai là, giới thiệu một cách phân tích hệ thống như là một công cụ để học và nghiên cứu bất kỳ một công trình nào được viết ra.

THẾ NÀO LÀ HỆ THỐNG?

Mỗi đối tượng bất kỳ là một tổng thể và đều có thể được xem như một hệ thống.

Một hệ thống là một cấu trúc bao gồm nhiều đơn vị cấu thành tổng thể, ta gọi các đơn vị đó là thành phần cấu tạo hay là cấu tử. Mỗi thành phần cấu tạo ấy cũng là một đối tượng nên cũng có thể được xem như một hệ thống, gọi là hệ thống con. Vậy, một hệ thống có thể gồm nhiều hệ thống con.

Các hệ thống vừa có tính độc lập, mang đầy đủ các tính chất của một hệ thống, vừa có mối tương quan chặt chẽ với nhau để vừa phát huy công năng, tác dụng của nhau, vừa xây dựng nên sự hài hòa và làm phát huy ý nghĩa của toàn bộ hệ thống ban đầu mà chúng cấu tạo nên.

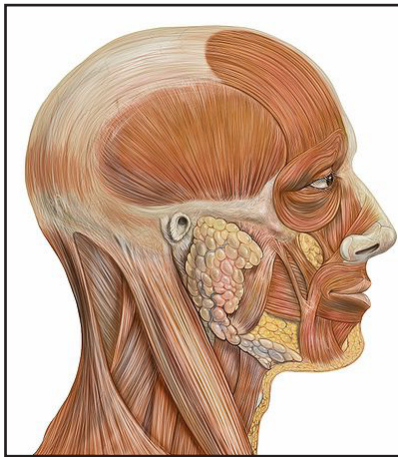
Tính hệ thống

Mỗi đối tượng có nhiều thuộc tính. Ví dụ, một người có các thuộc tính: họ tên, tuổi tác, giới tính, chiều cao, cân nặng, màu da, sắc tóc, quốc tịch, dân tộc, tình trạng hôn nhân, v.v... Vì một đối tượng bất kỳ đều có thể được xem như một hệ thống nên tính hệ thống đương nhiên là một thuộc tính của đối tượng. Tính hệ thống như thế nào là phụ thuộc vào cách phân tích các đơn vị cấu thành, mối tương quan và ý nghĩa của chúng. Chính vì có nhiều cách phân tích khác nhau, nên chúng ta có thể có nhiều hệ thống khác nhau trên cùng một đối tượng. Mỗi hệ thống khác nhau, vì vậy có thể xem như là một sự linh hoạt bởi cách nhìn hay quan điểm phân tích khác nhau mà thôi.

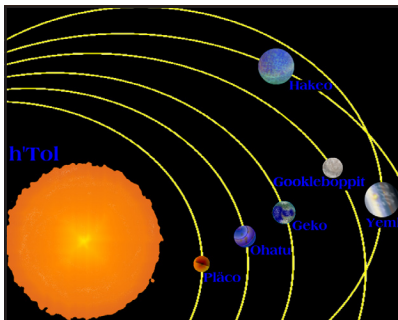
1. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 19–02 Bính Dần.



HỆ SINH THÁI.



CƠ THỂ CON NGƯỜI.



HỆ MẶT TRỜI.



QUAN HỆ XÃ HỘI.

MỘT SỐ HỆ THỐNG.

HỆ THỐNG YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Hệ thống Yếu điểm giáo lý Đại Đạo là sự kết hợp những yếu điểm giáo lý độc lập nhưng tương quan trong ý nghĩa để tạo thành một tổng thể hài hòa và thống nhất nhằm giúp cho con người hiểu và đạt được mục đích tối thượng của Đại Đạo.

Quyển Yếu điểm giáo lý Đại Đạo do Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phát hành là một thể hiện của hệ thống Yếu điểm giáo lý Đại Đạo.

PHÂN TÍCH HỆ THỐNG YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Chúng ta sẽ sử dụng các bước sau để phân tích:

BƯỚC 1. Xác định các đơn vị cấu thành tổng thể hệ thống Yếu điểm giáo lý. Đơn giản, chúng ta đã có sẵn các đơn vị này thông qua tên các chương của quyển sách.

BƯỚC 2. Phân tích mối tương quan giữa các đơn vị này để nhóm, gộp chúng lại thành một tập hợp, rồi đặt tên cho tập hợp đó. Mỗi tập hợp xác định được là một hệ thống con (hay một viễn tượng).

BƯỚC 3. Phân tích mối tương quan của các hệ thống con, để thấy được ý nghĩa của chúng trong hệ thống lớn ban đầu.

Bây giờ, chúng ta bắt đầu phân tích hệ thống Yếu điểm giáo lý bằng cách liệt kê các chương của quyển sách và sắp xếp theo bảng như bên dưới.

Bước 1. Xác định các đơn vị cấu thành

Quyển “Yếu điểm giáo lý Đại Đạo” gồm 5 chương:

Chương 1 – Cao Đài và Đại Đạo

Chương 2 – Vũ trụ

Chương 3 – Con người

Chương 4 – Nhân sinh

Chương 5 – Phản bốn hoàn nguyên

Mỗi chương là một đơn vị cấu thành hệ thống Yếu điểm giáo lý.

Bước 2. Xác định các hệ thống con (các viễn tượng)

Nếu chưa phân tích các mối quan hệ hay mối tương quan gì cả thì sơ bộ, mỗi chương sẽ thuộc một hệ thống khác nhau. Các hệ thống tạm thời được đánh số thứ tự từ hệ thống 1 đến hệ thống 5:

Hệ thống 1	Hệ thống 2	Hệ thống 3	Hệ thống 4	Hệ thống 5
Chương 1	Chương 2	Chương 3	Chương 4	Chương 5

Phân tích hệ thống lần thứ nhất

Ta nhận thấy, vũ trụ, con người và nhân sinh là ba lãnh vực lý luận cơ bản của triết học. Chúng là những học thuyết mà con

người đã quan tâm và xây dựng từ rất lâu qua sự quan sát và phân tích những sự kiện, hiện tượng xung quanh mình.

Trong 5 chương kể trên của quyển sách, chương Vũ trụ, Con người và Nhân sinh xoay quanh những vấn đề mà giới triết học xưa nay đang nói đến. Và hơn thế nữa, 3 chương này là theo quan điểm Đại Đạo, là giải pháp cho các vấn đề con người đang gặp phải hầu xây dựng thế giới đại đồng và tâm linh siêu thoát theo đường lối trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cái lý thuyết về vũ trụ, con người, nhân sinh ấy vốn được xây dựng bằng sự phân tích, lập luận dưới những cấp độ lý trí, trình độ học vấn của con người nên chúng ta có thể đưa chúng vào cùng một hệ thống, đặt tên là hệ thống “Lý thuyết và học thuật”.

Hai chương còn lại là “Cao Đài và Đại Đạo” và “Phản bốn hoàn nguyên”, sẽ có tối đa 2 hệ thống nữa cho chúng.

HỆ THỐNG 1 <i>Lý thuyết và học thuật</i>	HỆ THỐNG 2	HỆ THỐNG 3
CHƯƠNG 2 – VŨ TRỤ	CHƯƠNG 1 CAO ĐÀI VÀ ĐẠI ĐẠO	CHƯƠNG 5 PHẢN BỐN HOÀN NGUYÊN
CHƯƠNG 3 – CON NGƯỜI		
CHƯƠNG 4 – NHÂN SINH		

Phân tích hệ thống cho chương “Phản bốn hoàn nguyên”

Chương “Phản bốn hoàn nguyên” là phần thực tiễn trong giáo lý Đại Đạo, nội dung của nó là con đường thực hành và tu chứng của con người. Con người có thể thực hành “đạo pháp” thuần túy, cho dù chưa thể lý giải tại sao phải làm thế này hay thế kia trên phương diện lý thuyết, học thuật. Nói cách khác, con người có thể tu luyện trước hoặc sau những lý luận có thể có mà không cần chờ đợi kết quả của những lý luận đó. Thực hành không phải là hệ quả tất yếu của lý luận, tu chứng là hành động chứ không đặt trọng tâm vào lý luận hay phân tích gì cả. Như vậy, “phản bốn hoàn nguyên” không thể nằm trong hệ thống của “lý thuyết và học thuật” mà phải thuộc một hệ thống độc lập khác, gọi là “thực hành và tu chứng”.

HỆ THỐNG 1 <i>Lý thuyết và học thuật</i>	HỆ THỐNG 2 <i>Thực hành và tu chứng</i>	HỆ THỐNG 3
CHƯƠNG 2 – VŨ TRỤ	CHƯƠNG 5 PHẢN BỐN HOÀN NGUYÊN	CHƯƠNG 1 CAO ĐÀI VÀ ĐẠI ĐẠO
CHƯƠNG 3 – CON NGƯỜI		
CHƯƠNG 4 – NHÂN SINH		

Phân tích hệ thống cho chương “Cao Đài và Đại Đạo”

Nội dung chương 1 – Cao Đài và Đại Đạo, ngay từ đầu, được xây dựng trên nền tảng con người tin vào Đấng cứu thế là Thượng Đế trực tiếp đến thế gian để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài cùng các Đấng Thiêng Liêng trong công cuộc cứu độ kỳ ba, đã giảng dạy cho nhân loại những ý nghĩa sâu sắc về Cao Đài, Thiên Nhân và Quyền Pháp và con người tin vào điều đó.

Nội dung Cao Đài, Thiên Nhân và Quyền Pháp không là những học thuyết theo truyền thống của triết học hay của giới học thuật, cũng không đơn thuần là sự thực hành hay tu chứng. Vậy điểm chung của chúng là cái gì?

“Cao Đài và Đại Đạo” đem đến những phạm trù đạo lý phổ quát trong giáo lý Đại Đạo dựa trên nền tảng đức tin của con người. Chỉ có đức tin và trực giác của con người mới giúp con người cảm nhận và thuận tòng theo chân lý, theo con đường cứu độ của các Đấng Thiêng Liêng, và cũng bởi

vì con người có niềm tin vào những động năng và khả năng tự khai phóng, thăng tiến vô hạn của mình. Như trong mục Cao Đài, có trích dẫn lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng để định nghĩa cho khái niệm Cao Đài như sau:

“Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.
Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt,
Có gì đâu hạn cuộc được ta,
Ngoài trời, Thượng Đế bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn.”

Quả là chỉ có đức tin thuần túy và trực giác, con người mới có thể tin vào hình ảnh một Cao Đài là chiếc đài cao vô hình, không bị giới hạn, không bị ngăn che, mà bao la, cao vút, rộng mở như tâm hồn của vũ trụ, đang ngự trị trong tâm hồn của vạn loại. Chương “Cao Đài và Đại Đạo” vì thế được đặt vào một hệ thống riêng, đặt tên là “Đức tin và trực giác”.

HỆ THỐNG 1 <i>Lý thuyết và học thuật</i>	HỆ THỐNG 2 <i>Thực hành và tu chứng</i>	HỆ THỐNG 3 <i>Đức tin và trực giác</i>
CHƯƠNG 2 – VŨ TRỤ	CHƯƠNG 5 PHẢN BỐN HOÀN NGUYÊN	CHƯƠNG 1 CAO ĐÀI VÀ ĐẠI ĐẠO
CHƯƠNG 3 – CON NGƯỜI		
CHƯƠNG 4 – NHÂN SINH		

Bước 3. Mối tương quan của 3 hệ thống

Ba hệ thống đó được sắp xếp lại theo thứ tự của chương, và được biểu diễn bằng ba trục trong không gian 3 chiều như sau:

TRỤC 1: HỆ THỐNG <i>Đức tin và trực giác</i>	TRỤC 2: HỆ THỐNG <i>Lý thuyết và học thuật</i>	TRỤC 3: HỆ THỐNG <i>Thực hành và tu chứng</i>
CHƯƠNG 1 CAO ĐÀI VÀ ĐẠI ĐẠO	CHƯƠNG 2 – VŨ TRỤ	CHƯƠNG 5 PHẢN BỐN HOÀN NGUYÊN
	CHƯƠNG 3 – CON NGƯỜI	
	CHƯƠNG 4 – NHÂN SINH	

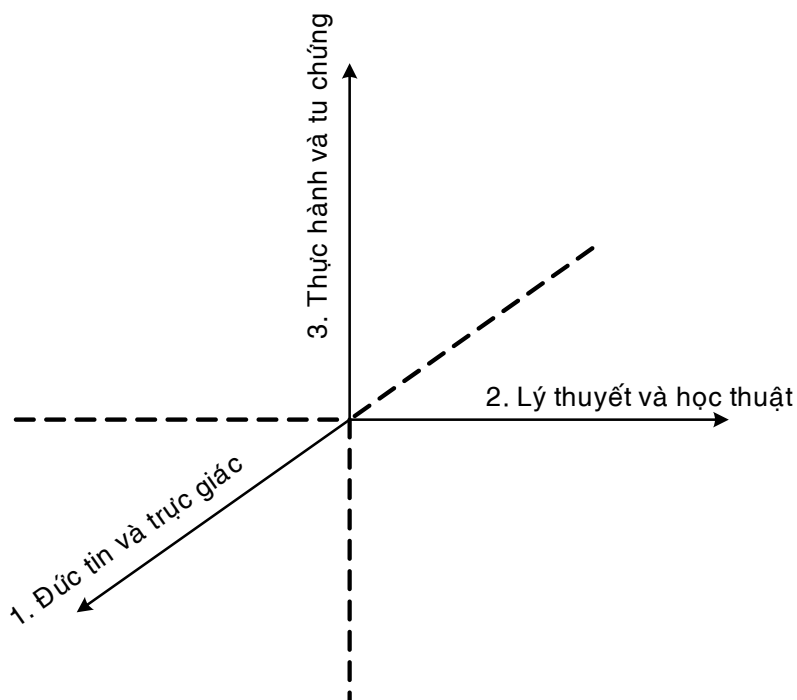
Cả ba hệ thống vừa nêu – Lý thuyết và học thuật, Đức tin và trực giác, Thực hành và tu chứng – vừa tồn tại độc lập vừa có mối liên hệ mật thiết với nhau. Mỗi hệ thống tuy độc lập nhưng dựa vào hai hệ thống còn lại để phát huy công năng, tác dụng của mình.

“Đức tin và trực giác” là nền tảng ban đầu để xây dựng bất kỳ một hệ thống tư tưởng, tri thức nào (“Lý thuyết và học thuật”), đặc biệt trong lĩnh vực tôn giáo.

Trên đường tiến hóa, ý thức “thực hành và tu chứng” đánh dấu sự giác ngộ của con người trên phương diện “đức tin và trực giác”, “lý thuyết và học thuật”. Lòng tin của con người vào Thượng Đế, vào chân lý, vào pháp tu... là điều rất quý, nhưng quý hơn cả là ý thức tu hành của con người mới đưa con người đạt được cứu cánh và cũng là làm đẹp lòng những Đấng cứu thế mà họ đã đặt niềm tin. Con đường “thực hành hay tu chứng” là sự kết hợp hoàn hảo với đức tin và lý luận trên những đối tượng cụ thể, để biến đức tin, lý thuyết thành hiện thực và để biến phương tiện bên ngoài trở thành công cụ thực chứng của đức tin hay những điều mình lập luận.

Ngược lại, nếu con người chỉ có đức tin, có tri thức mà không thực hành và tu chứng, thì gọi là có “tri”, có “thuyết”, mà chưa có “hành”, thì con người đó cũng chưa thể gọi là thành công được.

2. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu.



BA HỆ THỐNG ĐƯỢC BIỂU DIỄN BẰNG BA TRỤC.

Đối với một điểm giáo lý bất kỳ, chúng ta đều có thể phân tích chúng theo ba trục, ba viễn tượng hay ba hệ thống đã được nêu, giống như phân tích một điểm bằng hình chiếu 3 vectơ trong không gian ba chiều. Độ dài hình chiếu vectơ trên 3 trục sẽ cho thấy điểm giáo lý đó thiên về khía cạnh nào hơn: đức tin, lý thuyết hay thực hành. Nếu thiên về đức tin, chúng ta dễ dàng chấp nhận điểm giáo lý đó bằng đức tin, mà không cần nhiều lý lẽ. Nếu điểm giáo lý đó thiên về thực hành, chúng ta chỉ thực hành để thấu hiểu, chứ chưa cần những lý luận đào sâu...

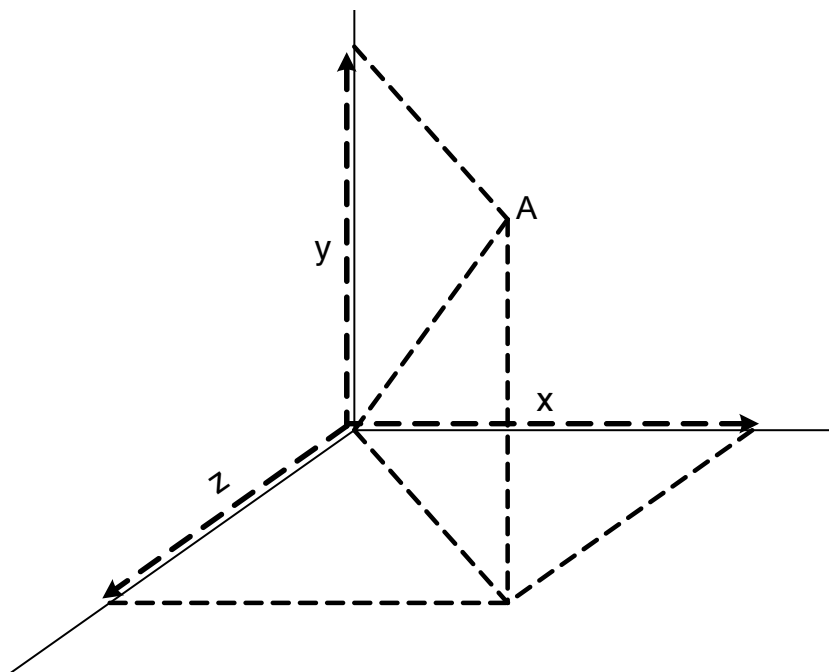
MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH

Như các Đấng Thiêng Liêng đã từng dạy, giáo lý Đại Đạo là sự dung hòa, tổng hợp các điểm giáo lý trong Đại Đạo. Tổng hợp là thu nhận các đơn vị cấu thành, dung hòa là sắp xếp chúng lại cho nổi bật sự tương quan, sao cho có trật tự, lớp lang, nhằm trùng hưng ý nghĩa của các thành phần và gia tăng ý nghĩa đóng góp của chúng vào một hệ thống chung. Dung hòa, tổng hợp là chỉ ra một hệ thống chung với những tương quan đầy ý nghĩa trong đó. Dung hòa, tổng hợp ban đầu thường bị lầm tưởng là sự ô hợp vô nghĩa, nhưng thực chất đó lại là một đặc điểm vô cùng quý giá mà giáo lý Đại Đạo muốn gợi gắm. Tinh thần dung hòa, tổng hợp ấy chỉ được thể hiện bằng phương pháp hệ thống hóa giáo lý mà thôi. Nếu thấy được một hệ thống chung với những trục chính mang tính chất phổ quát, sẽ thấy được giáo lý Đại Đạo đã dung hòa được tư tưởng của vạn giáo – tức là tinh thần Đại Đạo. Nói

cách khác, các quan điểm giáo lý, các tư tưởng xưa nay sẽ gặp nhau trong lòng của giáo lý Đại Đạo. Và quyển Yếu Điểm Giáo Lý chính là một hệ thống dung hòa, tổng hợp giáo lý đã được xác lập.

Về phương pháp, phân tích hệ thống Yếu điểm giáo lý Đại Đạo là để nhìn lại tính dung hòa, tổng hợp của giáo lý Đại Đạo. Nhưng bài viết này không muốn dừng lại ở tính dung hòa, tổng hợp mà muốn cùng nhau nắm bắt nội dung của hệ thống Yếu điểm giáo lý, từ đó nắm bắt toàn bộ hệ thống giáo lý Đại Đạo bằng những trục chính, thì dù cho bề giáo lý có mênh mông cách mấy đi nữa, biết bỏ “muối” vào các điểm quan yếu sẽ làm “thấm” giá trị cho toàn cả hệ thống vậy.

Việc phân tích hệ thống lần này dựa trên cấu trúc chương



HÌNH CHIẾU ĐIỂM (GIÁO LÝ) A TRÊN 3 TRỤC CỦA HỆ THỐNG, TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC GIÁ TRỊ X, Y, Z.

của quyển sách là chủ yếu. Việc phân tích dựa trên các cấu trúc chi tiết hơn, ví dụ cấu trúc các mục, nếu có, sẽ được trình bày trong những bài phân tích khác.

Về nội dung, hệ thống Yếu điểm giáo lý chứa đựng một hệ tiên đề giáo lý, là nền tảng phát triển của hệ thống giáo lý Đại Đạo. Chúng ta có thể giải thích cho bất kỳ điểm giáo lý nào, từ hệ tiên đề yếu điểm giáo lý đó. Điểm giáo lý nào càng nền tảng, phổ quát, trường cửu thì càng dễ tìm thấy trong quyển Yếu điểm giáo lý Đại Đạo như là một tiên đề. Nếu không, nó sẽ được trình bày dưới

dạng cô đọng, hoặc sẽ được suy ra từ các tiên đề – vốn đang được xác lập từ quyển sách này. Những điểm giáo lý được phát triển từ hệ tiên đề, sẽ không làm thay đổi cấu trúc của hệ tiên đề mà chính là sự thăng hoa của hệ thống giáo lý Đại Đạo mà thôi.■



Đời loạn, Đạo mới khai. Người bị điên đảo vì ngoại vật mới cần tu cần học. Tu để sửa, học để hành, sửa cái u mê xấu xa sai lạc trở về đường ngay nẻo thẳng, hành cho đúng đạo cho trở nên con người chí thiện chí mỹ, mới có được một xã hội thánh đức thuần lương.

Phương pháp thành công của các bậc Giáo Tổ đạo gia khi xưa, trước tiên là phản tỉnh nội cầu, hồi quang phản chiếu. Có nhìn vào trong, xem xét bên trong mới giảm bớt được sự thâm nạp vô tiết độ, khoát vén tảo trừ lớp vô minh che lấp bệnh hoạn chấp trước, phân biệt, ích kỷ, độc tôn, phiền não, v.v... Tóm lại là những thứ vật tảo hại tâm linh mà ta nhận lầm là con, là quyến thuộc. Còn biết soi sáng vào mình thì mới thấy cơ năng hoạt động, sẽ hòa theo nhịp điệu Hóa Công mà phát huy cho công năng của nhân sinh, của vũ trụ. Đó gọi là Khai Minh Đại Đạo vậy.

■ ĐỨC ĐÔNG LÂM TIÊN TRƯỞNG, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 ĐÌNH TÝ (25-11-1977).

NGƯỜI TU SĨ

*với việc cúng,
cầu nguyện
và tu tịnh*

■ MINH TRUNG



CÁC TU SINH HÀNH LỄ TRONG BUỔI LỄ HIẾN DÂNG.

ẢNH: THANH LONG.

Lịch trình hành đạo, phần Tu sĩ có viết: Tu sĩ là người đang thời kỳ giác ngộ, lập tâm hành đạo, tẩy xú khai thanh, hăng lo tu học rèn luyện và công quả trên cương vị giáo dân vi thiện. Trong mùa Hiến dâng Thiên mạng, suy niệm về Tu sĩ để hiểu hơn về chính mình.

Tập đoàn Giáo sĩ – Tu sĩ không là một tổ chức hay hiệp hội, không là gì khác bởi nó chỉ có ý nghĩa trọn vẹn khi bản thân nó là MỘT GIA ĐÌNH mà mọi thành viên đều hiến dâng trọn đời mình cho Đấng Chí Tôn và Đại Đạo, toàn tâm toàn ý tu, học và hành đạo chung với nhau. Ba từ chung với nhau không thể mất nếu muốn có một Tập đoàn–Gia đình.

Chúng con đã nghe theo tiếng gọi của Thầy và bước đầu tiên là hiến dâng Thiên mạng, nhưng những bước tiếp theo thì vẫn còn phía

trước. Từ khi theo Thầy, cuộc sống của chúng con đã hoàn toàn thay đổi. Còn chuyện gì sẽ đến với chúng con, con chưa được biết. Nhưng con tin rằng từ đây cuộc sống của chúng con không còn như trước nữa mặc dù không ai trong chúng con có thể đoán chắc được điều gì sẽ xảy đến với mình?

Khi hiến dâng trọn đời mình cho Đại Đạo là chúng con đã tâm nguyện chọn Thầy làm ƯU TIÊN SỐ 1 cho cuộc đời mình và chúng con sẽ hợp nhất với nhau nơi lý tưởng Đại Đạo và sự thương yêu mà Thầy đã dạy chung cho chúng con.

Trong tập đoàn, dù tất cả cùng chung chí hướng, nhưng không phải ai cũng hợp tánh nhau, vì có nhiều người sao khó tánh quá... Không phải vì hợp tánh với nhau mới tạo nên một Tập đoàn mà chúng ta phải hiểu rằng, chính khi ta cho người khác là khó tánh thì người khác cũng cảm thấy ta là như thế với những lý do tương tự thế...

Ngày nay trong cuộc sống, gia đình là tập thể trong đó các thành viên đều có mối quan hệ tình cảm thiêng liêng với nhau vẫn diễn ra hàng ngày những sự đổ vỡ, những cuộc ly hôn; phải chăng do bởi nhiều người xem cuộc sống chung với nhau là tạo nên khó khăn và gò bó đời sống cá nhân của mình. Đó

cũng là lý do, dù ngay trong cửa Đạo, niềm tin mà mọi người đặt trọn nơi Đấng Chí Tôn và Đại Đạo chưa đủ sức để tạo nên sự hòa hợp làm tan biến những khó khăn thường tình giữa con người khi sống chung với nhau. Bởi vì nơi đó, mối quan hệ giữa một người đối với một người cũng khó như trong quan hệ hôn nhân, hay lớn hơn là trong quan hệ ngoại giao các nước với nhau.

Việc cúng, cầu nguyện và tu-tĩnh trong đời sống đạo là minh chứng mức độ các Tu sĩ cùng nhau xây dựng Tập đoàn. Bởi chính việc đó không chỉ đem lại kết quả thăng tiến tâm linh cho mỗi cá nhân Tu sĩ mà còn giúp toàn thể Tập đoàn được thăng tiến hơn. Tu sĩ đã chọn Thầy là ưu tiên số 1 thì việc cúng, cầu nguyện và tu-tĩnh chính là thể hiện ưu tiên số 1 đó. Tu sĩ phải là người chuyên tu và sự chuyên tu thể hiện qua việc cúng, cầu nguyện và tu-tĩnh hằng ngày, sống đạo hằng giờ.

Chắc có người sẽ nghĩ: Trong thế giới đang đầy áp lực cạnh tranh, đói khát, bệnh tật, thiên tai, bất công, bóc lột... thì có biết bao nhiêu điều mà người Tu sĩ cần phải dành thời gian làm, giúp ích cho sanh chúng ngoài Tập đoàn. Chứ bỏ thời gian ngồi một chỗ đó có ích lợi gì?

Nhưng chúng con xác tín rằng chính nhờ việc cúng, cầu

nguyện và tu-tĩnh mà các việc khác mới khởi phát ra và mới có giá trị thật sự của nó! Và chúng con cũng không tự mãn với thời gian cúng, cầu nguyện và tu-tĩnh nhiều là đủ, bởi vì con biết việc cúng, cầu nguyện và tu-tĩnh không giống như việc học bơi hay đi xe đạp.

Một khi chúng ta biết bơi và đi xe đạp được rồi thì chẳng bao giờ quên. Nhưng việc cúng, cầu nguyện và tu-tĩnh thì lại khác. Mình càng kiên tâm thì càng thấy mình kém cỏi, ngu si.

Điều tuyệt diệu là chúng con không cúng, cầu nguyện và tu-tĩnh một cách riêng rẽ đơn độc cho dù chúng con sống mỗi người mỗi nơi một mình, thì việc ấy vẫn là một phần của việc chung của Tập đoàn. Điển lực của mỗi Tu sĩ là một phần trong khối điển lành của Tập đoàn. Và ngay cả trong dịp nào đó, mà có người nào trong chúng con phải làm những chuyện mà mình không muốn thì người đó cũng được nâng đỡ tinh thần bởi khối điển lành chung của các thành viên khác trong Tập đoàn trợ lực giúp vượt qua thử thách, cảm dỗ. Truyền thống hiến dâng Thiên mạng đã trở thành một phần của bản thân mỗi Tu sĩ hiến dâng hôm nay và truyền thống ấy cũng khẳng định: chính việc cúng, cầu nguyện và tu-tĩnh tốt đã xây dựng nên Tập đoàn. ■

Viết cho con

NGÀY LỄ HIẾN DÂNG

■ XUÂN MAI

Con thương,

Đã lâu mẹ không viết nhật ký, nhưng đêm nay mẹ lại không ngủ được. Mẹ biết con cũng đang thao thức như mẹ. Con đã nôn nao suốt hai tuần rồi phải không? Vì mỗi ngày con đều nhắc mẹ rằng mau hết bệnh để đi dự Lễ Hiến dâng của con mà!

Con hỏi: “Ba có đi dự lễ được không mẹ?”

“Mẹ không chắc nhưng ba nói sẽ cố gắng sắp xếp công việc để đi dự.” Mẹ trả lời thế để con yên tâm ba mẹ lúc nào cũng ủng hộ quyết định của con và chắc chắn sẽ chia sẻ niềm vui với con trong ngày lễ trọng đại này vì mai đây, một trang mới của cuộc đời con sẽ được mở ra và chắc chắn sẽ không bao giờ con quên được đâu con ạ!

Nhớ lại hai năm trước, khi biết được con trẻ có tâm nguyện hiến dâng tu hành để phụng sự nhơn sanh, lòng mẹ thật sự vui mừng khôn xiết. Vui vì con trẻ đã biết chọn lựa cho mình một lý tưởng sống, con trẻ sẽ được tu tập trong môi trường tốt, thuần chơn đạo đức, có Thầy hiền bạn tốt khuyến nhắc cùng tu. Nhưng bên cạnh nỗi mừng vui là sự lo lắng khôn nguôi, không biết rằng con trẻ đã thật sự lập được chí nguyện hiến dâng một cách trưởng thành, chín chắn hay chưa? Vì một người phát tâm hiến dâng đã là điều khó, mà người sống trọn cuộc đời hiến dâng lại càng khó hơn. Trước tiên người hiến dâng phải nỗ lực rèn luyện để có thể sống với giới luật. Đồng thời đồng mãnh kiên cường không chịu khuất phục nghịch duyên, biết hy sinh thú vui vật chất, kiên trì, nhẫn nhục mới có thể chống chọi lại những thất tình lục dục và nghiệp báo... luôn rình rập, lôi cuốn làm người hiến dâng nản lòng thoái chí.

Do vậy, mẹ rất hạnh phúc và yên tâm được gửi gắm con trẻ vào tu học nơi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Càng cảm nhận được hạnh phúc lớn lao này, mẹ càng thâm tri ân quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ trong Ban Hiệp Thiên Đài, Ban Thường vụ, quý đạo tỷ Ban Chấp hành Nữ Chung Hòa, quý huynh tỷ trong Tập đoàn giáo sĩ, đã có sự quan tâm tha thiết, dạy bảo, đỡ nâng con trẻ từng bước, giúp con trẻ rèn luyện tâm hạnh, un đúc chí nguyện hiến dâng trong từng giây từng phút. Quý huynh tỷ đã tận tâm tận lực hy sinh bao thời gian và công sức để dìu dắt các tu sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để con trẻ và các bạn đồng tu được cùng tu học và vui sống bên nhau, khép mình trong quy củ, nhịp nhàng theo từng thời khóa tu tập.

Con thương!

Mẹ chắc rằng, mẹ cũng như những bà mẹ khác trong ngày Lễ Lập nguyện

thiên liêng này, đều có một tâm tình, một nguyện ước đến con trẻ là: Các con thật diễm phúc vô biên đã có được một môi trường tu học thật lành mạnh với thầy hiền bạn tốt. Chỉ còn mong sao con tu học hành đạo trong tinh thần hiền dân chí thành, trọn vẹn cho nhân sanh, luôn giữ tâm mình thật kiên cố bằng cách xác định rõ mục tiêu hay chính là chí nguyện của người hiền dân, luôn gắng công tu tập, đem hết tâm lực của mình cùng tập thể thân yêu chèo chống con thuyền vượt qua mọi sóng to gió lớn để đi trọn con đường lý tưởng, đến được đích cuối cùng, vẹn tròn sở nguyện là giải thoát cho bản thân và tất cả vạn linh sanh chúng.

Dù phải gặp muôn ngàn gian khổ,
Con dốc lòng vì đạo hy sinh.
Con ạ!

Mẹ muốn nhắc nhở cùng con, sự hy sinh và xa lìa lối sinh hoạt thế tục để hiến trọn đời mình cho nhơn sanh cũng giống như thuyền chèo ngược dòng nước. Chỉ cần lơ lơi tay chèo một chút là sẽ bị dòng nước đẩy lùi, dạt vào bờ. Đó là bờ của luân hồi sanh tử. Do vậy, phải biết nương dựa và gắn chặt với cộng đoàn – một cộng đồng giáo sĩ, tu sĩ trong đó sự có mặt của mỗi người do nhiều duyên khác nhau, và dù nhân duyên nào đi nữa, cái đích chung cuối cùng là giác ngộ giải thoát cho bản thân và cho tha nhân. Ví như nước trăm sông đổ ra biển đều trở thành nước biển. Hiểu rõ như vậy để sẵn sàng thông cảm, tha thứ cho nhau, sống hòa hợp với nhau, cùng nhau vun bồi đức tin trên con đường Đạo.

Hạnh phúc của cha mẹ là được thấy con cái sống có ích cho xã hội, thành tựu ước nguyện. Nay con đã chọn lựa con đường phụng sự nhơn sanh, được lập nguyện trước Thầy Mẹ và các đấng Thiêng Liêng là một phước duyên lớn. Vậy con hãy nỗ lực tu tập thật nhiều, ngày ngày hành trì giới luật, đem hết tâm lực của mình để mang lý tưởng và trách nhiệm trên chiếc thuyền ta đang chèo chống đến được đích cuối cùng.

Cuộc sống của mẹ con mình tuy có khác nhau về hình thức, thể nhưng mẹ và con đều có chung một đích điểm cuối cùng để đi đến phải không con?

Mẹ của con.■



Dưỡng dục quần sanh đức hiếu sanh,
Khai Minh Đại Đạo, Đạo tài thành,
Tam Kỳ tận độ an thiên hạ,
Thánh đức âu ca hưởng phước lành.
(...)

Con thiết lễ Khai Minh Đại Đạo,
Thầy giảng lâm chỉ giáo chơn cơ,
Bấy lâu luống những đợi chờ,
Chờ con cất gánh đồ thơ qui về.
Cuộc biến chuyển lo bề tái tạo,
Tạo dinh hoàn thiện bảo nguyên nhân,
Lập đời Minh đức Tân dân,
Ngoại vương nội thánh Thiên ân gọi nhuần.
(...)

Những thực trạng từng bừng biến chuyển,
Để Thiên điều chọn tuyển nguyên căn,
Có trong Thượng Đế tánh hằng,
Ban trao quyền pháp hóa hoàng lý chơn.
Thức tỉnh đời trong cơn mộng ảo,
Giúp người đời cõi tháo nghiệt oan,
Thương yêu trách nhiệm chu toàn,
Cho đời ổn định nhơn gian thái hòa.
(...)

Tâm con vốn bửu tòa Thầy ngự,
Hãy giúp người gìn giữ Thiên cơ,
Hoằng khai Đại Đạo Tam Kỳ,
Công bình, bác ái, từ bi đứng đầu.
Cuộc tiến hóa cơ mầu chuyển đạt,
Từ nhơn tâm quảng phát đạo tâm,
Nhờ con sứ mạng vững cầm,
Vững cầm quyền pháp cao thâm độ đời.
(...)

Trước sứ mạng Cha Trời ban phó,
Ngoài nhơn gian các ngõ trông chờ,
Chờ con hành đúng Thiên cơ,
Vững niềm tin tưởng qua bờ hằng sanh.

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ,
15-10 QUÝ SỬU (09-11-1973).

CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI

CÓ NGUỒN GỐC TỪ BỐN CHI ĐẠO ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO

■ ĐẠT TRUYỀN

Ngũ Chi Đại Đạo là Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện và Minh Tân. Minh Sư có nguồn gốc từ Trung Hoa, truyền qua Việt Nam vào năm 1863. Minh Đường có nguồn gốc từ Minh Sư.

Ba chi Minh Lý ([1]), Minh Thiện và Minh Tân được Ôn Trên chuẩn bị có mặt ở miền Nam Việt Nam vài năm trước khi đạo Cao Đài ra đời để làm điều kiện yểm trợ cho công cuộc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Không kể Minh Lý, một số thánh sở của bốn chi đạo Minh Sư, Minh Đường, Minh Thiện và Minh Tân đã quy hiệp Cao Đài và ngày nay vẫn còn.

Ngoài bốn chi nói trên, vào những ngày đầu khai Đạo, các đàn phổ độ của đạo Cao Đài thường lập tại tư gia hoặc mượn một số chùa Phật như:

- Hội Phước Tự, Trường Sanh Tự của Yết Ma Luật (ở Cần Giuộc, Long An).
- Long Thành Tự, Phước Linh Tự của Yết Ma Nguyễn Văn Xoài (ở Cần Đước, Long An).
- Vạn Phước Tự của Yết Ma Lê Văn Nhung (ở Hốc Môn, Gia Định).
- Phước Long Tự của Yết Ma Giồng (ở Chợ Đệm, Bình Chánh).
- Thiền Lâm Tự (chùa Gò Kén) của Hòa Thượng Như Nhân (ở Long Thành, Tây Ninh).

THÁNH SỞ CÓ NGUỒN GỐC TỪ CHI MINH ĐƯỜNG – VĨNH NGUYÊN TỰ

Vĩnh Nguyên Tự là di tích lịch sử thứ hai của

đạo Cao Đài sau Cao Đài Hội Thánh (trên nền cũ của Quan Âm Tự) ở Dương Đông (Phú Quốc). Vĩnh Nguyên Tự được cất năm 1908, tại xã Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An), do Ngài Lê Văn Tiếng, đạo hiệu là Lê Đạo Long, khai sáng chi Minh Đường từ năm 1876. Ngài tu theo Minh Sư đến phẩm Thái Lão Sư, chứng quả Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Lúc còn tại thế, Ngài Lê Đạo Long (là thân phụ của tiền bối Lê Văn Lịch) có tiên tri rằng Vĩnh Nguyên Tự sẽ là nơi Thập Nhị Khai Thiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đến để hoàng khai chánh pháp.

Tiếp nối đạo nghiệp của thân phụ, tiền bối Lê Văn Lịch (1890–1947) trụ trì Vĩnh Nguyên Tự. Ngày 04-3-1926, chư tiền khai Đại Đạo đến lập đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự được Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn lâm đàn nhắc lại lời tiên tri khi xưa và khuyên môn sanh tại Vĩnh Nguyên Tự quy hiệp Cao Đài.

Tuân lời dạy trên, trưởng đồ của Ngài Lê Đạo Long là Thái Lão Sư Trần Đạo Minh (1857–1927) nhập môn Cao Đài, thọ thiên phong Ngọc Chương Pháp và tiền bối Lê Văn Lịch thọ thiên phong Ngọc Đầu Sư (Thánh danh Ngọc Lịch Nguyệt).

Ôn Trên dạy Tiền bối Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt soạn kinh nhật tụng cho đạo Cao Đài như bài xưng tán Đức Ngọc Hoàng Thiên Tôn (Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng...), ba bài kinh xưng tán Tam Giáo Đạo Tổ.

Ngọc Đầu Sư còn được thánh lệnh hướng

dẫn tu thiền cho các tiền bối Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Nguyễn Ngọc Thơ., góp phần cùng các vị Tiền Khai soạn Tân Luật.

Tại Vĩnh Nguyên Tự Ôn Trên phong phẩm vị cho một số vị Tiền Khai và ban tịch đạo nam phái. Vĩnh Nguyên Tự được thánh lĩnh tái thiết với nhiều công quả phụ giúp của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, và đã làm lễ khánh thành năm 1973.

Hiện nay Vĩnh Nguyên Tự là một trong mười tịnh trường tu theo pháp môn do Đức Đông Phương Chương Quán truyền dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, hàng năm thường xuyên mở bốn khóa tu Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, và Đông chí.

THÁNH SỞ CÓ NGUỒN GỐC TỪ CHI MINH SƯ

Thánh thất Ngọc Phước Đàn (Hội Thánh Minh Chơn Đạo)

Ngôi Phật Đường tại ấp Phước Thạnh, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Rạch Giá xưa (nay là tỉnh Bạc Liêu), có trên 15.000 tín đồ được tiền bối Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (1870–1946) tạo dựng khoảng năm 1915. Theo sự hướng dẫn của tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, năm 1928 chùa nầy quy hiệp Cao Đài, trở thành Thánh thất Ngọc Phước Đàn. Nhiều vị tu sĩ Minh Sư tại đây đã được Thiên phong như:

- Ông Nguyễn Văn Cứng (1882–1962), Ngọc Lễ Sanh, chánh trị sự đầu tiên.
- Ông Trần Văn Thành, Thượng Giáo Hữu.

Thánh Tịnh Thanh Quang (Hội Thánh Truyền Giáo)

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có nhiều thánh sở từ chi Minh Sư quy hiệp Cao Đài. Tuân lời dạy của Đức Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (1870–1946), tổ sư của của phái đạo Tam Giáo Minh Sư ở Trung Kỳ, ngài Nguyễn Quang Châu, một tu sĩ đồng chơn nổi tiếng của Minh Sư, vào

ngày 15–11 Giáp Tuất (1934) đã hiến ngôi Đồng Chơn Tự của Minh Sư (nguyên là từ đường của gia đình) làm Thánh tịnh Thanh Quang. Đây là thánh sở Cao Đài đầu tiên của bốn đạo Cao Đài miền Trung tại làng La Kham, nay thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, khánh thành vào ngày 01–6 Ất Hợi (1935).

Thánh Thất Trung An (Hội Thánh Truyền Giáo)

Thánh thất Trung An ở tổ 1, thôn 1, xã Bình Lăng, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, nguyên là Tam Giáo Tự của chi Minh Sư tại làng An Tráng, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, xây cất từ năm 1924. Ngày 24–6–1038 (Mậu Dần), chùa nầy quy hiệp Cao Đài và được cải danh thành Thánh thất Trung An. Năm 1961 Thánh thất được xây đủ Tam Đài. Năm 1965 vì chiến tranh, bốn đạo dời về Vườn Lài và mấy lần xây cất lại nhưng chưa hoàn tất.

Thánh Thất Trung Nguyên (Hội Thánh Truyền Giáo)

Thánh thất Trung Nguyên ở thôn Thăng Trường, xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, nguyên là Đức An Tự của ông Châu Cự, tu sĩ Minh Sư, được xây năm 1936. Ngày 15–7 Mậu Dần, bốn đạo Minh Sư chùa Đức An cử hành lễ quy hiệp Cao Đài và đàn cơ hôm đó Thiêng Liêng dạy đặt tên là Thánh thất Trung Nguyên.

Thánh thất Hưng Đông (Hội Thánh Truyền Giáo)

Thánh thất Hưng Đông ở thôn Đông Tác, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, nguyên là chùa Minh Sư. Năm 1938 Hưng Đông chỉ là Thiên Bàn tách ra từ Thánh thất Trung Nguyên đã dời đổi đôi lần và đến ngày 01–05 Ất Dậu (1945), Ôn Trên cho tên là Thánh thất Hưng Đông. Năm 1960, chiến tranh khốc liệt, bốn đạo phải sơ tán. Năm 1972, bốn đạo trở về nơi cũ. Năm Nhâm Thân (1992), xây dựng đủ Tam Đài, khánh thành năm 1995.

Thánh thất Trung Hòa (Hội Thánh Truyền Giáo)

Thánh thất Trung Hòa ở thôn 3, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, nguyên là chùa Bảo Tế (tức Hòa An Tự) ở miền nguồn Quảng Nam, được Ôn Trên ban thánh hiệu là Thánh thất Trung Hòa ngày 01-7 Mậu Dần (1938). Năm 1960 Thánh thất được xây dựng đủ Tam Đài, nhưng bị chiến tranh làm sụp đổ toàn bộ. Sau năm 1975 tạm mượn nhà của vị đầu họ đạo rồi đến nhà của vị trưởng ban cai quản làm văn phòng Thánh thất

THÁNH SỞ TỪ CHI MINH THIỆN: THANH AN TỰ Ở THỦ DẦU MỘT

Vào những năm đầu thế kỷ 20, được tổ phụ truyền lại, ông Trần Hiến Vinh (1884-1962) làm chủ Thanh An Tự ở số 20 đường Hùng Vương, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương. Dân địa phương thường gọi đây là chùa Ông Ngựa. Năm 1917, ông Trần Hiến Vinh cùng anh ruột là Trần Phát Đạt và một số thân hữu như ông Phan văn Tý, Lê Văn Hơn, Trần Duy Khánh... lập đàn cầu cơ thỉnh Tiên xin thuốc trị bệnh cho bá tánh. Nơi đây được Ôn Trên ban tên là đàn Minh Thiện, có ông Nguyễn Văn Trượng làm đồng tử. Năm 1902 và 1919 Ngài Ngô Văn Chiêu hầu đàn cơ nơi đây, cầu thọ và xin thuốc cho thân mẫu. Trước đêm trung thu Ất Sửu (1925), Ngài Cao Quỳnh Cư đến mượn đại ngọc cơ của ông Phan văn Tý (1888-1962) để hầu Đức Diêu Trì Kim Mẫu trong lễ Hội Yến Bần Đào đêm Trung thu 1925. Sau khi ông Trần Hiến Vinh qua đời năm 1962, khoảng hai năm sau chùa đổi tên là Minh Chơn. Tiếp đến ông Trương Kế An cùng một số đạo hữu hành đạo tại nơi đây thượng Thánh tượng Thiên Nhân và cúng lễ theo đạo Cao Đài. Các tượng thờ Quan Thánh vẫn giữ nguyên. Đến năm 1972, ông Trương Kế An bị bệnh, không còn thường xuyên hành đạo tại đây nữa, chùa trở lại thờ Đức Quan Thánh như ngày nay.

THÁNH SỞ TỪ CHI MINH TÂN: TAM GIÁO ĐIỆN MINH TÂN Ở BẾN VÂN ĐỒN

Khoảng năm 1917 ông Lê Minh Khá (1868-1946) bị bệnh nặng, lên Thủ Dầu Một hầu đàn Minh Thiện, được Tiên gia ban cho bài thuốc uống lành bệnh.. Năm 1920, do căn bệnh tái phát, ông trở lên đàn Minh Thiện xin thuốc, được Đức Quan Thánh Đế Quân giải bệnh và khuyên lo tu hành. Ông về nhà lập một bàn thờ Tam Giáo và chư Tiên Phật. Năm 1921 Ôn Trên ban lệnh lập Cao Thâm Đàn ở vườn cao su tại xã Gia Lộc, quận Trảng Bàng. Năm 1922 Ôn Trên dạy ông Lê Minh Khá lập Cao Minh Đàn tại nhà (số 236 bến Vân Đồn). Trên bàn thờ có vòng Thái Cực với ngọn Linh Đăng, dưới thờ chư Tiên Phật. Tiếp đến Ôn Trên dạy mua lô đất số 221 Bến Vân Đồn để chuyển Cao Thâm Đàn về lập nên Cao Tân Đàn. Năm 1925 Ôn Trên ban lệnh sáp nhập Cao Minh và Cao Tân lại thành Minh Tân Đàn. Ngày 26-9-Bính Dần (01-11-1926) Đức Thái Thượng Đạo Quân giáng cơ tại Minh Tân Đàn ban lệnh cho bốn đạo chi Minh Tân phải quy hiệp về Cao Đài.

Ngày 06-10 Bính Dần, bốn đạo thượng số xin quy hiệp Cao Đài. Từ đây Minh Tân trở thành Thánh thất Cao Đài. Năm 1928, ông Khá cho xây dựng Tam Giáo Điện Minh Tân, đến năm 1930 khánh thành. Cao Tân đàn được lệnh giải tán, các bài vị được chuyển qua Minh Tân. Tháng 7 Tân Mão (1951) Ban Chương Quản Cơ Quan Cao Đài Qui Nhứt được Ôn Trên dạy dời văn phòng từ Liên Hoa Đàn ở số 18 đường Testard (nay là Võ Văn Tần) về Tam Giáo Điện Minh Tân. Cuối năm 1952 Cơ Quan Cao Đài Qui Nhứt được cải danh thành Cơ Quan Cao Đài Thống Nhứt. Tháng 10-1953 Ban Chương Quản Cao Đài Thống Nhứt được bầu với 11 đại diện các chi phái và nhiều nhân sĩ đạo tâm có uy tín hưởng ứng. Năm 1956 Ôn Trên dạy cải danh xưng lại là “Ban Vận Động Cao Đài Thống Nhứt”. Năm 1962 Ôn Trên dạy thành lập Ban Phổ Thông Giáo Lý nhằm chuyển hướng hoạt động Ban Vận Động Cao Đài Thống Nhứt. Năm 1963 thành phần thuận tùng Thánh ý quyết định tách ra, về đái lĩnh tại Thiên Lý Đàn ở 278 Lê Văn Duyệt (Hòa Hưng).

Từ năm 1964 đến năm 1975 Minh Tân là trụ sở của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất. Sau năm 1975, Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất giải tán. Tam Giáo Điện Minh Tân không còn hoạt động, các thánh sở trực thuộc hành đạo với tư thế đơn lập như Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, Bửu Quang Đàn, Thanh Tịnh Đàn, Nguyệt Thanh Quang, Vĩnh Thanh Quang, Tam Thanh Bửu Điện, Trung Phước Hưng, Vệ Long Trung, v.v.

THÁNH SỞ TỪ PHẬT GIÁO CỔ SƠN MÔN: THÁNH THẤT TỪ VÂN (HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO)

Thánh thất Từ Vân nguyên là Từ Vân Tự, là một cổ tự của Phật giáo Cổ Sơn Môn do hòa thượng Từ Vân thế danh Trần Văn Đông (1854–1904) xây dựng năm 1904 tại Phú Định, Chợ Lớn, được Yết Ma Trần Văn Mau kế thừa. Năm 1924 Từ Vân Tự, một ngôi nhà ngói ba gian hai chái kiến trúc theo lối cổ được dời về Phú Nhuận, số 100 Thích Quảng Đức. Năm 1935 Yết Ma Trần Văn Mau giao cho cháu là Trần Văn Sanh (1886–1968) và Trần Văn Tình giữ chùa và có lời dạy: “hoặc nhập chung theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà thờ cúng thì tôi bằng lòng không có điều chi ngăn trở.”

Ngày 26–7–1938, Các Ngài Trần Văn Sanh, Trần Thị Nguyên và Trần Văn Tình lập văn bản hiến Từ Vân Tự cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do Ngài Phối Sư Lê Văn Hóa thay mặt Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh đứng ra tiếp nhận với sự chứng kiến của Ngài Thượng Sanh Cao Hoài Sang. Từ đó thánh sở được đổi tên là Thánh thất Từ Vân, và cũng từ đó Thánh thất Từ Vân là nơi tạm hành đạo một thời gian của Ngài Thượng Sanh Cao Hoài Sang cùng các vị Thời Quân tiền khai Hiệp Thiện Đài Tòa Thánh Tây Ninh. Đây cũng là nơi đã tiếp nhận nhiều đàn cơ quan trọng liên hệ đến việc xây dựng Trung Hưng Bửu Tòa của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại Đà Nẵng.

Ngày 28–9–1953, các bậc tiền bối của cơ đạo miền Trung đã mượn nơi đây hội họp hai mươi đại biểu của các thánh thất miền Trung và đồng thanh quyết nghị tái lập Cơ Quan Truyền Giáo

Cao Đài, tiền thân của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Có một thời gian, quý vị tiền bối Trần Văn Quế, Thanh Long, Trần Quốc Luyện, Trần Cư ... làm việc tại đây để xuất bản tờ nguyệt san Nhân Sinh (số đầu tiên ra ngày 15–9–1954). Cũng nơi đây, năm 1956 thành lập họ đạo Nam Phần của Hội thánh Truyền Giáo, tiền thân của Họ Đạo Trung Minh ngày nay. Năm 1965 Họ Đạo Trung Minh dời về 609–611 đường Bình Thới, quận 11. Năm 1991 bốn đạo thuộc xã đạo Phú Nhuận của họ đạo Trung Minh xin tách riêng và thành lập họ đạo Từ Vân. Ngày 22–9–1991 Lễ Sanh Thái Thoại Thanh (1919–2002) gọi đạo văn xin Hội Thánh Truyền Giáo yểm trợ việc sinh hoạt tu học cho Thánh thất Từ Vân và ngày 27–3–1993 xin Hội Thánh Truyền Giáo chấp thuận cho họ đạo Từ Vân được vào hệ thống Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Họ đạo Từ Vân có tinh thần không phân biệt chi phái, giúp nhiều sinh viên Cao Đài nơi ở, nơi ăn học, có nơi dành riêng cho Văn Phòng Trung Ương Hội hoạt động. Thánh thất Từ Vân được khánh thành năm 2009 là một Thánh thất Cao Đài có lầu lớn nhất, tiêu biểu và đẹp nhất tại Thành Phố Hồ Chí Minh, có Đông lang và Tây lang đúc lầu, khuôn viên rộng rãi.

THÁNH SỞ TỪ PHẬT GIÁO: VẠN QUỐC TỰ ĐÔ THÀNH

Vạn Quốc Tự ở đường Phan Thanh Giản, nay là 378/5 Điện Biên Phủ, quận 10, Tp.HCM. Tổ đình Vạn Quốc Tự do Sư Bà Diệu Lộc thành lập năm 1930 tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre ngày nay. Sau khi Sư Bà Diệu Lộc mất, Ni Trưởng Diệu Minh (1906–1986) kế nghiệp. Năm 1934 Ni Trưởng Diệu Minh nhập môn đạo Cao Đài tại Giồng Bóm (Bạc Liêu) nhân khi phái Minh Chơn Đạo mở đại lễ. Năm 1948 Ôn Trên dạy Ni Trưởng Diệu Minh lên Sài Gòn tìm mua đất. Năm 1950 thành lập Vạn Quốc Tự Đô Thành dành cho nữ phái, còn gọi là chùa Nữ Giới. Nơi chánh điện Vạn Quốc Tự Đô Thành thờ Thiên Nhân, phía đối diện thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Vạn Quốc

Tự (được Ôn Trên đặt tên là Chơn Lý Đàn) có lập đàn cơ và thường được Đức Mẹ giảng cơ dạy nữ phái. Vào Trung thu Kỷ Dậu (1968), văn phòng Nữ Chung Hòa Đại Đạo thuộc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được dời về đặt tại Vạn Quốc Tự.

Ngày 31-12-1972, Ni Trưởng Diệu Minh Võ Duy Nhứt gởi đạo văn số 0190/VQT-ĐT cho Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh, xin hiến dâng sản nghiệp Vạn Quốc Tự do Ni Trưởng đứng bộ cùng thể xác lên Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu sử dụng. Với công đức này, Tòa Thánh Tây Ninh phong phẩm Đạo Nhơn (tương đương Giáo Sư) cho Ni Trưởng ở Hội Thánh Phước Thiện. Nhưng sau đó không có thống nhất về một ít vấn đề nên Vạn Quốc Tự đến nay vẫn là cơ sở đơn lập và chưa được công nhận.■

[[1]] Chi Minh Lý

Tam Tông Miếu là trụ sở chính của Minh Lý Thánh Hội, hiện nay ở số 82 đường Cao Thắng, quận 3. Chi Minh Lý rất gần gũi với đạo Cao Đài. Ngay từ lúc mới khai đạo Cao Đài, vào ngày 28-6 Bính Dần (06-8-1926) thánh giáo Minh Lý dạy quý vị môn sanh của chi này phải soạn đủ 12 cuốn kinh Sám Hối chuẩn bị truyền cho người thỉnh kinh. Cùng trong tháng 8-1926, các tiền bối Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, Vương Quan Kỳ được thánh lệnh đi thỉnh kinh tại Minh Lý. Lúc ấy Minh Lý tạm đặt nơi nhà riêng tiền bối Âu Minh Chánh. Quyển kinh Sám Hối gồm có: bài Niệm Hương (Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp..), bốn bài chú Tịnh Khẩu, Tịnh Tâm, Tịnh Thần và An Thổ Địa, bài Tặng Thiên Đế (nguyên là bài Đại La..), bài Khai Kinh (Biển trần khổ với trời nước...), bài kinh Sám Hối (do 13 Đấng thiêng liêng giảng tả trong 18 buổi từ 19-04-1925 đến 21-11-1925), bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối. và bài Tứ Đại Điều Quy (dùng trong Tân Luật Cao Đài).

Mỗi năm hai lần vào Hạ Chí và Đông Chí, Minh Lý Thánh Hội có mời tịnh viên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và Hội Thánh Tiên Thiên (sau này có thêm thánh tịnh Tân Minh Quang) ra Bác Nhã Tịnh Đường ở Long Hải (Bà Rịa –

Vũng Tàu) để cùng tịnh chung. Minh Lý Thánh Hội và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý từng tổ chức học chung các quẻ Dịch trước mùa tu tịnh, khi thì ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, khi thì ở Tam Tông Miếu. Mấy năm qua có mở lớp Dịch học căn bản để cùng học hỏi và thảo luận chung giữa ba nơi Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.■



THÁNH GIÁO

Hằng năm mỗi độ thu về,
Mẹ nương linh điển gần kề bên con.
Cảnh trần tục hời còn ly loạn,
Kiếp con người khổ nạn chưa yên,
Trung Thu Mẹ dụng lý huyền,
Dặn dò các trẻ hiếu hiền lo tu.
Tạm trong cõi phù du tiến hóa,
Mượn áo đời mà trả trái oan,
Có chi bền vững mà màng,
Con lo vện phạm lên đàng về quê.
Giác mộng đời nổi kê chưa chín,
Hỏi tuổi đời con tính bao nhiêu,
Lo mơ rồi lại lo chiều,
Sống ăn, mặc ở trăm điều khổ tâm.
Đó phương tiện con làm sự sống,
Thì thôi đừng tham vọng con ơi!
No cơm ấm áo đủ rồi,
Công phu, công quả trau dồi hồn linh.
Mẹ thương xót hiện tình nhơn thế,
Còn bao người khổ bể trầm luân,
Tiền căn hậu quả khó dùng,
Thiệt thòi đau khổ biết chừng nào yên.
Mẹ gởi gắm ân Thiên cho trẻ,
Hãy thương người nặng nhẹ rắng lo,
Biển trần chống bát nhã đồ,
Ngược xuôi rước khách lần dò quê xưa.

■ ĐỨC DIÊU TRÌ KIM MẪU, VĨNH NGUYÊN TỰ, 15-8 QUÝ SỬU (11-9-1973).

CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP

ĐẠO TRƯỞNG MINH TRA THANH CHƠN

MAI VĂN RỒNG (1916 – 2010)

■ HUỆ Ý

Ngày 25-8 Canh Dần (02-10-2010), lúc 15g30, Đạo trưởng Thanh Chơn- Minh Tra Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, đã trở về phước lĩnh Đức Chí Tôn. Toàn thể nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho Đạo trưởng được cao thăng phẩm vị nơi cõi Thiêng liêng hằng sống.

THÂN THỂ

Đạo trưởng Thanh Chơn thể danh Mai Văn Rồng, sinh ngày 13-7-1916 tại Vĩnh Long. Cha là ông Mai Văn Lòng, nhập môn Cao Đài, hành đạo phái Tiên Thiên, chứng quả Già Lam Chơn Tiên, thường giảng cơ tại Thánh tịnh Hắc Long Môn, Bạc Liêu.

Mẹ là bà Nguyễn Thị Nhân (mất năm 1924) tu theo Phật giáo.

Anh chị em:

Chị (một): Mai Thị Hai

Em trai (ba): Mai Văn Thì (lúc còn nhỏ, được Ông Trên bố diễn làm đồng tử Thông Quang), Mai Văn Tám, Mai Văn Nhứt.

Em gái (bốn): Mai Thị Quấn, Mai Thị Ninh, Mai Thị Huệ, Mai Thị Trĩ

Kết hôn với bà: Võ Thị Mai được bốn người con: Mai Huỳnh Hoa, Mai Bích Lan, Mai Hồng Nhung, Mai Hồng Thắm.

ĐẠO NGHIỆP

Nhập môn nơi tư thất của một vị chức sắc thuộc Phái Tiên Thiên – ngày không nhớ rõ, vào năm đạo thứ tám (1934)

Khi lên Sài Gòn cư ngụ tại 121/30 Lê Thị Riêng, Quận 1, TP.HCM và hành đạo tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài. Nhon sanh mển yêu bầu 4 nhiệm kỳ Chánh Hội Trưởng (1969 – 1978).

Đức Lê Đại Tiên ban Thánh danh THANH CHƠN tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài ngày 10-5 Canh Tuất (13-6-1970).

Song song, Đạo trưởng hành đạo tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo:

1972-1974: Trưởng Ban Liên Giao Hành Đạo

1981-1984: Ngoại Giao Vụ Phó II

1985-1988: Ngoại Giao Vụ Phó I

1989-1991: Ngoại Giao Vụ Trưởng

1992-nay: Minh Tra

Trai giới: Trưởng trai từ 1973

Đạo Pháp

Sơ Thiển: 1972

Thập Nhị Cẩm Đoạn: 1973

Nội công Hấp Khí I: 1981

Nội công Hấp Khí II: 1981

Nhị Cơ: 1976

Nhị Cơ Tiến Đạo: 1981

Tam Muội Chánh Định: 1981

THÁNH GIÁO ƠN TRÊN DẠY ĐẠO TRƯỞNG

1. NĂM 1967 ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT CHỨNG TÂM ĐẠO VÀ ĐIỂM DANH ĐẠO TRƯỞNG:

“*Hiền đệ! hãy chuyển đạt lời Tiên Huynh hôm nay đến Mai Văn Rồng và cũng là chung cho hiền đệ:*

THI

Chí tâm vì Đạo độ người đời,

1. Đạo trưởng Chí Thành.

*Cảnh tỉnh chuông vàng khắp mọi nơi,
Nhắc nhở thế nhân cơn mộng ảo,
Cũng phen giáo sĩ thuyết muôn lời.²*

Mai Văn Rông, Chí Thành – Tiên Huynh mừng cho tâm đạo của nhị hiền đệ trong công quả tự lực ấy. Hiền đệ cần tịnh dưỡng sức khỏe để tiếp nối công việc phổ huân trọng trách sắp đến khóa liên tục nơi địa phương khác nghe.”

2. Hành đạo tích cực trên cương vị Chánh Hội Trưởng Ngọc Minh Đài, năm 1970 Đạo trưởng được Đức Đại Tiên LÊ VĂN DUYỆT ban Thánh danh:

“Lão muốn thưởng ban một ân huệ để khích lệ tâm đạo tu hành của bốn đạo địa phương. Mai Văn Rông, hiền đệ nghe dạy:

THI

*Thiện chí lo toan mỗi Đạo Trời,
Thừa vâng Ngọc Sắc bút rơi rơi;
Phàm danh đổi lại nên danh Đạo,
Danh Đạo Thanh Chơn thọ phúc Trời.³*

Hiền đệ từ nay là Thanh Chơn, môn đồ của Đức Thượng Đế Chí Tôn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, phải cố vượt lên để xứng đáng một con thảo của Đức Từ Phụ nghe...”

3. Đạo sự Ngọc Minh Đài về chỉnh trang được Đức Phạm Công Tắc dạy:⁴

“Đây Tiên Huynh cũng giải quyết giùm tâm nguyện của Thanh Chơn hiền đệ. Hiền đệ nguyện để sửa sang lại Thiên Phong Đường, đó là một việc rất tốt. Hãy thi hành tùy phương tiện sở hữu của bốn đạo địa phương cũng như sự hảo tâm chư tín hữu mà xây cất cho khang trang để làm nơi phổ độ nhơn sanh. Hiền đệ củng cố lại nội bộ Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, và các em nơi Cơ Quan cũng nên lưu ý giúp đỡ mọi việc về kỹ thuật, vì đó là thí điểm của Cơ Quan.”

4. Công quả là xây nền đắp móng để bước lên

công phu, Đức ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ khen Đạo trưởng khi nhập thất tại Bát Nhã Tịnh Đường:

“Thanh Chơn nghe Bản Đạo ban ơn:

THI

*Thanh tâm mới thấy đặng huyền vi,
Chơn chất khen cho thế khó bì,
Thọ đặng đạo mầu nên vẹn giữ,
Ân lành nhờ ở đức từ bi.”⁵*

5. Dù tuổi cao nhưng Đạo trưởng cũng là hạt giống cho Cơ Đạo tương lai nên được Đức Lão Tổ ban ơn trì tụng Kinh Huỳnh Đình tại gia:⁶

“QUÁN PHÁP CHƠN TIÊN, chào mừng chư Thiên ân chư hiền đệ hiền muội. (...)

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ ban ơn cho hiền đệ Thanh Chơn được phép trì tụng Huỳnh Đình Kinh tại gia. Đây là một đặc ân giúp cho hiền đệ trong những tháng ngày còn lại tròn đầy tam công hầu có sứ mạng trong tương lai. Hiền đệ cố gắng tu luyện và trì tụng Huỳnh Đình Kinh bắt đầu từ Rằm tháng 3 cho đến Rằm tháng 6 kết thúc, phải chí tâm chí thành tập trung tu luyện, mọi việc đã có Đạt Chơn tạm thay thế.”

6. Sự phấn đấu vượt chướng ngại để tu học của Đạo trưởng được Đức ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ ban ân dạy: “Bản Đạo đến để mừng chư hiền vững niềm tin cầu đạo pháp. Tam Giáo Đạo Tổ khá để lời khen ngợi và ghi vào Tiên tịch. (...)

Thanh Chơn sẵn có tâm điển,

Bồ đề vun quén cơ duyên nảy mầm.”⁷

(...)

Và chờ ngày công thành viên mãn trở về phục lĩnh Đức Chí Tôn. Hôm nay ngày ấy đã đến và chúng ta đến đây tiễn đưa Đạo trưởng với tình cảm cảm phục, quý mến.

Cầu nguyện Đạo trưởng tiến tu nơi cõi thiêng liêng hằng sống và âm phò trợ cho huynh, đệ, tử, muội ở lại viên thành sứ mạng. Rất lòng thành kính.■

2. Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 30-10 Đinh Mùi (01-12-1967).

3. Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 10-5 Canh Tuất (13-6-1970).

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 01-10 Tân Hợi (18-11-1971).

5. Bát Nhã Tịnh Đường, Tuất thời, 21 tháng 11 Quý Sửu (15-12-1973).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 11-3 Quý Dậu.

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-6 Ất Mão.

LỚP HỌC KINH DỊCH của chúng tôi

■ DỊCH SINH NHÂN



Chúng tôi đã kết thúc hai năm học Kinh Dịch căn bản cùng chung với hai đơn vị anh em đó là Hội Thánh Truyền Giáo và Hội Thánh Minh Lý. Thoạt đầu, những tưởng đó sẽ là khoảng thời gian dài miệt mài. Nhưng thoát một cái, khi mà trí óc còn chưa kịp nhận ra đâu là lý Dịch thì ngày mãn khóa cũng đến kề bên. Tuy là thế nhưng những gì được học trong hai năm đó đã để lại trong cái kho kiến thức eo hẹp của người học đạo sơ cơ các giá trị đạo lý quý báu. Những buổi thảo luận

chung giữa các đơn vị thánh sở về các chuyên đề Dịch lý cũng đã giúp cho huynh tỷ đệ muội gắn chặt tình thân, xóa dần dị biệt và hơn hết là chúng tôi đã tạo cơ hội để hiểu rõ về nhau hơn trên con đường tu học và hành đạo.

Bế giảng lớp Dịch Kinh Căn Bản, chúng tôi được hỗ trợ bằng cách tiếp tục xây dựng nhóm học mới bằng phương pháp thảo luận Kinh Dịch trên cơ sở giáo lý Cao Đài. Lớp học quy tụ những gương mặt “ngày xưa”, phòng học “như cũ” nhưng cách học được thay đổi

rất nhiều. Giờ đây trong lớp sẽ không có giảng viên phải độc thoại làm vai trò “truyền bá” kiến thức nữa. Nếu có là sự hiện diện của một huynh, tỷ đã có “thâm niên” trong việc nghiên cứu và học Dịch để lắng nghe, hỗ trợ và gợi ý để lớp chúng tôi có thể có những bước tiến chắc chắn trong quá trình nghiên cứu hệ tư tưởng thâm diệu, tế vi nhưng cũng quảng đại, phổ quát này. Công việc học tập chủ yếu bây giờ thuộc về chúng tôi, tự tìm hiểu, tự đặt vấn đề, cùng nhau trao đổi những hiểu biết, cùng nhau thỏa thuận những mâu thuẫn, vướng mắc. Cách học này khiến não bộ của chúng tôi dù không muốn cũng phải “vận động liên tục” như cái cách “bất tức” vậy!

Lớp học mới chỉ mới có vài ba hôm, lúc đầu có vẻ chúng tôi chưa quen với cách “tự thân vận động” này. Lý do cũng bởi cái nhìn về nghĩa lý Dịch học của chúng tôi đúng thiệt là hạn chế, thêm phần Hán học của chúng tôi cũng không phải là đủ để thông đạt lý lẽ của văn tự Dịch Kinh. Thế nên, đôi khi chúng tôi chỉ tạm

dùng ở chỗ thảo luận từ vựng. Song điều đó cũng mang lại những giá trị tương xứng với tầm vóc và khả năng của mình. Tự khuyến khích rằng chúng sanh căn trí vốn vô lượng...thì mình có “lượng” nào ráng xài “lượng” đó!

Các huynh tử đệ giờ cũng khuyên chúng tôi rằng học Dịch thì không nên vội vàng chi hết. Phải ráng học cho hiểu được cái căn cơ nguyên ủy của lý Dịch, đồng thời kết hợp với giáo lý Cao Đài để hiểu sâu sắc hơn Thiên ý. Quả thật, việc đó có lý! Chúng tôi cũng dần dần cảm nhận được sự hiểu biết về nội dung giáo lý về mặt giáo luận hơn thông qua việc phân tích các bài Thánh giáo của các Đấng Thiêng Liêng giảng dạy. Đúng như lời dạy “Học tu nhiều dầu dổ cũng hay.”

Đường như lớp học này của chúng tôi sẽ không bao giờ đến hồi kết thúc. Họa chăng chúng tôi tự ý ngưng lại giữa đường vì trăm ngàn cơ sự! Kiến thức Dịch học quả là vô cùng, càng nghiệm càng thấy thẳm. Giáo lý Cao Đài cũng chung một cách như thế nên chẳng biết đến bao giờ mới tận tri lẽ Dịch và lý Đạo. Hèn nào vào những phút cuối đời, Đức Khổng Thánh còn tiếc nuối phải chi còn sống thêm thì sẽ tiếp tục học Dịch! Thôi thì ráng thêm tí nữa như câu: “Quân tử dĩ tự cường bất tức” những mong đến ngày rành rẽ được đôi phần Đạo học thâm uyên!■



ĂN CHAY

MỘT LIỆU PHÁP TRỊ BỆNH

■ CHÍ THẬT

Ngày nay, vấn đề ăn chay đã trở thành phổ biến trong mọi tầng lớp trong xã hội, như là một phương pháp dưỡng sinh hiệu nghiệm để trị bệnh. Các nghiên cứu của các nhà khoa học đã xác định trong rau củ quả có đầy đủ chất bổ dưỡng như đậu nành có chất đạm thực vật rất cao không kém gì đạm động vật. Ngoài ra, đậu nành cung cấp và giúp hấp thụ canxi tốt.

Trong bài viết này xin thuật lại câu chuyện có thật do chính đương sự kể lại nhân dịp về thăm quê hương.

Đạo huynh Lê Chí Thiện là con trai thứ năm của đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí, hiện đang sinh sống tại Gansemarkt 632052 Herford Cộng Hòa Liên Bang Đức, là đạo hữu nhập môn tại Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, giữ thập trai.

Vào trung tuần tháng 7 năm 2007, đạo huynh bị chấn thương đầu gối chân phải trong khi đá bóng. Sau đó, vết thương làm cho sưng cả chân phải từ đầu gối xuống tận bàn chân, đau nhức khó tả, đồng thời gây ảnh hưởng đến công việc rất nhiều. Qua chẩn đoán, bệnh nhân bị rạn xương khớp gối.

Để chữa trị, bác sĩ phải rút nước từ vùng chấn thương, cứ hai tuần rút một lần, mỗi lần rút khoảng 200cc nước, kết hợp với uống thuốc giảm đau. Sau 3 tháng điều trị, kết quả không khả quan. Bác sĩ buộc phải tiến hành phẫu thuật vì sợ để lâu sẽ làm ảnh hưởng đến sự đi lại của bệnh nhân.

Thực hiện các thủ tục xong, bác sĩ hẹn bệnh nhân hai tuần sau trở lại bệnh viện để giải phẫu. Tuy nhiên, đúng thời điểm quan trọng mang tính quyết định, người bác sĩ gây mê bị bệnh

nên không đi làm được. Bác sĩ trực tiếp điều trị phải nói lời xin lỗi bệnh nhân và dời ca phẫu thuật lại 10 ngày sau ...

Đạo huynh Lê Chí Thiện kể lại: “Từ bệnh viện về nhà tâm trạng rất hoang mang, tại sao bác sĩ gây mê lại bị bệnh trùng khớp với ca phẫu thuật của mình, không biết sau khi phẫu thuật chân của mình có bình thường hay bị dị tật, đi đứng chạy có được không; trong thời gian phẫu thuật điều trị nghỉ dưỡng, ai sẽ thay mình giải quyết công việc thường nhật...” Bao nhiêu thứ lo toan làm đạo huynh rất bối rối.

Là một tín đồ xuất thân trong gia đình đạo Cao Đài, từ năm 1977, khi còn ở Việt Nam, Đạo huynh Chí Thiện đã khai đàn thờ Đức Cao Đài tại tư gia. Vì cuộc sống phải bôn ba xứ người để mưu sinh, định cư tại Đức từ năm 1989, năm 2001 bảo lãnh gia đình vợ con sang đoàn tụ, Đạo huynh Chí Thiện lúc nào cũng hướng tâm tưởng về Thầy, về Đạo. Đạo huynh đã thỉnh Thiên Nhân từ quê nhà, lập Thiên bàn trang nghiêm thờ cúng tại tư gia. Tuy ở xa quê nhà, không có điều kiện tu học hành đạo thường xuyên như đạo hữu ở Việt Nam, nhưng mỗi ngày vẫn cúng thời đều đặn sau giờ làm việc. Do vậy, trong cuộc sống hàng ngày, lúc nào Đạo huynh cũng hướng lòng về Đức Cao Đài với một niềm tin của đứa con, tin vào cha mẹ là tàn cây

bóng mát, là lá chắn che chở cho các con những lúc khó khăn, những hồi nguy biến.

Từ bệnh viện về, việc làm đầu tiên là đạo huynh Chí Thiện tắm gội tinh khiết, bảo người nhà sắm các lễ phẩm và hành lễ cầu nguyện trước Thiên bàn. Sau khi cầu nguyện tại Thiên bàn, đạo huynh Chí Thiện bước sang bàn thờ thân mẫu là cố đạo tử Ngọc Ý (thọ Thiên ân Ngọc Tâm Thánh Nương) cầu xin mẹ hộ trì cho thuyền giảm bệnh tật.

Sau lễ cầu nguyện đạo huynh, Chí Thiện bắt đầu ăn chay liên tục, trong tuần lễ đầu tiên kết quả thấy rõ, vùng chấn thương không còn thấy đau nhức và không phù nề như thời gian trước. Không những vậy mà còn cảm thấy trong cơ thể rất nhẹ nhàng thoải mái, làm việc hiệu quả hơn, thấy vậy huynh Chí Thiện quyết định ăn chay luôn, được 3 tháng, thì cảm giác không còn đau nhức, nói chung là chấn thương đã hoàn toàn bình phục.

Thấy kết quả đến bất ngờ như thế, thay vì đứng 10 ngày trở lại bệnh viện phẫu thuật theo lịch hẹn của bác sĩ, huynh Chí Thiện gọi điện thoại báo với bác sĩ xin được suy nghĩ lại về ca phẫu thuật.

Ba tháng sau khi ăn chay, huynh Chí Thiện trở lại bệnh viện trước sự ngạc nhiên của các bác sĩ người Đức. Họ hỏi: “Ai đã điều trị và làm phẫu thuật cho anh?” Huynh Chí Thiện trả lời:

“Không có ai điều trị hay phẫu thuật, bằng chứng là chân phải của tôi liền lạc không có vết mổ nào hết.” Bác sĩ hỏi tiếp: “Anh làm thế nào mà bình phục nhanh vậy?” Huynh Chí Thiện trả lời ngắn gọn: “Tôi ăn kiêng, chỉ ăn rau củ quả.” Bác sĩ không tin vào điều đó và nói: “Trong cơ thể của anh bắt buộc phải có chất đạm động vật.” Kể từ đó, đạo huynh Chí Thiện ăn chay cho tới ngày hôm nay, nếu theo thời gian tính khoảng 3 năm từ 2007 – 2010.

Lời tự thuật trên cho phép chúng ta nhận định, đây là một sự kiện có thật, người thật việc cũng thật, để tăng thêm lòng tin với tất cả chư đạo hữu, không phải ngẫu nhiên, Đức Cao Đài dạy chư môn đệ muốn chính thức trở thành người tín đồ Cao Đài tối thiểu phải ăn chay 6 ngày, từng bước tiến lên 10 ngày và tiến đến trường chay.

Tuân lời dạy của Ôn Trên, những lời giáo huấn của các Đấng đều đem lại lợi ích cho chúng sanh, chỉ tại chúng ta thực hành chưa đúng mức, làm sao thấy được kết quả thực tại.

Kết quả của việc ăn chay đã giúp người bạn đạo chúng ta giải được một nghiệp thân thấy trước mắt, khỏi phải phẫu thuật đau đớn và những di chứng sau đó. Hy vọng rằng sự kiện này sẽ giúp quý huynh tử tăng thêm đức tin và đặt trọn lòng tin vào Đức Thượng Đế Cao Đài. Ngài sẽ dìu dắt chúng ta vượt qua mọi chướng ngại của thế giới nhĩ nguyên nhiều nghiệp quả.■

■ LÃNG TỬ TIÊN DU

Vừa đó đã xa cảnh ồn ào,
Nay về cảnh thật chốn tiêu dao,
Rượu chưa cần uống đà say khướt,
Tinh chữa có khêu bỗng dưng trào.



CẦN THƠ ký sự

Một chuyến hành trình về miền Tây đến hai thánh sở, Tòa Thánh Long Châu và Thánh thất Chiếu Minh Ấn Giáo, dự hai buổi lễ liên tiếp thắm đậm hương vị ngọt ngào của tình đồng đạo cùng chung một Đấng Cha Trời.. Xin ghi lại đây những dòng ký sự.

Đến Long Châu dự hai lễ, Đạo một Thầy huynh đệ tỏ tình thâm

Bốn giờ sáng sớm, chiếc xe mới toanh khởi hành từ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chở chín (09) người bắt đầu hành trình về Cần Thơ. Địa điểm đầu tiên là Long Châu Tòa Thánh, lễ Tri Ân Chư Vị Tiền Khai Hội

Thánh và lễ Đón Nhận Hiến Chương Nhiệm Kỳ IV. Buổi lễ được gói gọn trong khoảng 2 tiếng đồng hồ với sự tham dự của các Hội Thánh Cao Đài anh em như: Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Ban Chính Đạo, Hội Thánh Truyền Giáo, Hội Thánh Bạch Y, Cao Đài Chơn Lý... cùng với các thánh thất, thánh tịnh, nhà đàn và đương nhiên là có cả phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Trong không gian của Thiên Phong Đường còn xây dựng dang dở là tình đạo thiêng liêng và niềm hân hoan vì đạo sự hanh thông, suôn sẻ. Bên cạnh đó chư vị chức sắc, chức việc ở Hội Thánh Long Châu đã bày

tỏ sự vui mừng phấn khởi vì lần đầu tiên tại Tòa Thánh đã khai giảng và bế giảng mỹ mãn lớp giáo lý dành cho chức sắc chức việc hành đạo. Khóa học là sự hợp tác giữa Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý và chư chức sắc Hội Thánh Long Châu.

Trong niềm vui chung đó, phái đoàn Cơ Quan cũng gửi tặng nhiều món quà ý nghĩa cho Hội Thánh phục vụ sự tu học và hành đạo tại Tòa Thánh như máy vi tính, kinh sách. Thật là một dấu hiệu mừng cho tương lai của cơ Đạo, khi các nơi hiệp tác cùng nhau trên đường tu học và hành đạo!

Như một thông lệ mang nét văn hóa Cao Đài, buổi lễ

khép lại để bắt đầu mở tiệc chay thân mật. Tuy phòng trừ tại Tòa Thánh không hiện đại và tiện nghi nhưng thức ăn thì ngon và hàm chứa đầy ấp tình nghĩa. Việc này có thể cảm nhận khi nhìn thấy tận mắt lúc trừ phòng đang làm việc..

Nói là nét văn hóa của người Cao Đài vì đây là lúc tạm gác qua những nguyên tắc trang trọng lễ nghi của buổi lễ, để nhường chỗ cho sự thân mật chuyện trò vui vẻ. Dù lễ lớn hay nhỏ, thì lúc nào tiệc chay vẫn là thời gian cho thâm tình được bày tỏ trên những gương mặt dù quen thuộc hay xa lạ. Mỗi lúc liên giao hành đạo như thế luôn là gạch nối thâm tình của chư đạo hữu gần xa và cả bà con xóm giềng. Đôi khi, lại thấy vui vui khi nói ăn tiệc chay thế này cũng là hành đạo, cũng là công quả!

Khi tiệc đã tàn đến giờ phải ra về, những cái bắt tay, những lời chào tạm biệt và hẹn hò cho lần gặp sau càng làm cho tình đạo bồi đắp thêm lên. Ở cổng Tòa Thánh, Anh Lớn ở Hội Thánh Truyền Giáo cũng đang chào Anh Lớn ở Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên. Nhìn cảnh Anh Lớn Thiện Lạc (Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên) đi chiếc gắn máy cũ kỹ đến dự lễ chẳng ai biết Anh Lớn đã quá tuổi trung niên nhiều năm rồi. Trong khi Anh Lớn ở Hội Thánh Truyền Giáo với dáng vẻ tiên phong đạo cốt cũng cho thấy tuổi tác hẳn đã cao nhưng

không quản đường xá xa xôi đến nơi dự lễ để thể hiện tinh thần đồng Đạo, đồng Thầy. Cứ thấy cảnh này, hẳn ai cũng cảm nhận được tinh thần hiệp hòa đang dần đi lên.

Phái đoàn ghé chốn thiền lâm, tâm tiên tịnh giãc ồm chăm cảnh tiên!

Rời Tòa Thánh Long Châu, phái đoàn Cơ Quan về nhà riêng của anh Bạch Đằng¹. Cái ấn tượng đầu tiên của ngôi nhà riêng này là phong cách tiên gia được phần lớn các huynh tỷ trong đoàn cảm nhận. Lối vào lát gạch đơn sơ đi qua lớp đất bùn do nước mưa để lại. Mấy tàn cây rộng. Vài khóm hoa lan. Một cái ao hơi to. Một căn nhà không nhỏ. Mấy bụi tre xanh mướt. Một dòng sông yên ả. Tất cả và sự thanh tịnh làm nên một không gian vô cùng nho nhã. Lúc đến nơi anh Hai Bạch Đằng đã gom một đồng lá tre vàng đốt lửa để hun khói cho bớt muỗi. Khói mờ nhẹ tỏa ra khắp sân vườn. Cái cảnh phiêu bồng thế lại càng nên tình hữu ý. Chỉ có thể thốt lên: Tuyệt!

Quả thật khó để có một nơi ở nửa cảnh tục, nửa phần tiên giới như vậy! Hiền huynh Huệ Ý chợt thốt lên: “Nơi này nên gọi là Trúc Lâm Thiền thất!” Vài sự đồng tình lao xao thành tiếng hòa với âm thanh xào

xạc của tiếng gió khua đám tre xanh. Cảm hứng không ngừng nghỉ tuôn trào lai láng và hệ quả là nhiều hình ảnh đã được ghi lại những mong chờ tương chừng không thể có!

Ở trong không gian thanh thoát như thế khiến các học trò tiên chợt nhận ra giá trị vô song của cảnh trần mà không còn vương mùi tục lụy! Mọi người nhân đó ngộ ý với chủ nhà sớm biến tư gia thành tịnh thất để đến mùa tu, các thiền sinh tụ hội về mượn cảnh tục vị tiên nhằm nhập lòng trong tiên giới! Câu chuyện vui vẻ đó làm nô nức mọi người. Anh Hai Bạch Đằng cũng tỏ tâm nguyện khi nói về tu học pháp môn Thiền tông. Xem như Tiên gia đàm đạo với Thiền gia vậy!

Trời đã về chiều, cả đoàn cùng nhau đến viếng Đạo trưởng Đạt Chơn² đang nằm điều trị tại bệnh viện đa khoa Cần Thơ. Đạo trưởng rất vui nghe lời thăm hỏi của mọi người. Trước lúc già từ, hiền huynh Huệ Ý đại diện phái đoàn chúc đạo trưởng sớm phục hồi sức khỏe.

Trước khi trở về Trúc Lâm Thiền thất, phái đoàn ghé bến Ninh Kiều để ngắm cảnh hoàng hôn trên sông. Bầu trời nhiều mây xám, chiều trên Bến Ninh Kiều quả thật đẹp. Cả đoàn ngồi hóng gió sông mát rượi, uống nước xả hơi

1. Tên gọi trong gia đình dành cho anh hai của hiền huynh Huệ Trang

2. Đạo trưởng Đạt Chơn là thân phụ của hiền huynh Đức Nhẫn.



HIỄN HUYNH GIÁO SĨ HUỆ Ý ĐẠI DIỆN CƠ QUAN GỬI QUÀ CHÚC MỪNG ĐẾN ĐẠI DIỆN HỘI THÁNH LONG CHÂU.



TIỆC CHAY THÂN MẬT, AI CŨNG VUI VẺ.



HAI ANH LỚN Ở HAI HỘI THÁNH CHÀO TẠM BIỆT TRƯỚC CHÁNH MÔN TÒA THÁNH LONG CHÂU.

trong vài mươi phút rồi lại lên xe quay về nhà anh hai Bạch Đằng.

Về đến nơi, trời sắp tối. Huynh Huệ Ý trước đó đã được quý huynh ở Thánh tịnh Thiên Trước “xí phần” hộ tống về chùa để thuyết minh giáo lý. Phải nói rằng quý đạo hữu Thiên

Trước rất biết tận dụng thời gian và hoàn cảnh để tu học. Quý thay lòng ham tu ham học của đạo hữu Thiên Trước!

Phái đoàn về đến nhà thì cơm đã được dọn lên bàn. Thực khách lại được thêm một buổi chay thanh tịnh giữa khung cảnh đầy thi vị. Rau tại vườn có sẵn. Gió chiều vi vu nhẹ thổi. Buổi ăn tối từ từ diễn tiến với những câu chuyện đời đạo vòng vo dẫn dắt tâm trạng con người đến với nhau thân tình cởi mở

Đêm đến. Gió lạnh hơn. Mọi người bắt đầu về giường nghỉ ngơi. Cũng vài câu chuyện về đường đời, đường tu trước khi ngủ. Hai người chọn nằm võng để được ngủ cùng với hàng tre, chậu cây và gió khuya mà không hề bị muỗi đốt!

Trời tờ mờ sáng, giữa không gian còn dày đặc màn sương, tiếng gà gáy như thúc giục phái đoàn thức dậy chuẩn bị chongày liên giao hành đạo thứ hai.

Ẩn Giáo Chiếu Minh hầu chuyện, Huệ Ý huynh giải thích thuyết quê xưa

Chia tay với gia đình anh hai Bạch Đằng và Trúc Lâm Thiên thất trong tiềm thể, phái đoàn lên đường đến Chiếu Minh Ẩn Giáo để tham dự lễ Kỷ niệm ngày An Vị ngôi thờ tự này. Trên đường đi, phái đoàn điểm tâm tại một quán chay gần Tổ Đình Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi. Các món chay ở đây ngon và đậm đà mà giá rẻ! Khi đã yên ổn cái bao tử, xe chở mọi người thẳng tiến Ẩn Giáo.

Chiếu Minh Ẩn Giáo là ngôi thờ tự do Đức Hồng Đức Chơn Tiên xây dựng, và con cháu họ Võ tiếp nối chung tay bảo tồn, gìn giữ. Những năm gần đây, với mong muốn phát triển cơ Đạo, Chiếu Minh Ẩn Giáo đã quy về Hội Thánh Long Châu và trở thành Thánh tịnh Chiếu Minh Ẩn Giáo. Câu chuyện lịch sử hần còn dài và nhiều thử thách.

Thánh tịnh còn đơn sơ. Ban Cai Quản đang từng bước phục hồi phát triển cơ Đạo với tâm Đạo chí thành. Việc thuyết minh giáo lý được

Ban Cai quản quan tâm đưa vào trong các buổi lễ của Thánh sở. Lần này, đạo huynh Huệ Ý là người nhận công quả thuyết trình đề tài “Về Quê Cũ.”

Đây là lễ kỷ niệm 36 năm ngày thành lập Chiếu Minh Ẩn Giáo, có sự tham dự của đại diện Hội Thánh Chiếu Minh Long Châu và Phật giáo Hòa Hảo. Đề tài thuyết minh giáo lý thật ý nghĩa. Buổi lễ càng thêm đậm đà lý Đạo khi hiền tỷ Diệu Huyền hát tặng hội trường một bài vọng cổ Hà Nội 60 năm mùa đạo và bài Giọt Tình Thương. Một số quan khách đã cảm nhận được đạo lý thông qua lời bài hát và chất giọng ngọt ngào truyền cảm của đạo tỷ. Như vậy, trong buổi lễ hôm đó, quan khách đã được thưởng thức hai món ăn tinh thần. Cả hai món ăn này đều được khen ngợi. Thiệt vui!

Buổi lễ tại Thánh tịnh Chiếu Minh Ẩn Giáo khép lại theo một trình tự mang màu sắc truyền thống Cao Đài với sự tiếp tục của một tiệc chay thân mật. Những món ăn tinh thần và vật chất đầy ý nghĩa hiệp nhau làm nên một giá trị rất riêng của người Cao Đài, văn hóa Cao Đài. Để ghi nhận những giờ phút tốt đẹp đó, quý Ban Cai Quản Thánh tịnh Chiếu Minh Ẩn Giáo cùng phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã chụp một tấm hình lưu niệm trước điện thờ.

Trời chùng đã quá buổi trưa, Chia tay Cai Quản tiễn đưa phái đoàn

Chuyến hành đạo hai ngày đã trôi qua nhanh chóng. Nhưng nhờ có những giây phút chân tình bên nhau mà mọi người có cơ hội hiểu nhau, vui vẻ chia sẻ với nhau nhiều hơn. Như vậy, mỗi một lần liên giao hành đạo là một lần tình đạo lại lớn lên, huynh đệ lại hiểu nhau nhiều hơn. Dẫu rằng trong chốn vô thường thì không chi là hằng hữu. Cơ đạo hẫu còn đó một đoạn đường dài nhiều cam go và thử thách. Những dịp để huynh đệ trùng phùng là lúc để nối kết duyên lành tâm đạo, tạo một tình thương đầy đó để vun đắp cội cây nhân hòa.

Tiến phái đoàn Cơ Quan ra xe. Có nhiều lưu

luyến hứa hẹn trùng phùng. Nhiều kế hoạch hành đạo được vạch ra. Những mong muốn được thêm nhân sự chia sẻ đạo sự, nâng cao đức tin, trau dồi giáo lý, kế hoạch hành sự. Mong cho nhiều năm tới cũng thuận lợi, hanh thông như năm nay.

Xe về tới Cơ Quan trước thời Dậu. Mọi người vui vẻ tiếp tục đạo sự cúng tịnh và việc khác. Trước mắt hãy còn nhiều chuyện, nhiều việc nên tạm quên những giờ phút an lạc, tình cảm vừa trôi qua.

Cầu nguyện Thầy Mẹ ban bố Hồng Ân cho đoàn người áo trắng Cao Đài luôn tinh tấn, mạnh khỏe trên đường liên giao hành đạo ngày càng mở rộng thâm tình đạo hữu keo sơn.■



PHÁI ĐOÀN CƠ QUAN VÀ BAN CAI QUẢN THÁNH TỊNH CHIẾU MINH ẨN GIÁO.



HUYNH HUỆ Ý THUYẾT MINH GIÁO LÝ ĐỀ VỀ QUÊ CŨ.

ƠN THIÊN TRIỆU (QUỶ DỮ VỀ NHÀ THỜ)

■ TRÚC AN

Quyển “Ơn Thiên Triệu – Quỷ dữ về nhà thờ” ghi lại một câu chuyện có thật về chị Nguyễn Thị Chưa – một người ngoại đạo đã bị ma quỷ quấy phá, hành hạ nặng nề cả thể xác lẫn tinh thần trong một thời gian khá lâu và đã được cứu thoát sau khi nhận lãnh Bí tích Rửa tội (lễ nhập môn đối với Cao Đài). Quyển sách đã cho người đọc những cảm xúc dạt dào về tấm lòng cao quý của một Giáo lý viên, cô Madalena Hồ Kim Chi, người đã nguyện dâng hiến đời mình cho Chúa, là tác giả của quyển sách này, cũng là người đã dẫn quỷ về nhà thờ.

Cô Hồ Kim Chi là con cả trong một gia đình Công giáo nghèo đông anh em (15 anh chị em) ở tại Sài Gòn. Mặc dù vừa học vừa làm để phụ giúp gia đình, cô vẫn phấn đấu học tập không ngừng, say mê điện ảnh, học làm thầy thuốc và chuẩn bị du học Pháp. Nhưng, như lời cô nói “gió muốn thổi đâu thì thổi”, hay nói dễ hiểu hơn, theo Thánh ý Thiên Chúa, cô lại đặt chân vào giảng đường Sư phạm để

trở thành một giáo viên về nhận công tác tại một ngôi trường ở huyện Ba Tri – Bến Tre xa xôi, nơi cô sẽ thực hiện sứ mạng tông đồ mà Chúa đã ban trao.

Và ngày định mệnh cũng đến, tại Ba Tri cô gặp chị Chưa lúc ấy đang bị quỷ nhập xác. Cô đã dẫn chị Chưa về nhà thờ Cái Bông – Giồng Tre với hy vọng chữa được bệnh cho chị.

Chị Chưa bắt đầu bị quỷ nhập từ năm 5 tuổi, thường ở nơi mồ mả, ăn bùn đất, thả nổi người bất động trên sông... Chị làm rất nhiều chuyện quái dị, chửi bới, phá phách khủng khiếp, không ai làm gì được chị, xiềng xích, bỏ tù...thậm chí bắn chết chị cũng không được. Ai cũng sợ hãi, xa lánh chị, kể cả gia đình. Nhưng khi quỷ xuất ra chị vẫn tỉnh táo như một người bình thường.

Với tình cảnh ấy, cô Kim Chi vô cùng vất vả để đưa chị về nhà thờ chờ Rửa tội. Cứ mỗi lần quỷ nhập lại phá phách người dân, làm mất trật tự an ninh xã hội. Cô phải đối mặt với sự xua đuổi của bốn đạo,

của người dân, sự nghi ngờ từ chính quyền địa phương, thành kiến từ Phòng Giáo dục, sự phản đối từ gia đình, và với sức khỏe dần yếu đi do lao lực vì phải canh giữ chị Chưa và ròng rã 5 năm đạp xe đi về gần 30 cây số mỗi ngày từ nhà thờ đến trường học.

Đói nghèo, không nơi trú ngụ, bệnh tật và cả cái chết gần kề nhưng con người nhỏ bé ấy vẫn quyết tâm “thà chết để Thánh ý Chúa nên trọn”, cô kiên trì chịu đựng tất cả, mà điều đau đớn nhất chính là gia đình.

Khi hay tin cô bệnh, gia đình đã xuống Bến Tre đưa cô về chữa trị, nhưng cứ xuất viện cô lại đi, đi để làm việc cho Chúa. Tuy nhiên, gia đình không hiểu thành ý của cô, họ cho rằng cô bị ma quỷ mê hoặc lầm đường lạc lối, họ ra sức giữ cô ở lại với tất cả tình cốt nhục thâm sâu. Khuyên nhủ không xong, cha cô bức tức đánh đập. Mẹ cô tan nát cõi lòng, đau khổ dần vật vờ hỏi con mình đi đúng hay sai đường công chính. Họ khóa cửa nhốt cô

suốt 3 tháng ròng. Sau cùng họ nói nếu con vì Chúa hãy cạo trọc đầu trả tóc lại cho cha mẹ. Nhưng với cô giờ đây “Thiên Chúa có thể đòi hỏi bất cứ điều gì nơi tôi kể cả sinh mạng này, tôi cũng không từ nan, huống là một mớ tóc quăn kia. Hơn nữa, đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng của đời tôi, xuống tóc khấn hứa với Chúa đi tu suốt đời.”

Cha mẹ cô đã khóc, khóc nhiều lắm, đứa con đầu lòng với bao nhiêu kỳ vọng, họ mong cô ở lại chờ ngày cha mẹ chết rồi hãy ra đi. Cô vẫn quyết lòng từ bỏ tất cả “Đến lúc cha mẹ chết thì con đã già nua. Mà của lễ dâng cho Thiên Chúa phải là tuổi thanh xuân, tràn đầy sức sống, đầy nhiệt huyết của con, chứ không phải là của lễ già nua cằn cỗi. Hơn nữa, Ông Chúa không đợi chờ ai và sẽ qua đi theo thời gian không bao giờ trở lại, nếu ta không mau mắn đáp lời mời gọi của Thiên Chúa” và “Thế gian đã lao nhọc trong việc tìm kiếm mỏ vàng, ngọc báu, uranium, dầu hỏa... nhưng ở đây, con lao công tìm kiếm các linh hồn quý trọng hơn tất cả những thứ ấy... thì sao con không được phép làm?” Chính vì vậy, cô cho rằng nơi nào cần cô thì cô đến, mà nơi cần là nơi Tin Mừng chưa được biết đến, còn nhiều linh hồn chưa nhận biết được Thiên Chúa là Cha, nơi công

cuộc truyền giáo còn hạn hẹp, nơi dốt nghèo bệnh tật khổ hẻo lánh xa xôi.

Và rồi, với cái đầu trọc, cô đã lên ra khỏi nhà, tiếp tục công việc chữa bệnh cho chị Chua và làm vinh danh Chúa. Cô gọi đó là hy sinh tất cả, ra khơi của Biển tình ái Thiên Chúa, để thuộc trọn về Thiên Chúa và thực thi Thánh ý Ngài. Bỏ mặc sau lưng tất cả sự chế giễu, khinh chê và hiểu lầm, cô ra đi nhưng không cô đơn, cô đã đi cùng Chúa và bên cô luôn có Đức Mẹ Maria chở che, bảo bọc và an ủi cô với một tình mẫu tử tha thiết đậm đà. Bất cứ khi nào cô cầu khẩn, Đức Chúa và Đức Trinh Nữ Maria cũng luôn yêu thương giúp đỡ cô từ những việc nhỏ nhặt nhất.

Khi chị Chua bị quỷ nhập trốn đi mất, dù không định hướng được, cô vẫn vừa đi tìm vừa cầu nguyện, và hầu như lần nào cũng tìm được chị. Khi quỷ toan giết cô, và khi cô bệnh đến sắp chết, Chúa cũng bảo vệ cô. Khi cô bị họ đạo xua đuổi Chúa lại giúp cô nhà ở. Khi cô không đủ sức đạp xe 30 cây số để tiếp tục đi dạy, Chúa lại khiến cô được chuyển công tác về gần nhà thờ... Cô đã để Chúa sáng chói trong tâm hồn mình và sống trong niềm hoan lạc ấy dù bên ngoài là vạn trùng khó khăn đau khổ. Với cô, đau khổ là con đường để cô đi đến gần Chúa hơn, trở nên giống Chúa hơn, và thanh luyện để trở thành công cụ vừa tầm tay

của Chúa hơn. Thế nhưng cô vẫn khiêm nhường cho rằng mình chỉ là một công cụ vụng về, khiếm khuyết.

Trước đây, năm 1975, cô nhiều lần xin tu Dòng kín Carmel Sài Gòn, sau đó là dòng Saint Paul Sài Gòn, nhưng tất cả đều thất bại. Năm 1979, cô gặp chị Chua với sứ mạng Thiêng Liêng đặt định. Trải bao nhiêu thử thách, với chừng ấy tâm thành, người con yêu của Chúa đã được Đức Chúa Cha công nhận và đón về dưới mái nhà chung. Năm 1982, cô được vào tu Dòng Thừa Sai Bác Ái trong tình yêu trọn vẹn dành cho Chúa.

Đến đây có một câu hỏi đặt ra trong đầu: quỷ đã được trừ khử như thế nào? Quỷ đã nói khi nhập vào xác chị Chua: “Quỷ là ta, muốn trừ được ta phải sạch tội, vì khi các người đang mắc trọng tội, các người đang ở dưới quyền lực của ta, thì làm sao các người xua trừ được quỷ là ta?” Và Chúa cũng nói, bằng một âm thanh diệu kỳ khi cô Kim Chi lúng túng đối diện với quỷ “Con hãy xưng tội.” Như vậy, rửa tội là để trong sạch thân tâm, có như vậy mới mong trừ được quỷ. Mặt khác, khi cô Kim Chi cầu nguyện và đọc bài kinh Magnificat (bài kinh về Đức Mẹ Maria) và kinh Kính Mừng, quỷ vô cùng khiếp sợ. Hai bài kinh đó như một câu thần chú đặc biệt, cũng như câu niệm Danh Thầy đối với Cao Đài.

Nhưng có một điều đáng sợ hơn (theo Đạo Muội), mà quyển “Ôn Thiên Triệu” có đề cập đến, đó là trạng thái Quỷ ám, quỷ không nhập vào xác và linh hồn chúng ta, nhưng “tinh thần quỷ dữ” xâm nhập vào tâm trí ta, ám ảnh chúng ta, ta dễ trở nên mù quáng, dễ dàng nghe theo những lời quyến rũ mà làm những điều sai trái, gian ác... Đó là xảo kế tinh vi của quỷ, thông thường ít ai để ý tới. Chúng cám dỗ ta bất cứ lúc nào, nơi nào, bất kể là ai, khi ta nghỉ ngơi, hay khi đang chăm chú làm việc, và ngay cả lúc cầu nguyện... Mọi cám dỗ của chúng đều nhắm vào những điểm yếu của ta. Chính vì vậy, ta phải luôn cảnh giác khi chúng chưa đến, và chiến đấu đến cùng trong và cả sau khi bị cám dỗ. Với một con người hoàn hảo, tất cả những thử thách chỉ thoáng qua, vì tâm hồn bình yên, thanh thản sẽ luôn chiến thắng dễ dàng.

Cô Hồ Kim Chi đã nói “Hãy nhớ: càng trở nên hoàn hảo, chúng ta càng dễ tự vệ.”

Trở lại với chúng ta, những con người sẽ bước đi trên con đường chỉ hướng của cô giáo lý viên ấy, Đạo Muội nghĩ cũng như cô, không thể một mình chiến đấu với quỷ dữ nếu không có sức mạnh siêu nhiên. Vì thế, mình phải “sửa mình trong sạch” để Thầy ngự vào mà dìu dắt mình vượt qua những khó khăn thử thách, có trừ được ma quỷ nơi chính mình, mới mong xua được ma quỷ nơi người. Nhưng, tất cả mới chỉ là lý thuyết, và tất cả những lý thuyết đó không dễ gì thực hiện được. Do vậy, như cô Kim Chi, và như quý tiền bối, quý huynh tỷ đi trước, mình phải luôn luôn cầu nguyện, để ngày càng gần các Đấng Thiêng Liêng hơn, để nương vào sức mạnh siêu nhiên đó lướt thắng mọi cám dỗ của ma quỷ.

Điều cuối cùng, với Ôn Thiên

Triệu, có lẽ có thể trả lời được phần nào câu hỏi của Đức Cao Triệu “Các em sanh ra để làm gì?” và “Hiển dâng những gì? Hiển dâng để làm gì?” Tác giả đã cho người đọc cảm nhận được ngọn lửa hùng hực cháy trong “Ôn Thiên Triệu” với từng dòng, từng chữ trong quyển sách mô tả được tất cả những khó khăn, thử thách mà cô đã trải qua, để sống trong ý chí mãnh liệt, để tin yêu các Đấng Hằng Sống và để tiếp thêm ngọn lửa nhiệt huyết đang bùng cháy trong tim mình.

Xin nguyện cầu cho tất cả chúng ta, qua quá trình tôi luyện, sẽ là những khí cụ yêu thương vừa tầm tay của Đức Chí Tôn.

“Hỡi Tu sĩ khoác màu áo trắng

Cánh chim hồng xinh xắn tung bay

Giữ đừng nhuộm nét trần ai

Rèn lòng sửa tánh, hôm mai

chớ rời.”■



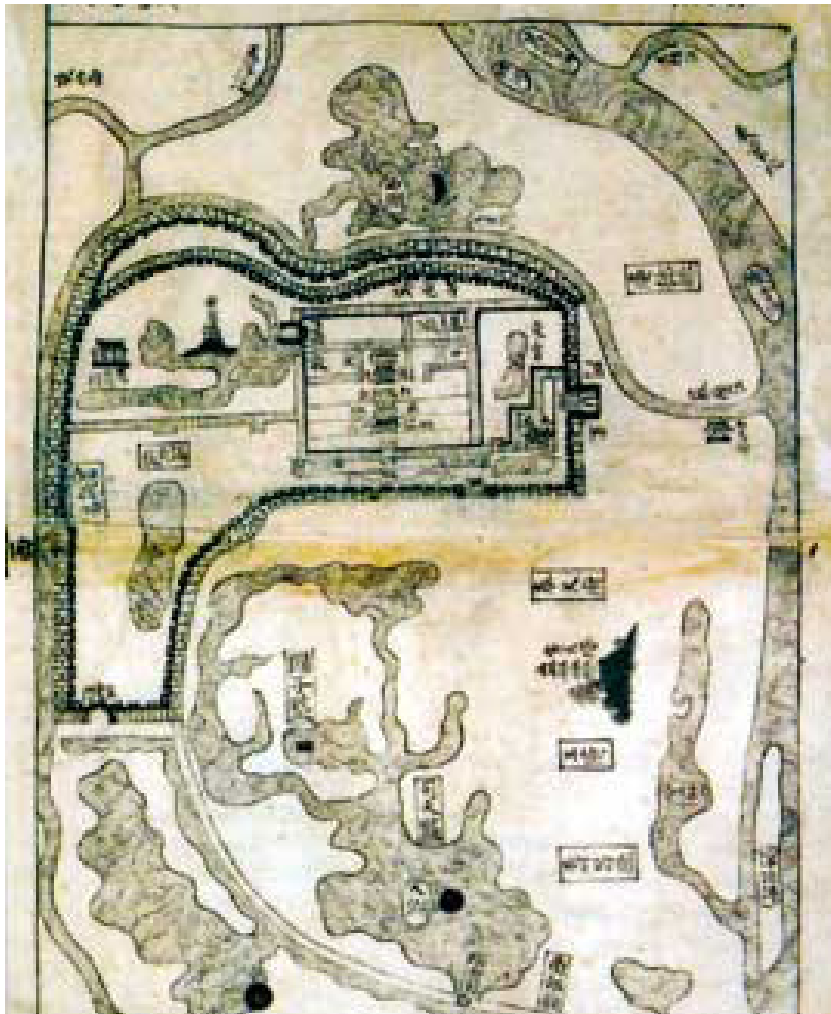
THÁNH GIÁO

Hỡi các em! Các em phải nhận thức trách nhiệm của mình. Hãy nhìn thẳng vào hoàn cảnh để cương quyết bắt tay vào việc hoằng giáo độ đời. Đời can qua mới rõ tay bình định, lúc loạn ly mới xuất hiện nhân tài. Tu không phải chán đời ẩn dật, tu bắt buộc phải mạnh dạn đi vào đời. Chỗ nào tối, người Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý thấp ngọn đuốc sáng. Chỗ nào hầm hố chông gai, có người Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý kiên dũng đem đạo đức đến san bằng. Chỗ nào lạnh lùng băng giá, người Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý đem tình thương Thượng Đế đến sưởi hâm ấm áp. Chỗ nào nóng bức, có người Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý đem tình nhân loại đến dập tắt dịu dàng. Cái bốn phận thiêng liêng, người Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý không thể từ chối được.

■ ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NGỌC MINH ĐÀI, 29-12 BÍNH NGỌ (08-02-1967).

TÌM HIỂU DI TÍCH HOÀNG THÀNH THĂNG LONG

■ BẠCH MAI (SƯU TẦM VÀ BIÊN SOẠN)



Bản đồ Thăng Long thời Hồng Đức (1490)

VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ ĐỊNH ĐÔ VÀ KIẾN TẠO HOÀNG THÀNH THĂNG LONG

Lý Công Uẩn lên ngôi vua, sáng lập vương triều Lý (1009–1225) tại kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình) ngày 2–11 Kỷ Dậu (21–11–1009). Tháng 7 mùa thu năm 1010, nhà vua dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi tên là

Thăng Long. Ngay trong mùa thu năm đó, nhà Lý đã khẩn trương xây dựng một số cung điện làm nơi ở và làm việc của vua, triều đình và hoàng gia. Trung tâm là điện Càn Nguyên, nơi thiết triều của nhà vua, hai bên có điện Tập Hiền và Giảng Võ, phía sau là điện Long An, Long Thụy làm nơi

vua nghỉ. Đến cuối năm 1010, 8 điện 3 cung đã hoàn thành. Những năm sau, một số cung điện và chùa tháp được xây dựng thêm. Một vòng thành bao quanh các cung điện cũng được xây đắp trong năm đầu, gọi là Long Thành hay Phượng Thành. Đó chính là Hoàng Thành theo cách gọi phổ biến về sau này. Thành đắp bằng đất, phía ngoài có hào, mở 4 cửa: Tường Phù ở phía đông, Quảng Phúc ở phía tây, Đại Hưng ở phía nam, Diệu Đức ở phía bắc. Tuy còn những ý kiến khác nhau, nhưng căn cứ vào sử liệu và di tích còn lại, có thể xác định cửa Tường Phù mở ra phía Chợ Đông và khu phố buôn bán tập nập của phường Giang Khẩu và đền Bạch Mã. Cửa Quảng Phúc mở ra phía chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) và chợ Tây Nhai (chợ Ngọc Hà). Cửa Đại Hưng ở khoảng gần Cửa Nam hiện nay. Cửa Diệu Đức nhìn ra trước sông Tô Lịch, khoảng đường Phan Đình Phùng hiện nay. Trong Long Thành có một khu vực được đặc biệt bảo vệ gọi là Cấm Thành là nơi ở và nghỉ ngơi của vua và hoàng gia. Trong đời Lý, các kiến trúc trong Hoàng Thành còn

qua nhiều lần tu sửa và xây dựng thêm.

Long Thành và Cẩm Thành là trung tâm chính trị của Kinh Thành. Phía ngoài, cùng với một số cung điện và chùa tháp là khu vực cư trú, buôn bán, làm ăn của dân chúng gồm các bến chợ, phố phường và thôn trại nông nghiệp. Một vòng thành bao bọc toàn bộ khu vực này bắt đầu được xây đắp từ năm 1014, gọi là thành Đại La hay La Thành.

Vòng thành này vừa làm chức năng thành lũy bảo vệ, vừa là đê ngăn lũ lụt. Thành được đắp mới và có tận dụng, tu bổ một phần thành Đại La cũ đời Đường. Thành Đại La phía đông chạy dọc theo hữu ngạn sông Nhị như một đoạn đê của sông này từ Bến Nứa đến Ô Đống Mác, phía bắc dựa theo hữu ngạn sông Tô Lịch phía nam Hồ Tây từ Bưởi đến Hàng Buồm ngày nay, phía tây theo tả ngạn sông Tô Lịch từ Bưởi đến Ô Cầu Giấy, phía nam theo sông Kim Ngưu qua Giảng Võ, Ô Chợ Dừa, Ô Cầu Dền, đến Ô Đống Mác. Thành Đại La đời Lý mở các cửa: Triều Đông (đốc Hòe Nhại), Tây Dương (Cầu Giấy), Trường Quảng (Ô Chợ Dừa), Cửa Nam (Ô Cầu Dền), Vạn Xuân (Ô Đống Mác). Thành Đại La được bao bọc mặt ngoài bởi ba con sông: sông Nhị, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu và được tận dụng như những con hào tự nhiên. Một đặc

điểm nổi bật của cảnh quan thiên nhiên của thành Thăng Long là nhiều sông hồ. Có thể nói Thăng Long – Hà Nội là một thành phố sông–hồ và ngay từ khi kiến lập, nhà Lý đã biết tận dụng địa thế tự nhiên này trong qui hoạch xây dựng nhằm biến những sông, hồ đó thành những con hào tự nhiên, những giao thông đường thủy tiện lợi và một hệ thống thoát nước, điều tiết môi trường, bảo vệ sinh thái. Vì vậy mặt bằng các vòng thành Thăng Long không coi trọng tính kỷ hà, đối xứng, vuông vắn mà uốn mình theo địa hình, thích nghi và tận dụng điều kiện thiên nhiên.

Trong những biến loạn cuối đời Lý, Hoàng Thành bị tàn phá nặng nề. Sau khi thành lập, nhà Trần phải đắp lại thành, xây lại các cung điện, nhưng vị trí, qui mô của Hoàng Thành, thường gọi là Long Phượng Thành, không thay đổi.

Thời Lê sơ, Hoàng Thành nhiều lần được tu bổ và mở rộng thêm mà trung tâm điểm là điện Kính Thiên dựng năm 1428, xây lại năm 1465 với lan can bằng đá chạm rồng năm 1467 nay vẫn còn trong thành Hà Nội. Năm Hồng Đức thứ 21 (1490), vua Lê Thánh Tông định bản đồ cả nước gồm 13 thừa tuyên và phủ Trung Đô tức thành Đông Kinh thời Lê sơ. Tập Bản đồ Hồng Đức còn lại đến nay đã qua nhiều lần sao chép lại về sau, nhưng

vẫn là tập bản đồ xưa nhất của nước Đại Việt, trong đó có bản đồ thành Đông Kinh. Qua bản đồ này, có thể hình dung được qui mô và cấu trúc của Hoàng Thành và Cẩm Thành của thành Thăng Long thế kỷ xv cùng một số cung điện đương thời.

Sang thời Nguyễn, thành Hà Nội do vua Gia Long xây năm 1805 theo kiểu Vauban không những hạ thấp độ cao mà còn thu nhỏ về qui mô so với Hoàng Thành của Thăng Long xưa. Tuy nhiên trục trung tâm Đuan Môn – Kính Thiên của Hoàng Thành Thăng Long thời Lê vẫn không thay đổi và trên trục này thêm Cột Cờ, Cửa Bắc thời Nguyễn.

PHÁT LỘ DI TÍCH HOÀNG THÀNH THĂNG LONG

Theo Luật di sản văn hoá, trước khi thực hiện dự án xây dựng Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình, trên khu vực nằm giữa các đường phố Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ, Độc Lập, Bắc Sơn, Chính phủ cho phép Viện Khảo cổ học tiến hành khai quật trên diện rộng. Từ tháng 12/2002 đến nay, đã khai quật trên diện tích hơn 19.000m². Đây là quy mô khai quật khảo cổ học lớn nhất ở Việt Nam và cũng vào loại lớn nhất ở Đông Nam Á. Từ đó đã phát lộ một phức hệ di tích – di vật rất phong phú, đa dạng từ thành Đại La (thế kỷ VII-IX) đến thành Thăng Long (thế kỷ

XL-XVIII) và thành Hà Nội (thế kỷ XIX).

Trên cơ sở phát hiện khảo cổ học này, các nhà khảo cổ học còn phải dành nhiều thời gian để chỉnh lý hiện vật và hoàn chỉnh hồ sơ khoa học về các di tích, di vật. Về phương diện khoa học, các nhà khoa học thuộc nhiều chuyên ngành liên quan như khảo cổ học, sử học, kiến trúc, văn hoá, địa lý, địa chất, môi trường,... cũng cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, thảo luận hàng loạt vấn đề như cảnh quan tự nhiên, cấu tạo của các sông, hồ, quan hệ giữa các lớp đất; tên gọi, chức năng, niên đại của các di tích kiến trúc; cấu trúc của khu di tích và sự biến đổi qua các thời kỳ lịch sử; phân loại và xác định nguồn gốc, niên đại các di vật. Vì vậy không có gì ngạc nhiên, trong một vài hội thảo khoa học hay trên báo chí, xuất hiện một số ý kiến khác nhau về những vấn đề khoa học cụ thể này. Tuy nhiên, trên tổng thể đã có đủ cơ sở khoa học để đưa ra những đánh giá khái quát về giá trị lịch sử văn hoá của khu di tích đã phát hiện.

Khu vực khai quật hiện nay nằm về phía tây của điện Kính Thiên trong Hoàng Thành thời Lê sơ. Rõ ràng đây là di tích của một phần phía tây Hoàng Thành Thăng Long thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê Trung Hưng thế kỷ XI-XVIII, ngược lên thành Đại La thế kỷ VII-IX và kéo dài đến thành Hà Nội

thế kỷ XIX. Khu di tích bộc lộ một bề dày lịch sử từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIX gồm thời tiền Thăng Long, thời Thăng Long và Hà Nội. Các di tích và tầng văn hóa chồng xếp lên nhau qua nhiều thời kỳ lịch sử một cách khá liên tục. Thật hiếm có một khu di tích lịch sử-văn hoá trải dài qua nhiều thời kỳ lịch sử như vậy giữa vùng đất trung tâm của thủ đô và cũng thật hiếm có thủ đô một nước có lịch sử lâu đời lại phát hiện một quần thể di tích chảy dài suốt bề dày lịch sử như vậy.

Các di tích kiến trúc và một khối lượng rất lớn di vật cho thấy một phần qui mô và diện mạo của Hoàng Thành cùng đời sống cung đình của vua quan, quý tộc qua các thời kỳ lịch sử. Tầng tầng lớp lớp di tích – di vật hiện lên như một bộ sử nghìn năm văn hiến của Thăng Long – Hà Nội phản

chiếu trình độ và bản sắc dân tộc của một trung tâm văn hóa lớn nhất và lâu đời nhất của đất nước.

Về phương diện lịch sử, phát hiện khảo cổ học này cung cấp nhiều cứ liệu khoa học để xác định vị trí trung tâm của thành Thăng Long – Đông Đô – Đông Kinh, để hiểu thêm mối quan hệ giữa thành Đại La với thành Thăng Long thời Lý, Trần, Lê và thành Hà Nội thời Nguyễn. Thành Đại La qua nhiều lần xây dựng, từ Tử Thành do Khâu Hoà xây năm 618 chỉ 900 bộ (khoảng 1,65km), La Thành do Trương Bá Nghi xây năm 767 rồi Triệu Xương đắp thêm năm 791, thành Đại La do Trương Chu xây năm 808 mà La Thành bên ngoài dài 2000 bộ (khoảng 3,7km) rồi Lý Nguyên Gia dời thành và Cao Biền mở rộng thêm thành 1982 trượng (khoảng 6,5km), ngoài



Extrait du plan de Hanoi en 1885.
Carte d'Enghien de H.P.A.

HÌNH VUÔNG TRÊN BẢN ĐỒ LÀ HOÀNG THÀNH HÀ NỘI TRONG BẢN ĐỒ HÀ NỘI NĂM 1885.

có đề dài 2125 trượng (khoảng 7km). Đó là toà thành có qui mô lớn nhất trong thời Bắc thuộc. Tại khu vực khai quật, đã tìm thấy dấu tích thành Đại La trên cả bốn khu A, B, C, D, chứng tỏ vùng này nằm trong thành Đại La. Bên trên dấu tích Đại La là di tích kiến trúc và các di vật thời Lý. Điều đó chứng tỏ vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư về đô cũ của Cao Vương ở thành Đại La đúng như Chiếu dời đô, đổi tên là thành Thăng Long và buổi đầu đã sử dụng toà thành này cùng một số kiến trúc có sẵn rồi sửa sang, xây dựng thêm những cung điện mới. Phạm vi của Hoàng Thành từ thời Lý, Trần sang Lê sơ thay đổi như thế nào còn phải nghiên cứu thêm, nhưng qua phát hiện khảo cổ học ở Ba Đình thì rõ ràng khu vực này là một bộ phận phía tây của Hoàng Thành xưa và không thay đổi. Hơn nữa, theo bản đồ thành Đông Kinh thời Hồng Đức thì khu vực khai quật này nằm trong phạm vi cấm thành của Hoàng Thành. Kết quả khai quật khảo cổ học kết hợp với tư liệu thư tịch và bản đồ cổ cho phép hình dung khu trung tâm của Hoàng Thành rõ nét hơn.

Phát hiện này còn cung cấp thông tin cho biết trong lòng đất Hoàng thành Thăng Long xưa còn bảo tồn nhiều di tích di vật quý. Từ đây có thể đưa ra khả năng mở rộng diện điều tra và khai quật, xây dựng quy hoạch bảo tồn một khu vực di tích lịch sử văn hoá của kinh thành Thăng Long, thành Hà Nội cổ và mở rộng đến các di tích cách mạng và kháng chiến thời đại Hồ Chí Minh như Hội trường Ba Đình, Lăng và Nhà sàn Bác Hồ, Tổng hành dinh Quân đội nhân dân Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ, Hội trường Ba Đình, kéo dài từ thế kỷ thứ VII (hi vọng có thể phát hiện những di tích, di vật sớm hơn) đến thế kỷ XX. Đây là một di sản văn hóa vô giá của dân tộc nằm giữa thủ đô Hà Nội và nếu nghiên cứu, bảo tồn tốt, có thể được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. Một di sản văn hoá như vậy sẽ tăng thêm vị thế của thủ đô Hà Nội, phát huy tác dụng sâu sắc trong giáo dục truyền thống dân tộc cũng như

trong các hoạt động giao lưu văn hoá và du lịch. Chỉ một bộ phận di sản đã được phát hiện ở Ba Đình hiện nay đã làm xúc động biết bao những người có dịp đến tham quan, chiêm ngưỡng và cả những người chỉ mới được nghe tin và xem ảnh qua các phương tiện thông tin đại chúng.

SỰ THĂNG TRẦM CỦA HOÀNG THÀNH

Tô Lịch – Nùng Sơn theo phong thủy xưa là hai biểu tượng của nước non Thăng Long – Hà Nội. Nói theo sinh thái học nhân văn thì Thăng Long – Hà Nội là một đô thị sông – hồ được bao bọc bởi một “tứ giác nước” 30km “đường đề La Thành”:

“Nhị Hà quanh bắc sang đông

Kim Ngưu, Tô Lịch là sông bên này.”

Tô Lịch tách ra khỏi Nhị Hà ở khoảng chợ Gạo, chảy qua giữa Ngõ Gạch – Hàng Buồm, luồn qua Cầu Đông – Hàng Đường – Hàng Cá – Cổng Chéo Hàng Lược, ngoằn ngoèo theo đường Quán Thánh rồi chảy xuống Thụy Khuê – Hồ Khẩu...

Kim Ngưu mở cửa vào Hồ Tây (cũng có tên khác là hồ Kim Ngưu), chảy theo chiều bắc – nam thành Ngọc Hà, dọc dài đường Ông Ích Khiêm – Lê Trực (nay là cống ngầm) luồn qua đường Cát Linh mà chảy xuống Hào Nam.

Thích nghi tối ưu – tối đa với môi trường tự nhiên sông nước trên đại thể được vạch ra tóm gọn như trên, ta dễ dàng hiểu nhà phong thủy Cao Biền (thế kỷ IX) và các nhà quy hoạch La Thành – Đại La Thành – Long Phụng Thành sẽ lấy núi Nùng làm trung điểm và các đường – vệt nước sông hồ Tô Lịch – Kim Ngưu (Ngọc Hà) làm “hào” mà đắp xây các lũy thành. Các tấm bản đồ Thăng Long thành đời Lê, tuy không vẽ theo họa pháp địa lý học tân thời, về cơ bản cũng cho ta hình dung được điều đó (trong bài này tôi xin phép được sử dụng bản đồ do PGS. TS. Ngô Đức Thọ vừa sưu tầm được trong cuốn Thiên tài nhân đàm của Đàm Nghĩa Am viết và vẽ lại năm Gia Long thứ 9–1810).

Theo “thủ chiếu” của Lý Thái Tổ thì ngài

muốn dời đô từ Hoa Lư ra “thành Đại La cổ đô của Cao Vương”. Cố nhiên Ngải và các vua kế vị về sau cũng xây dựng thêm nhiều cung điện, cầu cống.

Nhà Trần thay ngôi nhà Lý một cách hòa bình cũng sử dụng lại Hoàng thành Thăng Long và có xây dựng, sửa chữa thêm, nhất là sau những cơn binh hỏa chống Mông-Nguyên. Nhà Hồ dựng Tây Đô ở xứ Thanh, đổi tên Thăng Long thành Đông Đô và có dỡ một vài cung điện ở Thăng Long đưa vào Tây Đô. Sau 20 năm Minh thuộc và chống Minh, tháng 4-1428, Lê Lợi, người sáng nghiệp triều Lê vào yên vị ở Đông Đô (1430 đổi là Đông Kinh, nhưng cái tên tuyệt đẹp Thăng Long vẫn tồn tại dài dài). Nhà Mạc xây Dương Kinh ở quê nhà gần biển, ít xây dựng ở Đông Kinh ngoài việc đắp thêm nhiều lũy thành ở phía nam kinh thành để chống Trịnh. Thời Lê Trung Hưng, chúa Trịnh xây Vương phủ riêng bên bờ tả – hữu Vọng Hồ (Hồ Hoàn Kiếm). Vua Lê vẫn ngồi trên ngôi hư vị ở hoàng thành cũ, có đồ nát đi hơn là xây dựng thêm.

Rồi Gia Long và Minh Mạng phá Hoàng Thành cũ, xây Bắc Thành, tỉnh thành Hà Nội mới theo kiểu Vauban. Thi hào Nguyễn Du than thở:

“Thiên niên cự thất thành quan đạo
Nhất phiến tân thành một cổ cung.”

Tạm dịch:

Cung điện ngàn năm thành đường cái
Một tòa thành mới mất cung xưa.

Bà Huyện Thanh Quan hoài cổ Thăng Long Thành:

“Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.”

Nửa cuối thế kỷ XIX, Việt Nam – Hà Nội rơi vào tay thực dân Pháp. Pháp phá thành Hà Nội để xây “khu phố Tây”, khu nhà binh Pháp, sân vận động Mangin (nay là Trung tâm Thể dục thể thao quân đội)... Cái thiêng “Nùng Sơn chính khí” với tòa điện Kính Thiên xây bên trên đã bị giải thiêng.

“Kính Thiên ngai ngự thếp vàng

Tây ngội đánh chén cùng đoàn thanh lâu.”

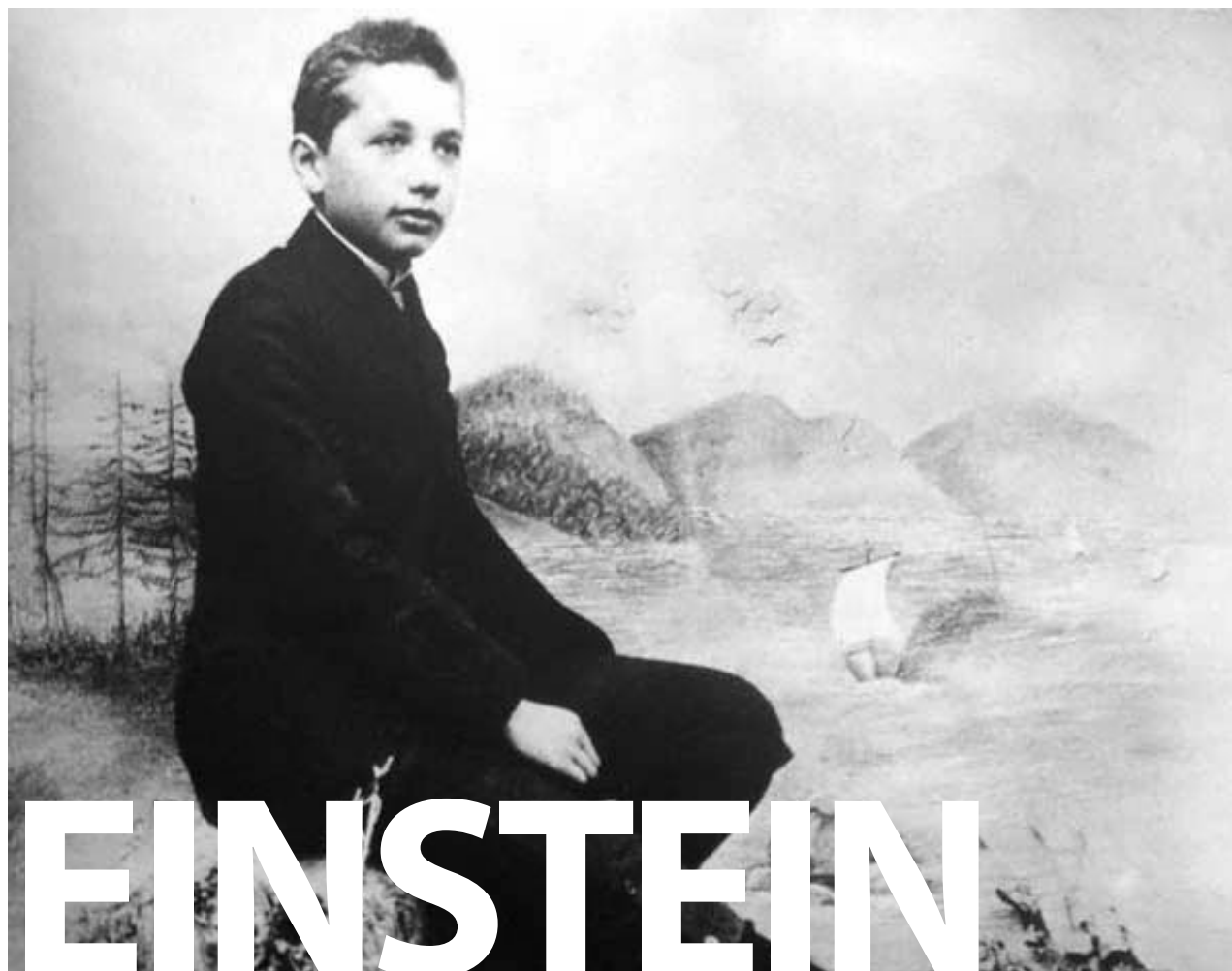
Điện Kính Thiên còn 4 bậc 9 bậc (cửu trùng) Rồng đá thời đầu Lê. “Cô Tư Hồng” đầu thầu phá thành, chỉ dùng gạch của thành cũ đã xây được vài khu phố mới ở đường Nguyễn Biểu – Đặng Dung nay, sau khi dùng phế tích lấp hồ Cổ Ngựa – cái hồ kéo dài Hồ Tây – hồ Trúc Bạch với hồ Hàng Đậu – hồ Hàng Khoai – hồ Hàng Đào nối với hồ Hoàn Kiếm qua Cầu Gỗ (cái cầu gỗ ấy năm 1901 vẫn còn – nay thì chỉ còn cái tên “Phố Cầu Gỗ”).■



DI TÍCH ĐIỆN KÍNH THIÊN HIỆN GIỜ CHỈ CÒN NỀN ĐIỆN VÀ THẨM BẬC VỚI PHÍA TRƯỚC LÀ ĐÔI RỒNG ĐÁ THỜI LÊ DÀI 5,3M CHÍN KHÚC TRONG THỂ TRÙN XUỐNG TỪ THỀM ĐIỆN, VÀ HAI BỜ THỀM BẬC TẠC MÂY LỬA VÀ HOA LÁ CÁCH ĐIỀU (TẠC NĂM 1467).



CỬA BẮC CỦA THÀNH HÀ NỘI THỜI NGUYỄN (XÂY TRÊN NỀN CỬA BẮC THỜI LÊ).



khuyến chúng ta điều gì?

■ NGỌC BIÊN (THEO PRAVDA) • VIỆT THU SƯU TÂM

Đã từ lâu, cái tên Albert Einstein luôn gợi cho người ta nhớ đến một thiên tài kiệt xuất. Ông là một nhà vật lý lý thuyết, triết học, nhà văn và hơn hết là một nhà khoa học có tầm ảnh hưởng lớn nhất mọi thời đại.

Năm 1921, Albert Einstein đã được trao giải Nobel về vật lý cho những đóng góp của ông đối với ngành vật lý lý thuyết, mà trước hết là quy luật hiệu ứng quang điện. Einstein được coi là cha đẻ của vật lý hiện đại. Ông đã cho xuất bản hơn 300 công trình khoa học và hơn 150 tác phẩm các loại khác. Dưới đây là 10 lời khuyên bổ ích mà thiên tài này đưa ra:

LUÔN TẬP TRUNG

“Tôi không có tài năng gì đặc biệt cả. Tôi đơn giản chỉ đam

mê như một kẻ tò mò.” Điều gì đánh thức tính tò mò của bạn? Tôi rất quan tâm đến nguyên nhân thành công và thất bại của con người. Chính vì vậy, tôi đã dành nhiều năm để nghiên cứu cách mà con người thành công. Còn bạn, bạn quan tâm điều gì nhất? Tính tò mò sẽ thúc đẩy bạn hướng tới thành công.

LUÔN KIÊN TRÌ

“Tôi thành công không phải vì tôi thông minh. Đó là kết quả của một quá trình lâu

dài mà tôi không bao giờ đầu hàng khi thực hiện công việc.” Chính nhờ tính kiên trì của mình mà con rùa đã chiến thắng. Bạn đã bao giờ kiên trì đến khi đạt được mục đích của mình chưa? Người ta nói rằng giá trị của bưu phẩm chính là vì cuối cùng nó luôn đến được nơi cần đến.

HÃY TẬP TRUNG VÀO HIỆN TẠI

Bố tôi nói rằng người ta không thể cuội một lúc 2 con ngựa. Tôi muốn nói rằng bạn hãy làm những gì bạn muốn, nhưng không phải tất cả đều thuận lợi. Hãy học cách tập trung vào công việc hiện tại, hãy thực sự quan tâm đến những gì bạn đang làm hiện nay. Năng lượng được tập trung sẽ tạo thành sức mạnh giúp bạn vượt qua thất bại tiến đến thành công

HÃY LUÔN TƯƠNG TƯỢNG

“Tuồng tượng là tất cả. Nó có khả năng giúp chúng ta hình dung những gì sẽ xảy ra. Tuồng tượng quan trọng hơn sự kiến thức.” Hàng ngày, bạn đã sử dụng óc tuồng tượng của mình chưa? Einstein nói rằng tuồng tượng còn quan trọng hơn cả kiến thức đấy! Trí tuồng tượng sẽ cho bạn thấy được tương lai. Có một lần, Einstein từng nói: “Trí thông minh thực sự không phải là kiến thức mà là óc tuồng tượng.”

HÃY LUÔN SỬA SAI

“Con người không bao giờ biết sửa sai thì sẽ không bao giờ biết tạo ra cái mới cả”. Đừng sợ sai. Sai lầm không phải là thất bại. Sai lầm có thể giúp bạn khá hơn, thông minh hơn và nhanh nhẹn hơn, nhưng với một điều kiện là bạn phải nhận ra sai lầm của mình. Muốn thành công, bạn hãy sai lầm nhiều hơn gấp 3 lần hiện tại!

HÃY LUÔN SỐNG VỚI HIỆN TẠI

“Tôi chưa bao giờ nghĩ về tương lai bởi vì nó sẽ đến.” Cách duy nhất để đến với tương lai là sống với hiện tại.

HÃY SỐNG CÓ Ý NGHĨA

“Hãy hướng tới những điều có ý nghĩa chứ không phải thành công.” Đừng bao giờ tiêu tốn thời gian của mình để trở thành một người thành công. Hãy làm cho cuộc đời mình trở nên có ý nghĩa. Nếu như bạn là người có ý nghĩa tức là bạn đã thành công. Hãy bộc lộ tất cả tài năng và khả năng của mình, hãy học cách sử dụng chúng! Hãy trở thành người có ý nghĩa, thành công sẽ đến với bạn!

HÃY LÀM MỚI MÌNH

Bạn không thể đạt được kết quả mới nếu bạn chỉ mãi làm một công việc tương tự từ ngày này qua tháng khác. Hãy thay đổi cuộc sống của mình. Bạn hãy

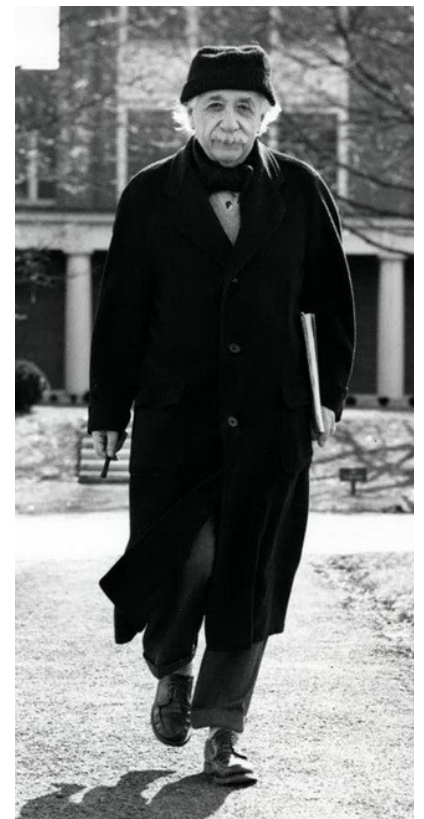
thay đổi hành động và cách tư duy để cuộc sống luôn mới mẻ.

KIẾN THỨC BẮT NGUỒN TỪ KINH NGHIỆM

“Thông tin thuần túy không phải là kiến thức. Kinh nghiệm chính là nguồn tư liệu thực sự.” Bạn có thể nghiên cứu một vấn đề rất lâu, nhưng điều đó chỉ mang lại cho bạn những khái niệm kinh viện mà thôi. Muốn hiểu được thực chất vấn đề bạn phải thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ mà vấn đề đó đặt ra. Sau khi hoàn thành công việc, bạn sẽ có được kinh nghiệm mới và đó chính là kiến thức.

HÃY NẮM ĐƯỢC QUY LUẬT VÀ CHIẾN THẮNG

“Bạn phải là người nắm được luật chơi rồi sau đó bạn mới có thể chiến thắng.” ■



PHÒNG BỆNH ALZHEIMER

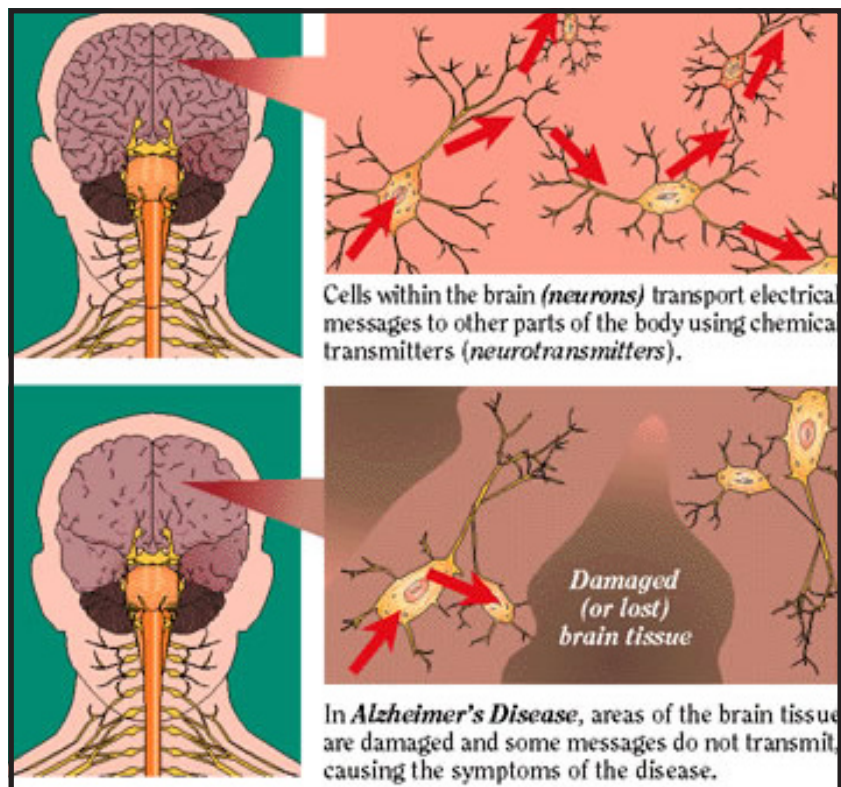
6 bước đơn giản để giữ đầu óc minh mẫn

■ BÀI VIẾT CỦA HAI BÁC SĨ MEHMET OZ VÀ MICHAEL ROIZEN
NGUYỄN MINH TÂM DỊCH THEO S.F EXAMINER

Phức tạp nhất của chính phủ cho biết rằng thuốc bổ (supplements), hay thuốc chữa bệnh không giúp gì được cả trong việc ngăn ngừa bệnh Alzheimer, tức là bệnh mất dần trí nhớ, bệnh lú lẫn. Đây là căn bệnh nhiều người già bị vướng phải, giống như trường hợp của cựu Tổng thống Ronald Reagan.

Nhưng nếu chúng ta đọc thật kỹ phức tạp của chính phủ, để ý đến những dòng chữ nhỏ, chúng ta sẽ tìm thấy được nhiều thông tin hữu ích trong việc gìn giữ những tế bào chất xám trong đầu không bị lão hoá.

Sự thực được báo cáo này đưa ra cho chúng ta thấy là không có hồ sơ chứng liệu nào cho biết thuốc chữa bệnh, hay thuốc bổ đem lại ích lợi cho việc chống lại căn bệnh quái ác này. Nhưng ngược lại, phức tạp đó lại đưa ra những bằng chứng rõ ràng là nếu chúng ta chịu khó tập thể dục, tỏ ra năng động, ăn uống lành mạnh, giữ cho áp huyết thấp để máu có thể đưa lên não dễ



dàng, chúng ta sẽ ngăn ngừa được bệnh mất trí nhớ.

Bản phức tạp không giải thích vì sao. Nhưng chúng tôi sẽ phân tích cho độc giả biết rõ: Không phải mọi hiện tượng mất dần trí nhớ— dementia— đều trở thành bệnh Alzheimer. Nhưng đầu óc của chúng ta trở nên cùn lụt khi lớn tuổi là do ảnh hưởng gộp của nhiều yếu tố khác nhau. Yếu tố chính là

óc của chúng ta không nhận đủ máu đưa lên đầu, vì mạch máu bị tắc nghẽn, hay bị hở, gọi chung là vascular dementia.. Trong cả hai trường hợp đều khiến cho trí nhớ của chúng ta trở nên yếu kém, sự suy nghĩ của chúng ta trở nên loạng quạng (fuzzy), hậu quả bởi việc óc của chúng ta không nhận đủ dưỡng khí (oxygen) và đường (blood sugar).

Nhiều bệnh nhân của căn bệnh Alzheimer không ít thì nhiều đều vướng phải tình trạng vascular dementia. Những trở ngại khi suy nghĩ mà các cụ già gặp phải phần lớn vì máu không đưa lên đầu dễ dàng. Chúng ta có thể ngăn ngừa những rắc rối này, hay sửa chữa những trục trặc đó bằng cách giữ cho mạch máu dẫn máu lưu thông lên não bộ được thông thoáng dễ dàng.

Phòng bệnh là biện pháp chúng ta nên làm sớm. Điều này có nghĩa là chúng ta cần làm những gì để giúp máu bơm lên đầu dễ dàng.

Mỗi ngày đi bộ, ít nhất 10,000 bước đi: Hoạt động thể lực giúp máu chạy đều lên óc. Phân bón tự nhiên cho não bộ chính là máu đưa lên đầu. Mỗi ngày ráng bước đi khoảng 10,000 bước chân, bằng cách này hay cách khác để máu từ tim đi lên đầu. Các nghiên cứu khoa học cho thấy các cụ già trên 65 tuổi chịu khó tập thể dục ít nhất ba lần một tuần tránh được một phần ba rủi ro vướng bệnh Alzheimer. Bạn có thể làm một trong những hoạt động sau đây tùy theo sở thích của mình: Đi bộ, Làm Vườn, hay Khiêu vũ.

Ăn thực đơn có nhiều rau và hoa quả như người Hy Lạp: Rau tươi, trái cây tươi là thức ăn chính cho bộ óc. Trong hoa quả và rau có chứa chất “flavonoids” giúp tăng cường sức mạnh cho hệ thống ngăn

ngừa độc tố. Trong một cuộc nghiên cứu nhóm đàn ông đàn bà thích ăn rau quả tươi, uống trà, cà phê, hay rượu nho, có nhiều chất flavonoids. Họ thường có não bộ hoạt động tốt hơn người không dùng rau quả tươi. Và sự suy sụp của não bộ tránh được tới 10 năm. Ngoài ra, nhiều cuộc nghiên cứu khác cho thấy mỗi tuần uống vài lần nước ép từ rau quả, sẽ giúp ngừa được 76% bệnh lú lẫn, hay mỗi ngày uống khoảng 900 mg thuốc bổ để thay thế rau, sẽ giúp tăng sự bén nhạy của trí óc, và giúp trẻ thêm được khoảng 3.5 tuổi.

Hay ăn thực đơn của dân Địa Trung Hải: ăn uống hàng ngày giống thực đơn của người Ý và người Hy Lạp, gồm có rau tươi, hạt đậu (grain), dầu olive, cá, và các loại hạt (nuts) sẽ giúp áp huyết giữ ở mức tốt.

Ăn theo kiểu dân Địa Trung Hải sẽ giúp đầu óc minh mẫn sáng suốt tránh được bệnh Alzheimer khoảng 48%.

Cương quyết từ bỏ cho não bộ, vì thế người hút thuốc lá có nhiều rủi ro bị Alzheimer hơn người không hút thuốc đến 80%.

Đừng uống rượu mạnh quá độ. Đa số những người nghiện rượu đều vướng vào bệnh Alzheimer. Đàn bà chỉ nên uống rượu tối đa mỗi ngày một ly thôi. Đàn ông được uống tới hai ly. Uống một chút rượu có lợi cho việc gìn

giữ tế bào chất xám. Nhưng uống nhiều quá lại gây nguy hại cho đầu óc, 25% người bị bệnh mất trí nhớ dính líu đến nghiện rượu.

Ráng duy trì huyết áp ổn định ở mức thấp: Huyết áp cao có thể làm cho mạch máu trên đầu bị hở hay đứt. Chính vì vậy, các chuyên gia y tế nói rằng huyết áp cao là nguyên nhân của 50% trường hợp gây ra lú lẫn, hư trí nhớ. Chúng ta hãy ráng duy trì huyết áp ở mức thấp – lý tưởng là 115/75 – bằng cách ăn uống lành mạnh, tập thể dục hàng ngày, giữ trọng lượng thân thể thấp, đừng để lên cân, béo mập. Nên theo dõi mức đường trong máu. Bệnh tiểu đường, hay thậm chí sắp sửa bị tiểu đường cũng là dấu hiệu báo trước có thể bị hở mạch máu đầu, gây ra bệnh lú lẫn. Bệnh tiểu đường dễ làm các mạch máu nhỏ bị hở, và chảy máu trong não.

Tránh đừng để bụng phệ: Vòng bụng ở tuổi trung niên to báo hiệu trước có thể bị vướng bệnh lú lẫn khi về già. Cuộc nghiên cứu theo dõi 6,000 người đưa ra kết quả cho thấy cái bụng phệ rất hại cho động mạch chính dẫn máu về tim, và máu lên đầu. Vì thế cho nên chúng ta nên cố gắng duy trì vòng bụng dưới 35 inches cho các bà, và dưới 40 inches cho các ông.

Chỉ có một bộ phận nên gìn giữ cho to lớn. Đó chính là não bộ của bạn.■

LẨU QUÊ HƯƠNG

■ BẠCH TUYẾT



Món lẩu là đỉnh cao của nghệ thuật ẩm thực của người Việt Nam mang đậm nét Quê Hương, thể hiện nét tài hoa của người chế biến, khiến nó được tôn vinh là một trong các món ăn đặc sắc được dùng trong các buổi tiệc họp mặt gia đình.

Lẩu Quê Hương là món ăn chay tổng hợp đầy đủ dinh dưỡng giàu chất đạm với các loại rau xanh từ thiên nhiên rất phong phú và đa dạng. Chúng ta có thể tìm thấy trong đĩa rau của món Lẩu Quê Hương các loại cải và bông như: Cải thìa,

cải ngồng, cải bó xôi, cải cúc [tân ô] bông điên điển, bông bí, bông hẹ, bông thiên lý, bông so đũa, bông cải xanh, v.v.

Ngoài sự đẹp mắt, ngon miệng, Lẩu Quê Hương với hương vị đậm đà của hoa đồng cỏ nội đậm nét Quê Hương còn cung cấp một lượng chất đạm và các vitamin thuần khiết cho người ăn chay đầy đủ dinh dưỡng.

LẨU CHO 10 NGƯỜI ĂN

Nguyên liệu

- 300g nấm rơm

- 200g nấm đùi gà
- 150g tàu hủ ky bó sớ
- 10 tai nấm Đông Cô
- 200g bông bí
- 100g hẹ bông
- 200g bông cải xanh
- 200g bông thiên lý
- 200g tân ô
- 200g cải ngồng
- 2 miếng đậu hủ trắng
- ½kg mì sợi (hoặc miến)
- Gia vị: hạt nêm nấm, đường, tiêu...

Cách nấu

Bắc chảo lên bếp cho ít dầu vào, cho củ hành tím bào vào xào cho hơi vàng thơm, cho nấm Đông Cô vào xào săn, kế cho nấm rơm, nấm đùi gà xắt miếng cỡ ngón tay cái, cho một ít đường, và hạt nêm, trộn đều.

Đặt nồi nước lên bếp khi sôi cho nấm đã xào vào. Khi nước sôi lại nêm nếm cho vừa ăn, kế cho đậu hủ trắng cắt miếng vuông, cho chả bó sớ vào dùng chung với mì sợi hay miến trung chín.

Trình bày

Các loại rau cải, bông sắp ra đĩa bày cho đẹp mắt, món này ăn kèm với nước mắm chay có vài lát ớt.■

ĐỜI ĐẠO HAI VAI RẮNG LIỆU LƯƠNG

(TIẾP THEO TRANG 58)

Muốn hoàn thành sứ mạng hoàng giáo độ nhơn, người hành giả phải hội đủ các phẩm chất cao quý như: lòng bao dung, đức khiêm cung, hạnh hòa ái, cộng thêm sự thương yêu, tính kiên nhẫn... những đức tính cao trọng đó sẽ tự cứu linh hồn của chúng ta, đồng thời cứu lấy chúng sanh thoát chốn mê đồ. Như thế là chúng ta đã vẹn tròn sứ mạng. Đức Chí Tôn dạy: *“Trong khi các con thi hành sứ mạng, trên phải đức độ khoan dung, dưới phải khiêm cung hòa ái, giữ đạo hạnh, rèn luyện đạo tâm, thương yêu, kiên nhẫn, tri thủ, hy sinh, hầu cứu rỗi linh hồn của con khỏi sa đọa và cứu rỗi cho mọi người. Đó là con đã hoàn thành sứ mạng.”*¹⁴

KẾT LUẬN

Là một nhân sinh tại thế, trong trường tiến hóa chung của vạn loại, thành bại hưng vong, thăng trầm bĩ thối, được mất hơn thua, sang hèn vinh nhục, dâu bể khôn lường, mấy ai tránh khỏi.

Trong thế giới nhị nguyên đối đãi, con người phải chấp nhận những nhân quả chẳng chịt, trả dút oan gia sạch nợ tiền khiên, ngõ hầu tiến hóa trên nấc thang của Tạo Hóa.

Đạo và đời, tâm linh và nhân sinh không thể tách rời nhau được. Theo giáo lý Cao Đài, tâm vật phải được bình hành, không thái quá, không bất cập, giữ được Trung Đạo, lúc nhập thế, khi xuất thế, kinh quyền đúng đạo, kinh luân đúng thời.

Qua lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, chúng ta phải tùy hoàn cảnh, điều kiện, phương tiện, sở năng sở hữu, phải tự lượng sức mình để giữ tròn bốn phận vi nhân, thực thi trách nhiệm của hàng môn đệ Cao Đài đối với nhân sanh, với Đạo.

14. Nam Thành Thánh thất, 14-02 Bính Ngọ (05-3-1966).

Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy:

*“Đời là cõi thế tạm tu thân,
Tiến hóa linh quang đến thượng tầng,
Đạo ấy không xa này nhớ lấy,
Nhớ rằng giữ kỷ thiết nguyên nhân.”*¹⁵

Đường đời vạn nẻo trăm lối ngược xuôi, cơ Đạo còn lắm điều khảo đảo. Trên đường phản bốn của mỗi chơn linh đều phải trải qua nhiều chướng ngại đang quấn lấy chúng ta. Điều kiện buộc hành giả phải trau luyện cho mình một pháp thân, một gương thần huệ, đó là đạo khí tinh ròng trong quá trình tu tâm luyện tánh. Chỉ có như thế, mới phá bỏ những chướng ngại vật đang bám chặt bao lấy con người trong cõi đời vạn hữu.

Đức Lê Đại Tiên dạy: *“Đời còn lắm cuộc đổi thay, đạo còn nhiều khảo thí. Chư hiền đệ hiền muội muốn đi cuối tận con đường trần tục này để đến quê xưa cảnh cũ, đều phải vượt nhiều chông gai hiểm trở, hầm hố bao quanh. Như vậy, chư hiền đệ hiền muội cần phải có một pháp thân vững chắc, một gương thần huệ sắc bén để róc bỏ những gai góc đang vây chặt quanh mình, làm cho mình khó trở tay trở gót.”*¹⁶

Nẻo đạo đường đời còn nhiều biến đổi chúng ta hãy đặt trọn lòng tin vào Đức Thượng Phụ Cao Đài, tất cả sẽ được an bài trong vòng tay ấm áp, trong sự che chở của Ngài.

Đức Bảo Pháp Huỳnh Chơn dạy:

*“Lòng con tin Đấng Cao Đài,
Đạo, đời Trời sẽ an bài cho con.”*¹⁷■

15. Minh Lý Thánh Hội, 03-3 Giáp Dần (26-3-1974).

16. Ngọc Minh Đài, 10-5 Canh Tuất (13-6-1970).

17. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-6 Quý Sửu (14-7-1973).

THEO•DÒNG



05-7 CD (14-8-2010) Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đến viếng linh cửu Lễ sanh Hương Nhứt, Phó Ban Cai Quản Thánh thất Long Vân (Thủ Đức) liễu đạo ngày 12-8-2010 (03-7 Canh Dần) thọ 83 tuổi. Lễ Di quan tiến hành lúc 8 giờ sáng ngày 15-8-2010 (06-8 Canh Dần), an táng tại Cự lạc Thái Bình – Tòa Thánh Tây Ninh.

07-7 CD (16-8-2010) Thánh tịnh Như Ý Linh Thần Đài (Lái Thiêu) thiết lễ kỷ niệm Đức Hồng Quân Lão Tổ với sự tham dự của Trưởng Ban đại diện Hội Thánh Tiên Thiên tại tỉnh Bình Dương và 36 Thánh sở.

09-7 CD (18-8-2010) Lễ ra mắt Ban đại diện Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên nhiệm kỳ IV

(2010-2015) tại thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài, Gò Vấp với sự tham dự của đại diện các tịnh, thất và cơ quan Đạo.

12-7 CD (21-8-2010) Thánh thất Đa Phước Cần Giuộc cử hành lễ cầu an, và mừng hoàn thành Thiên Phong đường, Đông lang, Tây lang (hình 1).

Cùng ngày, phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do Giáo sĩ Huệ Ý làm trưởng đoàn cùng Ngoại giao vụ trưởng Thiện Nguyên, nhị vị Văn hóa vụ phó Huệ Nhẫn, Đạt Tường dự lễ kỷ niệm 75 năm Khai Đạo Cao Đài tại tỉnh Quảng Nam và 40 năm khánh thành Thánh đường Quảng Nam 1970 -2010.





5



6

14-7 CD (23-8-2010) Đại hội đại biểu nhân sinh Hội Thánh Tiên Thiên nhiệm kỳ IV (2010-2015) được tiến hành Tại Tòa Thánh Châu Minh Bến Tre do Anh Lớn Trưởng Ban Thường Trực Chánh Phối Sư Thượng Bảy Thanh chủ trì.

15-7 CD (28-8-2010) Đại diện Cơ Quan tham dự Lễ an vị Thánh tượng Thiên Nhân tại Thánh thất Giồng Riềng.

20-7 CD (29-8-2010) Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Ban Khuyến học (1990-2010) tại Họ Đạo Trung Nghĩa - Bà Rịa.

23-8 CD (30-8-2010) Lễ Lạc thành tam đài Thánh tịnh Hiền Thiện Võ (Tiền Giang).

28-7 CD (6-9-2010) Đại hội Đại biểu Ban Qui Ước đạo Cao Đài Thành phố Cần Thơ lần thứ v,

nhiệm kỳ 2010-2015 và kỷ niệm 20 năm thành lập Ban Qui Ước 1991-2010 tại Tổ Đình Chiếu Minh Tam Thanh Cần Thơ (hình 2).

01-8 CD (8-9-2010) Thánh thất Nhơn Hương (thuộc Hội Thánh Tam Quan) đại hội nhơn sanh nhiệm kỳ III.

03-8 CD (10-9-2010) Giáo sĩ Huệ Ý hướng dẫn phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đến Thánh thất Bàu Sen viếng linh cửu cụ bà Nguyễn thị Do, thân mẫu đạo huynh Đạt Tịnh, Chánh Hội trưởng Thánh thất Bàu Sen qui thiên ngày 08-9-2010 (01-8 Canh Dần).

08-8 CD (15-9-2010) Lễ khánh thành Thánh tịnh Chiếu Minh Bình Dương cử hành long trọng với sự chứng dự của đại diện các Thánh



7



8



9



10

sở thuộc thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Phú Quốc, Cần Thơ (hình 3).

10-8 CD (17-9-2010) Minh Lý Thánh Hội và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ĐĐ thảo luận Kinh Dịch, quả Bát tuần Ly tại Tam Tông Miếu.

14 & 15-8 CD (21-9-2010) Đại diện Cơ Quan dự Đại lễ kỷ niệm Vía Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu lần 75 tại Tòa Thánh Ngọc Kinh, Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý (Mông Thọ - Rạch Giá). dịp này, quyền Văn hóa vụ trưởng Hồng Phúc được mời thuyết giảng đề tài: “Người tín đồ Cao Đài” (hình 4).

18-8 CD (25-9-2010) Thánh thất Long Vân Thủ Đức thiết lễ Vía Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (hình 5).

Cùng ngày, Lễ kỷ niệm tái thiết Thánh tịnh Cao Đài Tự (Thất Sơn) trùng dụng lễ kỷ niệm Vía Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ

Phổ Độ được long trọng tổ chức với sự tham dự đông đảo của đại diện Hội Thánh và các đơn vị tịnh, thất, ở thành phố Hồ Chí Minh và miền Tây.

21-8 CD (28-9-2010) Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn tổ chức Lễ tiếp nhận tư cách pháp nhân với thành phần Ban Cai Quản nhiệm kỳ I (2010 -2015) (hình 6).

23-8 CD (30-9-2010) Thánh thất Nam Thành cử hành Đại lễ Khai Tịch Đạo lần 86. Đông đảo đại diện tín đồ các Hội Thánh và tịnh thất về dự. Quyền Văn Hóa Vụ Trưởng Hồng Phúc được mời thuyết minh giáo lý đề tài: “Nguyên nhân Đức Thượng Đế Khai đạo Cao Đài tại Việt Nam” (hình 7).

27-8 CD (4-10-2010) Đại lễ kỷ niệm Đức Khổng Thánh Tiên Sư được tổ chức trang nghiêm tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài. Đạo muội Diệu Huyền được mời ngâm Thánh giáo (hình 8).



11



12

3-9 CD (10-10-2010) Thánh thất Vĩnh Hòa (Gò Công Đông) tổ chức lễ kỷ niệm ngày quy thiên của Đức Ngọc Đầu Sư (Ngọc Lịch Nguyệt). Giáo sĩ Hoàng Mai, Chánh hội trưởng Vĩnh Nguyên Tự được mời phát biểu.

14-9 CD (21-10-2010) Lễ liên giao Thánh tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc trùng tụng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập được tổ chức trang trọng trước sự hiện diện tham gia của đại diện 60 đơn vị tịnh thất. Trong buổi lễ, Giáo sĩ Kim Dung được mời thuyết trình đề tài “Vén màn vô minh” (hình 9).

17-9 CD (24-10-2010) Thánh thất Tân Định tổ chức Đại hội nhân sanh nhiệm kỳ III 2010-2015 (hình 10).

19-9 CD (26-10-2010) Thánh thất Minh Tân Cao Tiên Đàn thiết lễ kỷ niệm chu niên lần 42 trùng tụng lễ Vía Đức Quan Âm Bồ Tát (hình 11).

26-9 CD (02-11-2010) Hội Thánh Chiếu Minh Long Châu Hậu Giang tổ chức Lễ kỷ niệm chư Tiên bối quá vãng và tiếp nhận quyết định công nhận danh sách Ban thường trực nhiệm kỳ (2010-2015) của Hội Thánh (hình 12).

27-9 CD (03-11-2010) Lễ kỷ niệm 36 năm tái thiết Thánh tịnh Chiếu Minh Ấn Giáo (Cần Thơ). Giáo sĩ Huệ Ý được mời thuyết trình đề tài “Về quê cũ”. Nhân dịp này, phái đoàn Cơ Quan đã ghé bệnh viện Thành phố Cần Thơ thăm đạo huynh Chuồng Nghiêm Pháp Quân Đạt Chơn bị bệnh đang điều trị.

NỮ CHUNG HÒA GIAO LƯU HỌC TẬP THÁNH GIÁO

THANH TỊNH ĐÀN, 14-7-CANH DẦN (23-8-2010) Bài 4, quyển Lòng Từ Mẫu, giáo sĩ Kim Dung bình giảng.

VĨNH NGUYỄN TỰ, 03-9 CD (10-10-2010) Bài 9, quyển I, Nữ Chung Hòa thời kỳ sơ khởi. Bình giảng: đạo tỷ Thủy Tuyền, Tổng thư ký Nữ Chung Hòa.

THÁNH TỊNH NGỌC MINH ĐÀI, 15-9 CD (22-10-2010) Bài 11, quyển Thánh giáo Ất Tỵ, quyển Văn hóa vụ trưởng Hồng Phúc bình giảng.

THÁNH THẤT LIÊN HOA CỬU CUNG, MÙNG 1-10 CD (6-11-2010) Bài 5, quyển Lòng Từ mẫu, do giáo sĩ Kim Dung bình giảng.

THÁNH TỊNH BỒNG LAI, MÙNG 9-10 CD (14-11-2010) Bài 12, quyển Thánh giáo Ất Tỵ, do giáo sĩ Thanh Bình bình giảng.■

CHÚ THÍCH

Hình 1. Anh lớn Tám Lãnh thuyết minh giáo lý trong buổi lễ tại Thánh thất Đa Phước, Cần Giuộc.

Hình 2. Ban chủ tọa Đại hội Đại biểu Ban Quy ước tại Tổ đình Chiếu Minh Tam Thanh, thành phố Cần Thơ.

Hình 3. Thuyết trình viên trình bày “Quá trình hình thành và phát triển Thánh tịnh Chiếu Minh Bình Dương”.

Hình 4. Chị lớn Phối sư Ngọc Tiếp Hương đọc diễn văn khai mạc tại Tòa Thánh Ngọc Kinh, Rạch Giá.

Hình 5. Đại diện chùa Từ Quang tặng hoa quả chúc mừng Thánh thất Long Vân, Thủ Đức.

Hình 6. Ban cai quản Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn, Long An ra mắt hội nghị.

Hình 7. Đại lễ Khai tịch Đạo diễn ra trong ngôi Nam Thành Thánh thất đang xây dựng tại quận 1.

Hình 8. Đạo tỷ Phó Cai quản Giáo hữu Hương Viện (Thanh Nhã) cảm tạ quan khách đến dự lễ tại Minh Kiến Đài, Gò Vấp.

Hình 9. Ca đoàn Huỳnh Quang Sắc trình diễn nhạc đạo trong Lễ liên giao tại quận 8.

Hình 10. Tân Ban cai quản nhiệm kỳ III (2010-2015) trong Đại hội nhân sanh tại Thánh thất Tân Định, quận 1.

Hình 11. Quang cảnh Thánh thất Minh Tân Cao Tiên Đàn trước giờ hành lễ.

Hình 12. Chị lớn Chánh Phối sư Thượng Duyên Hương nhận lẵng hoa của Thánh thất Từ Vân – chúc mừng lễ đón nhận quyết định công nhận nhân sự Ban thường trực Hội Thánh Chiếu Minh Long Châu nhiệm kỳ III.■